

Sông Lam

SỐ 10 (THÁNG 1+2 / 2021)

HỘI LIÊN HIỆP VĂN HỌC NGHỆ THUẬT NGHỆ AN

TẠP CHÍ SÔNG LAM - SỐ 10 (THÁNG 1+2 / 2021)



CHÀO

Tân Sửu



Cầu an (bột màu) - HOÀNG MINH PHƯƠNG



Lên chùa (bột màu) - HẢI THO



Khát vọng (khắc gỗ) - HỒ THIẾT TRINH



Uống rượu cần (bột màu giấy đỏ) - TRỌNG HIỆP



Mưa rừng (sơn dầu) - BÀ SIÊU



Thư Sông Lam

Đã âm dần trong mưa bụi hơi gió nồng nàn của mùa Xuân.

Đã rạo rực sau thân cành dòng nhựa ứ suốt mùa Đông thức bừng bao mầm xanh tươi mới.

Đã náo nức ngõ quê, phố phường những bước chân mơ nổi đoàn viên...

Tết. Tết về. Ai không xao động bởi cái âm thanh ấy? Cái âm thanh của kỷ ức, của tuổi thơ, của sum vầy, mơ ước, hẹn hò, của suy tư, chiêm nghiệm...

Sông Lam, với mong mỏi sẽ đem đến những cảm xúc ấy trong số mừng Xuân Tân Sửu này như một món quà dành tặng bạn đọc yêu quý.

Ấn phẩm đặc biệt này cũng dành để chào mừng Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng với rất nhiều đợi trông, hy vọng...

Để mùa Xuân luôn mang đến niềm tin về sự khởi đầu - "là cả một mùa xanh" (Nguyễn Bính).

BBT TẠP CHÍ SÔNG LAM

**ĐẠI HỘI ĐẢNG THÀNH CÔNG, ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC, XÂY CƠ ĐỒ TƯƠNG LAI TƯƠI SÁNG
TOÀN DÂN VIỆT ĐOÀN KẾT, ĐỀ CAO TRÁCH NHIỆM, NẮM VẬN HỘI PHÁT TRIỂN VỮNG BỀN
(VÕ ĐÌNH LIÊN)**

Sông Lam

Số 10 (Tháng 1+2 / 2021)

- Tổng Biên tập:
PHẠM THÙY VINH
- Thư ký tòa soạn:
ĐÀM QUỲNH NGỌC

• Tòa soạn:
Số 06, Đào Tấn, TP. Vinh, Nghệ An
ĐT: (0238) 3.833.261 / 3.599.018
Email: tapchisonglam@gmail.com
Website: vanngheghean.vn
Tài khoản: 3713.0.1068208.00000
Kho bạc Nhà nước tỉnh Nghệ An

Giấy phép hoạt động báo chí số:
525/GP-BTTTT ngày 02/12/2019.
In tại Công ty CP In Nghệ An - 216
Trần Phú, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An

Giá: 39.000 đ

MỤC LỤC

■ NHÂN VẬT VÀ ĐỐI THOẠI

PHÙNG NGUYỄN (thực hiện):
Trung tướng, AHLLVTND Nguyễn Quốc Thước: “Dòng máu Lạc Hồng
chảy trong huyết quản người Việt Nam không bao giờ thay đổi”5

■ THỜI LUẬN

NGUYỄN KHẮC AN Những từ khóa của cuộc sống11

■ TIẾNG NÓI VĂN NGHỆ SỸ

BÙI SỸ HOA Nhà văn và... chuyển đổi số.....14

■ KÝ

VĂN HIỂN Nhớ tết Lào năm ấy16

MINH THÚ Xuân về nơi bình minh đến muộn19

HỒ ANH THÁI Bác, anh và hàng xóm24

TRẦN HỮU VINH Nhớ về một phiên chợ.....31

■ TRUYỆN NGẮN

QUỲNH LÂM Một người cộng sản.....34

Y BAN Chị Quy42

HỮU PHƯƠNG Cài lại cúc áo46

ĐỨC BAN Rừng xanh thăm thẳm.....56

HỮU VI Hai chiếc áo sơ mi trong bữa cơm tất niên65

■ THƠ & NHẠC

VĂN CÔNG HÙNG: Thảo phím giao thừa (tr. 72) • THẠCH QUỲ: Những dấu
vết xa xăm (tr. 72) • TÙNG BÁCH: Khoảng lặng (tr. 72) • LÊ QUỐC HÂN:
Đóa vô thường (tr. 73) • TRẦN QUANG QUÝ: Họa mi hát (tr. 73) • VÂN
ANH: Nhớ cụ Nguyễn Du (tr. 74) • NGUYỄN VĂN HÙNG: Thơ Kiều thuộc
tuổi chín mười (tr. 74) • NGUYỄN THÚY QUỲNH: Buổi chiều cuối cùng
(tr. 75) • HỒ PHI PHÚC: Nguyễn Trọng Tạo (tr. 75) • HỒ MẬU THANH:
Hình như có một chút mình (tr. 76) • DƯƠNG TIẾN NGỌC: Đêm Ba mươi
(tr. 76) • TRẦN THU HÀ: Rối một ngày (tr. 77) • NGÔ ĐỨC HÀNH: Tết xưa
ở quê nghèo (tr. 78) • PHAN TÌNH: Nụ Xuân (tr. 78) • XUÂN GIANG: Về với
mẹ (tr. 79) • BÙI VIỆT PHƯƠNG: Ngày cuối năm (tr. 79) • TRẦN THẮNG:
Tĩnh lặng mong manh (tr. 79) • NGUYỄN HOA: Chùm thơ hai câu (tr. 80) •
ĐINH HÀ: Vọng tết (tr. 80) • TÚ QUYÊN: Đi chợ cuối năm (tr. 81) • ĐẶNG
PHI KHANH: Xuân (tr. 81) • NGUYỄN NGỌC CƯỜNG: Nếu (tr. 81) • ĐÀM
CHU VẤN: Mối (tr. 82) • PHAN QUỐC BÌNH: Bất chợt Xuân (tr. 82) • ĐÀO
MINH SƠN: Giá như (tr. 82) • ĐẬU PHI NAM: Viết trong ngày giỗ mẹ (tr. 83)
• NGUYỄN VIỆT LỢI: Qua núi Pù-Ông (tr. 83) • PHAN THÚC ĐỊNH: Hương
tết (tr. 83) • TRƯƠNG QUANG THÚ: Cầu duyên (tr. 84) • CẨM THẠCH: Lốp
học tình thương nơi biên cương (tr. 84) • TRẦN HUYỀN NGHIÊM: Cây đa
đỉnh núi (tr. 84) • VÕ VÂN: Xuân chớm (tr. 85) • PHẠM THU HẰNG: Mùa
anh ngang em là những ngày giông gió (tr. 85) • TRƯƠNG ANH TÚ: Lời ru
mùa Xuân (tr. 85) • VÂN KHÁNH: Phố (tr. 86) • PHỐ MÙA BAY: Hồn Xuân
(tr. 86) • NGUYỄN ĐĂNG VIỆT: Kiều... (tr. 87) • HUY LINH: Ngày xưa (tr. 87)
• LÃNG HỒNG QUANG: Rượu giao thừa (tr. 88) • HỒ KHẢI HOÀN: Một nửa
(tr. 88) • VĂN THẾ: Tuổi trẻ vào Xuân (tr. 89) • CẨM THẠCH - VŨ TIẾN VINH:
Khăn piêu xuống núi (tr. 90)

■ TẢN VẤN

BÌNH NGUYỄN Chợ quê và tết91

HỒ HUY	Mái đình tha hương.....	93
VÕ VĂN HẢI	Làng cũ, tết xưa.....	95
ĐẶNG KHẮC THẮNG	Tết không order	101
■ ĐẤT NGHỆ - NGƯỜI NGHỆ		
NGUYỄN HUY KHUYẾN	Vua Minh Mệnh ngự giá Nghệ An thi ân cho dân năm 1821	103
MINH TRÍ	Trịnh Văn Ngắn: hào hoa và nghiệt ngã.....	105
■ CÁC EM VIẾT - VIẾT CHO CÁC EM		
VÕ THU HƯƠNG	Ông Bụt đã đến.....	112
HẢI MY	Mây tạo hình	113
TRÚC LÊ	Chú em lính đảo Trường Sa	114
NGUYỄN TRỌNG TUẤT	Vũ trụ	114
TRẦN VĂN LỢI	Niềm vui ngày Xuân của Nghệ	114
VÕ DƯƠNG	Gọi mùa Xuân sang	114
■ KÝ SỰ NHÂN VẬT		
T.Q	Một nhà văn xứ Nghệ sâu sắc, bản lĩnh, khiêm nhường.....	115
■ CHUYỆN LÀNG VĂN		
ĐÀO TAM TÍNH	Nguyễn Tài Đại người sáng tác nhiều câu đối mừng Xuân đón tết.....	119
■ NGHIÊN CỨU PHÊ BÌNH		
QUỲNH THƠ	Thơ tình.....	122
BÙI VIỆT THẮNG	Những tia sáng màu hồng	124
BÙI NHƯ HẢI	Đọc sách Đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng và lý luận, thực tiễn nghệ thuật.....	127
■ TRAO ĐỔI		
INRASARA	Suy nghĩ về việc tiếp thu triết học phương Tây ở Việt Nam.....	133
■ VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI		
KATE CHOPIN	Người phụ nữ đáng kính	137
■ MỸ THUẬT: NGUYỄN ĐÌNH TRUYỀN, TRẦN MINH CHÂU, PHAN NGỌC, TRÀ GIANG, PHƯƠNG BÌNH, BÁ SIẾU, TRỌNG HIỆP, TẠ TÂM, HỮU TUẤN, HOÀNG HẢI THỌ, TRƯỜNG HƯNG, VIỆT LINH, GIÁNG MY		
■ ẢNH: VĂN SONG, XUÂN THỦY, DUY SƠN, HOÀNG NGUYỄN, NGUYỄN THÀNH, NGUYỄN ĐẠO, LÊ MINH, SÁCH NGUYỄN, HỒ LONG, HỒ CHIẾN, XUÂN LỘC, P.V		
■ BÌA 1: NGUYỄN VĂN CƯỜNG • BÌA 2: HỒ THIẾT TRINH, HOÀNG MINH PHƯƠNG, HOÀNG HẢI THỌ, BÁ SIẾU, TRỌNG HIỆP • BÌA 4: XUÂN LỘC, HỒ CHIẾN, THANH YÊN, CHU TRỌNG TUẤN, HỒ HẢI ĐĂNG		

(sinh khí ngôn văn, sử sách ông cha truyền vạn thế
 Nhạc ngôn văn thơ, truyền thống văn minh gửi muôn sau
 (TRẦN HÀ)



TRUNG TƯỚNG, AHLLVTND NGUYỄN QUỐC THƯỚC:
“Dòng máu Lạc Hồng
chảy trong huyết quản người Việt Nam
không bao giờ thay đổi”

■ Vào một ngày Đông lạnh tê tái, nhưng căn phòng nhỏ trong nhà riêng của Trung tướng Nguyễn Quốc Thước trong con ngõ nhỏ phố Bưởi - Hà Nội trở nên ấm áp khi ông chia sẻ về mẹ, về quê hương xứ Nghệ, về con đường binh nghiệp và danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân mà ông vừa được phong tặng ở tuổi 95... Trung tướng Nguyễn Quốc Thước nói:

“Tôi không thể thực hiện lời hứa với mẹ”

Tôi sinh ngày 3.2.1926 trong một gia đình bình thường ở xã Nghi Diên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, được cha mẹ gom góp cho đi học ở trường Collège de Vinh (Quốc học Vinh). Năm 1944 tôi tốt nghiệp đúng lúc phong trào Việt Minh, phong trào của công nhân Trường Thi, công nhân Nhà máy Đường sắt Vinh và Nhà máy Điện đang dâng cao. Tháng 4/1945, tôi được giới thiệu vào tổ chức Việt Minh. Tôi được phân công nhiều công tác quan trọng tổ chức giao để khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân và tổ chức xây dựng cuộc sống mới sau cách mạng tháng Tám. Năm 1947 tôi được kết nạp Đảng và đến năm 1949 là Bí thư Đoàn thanh niên huyện Nghi Lộc. Không bao lâu sau đó thực dân Pháp quay trở lại, cuộc kháng chiến chống Pháp nổ ra, rất nhiều thanh niên lên đường nhập ngũ. Tôi đề nghị với đồng chí Bí thư Huyện ủy cho tôi được xung phong ra chiến trường, vì: “Tôi là Bí thư Huyện đoàn thì phải cho tôi đi ra cùng với anh em đánh giặc, không thể Bí thư thì ở đằng sau mà đoàn viên ra phía trước thì ai tin”. Đấu tranh mãi tôi mới được tổ chức đồng ý.

Tôi về nhà, xin mẹ đi vào con đường quân ngũ. Mẹ tôi là một người nông dân không biết chữ, nhưng ý thức dân tộc và tinh thần yêu nước rất cao. Mẹ nói: “Con nhập ngũ, đánh giặc xong thì về với mẹ”.

Tôi đi đánh giặc, đi mãi, khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc năm 1954, tôi chưa được về với mẹ vì ngay sau đó lại lên đường chống Mỹ. Giải phóng miền Nam - thống nhất đất nước năm 1975, tôi cũng chưa được về với mẹ vì đến tháng Giêng năm 1979, tôi sang chiến trường Campuchia giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng Pol Pot. Đơn vị tôi đang tấn công giải phóng thành phố Phnôm Pênh thì nhận được điện tín của em trai tôi - Nguyễn Quốc Thi - nguyên là Hiệu phó Trường Đại học Sư phạm Vinh. Bức điện có vắn vện 5 chữ: “Anh ơi, mẹ mất rồi”. Tôi lặng người đi. Mẹ mất nhưng tôi cũng chưa thể về tiễn đưa mẹ, vì sau khi quét sạch diệt chủng Pol Pot, Quân đoàn 3 chúng tôi kéo ra Bắc để đánh quân bành trướng Trung Quốc xâm lược biên giới phía Bắc.

10 năm chống Mỹ, từ năm 1965 đến năm 1975, tôi không được một tin tức gì của gia đình, của vợ con và của mẹ. Giải phóng miền Nam rồi, vợ tôi nghe tin tôi còn sống, đánh đường vào Sài Gòn tìm gặp tôi, nhưng mẹ già không thể vào với tôi. Đến lúc tạm yên rồi, năm 1982, tôi mới được về quê để thắp hương cho mẹ. Lúc ấy, mẹ đã nằm ngoài nghĩa trang rồi. Vậy là tôi đã không thể thực hiện lời hứa với mẹ.

Với chiêm nghiệm ở độ tuổi 95, theo ông những yếu tố nào đã hun đúc nên phẩm chất của Trung tướng Nguyễn Quốc Thước mà nhiều người biết đến?

Tôi sinh ra từ vùng quê cách mạng, chịu ảnh hưởng của phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh, đi theo con đường bình nghiệp từ khát vọng giành độc lập tự do cho dân tộc. Tôi đã có một hành trình rất dài để thực hiện khát vọng đó, trải qua 2 cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ rồi chống diệt chủng Pol Pot, chống quân bành trướng Trung Quốc. Sau đó, tôi lại được giao nhiệm vụ chỉ huy Quân đoàn 2 sang Lào giúp nước bạn bảo vệ thành quả cách mạng. Đến năm 1987, đất Lào



Trung tướng Nguyễn Quốc Thước viếng thăm và thắp hương cho đồng đội

mới yên, Việt Nam và Lào ký hiệp định, tôi mới được về Quân khu 4, ra đi khi còn thanh niên, trở về mái đầu đã bạc. Cuộc đời binh nghiệp của tôi gắn bó với chiến trường Tây Nguyên. Trong tôi có dòng máu Xô Viết Nghệ Tĩnh và tinh thần bất khuất của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên. Hai điều đó hun đúc để tôi trở thành một người quân nhân lập được nhiều chiến công, được Đảng, Nhà nước và quân đội ghi nhận.

“Cả cuộc đời tôi chưa xin gì cả”

Ông vừa được phong tặng Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân - một sự kiện rất được mong đợi và được rất nhiều báo chí đưa tin. Nhưng tại sao ở tuổi này ông mới được nhận danh hiệu cao quý này mà không phải sớm hơn?

Tôi ở tuổi 95 được phong Anh hùng Lực lượng vũ trang, chắc là vị tướng già nhất được phong Anh hùng. Nhưng câu chuyện này cũng có nguyên do. Tôi không bao giờ nghĩ mình sẽ được phong Anh hùng, lúc chiến tranh thường danh hiệu này sẽ dành cho những chiến sĩ chiến đấu dũng cảm trên chiến trường, mình là chỉ huy chỉ lo làm thế nào để giành chiến thắng trên chiến trường. Khi đất nước hòa bình, các anh em ở đơn vị cũ nhiều lần nói rằng theo quy định thì tôi đủ tiêu chuẩn phong Anh hùng, nhưng “Thủ trưởng phải làm đơn đề nghị”. Tôi nói: Tôi đi đánh giặc, sao lại đi xin danh hiệu Anh hùng. Cả cuộc đời tôi chưa xin gì cả, chưa xin một chức vụ gì, chưa xin một đồng nào, chưa xin một miếng đất nào của Nhà nước. Tôi đi đánh giặc, thành tích thế nào Đảng và Nhà nước ghi nhận, sao tôi lại đi xin danh hiệu Anh hùng?

Anh em trong đơn vị cũ cứ thuyết phục tôi mãi, nhưng tôi nhất quyết không làm đơn đề nghị. Phía Tổng cục Chính trị cho biết, nếu Trung tướng Nguyễn Quốc

Thước đã mất thì anh em trong đơn vị cũ có thể làm hồ sơ đề nghị truy tặng danh hiệu Anh hùng, nhưng tướng Thước còn sống thì theo quy định, tướng Thước phải làm đơn đề nghị. Tôi nói: “Dứt khoát tôi không làm đơn đề nghị”. Thế rồi, việc này kéo dài tới 10 năm. Anh em đơn vị cũ vẫn cứ thường xuyên thúc giục tôi làm đơn, vì thấy tôi xứng đáng, không được phong tặng thì thiệt thòi quá. Tôi nhất quyết không làm đơn. Cuối cùng Tổng cục Chính trị đề nghị: Tôi không cần làm đơn, chỉ cần làm một báo cáo thành tích trong kháng chiến chống Mỹ.

Ở tuổi 95, tôi được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Hôm nhận danh hiệu, tôi lên phát biểu: “Người ta thường khi có công thì nói về Đảng, về Nhà nước và Quân đội, tôi xin phép các đồng chí cho tôi trước hết nói về công lao của mẹ tôi. Nếu mẹ không sinh ra và nuôi dạy thì làm gì có tôi để cống hiến cho Tổ quốc”. Tôi hỏi: “Chúng ta 200 anh em ngồi ở đây, có ai không có mẹ không?”. Câu hỏi đó đã làm xúc động tất cả mọi người. Sau khi nói về mẹ, tôi nói về Đảng, về Nhà nước, về Quân đội, về quê hương, nói về chiến trường Tây Nguyên... Tôi nói: “Hôm nay, đến đây, tôi đại diện cho những người lính của tôi đã hy sinh trong các trận đánh. Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân là tôi nhận hộ cho họ. Trong danh hiệu đó, tôi góp công phần nhỏ, tôi đại diện để nhận, chứ không phải tất cả danh hiệu này thuộc về tôi. Danh hiệu này thuộc về tập thể, thuộc về Trung đoàn của tôi, đặc biệt là các liệt sĩ không bao giờ trở về”.

Ông đã vào sinh ra tử trên các chiến trường, giờ ôn cố tri tân, ông có điều gì muốn chia sẻ với thế hệ hôm nay về những trải nghiệm của mình?

Kỷ niệm chiến trường thì nhiều lắm nhưng có những trải nghiệm tôi chia sẻ để nhắn gửi với các thế hệ trẻ hôm nay. Chúng tôi vào quân ngũ, trang bị không có gì, chiếc áo còn rách, nhưng dưới ngực áo là trái tim của người thanh niên Việt Nam “Thà hy sinh tất cả chứ không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”. Giữ được tinh thần đó là giữ được truyền thống, cốt cách Việt Nam, để mất cái đó là mất tất cả. Cho nên, trên chiến trường, chúng tôi sẵn sàng hy sinh. Ở chiến trường Tây Nguyên, người ta nói có 3 cái đáng sợ: sợ quân Mỹ, sợ sốt rét ác tính, sợ đói. Chúng tôi không sợ Mỹ, sợ nhất là sốt rét ác tính. Những người lính trẻ, ba tháng đầu không qua được những cơn sốt rét ác tính là chết. Và cùng với đó là những cơn đói dữ dội, triền miên. Có những lúc 15 ngày liền, chúng tôi chỉ ăn rau rừng chờ tiếp tế, xin được ít gạo thì nấu cháo dành cho thương binh, lương thực để nuôi quân chỉ là củ mài, rau rừng, sắn. Trong hoàn cảnh ấy chỉ có sự can trường của người lính mới có thể vượt qua. 10 năm trên chiến trường, chúng tôi không biết tiêu tiền, trong túi không có một đồng bạc. Giờ thời bình, mọi chuyện đã khác, nhưng tôi nghiệm thấy người Việt Nam, lúc gặp nguy nan thì tinh thần quật cường trời dậy. Qua thiên tai bão lũ ở miền Trung vừa qua, và qua đại dịch Covid -19, mới thấy rõ điều đó. Đất nước càng tiến lên, càng đặt niềm tin vào thế hệ trẻ. Hoàn cảnh, môi trường có khác, nhưng dòng máu Lạc Hồng chảy trong huyết quản người Việt Nam không bao giờ thay đổi.

Tết Nguyên đán cổ truyền của dân tộc đã cận kề. Những ngày này, chắc có nhiều lúc ông nhớ đến những cái tết ở chiến trường khi mà tiếng súng nổ thay cho tiếng pháo giao thừa, và có những người lính đã hy sinh vào thời khắc năm mới vừa đến?

10 năm ở chiến trường Tây Nguyên cơ bản chúng tôi không có tết. Tết chúng tôi sang lăm cũng chỉ giã sắn làm bánh, luộc lên ăn với nhau. Tôi nhớ cái tết ở chiến trường năm 1975, chuẩn bị tấn công giải phóng Buôn Mê Thuột, năm đó lần đầu tiên có bánh chưng, thịt hộp, gà. Đó là cái tết hiếm hoi được ăn thịt. Giữa đại ngàn, bên những cành lan rừng chúng tôi chờ đón phút giao thừa thiêng liêng, để rồi sang năm mới bắt đầu cuộc tổng tấn công. Thường thì những ngày tết, chúng tôi phải đánh giặc. Vì quân Việt Nam Cộng hòa cũng ăn tết nguyên đán nên mất cảnh giác, mình phải lợi dụng thời cơ đó để đánh. Đánh trước và sau tết, như tết Mậu Thân năm 1968, tết năm 1972. Nếu giành chiến thắng, đó thực sự là cái tết của chiến trường, chứ không phải tết của thịt mỡ, dưa hành, bánh chưng. Tết chiến thắng là vui nhất. Nhưng vào thời khắc tết đến Xuân về, đã có nhiều người lính ngã xuống. Đơn vị của tôi, cho đến khi tôi hoàn thành nhiệm vụ đã có trên 3,4 vạn liệt sĩ. Năm 2018, khi đó tôi đang khỏe, tôi đã đi cùng với đoàn của Ban liên lạc Binh đoàn Tây Nguyên 10 ngày đi 14 nghĩa trang của 4 tỉnh Tây Nguyên thấp hương viếng các liệt sĩ. Giờ tôi mới thấm câu “Mãi mãi tuổi 20”, - những người lính đã hy sinh ở độ tuổi 20 - tôi thường nghĩ về họ, tôi may mắn được sống trở về để nói về sự hy sinh của họ. Tôi đã 95 tuổi rồi, còn gì nữa đâu, tôi muốn nói về sự hy sinh ấy để hôm nay hiểu thấu hơn cái giá của hòa bình.

Phải nói đúng trái tim, nguyện vọng của người dân

Tôi là phóng viên theo dõi nghị trường thời ông đang là Đại biểu Quốc hội thuộc Đoàn Đại biểu Nghệ An, chứng kiến những lần đăng đàn phát biểu thẳng thắn, trực diện, có khi gay gắt như dao chém đá của ông. Hồi đó báo chí vẫn lan truyền câu “thành ngữ” về 4 đại biểu Quốc hội luôn nói thẳng với tinh thần trách nhiệm vì nước vì dân, trong đó ông được “xếp đầu bảng”: “Nhất Thuốc, nhì Trần, tam Lâm, tứ Quốc” (4 đại biểu đó là Trung tướng Nguyễn Quốc Thuốc, GS. Nguyễn Ngọc Trần, GS. Nguyễn Lâm Dũng; Nhà sử học Dương Trung Quốc). Vì sao ông luôn chọn cho mình một thái độ thẳng thắn quyết liệt không khoan nhượng trên nghị trường?

Có người bảo, sao bác hay nói thẳng trên nghị trường? Tôi nói: Tôi mang dòng máu Xô Viết và rèn luyện ở chiến trường Bình Trị Thiên khói lửa, 10 năm ở chiến trường Tây Nguyên bất khuất, hai điều đó đã quyện lại hun đúc trong tôi nhân cách luôn đứng về lẽ phải để chiến đấu chống cái xấu. Cho nên, dù trên nghị trường hay khi đã về hưu, tôi vẫn tiếp tục tham gia đấu tranh chống tham nhũng. Tóm lại, tất cả những gì có hại đến dân tộc, đến nhân dân, tôi kiên quyết đấu tranh. Hôm qua, đoàn cựu đại biểu Quốc hội của cả nước đến chúc mừng tôi, anh em nhận định: Tôi có công đầu trong khai phá vai trò của Quốc hội đấu tranh bảo vệ quyền lợi của dân. Tôi cho rằng vấn đề này cũng bình thường, đại biểu Quốc hội đã thấm nhuần được tư tưởng ấy thì ai cũng làm được như vậy. Mình phải nói đúng trái tim, nguyện vọng của người dân, không có một cản trở gì. Và thực tế tôi luôn nói tiếng nói của người dân.

Lần ấy, ông Đỗ Mười lúc ấy là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng) có than phiền về tình trạng trên báo dưới không nghe: “Tôi làm Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng mà nói có bộ trưởng không nghe”, tôi đã đứng lên: “Thưa anh Mười, tôi làm Tư lệnh Quân khu, tôi nói mà các sư trưởng không nghe, tôi đành chỉ chúc vạ. Một là tôi nghỉ, hai là đồng chí ấy phải nghỉ. Nếu vì lý do nào đó mà tôi không thể cách chức được các sư trưởng, thì tôi sẽ xin từ chức chứ như thế thì cả hai không thể làm việc với nhau”. Sau đó, ông Đỗ Mười đã gặp tôi vỗ vai và cười.

Trên nghị trường cũng có những điều tôi chất vấn gay gắt nhưng kết quả không như mình mong đợi. Đó là khi làm cảng nước sâu ở Hạ Long, người ta dùng thuốc nổ phá núi và giải trình rằng dùng 2 tấn thuốc nổ không làm ảnh hưởng gì đến môi trường. Tôi nói giữa Quốc hội: “Thưa với các đồng chí, chúng tôi ở trong chiến trường thì sử dụng chất nổ thường xuyên. Một cân thuốc nổ, chúng tôi ném xuống sông lấy được 2 tạ cá cho bộ đội ăn. Bây giờ dùng 2 tấn thuốc nổ mà nói không ảnh hưởng môi trường là thế nào? Trả lời tôi đi”. Im lặng. Cuối cùng thì 2 tấn thuốc nổ cũng đã được dùng để phá núi. Tôi bất lực. Nhưng thời bây giờ đã khác rồi, dân chủ được phát huy, một người phản đối cái sai, vạ người ủng hộ, nên nhiều việc không có lợi cho dân cho nước bị ngăn chặn.

Ông là Đại biểu Quốc hội Nghệ An, về tiếp xúc cử tri ở quê hương mình, làm thế nào ông nghe được tiếng nói của những người dân cần được nói?

Tôi về một xã ở Nghệ An tiếp xúc cử tri, thấy người dân ở ngoài hội trường rất đông. Tôi hỏi: “Ai ở ngoài mà đông thế?”. Cán bộ nói: “Những người dân này không đủ tiêu chuẩn vào”. Tôi hỏi: “Sao không đủ tiêu chuẩn, phản động à?”. “Không, họ gây rối lắm”. Tôi nói: “Gây rối về vấn đề gì, nếu họ có những bức xúc cần phản ánh thì mời vào”. Khi những người dân vào hội trường, tôi nói: “Tôi là Đại biểu Quốc hội, tôi sẵn sàng lắng nghe tiếng nói của các bạn, nhưng các bạn phải giữ trật tự, không được lộn xộn. Tôi nói xong, đại diện chính quyền nói xong, các bạn cứ nói, nói khi nào hết thì thôi”. Cuối cùng, tôi đã lắng nghe họ nói hết. Họ rất vui và cảm kích. Khi tiếp xúc cử tri, tôi thích gặp những người dân cần nói được nói như vậy, chứ không phải những người được chuẩn bị sẵn để nói những lời tô vẽ. Tôi thích nói và thích nghe những lời góc cạnh.

Ông có thường xuyên góp ý cho tỉnh nhà và thường xuyên về thăm quê không?

Tôi chọn lọc vấn đề để góp ý với tỉnh nhà. Nói sao để người ta nghe, tiếp thu, giải quyết. Nói chân tình, nghiêm túc, thẳng thắn. Ngày mai tôi về quê. Một năm tôi về quê khoảng 10-12 lần, có tháng về đến 2-3 lần. Tết về, giỗ cha, giỗ mẹ, giỗ ông bà đều về. Nơi mình sinh ra, làm sao mà quên được. Tiêu chuẩn của tôi được vào nghĩa trang Mai Dịch khi qua đời, nhưng tôi đã căn dặn con cháu, đến lúc đó cho tôi về nằm với tổ tiên, với mẹ tôi ở xã Nghi Diên huyện Nghi Lộc.

Xin trân trọng cảm ơn ông!

PHÙNG NGUYỄN (thực hiện)

Những từ khóa của cuộc sống

NGUYỄN KHẮC AN

Tôi nhớ câu chuyện cách đây mấy chục năm, một lần trên chuyến tàu chợ từ Hà Nội về Vinh, tình cờ một người phụ nữ vỗ vai tôi và nói “Chú ni bị chết hụt một lần lúc 3 tuổi”. Về đến nhà, vốn chẳng tin mấy cái trò bói toán, tôi mang câu chuyện trên tàu kể vui với mẹ, ai ngờ mẹ khẳng định, “Đúng đó con, lúc 3 tuổi con suýt chết đuối”. Rồi mẹ cho biết, ngày ấy tôi mãi chơi nên ngã xuống ao làng, khi mọi người phát hiện được thì đã tím tái và ngừng thở hoàn toàn. Ai cũng khẳng định tôi đã chết, chỉ một mình bố là gào lên, “Nó chưa chết, nó không được chết”. Rồi bố dốc ngược tôi, bố áp dụng tất cả những kỹ thuật sơ cứu để giành giật tôi với thần chết... mấy phút sau tôi hồi sinh ngay trong vòng tay của bố. Mẹ bảo “Nếu ngày ấy, nếu bố không tỉnh táo, bố mất niềm tin và hết hy vọng thì đã không có con hôm nay”.

Tôi ngàn lần đội ơn sự ưu ái của số phận đã cho tôi người bố vĩ đại. Tôi chợt nhận ra, “tỉnh táo, niềm tin và hy vọng” chính là những giá trị bất biến trên cõi đời này, với tôi nó như là những từ khóa của cuộc sống.

Chúng ta đang ở giữa thời khắc đặc biệt của vòng xoay thời gian, những tờ lịch cuối cùng năm 2020 đã hoàn thành sứ mệnh, nhân loại tiễn biệt một năm đầy sóng gió, gian nan và thử thách. Một mùa Xuân mới lại về, chúng ta đã vượt qua quá khứ như thế nào và điều gì đang đợi chờ ở phía tương lai? Ai đó từng nói “cuộc đời là những chuyến đi”. Soát lại từng từ khóa của năm cũ để rồi chọn cho mình từ khóa của năm mới, âu đó cũng là bốn phận của những cuộc hành trình.

Thật quá nhiều xúc cảm nếu nhìn vào tấm gương chiếu hậu của thời gian. Cách đây chỉ 12 tháng thôi, khi chúng ta rưng rưng dâng từng chiếc bánh chưng lên

bàn thờ đón năm Canh Tý thì những từ như “khẩu trang”, “Covid”, hay “giãn cách xã hội” vẫn còn nằm ở miền nào đó xa lạ lắm. Thế rồi thảm họa âm ập càn quét thế giới. Dịch bệnh như một cuộc cưỡng đoạt sự an lành trong chớp mắt, nó nằm ngoài mọi dự báo, nó cũng nằm ngoài năng lực tưởng tượng của con người. Chỉ có thể nói ngắn gọn là quá nhanh và quá nguy hiểm. Đường cong của biểu đồ như muốn dựng đứng, mỗi ngày trôi qua là bảng thống kê dịch bệnh toàn cầu nhấn thêm một nút báo động đỏ. Cả thế giới sóng soài trước mức độ nguy hiểm và tốc độ lây lan của đại dịch. Đã quá rõ, những gì mà dịch bệnh gây ra là khủng khiếp, nhưng những giá trị được khởi sinh từ cuộc chiến chống dịch có lẽ cũng đáng để sử dụng hai chữ tuyệt vời. Thế giới đã tìm ra, sản xuất và đưa vắc-xin vào tiêm chủng chỉ trong vòng 10 tháng. Ngắn ấy thôi cũng đủ biết năng lực sáng tạo của loài người kỳ diệu như nào. Dịch bệnh rồi cũng sẽ qua, con người rồi sẽ sống với nhau ngàn ngàn năm nữa. Chợt nghĩ đến một ngày nào đó, khi mọi thứ đã trở về với an lành, câu chuyện của năm 2020 chắc sẽ còn được kể, được viết và cả được so sánh nhiều lắm. Và trong cuốn hồi ký toàn cầu ấy chắc chắn sẽ phải dành những trang in đậm bởi nỗ lực tuyệt vời mà đất nước Việt Nam thân yêu của chúng ta tạo nên. Không huyễn hoặc, không vỗ ngực ta đây, nhưng rõ ràng là không thể xóa khỏi bức tranh toàn cảnh thế giới năm 2020 một Việt Nam sừng sững can trường, một Việt Nam đầy trách nhiệm và vô cùng ân nghĩa. Mười hai tháng qua thử thách dành cho mảnh đất hình chữ S này thậm chí còn khốc liệt hơn những phần còn lại của thế giới. Chúng ta không chỉ phải căng mình đối phó với sự nguy hiểm của dịch bệnh mà lại vừa phải đồng thời rần rỏi chống chọi với thảm họa kinh hoàng của thiên tai. Lũ chồng lên lũ, bão chồng lên bão, lở đất chồng lên lở đất và hi sinh chồng lên hi sinh. Lời kêu gọi của Chính phủ như hiệu triệu, cả đất nước đồng hành, 90 triệu trái tim như hòa chung nhịp đập. Mỗi lần dịch bệnh xuất hiện là mỗi lần dịch bệnh bị đẩy lùi. Mỗi lần thiên tai ập đến là mỗi lần lòng nhân ái được cất lên. Vâng, chúng ta đã hành trình bước qua năm cũ như vậy đây. Từ khóa ư? Nhiều lắm, nhưng có lẽ không thể thiếu “tinh táo, niềm tin và hy vọng”!

Từ tình hình thế giới chiếu về Việt Nam thấy nhiều sự an lòng, từ Việt Nam nhìn ra thế giới không ít điều bận tâm. Hình như cũng đã thừa dần đi tiếng hô hào ca tụng về những mô hình “tự do” hay “dân chủ” kiểu phương Tây. Người ta có lẽ đã bắt đầu nhận ra những giá trị căn bản và thực chất nhất của xã hội văn minh. Tự do không đơn giản chỉ là quyền tháo chiếc khẩu trang ra khỏi miệng để rồi hàng triệu sinh mạng phải ra đi. Dân chủ không đồng nghĩa với việc một gã côn đồ có thể nhảy vào ngồi và gác chân trên ghế của chủ tọa kỳ họp thượng viện. Trong gian khó mới nhận ra điều giá trị. Năm 2020, hai tiếng Việt Nam được cả thế giới xướng lên với tất cả sự trân trọng và lòng thần phục. Dịch bệnh được kiểm soát, thiên tai được khắc phục, kinh tế tăng trưởng hàng đầu thế giới, đó không chỉ là thành tựu đơn thuần mà là sự vượt trội về tính ưu việt. Không thể chối bỏ, không thể phủ định, cũng không thể coi thường, vị thế Việt Nam trên

trường quốc tế đang ngày được khẳng định. Xin một lần được đặt câu hỏi rằng thành quả đó đến từ đâu nếu không phải đến từ bản lĩnh, trí tuệ và trách nhiệm của Đảng và nhà nước, thành quả đó đến từ đâu nếu không phải là công sức của nhân dân.

Chiều nay dạo một vòng quanh chợ tết, những cảnh đào đầu tiên đã “cập bến” an toàn, những chồi Xuân đầu tiên đã bắt đầu nhú lên đầy mãn nguyện. Chỉ một năm mà đã bao điều thay đổi. “Mục tiêu kép” (vừa chống dịch vừa phát triển kinh tế, xã hội) thực sự đã được kiểm nghiệm từ những điều gần gũi nhất. Phố xá đẹp hơn, môi trường sạch hơn, con người biết sống có yêu thương và trách nhiệm hơn. Ai ở Vinh chắc không khó để nhận ra những dấu hiệu tắc đường, lượng ô tô tăng nhanh ngoài tưởng tượng, thu nhập người dân vẫn băng băng vượt qua khó khăn. Những con số trong báo cáo có thể khô khan, nhưng cuộc sống thì rõ ràng đang muôn màu trời đất.

Năm 2021 đã đến, Đại hội lần thứ 13 của Đảng, sự kiện trọng đại của dân tộc đang mở ra một mùa Xuân đặc biệt, một trang mới cho tương lai đất nước. Cuộc chiến chống tham nhũng đã từng bước lấy lại lòng tin của người dân. Những thành tựu của một nhiệm kỳ cộng hưởng với “chiến công” ngoạn mục của năm 2020 đã bền chặt hơn lòng Dân ý Đảng. Hai chữ “Đảng ta” lại được nhắc đến một cách đầy trân trọng trong các tầng lớp nhân dân. Một đất nước yên bình, một địa chỉ tin cậy, một vị thế vững vàng. Đó là thành quả, đó là sự khẳng định, đó cũng là hạnh phúc, đó chính là niềm tin và hy vọng.

Đất nước đang trên đà đổi mới, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 13 một lần nữa định hình rõ hơn con đường đi tới. Không mơ hồ, cũng không chùn bước, lộ trình để Việt Nam trở thành một nước phát triển trong vài thập kỷ tới đã được “đại hội của trí tuệ” thông qua. Quan trọng nhất lúc này là hành động. Mỗi người một tay, mỗi người một chút, không có sức mạnh nào lớn hơn sức mạnh của sự đồng lòng. Hướng về Đảng, đồng hành cùng Đảng để xây dựng một Việt Nam hùng cường giàu mạnh, một Việt Nam phát triển như nghị quyết Đại hội đã đề ra, đó là mong mỏi, là trách nhiệm, là “đơn đặt hàng” với mỗi một người con đất Việt. Có thể tôi và bạn là những người lao động bình thường, chúng ta không là thánh nhân, mà không việc gì phải trở thành thánh nhân cả. Sự vĩ đại không xa vời mà ẩn sau những hành động bình thường, những con người bình thường. Ngay lúc này đây, khi chúng ta ngồi đọc bài viết này thì đâu đó vẫn còn có những người khuyết tật ngồi chẻ tăm, đâu đó những em bé o a đánh vần, đâu đó những bệnh nhân đang nhăn nhó với cơn đau, đâu đó nhà khoa học đang miệt mài với một loại vật liệu mới, đâu đó những chị lao công trả lại tinh tươm cho khu phố... Thế đấy, cuộc sống không dừng lại một giây nào cả, mọi người vẫn âm thầm dâng hiến xung quanh chúng ta theo mỗi cách khác nhau. Đừng khoanh tay đứng ngoài công cuộc để phán xét công cuộc, phải hành động thôi. Hành động là mệnh lệnh của sinh tồn, hành động cũng là một từ khóa của cuộc sống.

Nhà văn và... chuyển đổi số

Nhà thơ **BÙI SỸ HOA**

Cùng với sự phát triển của khoa học - công nghệ, nhà văn - người cầm bút (theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng của từ này) dần chuyển sang gõ máy tính và giờ có thể là bấm phím điện thoại thông minh để sáng tác/gửi đăng, thậm chí tự xuất bản/lên mạng tác phẩm của mình tới bạn đọc gần xa.

Đó cũng là quá trình tác phẩm của nhà văn từ chỗ chỉ được in trên gỗ/giấy, rồi được phát trên sóng phát thanh, truyền hình và tiến đến được giới thiệu/tự giới thiệu ra toàn cầu thông qua báo điện tử, mạng xã hội, được tích hợp, hệ thống bằng cả âm thanh lẫn hình ảnh dưới dạng đa phương tiện... Theo thời gian, giữa người viết với nhau cũng như với bạn đọc trong và ngoài nước dần có sự giao lưu, tập hợp, tương tác, phản hồi... nhanh chóng, tiện lợi hơn rất nhiều cho cả người viết lẫn người đọc so với trước kia. “Đất diễn” của nhà văn cũng từ đó mà rộng mở không ngừng, vô tận.

Cũng trong thời đại mới này, nhà văn nếu giỏi ngoại ngữ, nếu thành thạo công nghệ sẽ là người có điều kiện để tiếp cận văn chương thế giới một cách trực tiếp nhất mà không qua “bộ lọc” văn học - báo chí dịch khi người ta vẫn quan niệm “dịch là phản”, bên cạnh việc từ bản thân họ cũng như bạn bè, đồng nghiệp khác có thể dịch tác phẩm của mình để quảng bá ra thế giới.

Vì vậy rất có thể, nếu một nhà văn nào đó cứ khư khư theo lối cũ, một mình một phách mà không tiếp thu/ thụ hưởng/phát huy những giá trị văn minh mà tiến bộ xã hội đem lại, dù có cố gắng, phát huy năng lực, sở trường cá nhân đến mấy thì cũng không ai dám chắc mức độ thành công của nhà văn vẫn đạt đến mức cao nhất có thể. Bởi vì chính cuộc sống thời đại số, thời chuyển đổi số như cách nói hiện nay đã đổi khác, biến đổi không ngừng. Con người trong thời đại số chắc chắn không thể còn mang tư duy “rừng vàng, biển bạc”, chủ yếu khai thác tài nguyên thiên nhiên sẵn có để mưu cầu hạnh phúc. Con người - nhân vật trung tâm của thời đại mới, bên cạnh những nét ưu việt vốn có, được tôi luyện và phát huy trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, sẽ tạo lập và hình thành những phẩm chất mới của công - dân - toàn - cầu, trong xu thế mở cửa và hội nhập của đất nước, của thời đại mới.

Không phải đến khi đại dịch Covid-19 xảy ra thì quá trình chuyển đổi số mạnh mẽ trên toàn thế giới và trong nước mới bắt đầu mà đó thực ra là “cú hích” thực sự, thực tế chỉ ra không còn đường nào khác, buộc toàn xã hội phải bắt kịp xu hướng này.

Các tín đồ của âm nhạc thế giới hẳn không thể quên buổi trình diễn xúc động của danh ca mù Andrea Bocelli từ nhà thờ Duomo không có khán giả ở Milan, Italy vào đúng đêm Phục sinh 12/4/2020 thu hút hơn 3 triệu người xem trực tiếp và đã cán mốc 23 triệu view sau 12 giờ lên Youtube. Đó là kỷ lục của kỷ lục, mà chỉ có sự sáng tạo, lòng say mê, ý chí vượt qua khó khăn của người nghệ sỹ tài năng mới đem lại kết quả vượt ra ngoài sức tưởng tượng đó. Và chính chuyển đổi số đã tạo điều kiện tuyệt vời cho thành công đó, mở ra những “nhà hát online” sau này trong âm nhạc, tiếp sức cho “chữa bệnh từ xa” trong ngành Y tế, “dạy học trực tuyến” của ngành Giáo dục và nhiều thành tựu khác đang được ứng dụng hàng ngày trong cuộc sống.

Trong bối cảnh đó, nhà văn đương nhiên không thể đứng ngoài, trái lại phải nhập cuộc nhanh chóng, bằng tất cả những gì có thể để sáng tác, xuất bản, kết nối với bạn viết, bạn đọc trong nước và quốc tế. Hơn ai hết, nhà văn phải là người “vẽ” nên chân dung nhân vật trung tâm - con người thời chuyển đổi số một cách sinh động và chân thực nhất theo đúng nhu cầu của cuộc sống, của bạn đọc đòi hỏi.

Và muốn tạo ra giá trị tác phẩm, nâng cao giá trị tác phẩm, không còn con đường nào khác là nhà văn phải gắn chặt công việc sáng tạo rất đặc thù của mình với quá trình chuyển đổi số đang diễn ra, nhằm đưa tác phẩm đến với bạn đọc một cách kịp thời, thuận tiện và hiệu quả nhất.

Làm được như thế cũng có nghĩa là nhà văn xứng đáng với điều mà xã hội tôn vinh “nhà văn là thư ký của thời đại” theo nghĩa đầy đủ nhất của những từ này!

Nhớ tết Lào năm ấy

VĂN HIỂN^[1]

Nhớ mãi mãi với Ban Chỉ huy Tỉnh đội Nghệ An, mùa khô 1972 - 1973, tôi với chức danh phóng viên quân sự Báo Nghệ An mới được chấp nhận bám đuôi đoàn dân công hỏa tuyến sang chiến trường Trung Lào. Hơn 1.000 dân công trẻ trung chân đất, vai trần có nhiệm vụ chuyển 600 tấn lương thực, thực phẩm, đạn dược từ Trạm 50 đặt tại bản Chù Lù (Kỳ Sơn), cách cửa khẩu Nậm Cắn, Noọng Hét không đầy 10km sang Xiêng Khoảng. Anh, chị em dân công hỏa tuyến đợt ấy hầu hết quê ở Thanh Chương, Đô Lương, Anh Sơn. Họ được biên chế thành 10 đại đội sinh hoạt, công tác như một đơn vị chiến đấu, phục vụ chiến đấu ngay từ lúc hành quân lên mặt trận. Mang theo túi lương khô 702, con dao găm và chiếc ba lô cóc, bao gạo chéo vai, tôi hăm hở vượt dốc, theo sát đoàn dân công. Những cánh rừng khộp, rừng le ào ào đổ lá, bật mầm râm ran. Sương như bưng kín mắt, tay vuốt mặt liên tục. Rét tê cứng bàn chân dếp lộp. Vào sát vùng giáp ranh mặt trận, mọi người nhắc khẽ, chú ý phỉ Vàng Pao phục kích, rải mìn vướng, mìn lá sát thương.

Ròng rã vượt đường rừng nửa tháng trời, chiếc gậy trúc toe toét, tôi cùng đoàn dân công hỏa tuyến cũng tới được La Cai, căn cứ tiền phương của Đoàn 772, mặt danh của Ban Chỉ huy lực lượng quân tình nguyện mặt trận Xiêng Khoảng - Bô ly Khămxay. Hoa pí-niêng, giống như cánh hoa dong riềng, nở tung bừng quanh khu rừng đóng quân của Tiểu đoàn 43 - tiền thân là Tiểu đoàn vinh dự mang tên "Nghệ An đỏ". Đơn vị phần đông là con em Xô Viết đã có bao nhiêu cán bộ chiến sĩ chiến đấu, ngã xuống vì nền độc lập của nhân dân các bộ tộc Lào. Từ cuối năm 1969, họ đã có mặt ở chiến trường Trung Lào, nhấn nại bám bản, vận động bà

1 Nhà báo, nguyên phóng viên Mặt trận năm 1972; hiện là Trưởng đại diện Tạp chí Người làm báo Việt Nam tại Nghệ An

con dân tộc Lào Thương, Lào Lùm không theo bọn phi Vàng Pao. Nhiều gia đình nghe lời Bộ đội Cụ Hồ vào rừng gọi chồng con bỏ phi, trở về ủng hộ Pathét (Lào), giúp quân tình nguyện đánh bại âm mưu “Dùng người Lào đánh người Lào” của đế quốc Mỹ. Biết tôi từ hậu phương tới, các anh hỏi có sách, báo gì không. May quá, tôi có mang theo cuốn tiểu thuyết *Trước giờ nổ súng* của nhà văn Lê Khâm và mấy số Tạp chí Văn nghệ Quân đội. Thế là cánh lính trẻ bảo tôi “đọc truyện đêm khuya” cuốn tiểu thuyết cho họ nghe hàng đêm. Theo gợi ý của Tiểu đoàn phó Trần Văn Chi, tôi mãi miết đọc lần lượt từng chương cho các đại đội. Mấy đêm liền, lính mê mãi nghe đọc tiểu thuyết khắc họa chân dung anh Bộ đội Cụ Hồ tình nguyện giúp cách mạng Lào, chống thực dân Pháp, giành độc lập. Họ nằm, ngồi nghe bên ngọn đèn đã chiến được làm từ ống tiêm tẩm bông quân y, cắm vào lon sữa đã đổ lưng lưng dầu hỏa. Đêm nào những người lính cũng háo hức chờ đến lượt nghe đọc *Trước giờ nổ súng*. Cánh lính trẻ phần đông được học hành tử tế thao thức bình phẩm nhân vật tiểu thuyết trong tiếng gió chạy rần rạt như ngựa lồng cao nguyên. Cả khu rừng trú quân như chìm xuống, thao thiết tiếng chim từ quy khắc khoải gọi bạn tình phía thung lũng Tha Si. Chưa nghe trọn cuốn tiểu thuyết cả tiểu đoàn đã phải hồi hả chuẩn bị vào chiến dịch chống lần chiếm vùng giải phóng Mường Mộc của bọn phái hữu và lực lượng phi Vàng Pao. Đích tiến công của chúng là đánh chiếm cao điểm 600 Phù Heo. Đây là một vị trí hiểm yếu có thể khống chế toàn bộ thung lũng Tha Si, tạo bàn đạp chiếm lại vùng giải phóng Mường Mộc thuộc tỉnh Xiêng Khoảng. Thung Lũng Tha Si nằm gọn trong vành đai núi đá vôi cao chát ngất, đất đai trù phú, dân cư đông đúc, giàu có lương thực, thực phẩm. Qua lời các anh kể, bọn phái hữu phản động và lực lượng phi Vàng Pao có căn cứ tại Long Chặng được Mỹ trang bị vũ khí tối tân, hiện đại, viện trợ tận răng, nuôi “báo cô” cả gia đình từ quan đến lính. Chúng thường sử dụng chiến thuật biệt kích, tập kích bất ngờ. Khi giáp trận bọn phi rất liều lĩnh. Chúng có biệt tài luồn lách địa hình rừng núi. Đối với chúng khó đánh tiêu diệt đội hình mà phải tìm cách triệt phá căn cứ, diệt chỉ huy, xóa sổ từng tốp nhỏ, kết hợp gọi hàng. Đối mặt Tiểu đoàn 43 trong trận này là Binh đoàn 226 do tên phi Ma Ni Chăn khét tiếng tàn ác, lì lợm chỉ huy.

Những mong chứng kiến trận đánh phòng ngự trên đỉnh Phù Heo, tôi xin anh Trần Ngọc Ninh, Chỉ huy trưởng mặt trận 772 theo Đại đội 5 lên chốt, nhưng anh thẳng băng từ chối. Anh bảo: “Nhà báo ló ngó để ăn đạn của Vàng Pao lắm”. Còn anh Nguyễn Văn Tự, Chính ủy, thông cảm, khuyên tôi ở lại tuyến sau quan sát, theo dõi trận đánh tại sở chỉ huy tiền phương cũng nắm rõ tình hình rồi. Bởi vậy tôi đành theo dân công cùng họ sẵn sàng chuyển đạn dược, cáng thương binh khi trận đánh nổ ra.

Tại đài quan sát, từ sáng ngày 17/2/1973, tôi đã thấy thung lũng Tha Si chìm trong khói bom lũ máy bay cường kích AD6. Tiếng gầm gào, rú rít chói tai của đạn ĐKB và cối 81 li dội hết đợt này tới đợt khác vào vách đá. Tiếng súng AK đinh đặc điểm xạ trong hoảng loạn, điên cuồng, òng ọc của súng tiểu liên cực nhanh AR15.

Suốt ngày 17/2, bọn phi Vàng Pao liều lĩnh tấn công 17 đợt hòng chiếm kỳ được đỉnh Phù Heo. Ngày 18/2, đơn vị quân tình nguyện Việt Nam giữ chốt bị bom sát thương gần hết, bọn phi chiếm được cao điểm. Không cho địch có thời gian củng cố trận địa chốt giữ, Ban Chỉ huy mặt trận 772 quyết định tổ chức một bộ phận đặc công, chia ba mũi đánh vỗ mặt lực lượng phi do tên Đại úy Ma Ni Chấn chỉ huy. Phát hiện cần ăng ten vô tuyến ẩn hiện sau vách đá dựng đứng, Tiểu đoàn phó Trần Văn Chi gọi xạ thủ B40 phóng liên tiếp hai quả. Sau quãng lửa da cam trùm lên, tiếng súng AR15 của bọn phi tắt ngấm. Trong giây lát, từ ba phía, bộ đội ào ạt lao lên chiếm lại căn cứ Phù Heo. Trong một ngách hào còn nòng nặc hơi bom, khói đạn, xác tên Ma Ni Chấn cháy thui đổ ập lên người tên lính mang máy vô tuyến điện. Trận đánh thắng thủ đoạn liều lĩnh chiếm cao điểm 600 của phi Vàng Pao vào những ngày cuối năm 1972 của Tiểu đoàn 43 đã góp phần giữ vững vùng giải phóng rộng lớn từ Nam tỉnh Bôly Khămxay tới Bắc tỉnh Xiêng Khoảng. Chiến thắng cũng đã tạo thế chủ động cho đoàn đại biểu lực lượng cách mạng Lào bước vào ký kết "Hiệp định Viêng Chăn - Lào" ngày 21/2/1973. Hiệp định thắng lợi, lực lượng cách mạng Lào giành lại độc lập, tự do, hòa bình trên đất nước Triệu Voi, điều mà bao năm các bộ tộc Lào khao khát, mong đợi.

Sau chiến thắng, trong đội hình Tiểu đoàn 43 và Đại đội Pathét Lào 125 Mường Mọc do Đại đội trưởng Bun Đi chỉ huy, chúng tôi cùng đoàn dân công hỏa tuyến Nghệ An về La Cai đón Tết Lào. Rừng Lào như vàng rực màu tranh Levitan, dưới tán rừng khộp gió mây mảy lần da thiếu nữ bộ tộc Lào Thương, Lào Lùm. Các cô gái Lào trong váy áo sắc sỡ háo hức bước nhảy lăm vòng theo điệu lăm tới Xa-ma-khi (đoàn kết) cùng anh bộ đội tình nguyện.

Chiến thắng nào chẳng có đổ máu, hi sinh. Đêm ấy, từ mặt trận Phù Heo trở về hậu cứ, đơn vị chủ công trận đánh quyết liệt vắng đi nhiều gương mặt lính trẻ quả cảm. Như muốn xua tan bầu không khí khốc liệt trận mạc, tiếc thương đồng đội, Tiểu đoàn phó Trần Văn Chi nhắc tôi hãy đọc tiếp *Trước giờ nổ súng* cho cán bộ, chiến sĩ cùng nghe.



Một góc bản làng Kỳ Sơn - Ảnh: Sách Nguyễn

Xuân về nơi bình minh đến muộn

MINH THƯ

Không thể quên vào những năm thập niên 80-90, tôi thế kỷ trước lọ mọ lên huyện rẻo cao Kỳ Sơn, gặp ông Cao Tiến Tấn quê dưới xuôi Đô Lương độc thân giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy. Khi được hỏi, ông mong ước gì cho đồng bào các dân tộc miền núi vùng cao này? Ông không đắn đo trả lời ngay, rất ngắn gọn: “Tôi chỉ có ba điều ước, điều thứ nhất là giao thông, thứ hai giao thông và điều thứ ba cũng là giao thông!”.

Ngày đó nghe đến chuyện đi đến các xã vùng cao, vùng sâu Phà Đánh, Huồi Tụ, Mường Lống, Bắc Lý, Mỹ Lý, Keng Đu của huyện Kỳ Sơn hay lên các xã vùng trên Nhôn Mai, Mai Sơn... thuộc huyện Tương Dương đã rùng mình. Ai đó đã từng trải nghiệm sẽ hiểu rõ tâm trạng, đã lên rồi không muốn xuống và xuống rồi thì không muốn trở lại nữa, nghĩa là “có đi không trở lại”. Ngày đó từ trung

tâm huyện đến các xã này phải mất năm đến bảy ngày vật lộn với đèo dốc, khe suối và sên vắt. Huống gì nói đến chuyện thăm thú bà con hay công cán từ Kỳ Sơn sang các huyện bên QL.48, nếu đi ô tô phải xuôi theo QL.7A xuống QL.1 mới ngược lên hàng trăm cây số. Hơn 10 năm về trước, người dân ở các xã rẻo cao biên giới Mỹ Lý, Bắc Lý, Mường Lống Huồi Tụ... huyện Kỳ Sơn, các xã Mai Sơn, Nhôn Mai, Hữu Khuông... huyện Tương Dương về trung tâm huyện hay về xuôi vô cùng gian truân vì đường không ra đường. Đến các xã này chỉ có hai cách đi bộ và đường thủy theo sông Nậm Nơn, dùng sức người chèo chống thuyền qua rất nhiều ghềnh thác hiểm. Trâu, bò, lợn gà lúa gạo... làm ra muốn tiêu thụ đổi bán phải dắt bộ, công, đóng bè chở hàng mấy ngày đường xuống chợ huyện. Ngược lại, hàng thiết yếu cho sinh hoạt lại càng vất hơn bội phần: gồng gánh, công hoặc dùng thuyền chống ngược hàng tuần mới lên tới nơi.

Thực hiện ba điều ước giản dị nhưng vô cùng gian nan của Bí thư Huyện ủy Kỳ Sơn ngày trước là cả một kỳ thai nghén một quãng thời gian dài. Đến năm 2015, tỉnh Nghệ An mới có được quyết định đầu tư xây dựng tuyến đường Tây Nghệ An (tỉnh lộ 543) trên độ cao hơn 1.500 mét và thông tuyến đưa vào sử dụng năm 2015. Con đường “ngang trời” kết nối hai tuyến QL.7A và QL.48 đi qua các bản làng của 10 xã thuộc ba huyện rẻo cao thuộc diện 30a Quế Phong, Tương Dương và Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. Đồng thời cuối năm 2015, Bộ Giao thông Vận tải cũng quyết định chuyển và nâng cấp tuyến đường nối các huyện Tây Thanh Hóa và tuyến đường Tây Nghệ An (tỉnh lộ 543) thành Quốc lộ (QL) 16. Tuyến đường có tổng chiều dài 184 km có quy mô đường cấp V miền núi, là tuyến đường quan trọng nối giữa tỉnh Nghệ An và tỉnh Thanh Hóa, liên kết các vùng khu vực biên giới, nối trung tâm các huyện, các xã miền Tây Nghệ An... Quá trình xây dựng công trình huyết mạch phía Tây Nghệ An là câu chuyện dài mang quyết tâm cao độ của Nghệ An trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo ở các huyện miền núi cao.

Ngày cuối năm, chúng tôi có chuyến trải nghiệm theo QL.16 trở lại thăm vùng đất “nơi ta đã qua, người ta đã gặp” bằng ô tô con 5 chỗ. Tám giờ từ thị trấn Mường Xén, huyện Kỳ Sơn, điểm đầu của tuyến đường này ngược lên qua xã Huồi Tụ, Bắc Lý, Mỹ Lý, sang xã Mai Sơn, Nhôn Mai của huyện Tương Dương xuống xã Trì Lễ, ra Kim Sơn trung tâm huyện Quế Phong. Xuyên sâu trong hun hút đại ngàn luôn trong mây trên những đỉnh núi chon von. Tuyến đường bị sạt lở một số điểm do đợt mưa bão vừa qua đang được đơn vị chủ quản duy tu bảo dưỡng thông suốt, êm ái. Bấm đồng hồ với tốc độ bình thường khoảng 12 giờ đã tới Kim Sơn, trung tâm huyện Quế Phong. Đường mở, người dân xã Trì Lễ huyện Quế Phong sang xã Mỹ Lý huyện Kỳ Sơn chỉ mất 2 giờ đồng hồ bằng xe máy, ô tô. Đi trên tuyến đường phía Tây thấy rõ hơn một xã Huồi Tụ vươn mình trở thành trung tâm thương mại của vùng Bắc Kỳ Sơn. Trên đường đi thấy những đoàn khách du lịch từ Kim Sơn - Quế Phong qua Tương Dương đến với Tháp cổ Yên Hòa xã Mỹ Lý, đến với nơi được mệnh danh “Sa Pa xứ Nghệ” (Mường Lống)... Đứng trên cầu



Hội ném pao của đồng bào Mông huyện Kỳ Sơn - Ảnh: SÁCH NGUYỄN

Khe Bén xã Mai Sơn, thuộc huyện Tương Dương mới thấy hết sự kỳ vĩ của tuyến đường đi qua uốn lượn giữa đại ngàn. Đứng dưới nhìn lên như một sợi chỉ đỏ vắt ngang trời. Con đường “ngang trời” ấy là huyết mạch, cơ hội cho đồng bào các dân tộc ba huyện Kỳ Sơn, Tương Dương, Quế Phong vùng rẻo cao biên giới thuộc diện 30a của Nghệ An mở lối thoát nghèo, có được những mùa Xuân ấm no, hạnh phúc! Đường đến đâu cuộc sống sinh sôi đến đó. Bà con người Thái, Mông, Khơ Mú đã rời khỏi những nơi hang hốc tăm tối, núi cao ra gần đường để hưởng ánh sáng điện văn minh. Nơi đây không còn heo hút bóng người bởi hàng ngày xe máy, ô tô vận chuyển hàng hóa, chở khách tấp nập qua lại.

Xưa kia heo hút đến mùa bạt ngàn sắc tím hoa anh túc nay thay vào đó là những đồi chè Shan tuyết xanh ngút ngát. Trung tâm xã Huồi Tụ nay trở thành một thị tứ đông vui có hàng chục ki ốt buôn bán. Gia đình ông Vũ Chồng Chơ, ở bản Trung tâm, xã Huồi Tụ, huyện Kỳ Sơn phấn khởi cho biết: Trước đây gia đình trên bản Huồi Mộ ở tít trên núi cao, năm 2011, con đường Tây Nghệ An mở, gia đình ông xin chuyển xuống bản Trung tâm ở. Từ chỗ phát rừng tra hạt quanh năm “bán mặt cho đất bán lưng cho trời” đầu tắt mặt tối mà cơm vẫn không đủ ăn, áo không đủ mặc, con em không được học chữ... nay xuống trung tâm Huồi Tụ vay vốn mở dịch vụ buôn bán, gia đình đã mua được ô tô bán tải, máy xay sát phục vụ cho công việc mua bán làm ăn. Từ hộ nghèo gia đình ông đã có của ăn của để, các con được học hành đến nơi đến chốn, có người đã trở thành cán bộ cốt cán của xã.

Chuội xuống dốc Phà Bún lại nhớ ngày trước vào xã Bắc Lý, leo dốc Phà Bún cùng tài xế xe ôm min-khơ đẩy xe nhiều hơn “ôm”. Vả mồ hôi đánh vật gần một tiếng đồng hồ mới vượt được dốc Phà Bún. Bây giờ Bắc Lý đã đổi khác, khi có QL16 đi qua, không còn heo hút như xưa. Gặp ông Vi Văn Oanh, Bí thư Đảng ủy xã Bắc Lý cho biết: Xã có tới 73% là hộ nghèo. Trước đây để xóa đói, giảm nghèo cho người dân, huyện và xã có đưa vào các giống mận tam hoa, cam, quýt, dứa, vệt bầu Quỳ Châu nhưng không có hiệu quả. Trong đó phần lớn nguyên nhân do hệ thống giao thông, đường sá chưa thuận lợi. Nay có đường, bà con đã chủ động sản xuất, chăn nuôi, trồng trọt theo hướng dịch vụ hàng hóa. Xã cũng chỉ đạo các thôn bản đẩy mạnh các giống cây trái phù hợp thổ nhưỡng, trồng thêm gừng, đào úc, nuôi bò bản địa... Tiếp giáp với Bắc Lý là xã Mỹ Lý, gặp Bí thư Đảng ủy Lô Văn Liệu vẫn không quên nhắc lại chuyện cũ: Xã chỉ cách thị trấn Mường Xén khoảng 50 km nhưng mỗi lần có việc xuống huyện phải ngủ đêm ở xã Huồi Tụ, nếu chống thuyền xuôi thị trấn Thạch Giám, huyện Tương Dương hay đi về Vinh phải mất 5 ngày và 7 ngày ngược thuyền lên. Nay nhờ có QL.16 đi qua, cuộc sống người dân nhiều thuận lợi, ra huyện chỉ mất 1,5 tiếng. Mỗi ngày có hơn chục chuyến xe chở khách, xe chở hàng từ Vinh lên, từ Mường Xén vào Mỹ Lý và ngược lại. Giá hàng hóa không chênh lệch so với mặt bằng chung với miền xuôi. Các sản phẩm của bà con làm ra như gạo nếp, rau, trâu, bò, lợn, gà,... nhiều khi không đủ cung cấp cho thị trường. Thay cho xuống máy lên thác xuống ghềnh nguy hiểm ngày trước nay là xe máy, ô tô đỡ vất vả hơn. Những vùng bản có diện tích quốc gia, có tới 70-80% hộ mua sắm được ti vi, tủ lạnh... Từ khi QL.16 hoàn thành, xã có điều kiện quy hoạch lại vùng dân cư, di dời các hộ dân ở dọc sông Nậm Nơn có nguy cơ sạt lở lên sống dọc quốc lộ và dần hình thành các điểm dịch vụ, thương mại. Cả xã hiện có 15 xe ô-tô phục vụ đi lại và vận chuyển hàng hóa. Ông Kha Văn Long, bản Xiềng Tắm vui vẻ chia sẻ: “Khi có đường to đi qua bản, vợ chồng tui chớp thời cơ ra mặt đường kinh doanh vật liệu xây dựng và hàng hóa thiết yếu khác. Cùng với đó, gia đình còn tổ chức thu mua hàng nông sản, gia súc, gia cầm cho bà con... Làm ăn thuận lợi, nay gia đình đã làm được ngôi nhà trị giá gần một tỷ đồng, mua hai xe ô-tô để vận chuyển hàng hóa”. Hộ ông Kha Văn Long là một trong số hàng chục hộ ở Mỹ Lý phát triển dịch vụ, thương mại, chăn nuôi trang trại... vươn lên khá giả.

Nhớ lúc chia tay xuất phát từ điểm đầu của tuyến đường này, Bí thư Huyện ủy Kỳ Sơn Vi Hòe nói: QL.16 là tuyến đường có tính chiến lược cho sự phát triển kinh tế, an sinh, xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh cho các huyện vùng biên giới miền Tây Nghệ An. Nhờ có QL. 16 đi qua địa bàn năm xã đặc biệt khó khăn của huyện Kỳ Sơn mà các địa phương đã có điều kiện mở rộng các điểm dân cư, khuyến khích hình thành các điểm thương mại, dịch vụ ở dọc tuyến quốc lộ này.

Từ Mỹ Lý sang xã Nhôn Mai huyện Tương Dương chỉ 30 km, Phó Chủ tịch UBND xã Nhôn Mai Và Bá Tịnh đón chúng tôi vừa đi vừa trò chuyện và cũng không quên nhắc lại chuyện khó khăn, vất vả trước đây của bà con người Mông bản

Huồi Cọ quê ông và cả xã Nhôn Mai: Năm 2003, anh cùng hai bạn ở bản Huồi Cọ đi học lên cấp 2, cấp 3 nhanh mắt 3 ngày mới đến được trường ở huyện. Nay có tuyến QL16, từ Huồi Cọ đi về huyện chỉ khoảng 4 giờ đồng hồ. Bản người Mông Huồi Cọ xưa chon von trên đỉnh núi, giờ đã nằm sát đường ô tô. Bà con Huồi Cọ đã phát triển chăn nuôi lợn, trâu bò, dê, thâm canh lúa nước, đặc biệt trồng được 66 ha cây chanh leo hàng hóa, đến vụ tư thương đưa ô-tô vào tận nơi thu mua, thu nhập hàng tỷ đồng/năm... Nhờ vậy, Huồi Cọ “trên mây” đã trở thành điểm sáng, là bản biên giới đầu tiên của Nghệ An đạt chuẩn bản nông thôn mới. Lên đây mới thấy rõ đúng như Bí thư Huyện ủy Tương Dương Nguyễn Văn Hải đã khẳng định, tuyến đường Tây Nghệ An đã góp phần tháo gỡ khó khăn cho huyện về giao thông. Hiện nay việc đi vào các xã thuộc vùng trung Mai Sơn, Nhôn Mai, Hữu Khuông... đã rất thuận lợi. Đây là cơ hội đẩy mạnh phát triển nông, lâm nghiệp, xây dựng mô hình chăn nuôi đại gia súc; Tập trung giải quyết các điểm nóng về ma túy; ổn định dân cư, sản xuất, tránh di, dịch cư trái phép...

Khi cầm bút viết bài này lại nhớ khuôn mặt rạng ngời của ông Và Gà Sua, Giám đốc Hợp tác xã Huồi Cọ khi kể chuyện làm ăn của bản quê mình: “Ngoài gần 66 héc ta chanh leo, hiện Huồi Cọ còn có 3 héc ta gừng, 6 héc ta dưa, gần 2 héc ta khoai sọ và nuôi hơn 650 con trâu, bò, trong đó có hơn 30 con bò tập thể, hộ nào cũng nuôi trên 100 con gà, giống gà đen bản địa. Mỗi năm thu nhập gần 21 tỷ đồng, đạt thu nhập bình quân đầu người 52 triệu đồng/năm...”. Nhớ nét mặt tươi vui của anh Lý Bá Chá, bản Pà Khốm, xã Tri Lễ, huyện Quế Phong ở chợ Tri Lễ đang bán các loại sản phẩm bầu, bí, rau, dưa, đào... do gia đình sản xuất. Lý Bá Chá chia sẻ: “Trước đây bà con người Mông trồng được nhiều rau, đào, nuôi được gà, lợn, trâu, bò, dê... không bán được, giờ có đường, ô tô vào tận bản thu mua lại được giá. Ngày trước từ Tri Lễ sang Mường Lống, huyện Kỳ Sơn chỉ có con đường duy nhất là bắt xe xuống Vinh rồi ngược lên Kỳ Sơn theo Quốc lộ 7 hoặc vượt rừng treo đèo lội suối. Nay đường đã rút ngắn từ hơn một ngày chỉ còn hai tiếng đồng hồ đi xe máy. Từ khi có đường thuận lợi, rảnh là phóng xe máy sang thăm bà con anh em bạn bè bên Mường Lống, vui lắm, sướng lắm!”.

Nhìn những khuôn mặt vui sướng khi kể chuyện đổi thay của vùng đất này và thấy những nụ đào trên sườn núi bắt đầu chớm chín nở, thấy rõ, Huồi Cọ, Pà Khốm... và nhiều vùng bản của đồng bào các dân tộc bên đường “ngang trời” này đã thực sự đổi đời đón những mùa Xuân ấm no, hạnh phúc!

Bác, anh và hàng xóm

HỒ ANH THÁI

■ Những mẫu ký ức tuổi thơ, tôi ngồi viết lại trong những năm làm việc ở vùng Tây Á. Đường như một khi có độ lùi thời gian, lại cách xa một khoảng không gian, những kỷ niệm cũ mới càng sống dậy và thôi thúc ta kể lại.

Cô phi dê

Ông bác họ của tôi, thời Pháp là con nhà giàu, thuộc diện ăn chơi rộng rãi hào phóng với bạn bè. Phải đi lính cho Pháp sang tận châu Phi, giải ngũ về Hà Nội làm ăn rồi lấy một cô tân thời phố cổ. Đến lúc già rồi hai bác đi đâu vẫn riu rít có đôi. Bác trai hể gặp tôi lại gọi là ông nghề. Ông nghề là ông tiến sĩ. Nhờ các bác riu rít vậy mà tôi biết được vài chuyện về thế hệ trước.

Có lần bác cùng cha tôi và vài người bạn đi chơi Hải Phòng. Vào một quán ăn sang trọng, ông anh lệnh cho mọi người đánh chén thoải mái. Cơm no rượu say rồi ông chủ chỉ mới phát hiện ra quên mang ví. Chẳng ai mang đủ tiền theo người để trả. Rồi, không sao, tay chơi không thiếu người quen ở cái đất cảng này. Chú ngồi đấy chờ nhá. Đây là tay chơi nói với cha tôi. Ông anh cùng mấy người bạn kéo nhau đi luôn, vớt lại ông em ngồi chờ ở hiệu ăn, coi như vật thể chấp, vật làm tin. Người ngồi lại được coi là cái va li. Ngồi đấy mà chờ ông anh đi vay tiền về để chuộc.

Lấy được cô vợ ở phố cổ Hà Nội, anh đưa vợ về thăm quê. Quê nhà vốn là cái nôi của Xô Viết Nghệ Tĩnh, lúc nào cũng đầy khí thế cách mạng. Cô vợ răng trắng tóc phi dê, không giống ai. Nửa đêm cô đang ngủ thì thấy nước xối tồ tồ từ bên ngoài cửa sổ vào. Một bóng đen ở bên ngoài chạy vụt ra khỏi vườn cây. Kê nào đó trong làng đã đứng bên ngoài cửa sổ mà đái vào cái đầu phi dê của cô. Phi dê. Ăn trắng mặc trơn. Ngứa mắt.

Vài ba chục năm sau, sống dưới thời bao cấp, cô phi dê ấy vẫn phải tay năm tay mười nuôi mấy người con. Thời Pháp thì cô phi dê và chồng đều biết lái ô tô, thuộc loại hiếm có khó tìm. Nhưng thời bao cấp, không có ô tô, cũng chẳng ai thuê lái. Một lần bác đến nhà người chị họ, cũng là một bà bác của tôi. Bà chị than phiền cái cống bị tắc, thợ hứa đến thông cống mà hai ngày rồi không thấy. Cô phi dê hỏi chị phải trả cho thợ cống bao nhiêu? Bà chị bảo người ta đòi bằng ấy bằng nọ. Cô phi dê bảo thế thì chị đưa em hai phần ba số tiền trả cho thợ, em làm cho. Nói là làm, cô phi dê xắn quần xắn áo đi thông cống. Xong. Nhận tiền của bà chị họ, về cho cả nhà ăn một bữa bún chả.

Rồi xách thùng đi xin nước gạo, xin cơm thừa canh cặn. Nuôi lợn. Cái ông thủ trưởng ủn ỉn trong nhà ấy nuôi cả gia đình. Mấy đời ông đưa đường dẫn lối cho nhà bác qua được thời bao cấp thiếu đói. Sang thời mở cửa, tôn giáo tín ngưỡng được thoải mái hơn, bà bác chuyển sang đi cúng, cúng ra tiền. Chẳng biết một ngoại ngữ nào nhưng mà cứ kinh Phật tiếng Phạn phiên theo âm Hán Việt, maha bada mata paragate cứ thế mà ăn được tiền thiên hạ.



Chuyện bà bác thông cống, tôi thường nhớ kèm với chuyện một tỷ phú Mỹ. Ông này mỗi năm đóng góp cho quỹ từ thiện vài ba chục triệu đô la. Có lần ông nhận phòng vào khách sạn thì mới thấy khát nước. Thông thường ông mang theo trong túi xách tay chai nước của mình, nhưng hôm nay lại quên. Ông đành mở tủ lạnh của khách sạn, lấy một lon nước ngọt để uống cho đỡ cơn khát cấp thời. Sau đó, khi có thời gian tản bộ, ông ra phố mua năm lon nước ngọt cùng loại, đem về trả lại một lon vào tủ lạnh. Giá tiền một lon trong tủ lạnh ngang với năm lon mua ở cửa hàng bên ngoài. Ông có thêm được bốn lon nước nhờ cách ấy.

Cần nhắc lại là ông xử sự tiết kiệm với một lon nước ngọt, nhưng cùng lúc có thể đem cho hàng chục triệu đô la vào quỹ từ thiện.

Tôi lại cũng nhớ bộ phim tài liệu nổi tiếng *Chicken a la Carte* đoạt giải ở Liên hoan Phim quốc tế Berlin năm 2006. Chuyện một người đàn ông Philippines ngày ngày đạp xe đến một hiệu ăn, xin được thức ăn thừa. Ông về nhà, chọn ra những cái cánh gà, những miếng thịt rán còn nguyên lành. Tràn trọng bỏ vào đĩa, rồi bày ra trên bàn ăn sạch sẽ của gia đình. Vợ chồng cùng lũ trẻ ngồi quanh bàn, trước bữa ăn không quên cầu nguyện cảm ơn Chúa trời đã cho họ bữa ăn hôm nay. Từ lúc nhận thức ăn, sắp xếp bàn ăn, cho đến khi cầu nguyện, người đàn ông và gia

đình luôn tỏ thái độ nghiêm cần và đầy phẩm hạnh. Kết lại bộ phim ngắn chỉ có mấy phút, người ta cung cấp một số liệu: trên thế giới mỗi ngày có 25.000 người chết vì đói.

Cuối bữa ăn, đứa cháu là cu Bông không ăn hết khẩu phần, hoặc bỏ thừa thức ăn trong bát, tôi kể câu chuyện này và bảo: Hàng ngày trên thế giới có 25.000 người bị chết đói. Bông không nói gì, đành cố mà ăn cho hết. Nhưng rồi một lần đáp trả: Không phải vì mình cố ăn thêm một miếng mà thế giới sẽ bớt được một người chết đói.

Tất nhiên rồi. Chẳng qua đây là cái tính tôi, không thể chịu được khi nhìn thấy thức ăn thừa bị bỏ đi. Tôi luôn nghĩ đây đó vẫn có người đang không có mà ăn. Một cô giúp việc còn nói lại: Làm gì có ai thiếu ăn nữa hả chú. Đây là cô giúp việc người ở vùng nông thôn Bắc Bộ. Các cô giúp việc nhà nghèo lại chính là những người thường đổ thức ăn thừa đi một cách không thương tiếc.

Khi ở San Francisco và ở thủ đô Washington, tôi thấy những tổ chức từ thiện thường hợp đồng với quán ăn các khách sạn để xin thức ăn thừa. Người Mỹ đi ăn hiệu, khi ra về thường bảo nhân viên phục vụ cho thức ăn thừa vào hộp để mang về. Nhưng cũng có một ít người không lấy thức ăn thừa. Quán ăn nào cũng có thức ăn thừa trong xoong chảo. Những đồ thừa ấy được người ta đóng hộp, đến giờ, tổ chức từ thiện sẽ cho ô tô đến nhận, rồi chở đến những địa điểm cố định. Ở đây, người nghèo đang xếp hàng để nhận khẩu phần. Họ cảm ơn người làm từ thiện, cảm ơn Chúa trời đã cho họ thêm một bữa ăn qua ngày đoạn tháng.

Không chịu ăn

Mẹ của anh Đồng là chị ruột mẹ tôi, tức anh Đồng là con bà bác ruột tôi. Thời sinh viên mỗi khi được nghỉ, anh hay về nhà tôi. Anh chỉ còn mẹ tôi là dì ruột. Mẹ anh hoạt động cách mạng chống Pháp, bị bắt giam, bị tra tấn đánh đập, được thả về nhà thì mất. Cha anh làm nghề giáo, cũng mất sớm. Bốn anh em trai, cha của anh đặt tên đều có số thứ tự trong ấy: Phan Duy Hương, Phan Á Đình, Phan Tam Đồng, Phan Tứ Kỳ. Duy là một, Á là hai, Tam là ba, Tứ là bốn.

Anh cả Duy Hương nghịch, nói lái tên mình thành Dương Huy, nhà thơ trào phúng bút danh Dương Huy, đồng thời là nhà viết tiểu phẩm Huỳnh Cương.

Như đã nói, Phan Tam Đồng không phải là ba đồng, mà là anh chàng Đồng con trai thứ ba.

Anh Đồng sau này đi học cao học ở Liên Xô, thành tiến sĩ, rồi làm Cục trưởng Cục Công nghiệp muối, được chính phủ Pháp tặng Bắc đẩu bội tinh. Thời thanh niên

anh nghịch có tiếng. Đến nhà một người bạn, anh chơi với con người ta một lúc thì xui hai đứa đánh nhau xem đứa nào khỏe hơn. Hai đứa đánh nhau thật, một lúc sau kêu khóc ầm ĩ, chạy ra mách bố mẹ, hỏi ra mới biết chú Đồng xui đánh nhau.

Trong trường đại học, có cô y tá khám bệnh phát thuốc cho sinh viên và giảng viên. Anh Đồng giả vờ đau bụng, nằm vào cáng, để hai anh bạn khiêng đến phòng y tế. Cô y tá cuống lên cho uống thuốc giảm đau thì anh giả vờ đánh đổ cả thuốc cả nước. Bảo tiêm thì kêu đau không chịu. Cuối cùng bảo cáng đi bệnh viện cấp cứu thì lừa lúc cô y tá quay đi, cả bọn bỏ chạy.

Trò đùa nghịch của anh, tôi đã viết vào truyện *Nói bằng lời của mình*.

Một lần, anh Đồng chở tôi bằng xe đạp đến thăm bạn anh ở trường y sĩ. Bạn anh tất cả đều mặc áo bờ lu trắng dài đến đầu gối, đầu đội mũ trắng luôn. Trông như bác sĩ ở bệnh viện. Đến giờ ăn trưa, các anh chị ấy đi lấy cơm từ nhà bếp về, cơm và thức ăn đựng trong những cái cặp lồng nhôm. Họ bày cơm canh ra ăn, bảo tôi cùng ăn. Anh Đồng nói thêm: Ăn đi. Tôi lúc ấy khoảng năm tuổi. Tôi hơi ngạc nhiên vì anh Đồng lại xui em ăn cơm như vậy. Tôi dứt khoát không ăn. Nói thế nào cũng không chịu ăn. Các anh chị mời mãi không được, đành thôi.

Buổi chiều, về nhà, tôi kể lại chuyện, mọi người đều hỏi sao anh bảo ăn mà không ăn. Lúc ấy tôi mới nói thật: Cơm bệnh viện có vi trùng.

Đây là trường y sĩ, có phải bệnh viện đâu, anh Đồng bảo.

Nhưng mà trong bụng tôi vẫn nghĩ, trường y sĩ thì cũng thế, anh chị nào cũng mặc áo trắng toát đội mũ trắng toát, có khác gì bệnh viện.

Vẫn là chuyện không chịu ăn. Cha mẹ tôi dạy không được nhận cái gì của người khác, không được ăn cái gì bên ngoài nhà mình. Từ bé đã theo nếp như thế, sau này vào đời, vẫn thường xuyên cái ý thức không nhận cái gì nằm ngoài đồng lương ngoài chế độ chính sách, vì thế tôi luôn ngạc nhiên thấy người ta ngang nhiên nhận thêm cái này, chia bồi cái kia.

Một lần tôi đi thăm các anh chị ở Hải Phòng, lúc về được gửi một anh tên là Khánh dẫn về. Anh Khánh ở công ty đại lý tàu biển VOSA ngày ấy chưa vợ, trẻ và trắng tinh. Xe khách chạy quãng đường một trăm cây số, mất gần một ngày. Buổi trưa, qua một cái phà, anh Khánh dẫn vào một quán phở, gọi hai bát phở. Tôi biết anh gọi hai bát phở chắc chắn không phải để một mình anh chén tuốt, nhưng cũng không dám ngăn anh. Phở bê ra, đặt trước mặt tôi một bát, anh Khánh bảo: Ăn đi. Tôi bảo: Em không ăn đâu. Đúng là tôi không bao giờ ăn gì của ai ở bên ngoài nhà mình. Anh Khánh sững lại một giây, rồi anh thản nhiên nhắc lại: Ăn đi. Anh cũng thản nhiên ăn trước. Tôi sợ hãi, tôi hoảng, một tình thế không biết xử trí thế nào. Tôi khi ấy mới mười ba tuổi.

Cuối cùng thì vẫn phải ăn, vì sợ anh Khánh sẽ phản ứng thế nào đấy. Ăn như một kẻ bị buộc phải làm điều lầm lỗi.

Buổi tối về nhà tôi kể chuyện với chị Thơ. Chị Thơ hỏi han một lúc và nhận ra anh Khánh ấy là bạn học cùng lớp hồi cấp hai. Chị nói vanh vách nhà anh số mấy phố nào. Hai chị em bèn tìm đến nhà anh Khánh ngay. Hai người bạn cùng lớp gặp lại nhau chuyện trò vui vẻ. Anh Khánh nói về tôi: Thăng bé ngoan đấy.

Ngoan đấy. Cái thăng bé từ chối, không chịu ăn rồi cuối cùng đành phải miễn cưỡng ăn như là có tội.

Không bỏ được một chữ

Cách nhà tôi gần một trăm mét, chỉ mấy số nhà thôi, có một hiệu giặt là. Đi qua thấy hơi nước bốc lên nghi ngút như khói trắng. Những chiếc bàn là sắt đặt trên lò than hồng. Người thợ đứng là quần áo trước một cái bàn dài và rộng. Nhấc bàn là ra khỏi lò than, cái lót tay dày bằng vải, rồi miết bàn là trên mặt vải trên áo quần, thoăn thoắt, thiện nghệ. Bàn là nóng bỏng lướt xèo xèo trên vải ướt.

Tôi thấy các nhà hàng phố không ai gửi quần áo đến đây giặt là. Toàn là cán bộ công chức nghèo, dân thành thị nghèo, quần áo tự tay giặt lấy, ai có tiền mà giặt là. Nhưng cái hiệu giặt là của mấy bố con ấy bao giờ cũng thấy có việc. Một ông bố và mấy anh con trai cứ tíu tít và nghi ngút hơi nước.

Nghe nói thời Pháp, hiệu giặt là này là hiệu cho thuê sách mang tên Thanh Lâm. Hình như sau 1954, miền Bắc hòa bình rồi, hiệu cho thuê sách vẫn tồn tại một thời gian, sau đó mới bị dẹp vì các loại sách lãng mạn thời cũ không còn phù hợp với chế độ mới. Sách thời ta thì khan hiếm, sách cũng phải phân phối, làm gì còn sách mà cho thuê. Người đọc sách thời mới cũng không có thói quen đi thuê sách, dù lâu lâu sau này thói quen có trở lại. Gia đình ấy thuộc diện tư sản hoặc tiểu tư sản lạc lõng giữa môi trường công nông binh. Hiệu cho thuê sách biến thành hiệu giặt là. Cái tên hiệu giặt là Dân Chủ được sơn lên trán nhà, rồi có lúc bức tường bong lớp vôi ngoài, những mảng vôi tróc ra dần dần để lộ chữ Thanh Lâm mờ mờ ở bên trong.

Tôi thấy mấy bố con ông Thanh Lâm lúc nào cũng vui vẻ. Họ vừa là quần áo vừa rôm rả chuyện trò với khách, chuyện trò với nhau. Tôi mò vào trong cửa hiệu, nghe họ nói chuyện. Mấy anh con trai mười tám đôi mươi trắng trẻo đang là quần áo và bình phẩm về cuốn sách nào đó. Một anh tám tắc, văn thể mới là văn, không thể bớt đi một chữ, cũng không thể thêm vào một chữ.

Ngày ấy mới khoảng mười tuổi, mê sách, đã đọc cả tiểu thuyết phương Tây, khi mà ở các nhà khác người ta không cho trẻ con đọc tiểu thuyết, cho nên tôi đoán đó là một lời khen. Không thể thêm không thể bớt, thể thì cuốn sách ấy có vẻ chặt chẽ lắm. Chữ nghĩa chen chúc trong ấy như đám người chen nhau mua hàng ở

cửa hàng mậu dịch, không ai chen ngang vào được, người bị chen bẹp ruột cũng không thể thoát ra ngoài được. Nhưng cái anh đẹp trai thì cứ tươi hơn hớn khi nói câu ấy. Chắc là một lời khen.

Rất lâu sau này, tôi nghe lại một câu nói tương tự. Tiểu thuyết *SBC là sản bắt chuột* ra năm 2011, chị Lê Minh Khuê đọc, sau đó nhắn qua thư điện tử: Không bỏ được một chữ.

Có bài có bản

Gần hiệu Thanh Lâm, tức hiệu giặt là Dân Chủ thời nay, là nhà bà Hớn. Thỉnh thoảng lại lên cơn, bà ra đứng trước cửa chửi ai đó. Chửi luôn cả tiếng đồng hồ. Chửi thành bài hản hoi. Hình như bà ghét người nào đẩy bên hàng phố. Hình như bà chửi mấy đứa trẻ con cứ đánh đáo đánh khăng hoặc đá bóng trên vỉa hè trước cửa nhà bà. Hình như bà chửi vì tự nhiên thấy bực dọc trong lòng, chứ tôi hôm ấy chẳng thấy ai khiêu khích cũng chẳng có bọn trẻ con nào nghịch.

Bà Hớn khoảng ngoài năm mươi, dáng dong dong, hay mặc áo cánh trắng và môi đỏ ăn trầu. Cánh cửa nhà bà bao giờ cũng mở rộng, từ ngoài vỉa hè nhìn vào thấy chính giữa nhà là một cái điện thờ. Thời ấy chẳng mấy ai dám công khai cái điện thờ như vậy giữa miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Bà thì cứ mở toang cửa ra cho nhìn rõ cái điện thờ chỉ vài ba mét là đã ra đến vỉa hè. Nhà bà lại ngay trước cổng đồn công an khu phố. Các chú công an áo vàng vẫn ra vào suốt ngày, xe mô tô ba bánh của công an cũng chạy ra chạy vào, có khi chở theo cả tội phạm bị còng tay.

Bà Hớn làm nghề hàng mã. Lại là một cái nghề không được khuyến khích dưới chế độ mới. Hàng phố chúng tôi chẳng ai đốt vàng mã. Không biết vàng mã bà bán cho ai. Thế mà hàng ngày vẫn thấy bà đều tay làm vàng mã. Nửa chẻ mỏng ra, gấp lại thành hình như những đốt ngón tay. Dán bên ngoài khung nửa ấy một lớp giấy màu hồng điều, màu vàng, màu xanh. Rồi những khung nửa, khung tre dựng lên làm cốt, dán giấy màu bên ngoài làm thành những đôi hài, những chiếc mũ cánh chuồn, sau này tôi mới biết là để đốt cho người chết có cái mà dùng dưới cõi âm. Còn lúc ấy thì tôi chỉ thấy những thứ ấy sắc sỡ đẹp mắt như đồ chơi.

Bà Hớn chẳng chơi với ai ở trong phố. Bà độc thân và cũng chẳng thích trẻ con. Nhưng riêng tôi thì lại được bà gọi vào cho cái oản, cái bánh khảo. Thỉnh thoảng tôi được vào nhà bà, được ăn cái bánh, được ngắm những đồ vàng mã bà đang làm. Nhưng tôi ngại cái mùi hương và những màu sơn son thiếp vàng trong điện thờ của bà. Có gì đấy bí hiểm và phảng phất như ẩn giấu hồn ma.

Rồi có khi đang ở trong nhà mình, bất chợt tôi lại nghe tiếng bà cất lên xa xa. Khoảng cách cũng phải dăm chục mét giữa hai nhà. Không nghe thấy lời lẽ câu chửi, chỉ là một giọng cao vóng, và triển miên suốt một buổi. Lúc ấy tôi không dám chạy ra đầu cổng, chỗ dẫn ra vỉa hè. Tôi ngồi im trong nhà, tim đập thình thịch, như thể cả phố đều biết tôi là đồng lõa của bà Hớn. Tôi có làm gì đâu, bà chửi ai đó mà có thể tôi không quen. Nhưng như thế tôi có dính líu vì tôi từng ăn bánh khảo, bánh oản của bà.

Hầu như không bao giờ tôi nghe được lời lẽ câu chửi của bà Hớn. Khoảng cách khá xa. Cũng có khi tại tôi có công tắc điện, cố tình tắt tiếng để không nghe thấy gì. Sau này trong tiểu thuyết *Người và xe chạy dưới ánh trăng* viết năm 1986, tôi có mượn hình ảnh bà Hớn cho nhân vật bà Nhỡ. Lúc ấy mới bí vì ngày trước đã không nghe không nhớ một bài chửi nào. Tôi phải mượn mấy câu chửi nghe thấy ở nơi khác để đặt vào miệng nhân vật bà Nhỡ này: Mày đi đằng ngược mày chết đằng ngược, mày đi đằng xuôi mày chết đằng xuôi, chết đâm ô tô chết xô tàu hỏa, chết mù hai mắt chết quặt hai tay, chết đêm không ai hay chết ngày không ai biết, chết không kẻ tiếc người thương...

Dân gian vẫn có kiểu chửi có bài có bản, có văn có vẻ. Rồi có cả những bài mang màu sắc như đùa: Mày đi Đông chết Đông, đi Tây chết Tây. Nói thể dài dòng, bà chỉ cần nói gọn mày đi đâu chết đấy, mày chết từ mở bài cho đến kết luận. Nói thể mày bảo bà giỏi văn, bà chỉ cần bảo gặp đâu bà đánh đấy. Nói thể mày bảo bà giỏi võ, văn võ song toàn, thôi thì bà dùng toán học: bà gọi bố mày là a, gọi mẹ mày là b, rồi bà đem cả nhà mày ra khai căn, bà đem cả họ nhà mày ra tích phân...

Thường thường, nghe bà Hớn chửi là tôi không dám ló mặt ra khỏi nhà. Nhưng có lần tình cờ tôi đi học về, không còn chỗ để trốn, cũng không thể đứng chờ mãi ngoài đường. Tôi đành cầm cúi đi qua. Không dám đi lên vỉa hè chỗ bà đang đứng chửi, tôi phải đi dưới lòng đường. Ôm cặp sách, cúi gầm mặt mà đi, cảm thấy hình như bà có hơi dừng lại vài phút. Lúc tôi đi qua rồi bà mới lại tiếp tục bài chửi.

Nhớ về một phiên chợ

TRẦN HỮU VINH

Chợ Sy, còn gọi là chợ huyện, thuộc xã Diễn Kỳ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Theo lời kể của những người cao tuổi nơi đây thì chợ có từ thế kỷ XVIII. Đến đầu thế kỷ XIX, thôn Mỹ Lý (tên cũ là Lý Trai) của tổng Vạn Phần được cắt sang để thành lập xã Lý Trai. Thôn Mỹ Lý còn được gọi là Kê Sy vì xưa vùng này có nhiều cây si mọc khắp nơi từ ven sông đến trong làng, nhất là ở các đình, đền, nhà thờ. Hình ảnh cây si tạo nên nét riêng của cả vùng nên người ta lấy nó đặt tên cho miền đất này. Câu chuyện lý giải về gốc tích Kê Sy như vậy không biết có hoàn toàn chính xác không, chỉ biết cái tên Kê Sy thì đã gắn liền với người dân nơi đây tự bao đời.

Phiên chợ Sy không chỉ lớn nhất vùng Bắc Diễn Châu mà còn là một trong những phiên chợ quê lớn nhất tỉnh thời đó. Xưa, cứ đến chợ phiên là nhân dân khắp các huyện Quỳnh Lưu, Nghi Lộc, Yên Thành, Hưng Nguyên, Nghĩa Đàn, Quỳnh Châu, Quỳnh Lưu, Thanh Chương, Tương Dương, Anh Sơn, Con Cuông, Nam Đàn... nô nức kéo về với cơ man hàng hóa, sản vật miền ngược lẫn miền xuôi: mật ong, mớ, mận, măng khô, măng tươi, hương trầm, lá dong, vải dẹt tay, gạo nếp, lạc, đậu, vừng, quần áo, lợn gà, ngan vịt... Dân ngoại tỉnh ở rất xa như Hà Nội, Huế, Quảng Bình, Quảng Trị... cũng xem chợ Sy là một cơ hội làm ăn. Các cụ kể lại, cứ đến chợ phiên thì dọc sông Bùng thuyền bè nườm nượp, hàng hóa vận chuyển ngày đêm, khách ở xa về trước rồi ngủ lại, đêm đến các phường buôn đối đáp hò về rất sôi nổi. Càng về sau, các sản vật và hàng hóa đến với chợ Sy càng phong phú. Đặc biệt, với thương hiệu lớn, lại thuận lợi trong giao thương, chợ Sy là nơi thu hút dân buôn trâu từ Thanh Hóa, Nam Định, Hải Phòng về làm ăn, mua bán.

Những năm 80, chợ Sy đặt ở thôn Đông Kỳ, sau chuyển về Cầu Bùng, bên cạnh dòng Phụng Giang hiền hòa, xanh tươi, cách nhà ông bà ngoại tôi chừng hơn cây số.

Có thể nói, hết thảy người già, người trẻ, nam thanh, nữ tú ở vùng quê này không mấy ai là không một lần đi chợ Sy. Người lớn thì mua sắm, buôn bán, trẻ em đơn giản chỉ là theo mẹ ngắm những mặt hàng hấp dẫn, những thứ lạ lẫm mà ở quê chúng không bao giờ nhìn thấy. Phiên chợ thu hút đông đảo người dân trong và ngoài huyện là chợ tết vào ngày 25 tháng Chạp. Ngày này, trên các nẻo đường làng, người đi lại nườm nượp từ sáng đến trưa, người ở xa thì thức dậy từ tờ mờ sáng, người ở gần cũng phải đi từ lúc bình minh mới thưởng thức hết được không khí chợ tết.

Trước đó mấy hôm, bọn trẻ chúng tôi đã phải “dạm” mẹ cho đi chợ tết. Từ đó, đứa nào cũng phải cố tỏ ra chăm ngoan, lễ phép để mẹ thưởng cho một chuyến dạo chơi chợ Sy. Vậy là háo hức, chờ đợi, hồi hộp đón nhận trong niềm vui khôn tả. Vào dịp cuối năm, các nhà quanh xóm thường rủ nhau cùng đi chợ. Ai gom được sản vật gì thì đem đi bán và sắm tết, ai không có gì bán thì đi sắm tết và dạo chơi.

Năm đó, khoảng 1987-1988, mẹ tôi bận mua bán nên không cho tôi theo trong khi những đứa trẻ hàng xóm đều hào hứng khoe được bố mẹ cho đi chợ tết. Tôi buồn lắm và quyết tâm đi cho bằng được. Sáng sớm, mẹ tôi đòn gánh, thúng mủng cùng mẹ con nhà bà Huệ nô nức dắt díu nhau đi. Tôi lên ra đường chờ ở một nơi xa mà mẹ không biết rồi lặng lẽ bám theo sau. Ngày hôm ấy, người dân khắp các xã Diên Kim, Diên Hải, già trẻ, lớn bé, người cuốc bộ, người đạp xe, người quang gánh chen nhau, cười nói tíu tít nên mẹ không thấy tôi. Như có linh cảm về một tên “mật thám” đeo bám mình, thi thoảng bà ngoái nhìn lại thì tôi nhanh chân nấp vào phía sau người đi trước. Cứ thế, đi được nửa đường, tôi quyết định công khai. Lúc ấy bà chỉ biết cười xòa rồi cả đoàn “kết nẹp” thêm tôi cùng lên đường.

Đường từ nhà tôi đến chợ Sy, ở thôn Đông Kỳ, tầm hơn 4 cây số nên lúc đi thì vui nhưng khi về mệt vô cùng, phần vì đói, phần vì trưa, bao giờ cũng phải 11-12 giờ trưa mới về tới nhà.

Đến chợ, chúng tôi tập kết ở một góc để các mẹ đi mua sắm. Hồi ấy cả nước còn nghèo nhưng chợ Sy vẫn là một trong những nơi phồn hoa. Những hàng hoa đào tươi thắm trái dài, những khóm hoa hồng, hoa cúc, mào gà... đua nhau mời chào khách thập phương. Thế nhưng, hoa không thể cuốn hút chúng tôi bằng câu chuyện “gà nhảy đĩa”, “chó leo dây” mà người lớn vẫn thường nói đến. Chúng tôi đi tìm khắp nơi trong chợ, chỗ nào có gà, có chó là ghé xem mà tuyệt nhiên không thấy những trò lạ ấy ở đâu. Mãi sau này tôi mới biết đó là lỗi chơi chữ của người lớn...!.

Trong mắt trẻ thơ, chúng tôi chỉ chú ý đến những hàng trống bởi tiếng kêu giòn tan, hàng tò he với muôn hình sắc sỡ, rồi tranh tết, câu đối tết ngập tràn một góc chợ. Nơi mà tôi không bao giờ bỏ qua là hàng pháo, những bánh pháo hồng rực rỡ, nhỏ, to bày la liệt. Ngoài pháo của các nhà máy sản xuất còn có pháo của những người dân tự làm. Đó là những quả pháo cối to như cổ tay người lớn, pháo gang được quấn sợi gang xung quanh, pháo lõi bằng ngón tay, pháo được bán lẻ

hoặc kết lại thành băng dài. Những người bán pháo thường “đấu” với nhau bằng cách nổ những quả pháo tốt nhất để thu hút khách hàng, tiếng nổ đùng, đoàng rền vang. Một anh thanh niên có bộ ria mép thưa thưa, miệng bồm bẻm nhai trầu, cầm trên tay đốt cả một băng pháo hồng trong sự tán thưởng của mọi người. Xác pháo nổ tả tơi ra như những cánh đào, mùi thơm khói thuốc bay chơi vơi rồi tan dần trong không gian náo nhiệt. Kết thúc tràng pháo thì bọn trẻ con chúng tôi lao vào nhặt những quả còn chưa nổ. Trong niềm mơ ước của một đứa trẻ, tôi mừng tượng đêm 30 sẽ được châm những băng pháo dài, trái pháo to ấy với niềm hoan hỉ. Nhưng tôi chẳng bao giờ có tiền để mua những băng pháo mơ ước ấy, thường thì việc mua pháo do bố tôi độc quyền đảm nhận. Nhờ tiền tiết kiệm, tôi mua một băng pháo tếp, loại pháo to hơn cái tăm xe đạp một chút, nếu có nổ trên tay thì cũng chỉ hơi đau. Về nhà, tôi cẩn thận gỡ ra đốt từng cái một. Mùi khói pháo, mùi hương trầm quện vào nhau nghe như tết đã về.

Càng về trưa, mùi thơm từ những hàng ăn nghi ngút khói với nào phở, nào xáo lòng, bánh mướt thịt chó... tỏa ra, hấp dẫn vị giác của bất cứ ai đi ngang qua. Trước mắt tôi là bao loại bánh, món ngon: bánh xèo vàng rộm, bánh nếp trắng tinh, bánh gai, bánh mật, bánh kê, chả cuốn, gà vịt quay, cháo mật,... khiến càng nhìn càng thấy nôn nao.

Mua bán xong xuôi, mẹ dẫn tôi đi chọn quần áo mới dành mặc tết. Nói là quần áo mới nhưng thường thì chỉ là một cái quần, hoặc một cái áo, tùy tình hình. Năm nào áo rách hết thì mua áo, quần hỏng hết thì mua quần, hiếm khi được mẹ mua cho cả bộ trọn vẹn. Thằng hoặc lăm, cũng có năm được mẹ mua cho cả bộ thì đó là bộ đồ rẻ tiền. Có lần, mẹ mua cho tôi một bộ đồ như con gái, không mặc thì không có quần áo mới, mà mặc vào thấy cũng có phần kỳ quặc, mẹ động viên: “Đồ con trai đó, con không thấy cái bươm (túi áo) đây à”. Cuối buổi chợ, chúng tôi thường được mẹ đãi những món quà giản đơn như mấy cái bánh xèo hoặc bánh mướt ăn với nham rau nhót, đôi khi chỉ là cái bánh lá, bánh kê... Trưa đến, từng đoàn người lại rong rảnh đi về trên các nẻo. Những đôi quang gánh nặng trĩu hàng hóa. Mấy người đi xe đạp đã chờ về những cành đào, cây quất, cánh hoa đào rơi nhẹ nhàng vương trên mái tóc cô gái tuổi trăng rằm, miệng chúm chím cười trong cái nắng hanh hao.

Chợ Sy, trong tâm thức nhiều người dân quê tôi, không đơn thuần chỉ là cái chợ, nơi diễn ra việc mua bán làm ăn. Chợ Sy còn hơn thế, là nơi giao lưu kinh tế, văn hóa của nhiều địa phương, nơi lưu giữ những kỷ niệm của bao thế hệ. Với tôi, chợ Sy là nơi Tết về sớm nhất, đầy đủ nhất, sống động nhất.

Chợ Sy giờ đây dường như không còn mang tầm vóc chợ huyện vốn có. Diện tích chật hẹp, cơ sở vật chất xuống cấp, hàng hóa không còn đa dạng bằng nhiều nơi khác. Mỗi lần ngang qua nơi đây tôi lại ngậm ngùi, tiếc nuối, nhớ về những phiên chợ tết đã xa....

Một người cộng sản

Truyện ký của **QUỲNH LÂM**

Một sáng mùa Xuân năm 1973. Người đàn ông dong dong cao gầy, người làng Đậu Vinh (Diễn Phong, Diễn Châu) đáng vẻ bồn chồn lặng lẽ rời làng ra ga Sy để bắt chuyến tàu sớm. Vài người làng đi chợ gặp ông, chào: “Ông Giá đi mô sớm rứa?”. “À, tôi ra Vinh thăm chú nó chuyển”. Ra đến ga, lên tàu rồi mà ông dường như còn suy nghĩ lung lăm. Hay là mình quay trở về? Nhưng mà thôi, cứ đi. Nếu không thể cất lời thì cũng ra đó gặp mặt em, mặt con.

Xuống tàu, ông hỏi đường tới nhà em trai. Bữa nay, nhà em trai ông khá đông người. Có đội văn nghệ tuyên truyền của Khu 4 đang tập luyện trong đó. Và giữa bao gương mặt trẻ trung hân hoan ngồi nơi sân nhà, ông nhìn thấy nụ cười tươi rói, cái vẻ khỏe khoắn, điển trai đầy mạnh mẽ nhưng cũng đầy duyên dáng của con trai mình. Thoáng chút ngạc nhiên khi thấy cha xuất hiện, Đậu Dần - con trai ông khẽ hỏi: “Cha mới ra?” Ông gật đầu: “Ừ, biết tin con về Vinh đây luyện quân, cha xuống xem con khỏe mạnh, công tác thế nào.”

Khi nhà đã vắng khách, Đậu Dần thấy vẻ bối rối của cha mình: “Cha còn có việc chi nữa phải không?”. Ông Giá (tên bấy lâu người ta vẫn gọi ông là tên chú em, còn thực tên của ông là Đậu Dụ) thoáng chút giật mình, và ông nói vội, như sợ chỉ chậm vài giây nữa là ông không cất nổi nên lời: “Dần à, cha muốn nhờ con đưa cha lên trên tỉnh xin cái huân chương. Ở quê, ông Ngũ Điểm - người làng Đông Tác cũng vừa được nhận huân chương. Có lẽ cha cũng được”. Cậu con sững lại. Và trong phút chốc, cậu kinh ngạc và giận dữ, như bao uất ức tủi hờn bấy lâu cam nín đã trào ra không gì ngăn cản: “Cha nói gì? Huân chương á? Cha đã làm được gì? Cha có huân chương gì để mà xin?”. Dồn dập là thế, nhưng đó không phải câu hỏi, đó là lời mai mỉa, trách cứ, dai dẳng bao năm xoáy vào tâm can người cha là



Minh họa: TRỌNG HIỆP

ông. Đậu Dụ chột nghẹn lời. Có cảm giác như cả bầu trời đang đổ ập xuống vai mình. Ông thấy sao mà vai ông nặng trĩu đến thế, thấy đôi chân mình như không thể nhấc nổi. Và, ông như một người đang xấu hổ, bồng cúi đầu. Bao nhiêu năm, ông chờ một lời chất vấn như thế, chờ cái nổ tung vỡ òa như thế để mong mỏi, cậu con trai duy nhất trong 10 người con ông có, một lần được đối diện thẳng thắn với cha, một lần được trút bỏ vơi đi những phiền muộn.

Và, Đậu Dụ đã lặng thinh nhìn con, nhìn cơn giận dữ bất chợt đến trong lòng nó. 2 cha con đứng đó, mà vờ vờ cách ngăn. Ông muốn đến ôm lấy con trai mình, như buổi chiều của hơn 10 năm về trước, khi Đậu Dần còn là một cậu bé chừng hơn mười tuổi, sau nhiều tháng năm cha bỏ đi biệt tăm tích một ngày kia bỗng xuất hiện trước sân nhà. Khi ấy, lần đầu tiên con ông mới biết đến hơi ấm của vòng tay cha bởi những tháng năm ông đi xa, cậu con còn quá nhỏ. Nhưng bây giờ, đứng trước ông là chàng trai cao lớn, vạm vỡ. Một chàng trai đã chịu bao vùi dập mà lớn lên và trưởng thành, được rèn luyện trong quân ngũ và lửa đạn. Đậu Dụ lẳng lặng xếp lại tay nải, và ông nói mình sẽ quay về nhà. Và, lại lặng lẽ như thế, ông ra bắt chuyến tàu chiều về lại ga Sy.

Trên đường về, lòng ông như có dao cắt. Ông hối hận vì mình đã bước chân đi, hối hận vì mình đã thốt ra lời đó. Trong đầu ông, quá khứ, những dấu ấn cuộc đời lộn xộn trở về... Mấy bữa trước, người ta xôn xao chuyện ông Ngũ Điểm ở bên làng Đông Tác được tỉnh tặng huân chương sau một quãng dài bị quy là "thành phần phản động". Ông thì nghĩ, đây cũng là cơ hội để mình bày tỏ với dân làng, với gia

đình, con cái “thân phận” thật của mình. Vì ông với ông Ngũ Điểm cũng đứng chung trong tổ chức những tháng ngày sục sôi cách mạng ngày xưa ấy.

Ông nhớ về những tháng năm tuổi thơ (ông sinh 1908). Ngày ấy, cả quê hương chìm trong tăm tối dưới gót giày thực dân. Lớn lên chút nữa, ông được nghe về cụ Phan Bội Châu, được đọc một số tác phẩm của cụ. Thời ấy, một số tác phẩm được đọc bởi nhóm hội ở một số làng quê, còn có cả bình văn thơ. Thời thanh niên của ông Dụ là giai đoạn phong trào Đông du và Duy tân thất bại, nhưng tư tưởng Đông du, tư tưởng Duy tân vẫn ảnh hưởng mạnh mẽ đến những thanh niên tiên bộ quê ông. Nhờ có sự tuyên truyền của họ, nông dân từng làng đã biết tập hợp nhau thành phe hộ để chống lại phe hào (phe hào gồm hào lý và các quan viên chức sắc trong làng xã, trong đó có cả địa chủ, phú nông, phe hộ là dân hộ, gồm những người phải gánh vác phu phen tạp dịch, phải nộp sưu). Năm 1926 ở làng Hướng Dương (Diễn Phong), 2 phe đã có phen đánh lộn nhau phải lên phân xử ở quan phủ mà vẫn không thành. Cũng những năm này, ông Dụ nghe được uy tín của Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội lan rộng, ảnh hưởng đến nước nhà. Ông thấy háo hức lắm, mong sao tổ chức ấy về đến quê hương. Ông muốn làm gì để người dân quê thoát khỏi những lầm than, cơ cực. Muốn đuổi khỏi quê hương bọn thực dân đang ra sức vơ vét, bóc lột thuộc địa. Và cơ hội ấy đã đến. Sau khi đồng chí Võ Mai, quê làng Vạn Phần được tham gia lớp huấn luyện chính trị tại Hoàng Phố (Trung Quốc) trở về, mót nối với những thanh niên tiên tiến ở làng nước mắm Vạn Phần và thành lập được tổ chức Thanh niên cách mạng đồng chí Hội đầu tiên ở Diễn Châu. Nghe được thông tin này, ông Dụ mừng lắm. Ông đã cùng với lứa thanh niên Diễn Phong thời ấy như Ngũ Ban, Trần Sỹ Mai, Nguyễn Khoát, Giao Huệ, Quế Hữu Dương bàn nhau tìm mọi cách liên hệ với tổ chức này. Đó là những năm 1928, 1929.

Ông Quế Hữu Dương mót nối được với đồng chí Trần Tiến (đảng viên Đông Dương cộng sản Đảng, chỉ bộ công nhân sản xuất nước mắm Vạn Phần) xây dựng được tổ chức ở Đông Câu. Ông Ngũ Ban thì liên hệ được với đồng chí Cao Hoàn ở Mỹ Lộc giác ngộ quần chúng làng Hướng Dương. Ông Trần Sỹ Mai mót nối xây dựng tổ chức cơ sở ở Vĩnh Lại, Nha Nghi. Ông Nguyễn Khoát thì liên hệ với ông Hồ Khương là hội viên Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội hoạt động tại xã Đông Tháp. Còn ông Đậu Dụ thì liên lạc với các tổ chức cách mạng ở Đông Trai, tổng Lý Trai (nay là Diễn Kỷ). Cũng từ đây, ông Dụ đã bị mật thám Pháp theo dõi sát sao. Tuy nhiên, ông vẫn khéo léo hoạt động và cùng với các đồng chí khác vận động được đông đảo quần chúng nhân dân xã Diễn Phong giác ngộ cách mạng. Tất cả các hoạt động của ông và đồng chí đều phải hết sức bí mật, ít người được biết nếu không phải cùng trong một tổ chức.

Phong trào mạnh mẽ hơn trong những năm 1930. Ông Dụ tham gia rải truyền đơn, dán áp phích, treo cờ búa liềm, tổ chức mít tinh quần chúng. Dấu chân trong đêm tối của ông in trên nhiều nẻo đường, từ nghề Hướng Dương ở giữa Đồng Trài, cồn Chùa Thông, chùa Trọc, chùa Bút... để tuyên truyền người dân đến nghe nói chuyện, tuyên truyền cách mạng. Có nhiều cuộc họp mật cùng tổ

chức ở ngã ba Diễn Châu, ông Dụ còn rủ theo người em còn nhỏ trong nhà là Đạu Liềm đi theo để che những con mắt cú vọ mặt thám Pháp.

Ông Dụ lại nhớ cái lần mình hút chết trên sông Bùng. Bữa đó, ông nhận nhiệm vụ rải truyền đơn ở mấy làng. Gần đến hết đêm, ông bị bọn Pháp đi tuần phát hiện được, đuổi theo. Không còn cách nào khác, ông nhảy xuống sông. Con sông quê bao lần tắm tấp tuổi thơ, giờ đây trong đêm tối đã che chở cho ông bằng dòng nước ấm mềm và cụm bèo tây lơ lững. Ông trôi xuôi theo dòng nước, vẫn nghe tiếng đạn bắn chiu chiu bên trên và tiếng bọn lính gọi nhau tìm người. Ông đội bèo mà bơi, sang tận bên kia sông, tìm vào nhà mẹ vợ để hong quần áo... Thế rồi, lần ông tham gia mít tinh ở Chùa Bốn, Đông Tháp cùng với các ông Trần Sỹ Tung, Trần Sỹ Mai, Nguyễn Khoát do ông Đào Xấn và bạn học Lý Liềm Sô cùng hoạt động từ phong trào Đông du - Duy tân tổ chức, đã bị Lý trưởng làng Đông Tháp là Chánh Thৌ mật báo với quan Pháp. Ông Tung bị bắt giam tại điểm canh và bị đánh đập dã man với tội danh hoạt động cộng sản. Các ông Mai, ông Khoát phải bán mỗi người 2 sào ruộng để có tiền chạy tội. Riêng ông Dụ có sự che chở, đảm bảo của ông Lê Khắc Triết, Lý trưởng làng Vĩnh Lại bằng cách thay tên trong thẻ tùy thân của ông bằng tên của em trai ông là Đạu Giá (khi đó đang cư trú ở Vinh) làm bằng chứng ngoại phạm. Cũng từ đó, ông Đạu Dụ đã mang một cái tên khác là Đạu Giá.

Ông Dụ đã nhớ về những chuỗi ngày đầy thấp thỏm, lo âu và nhiều nỗi buồn vì bế tắc của ông và những người đồng chí của mình thời gian đó. Ấy là quãng thời gian phong trào cách mạng trên quê hương bị thiệt hại nặng nề. Bọn cường hào, ác bá ra sức vênh vang, hống hách và ra sức lùng sục bắt bớ đảng viên, các cán bộ cách mạng. Nhất là giai đoạn đồng chí Ngũ Ban bị bắt và giam ở Nhà lao Vinh. Cùng với nhiều người đồng chí khác, ông cũng “nằm im chờ thời”, rồi nhen nhóm, móc nối dần các cơ sở cách mạng với nhau. Ông Quế Hữu Dương thì mở cửa hiệu buôn bán lâm sản ở Nghĩa Đàn lấy tên là “Tự Nhiên”, sau khi bị bọn mật thám nhòm ngó đã chuyển sang thành lập Công ty lâm sản Hương Quỳnh hoạt động trên phạm vi từ Hương Sơn (Hà Tĩnh) đến Quỳnh Châu (Nghệ An). Một số đồng chí cách mạng cũng đã tham gia cổ phần vào công ty để tìm cách hoạt động. Ông Dụ lúc này cũng đã liên hệ được với các ông Nguyễn Khoát, Giao Huệ, Ngũ Dy, Quế Hữu Dương, Trần Sỹ Mai, Đào Xấn, Hồ Khương... Ông Dụ được cử về hoạt động tại vùng chợ Lường - Đô Lương dưới hình thức phường vải.

Những năm 1939-1945, nhiều biến động lớn trong nước và quốc tế đã ảnh hưởng lớn đến phong trào cách mạng ở Diễn Châu. Thực dân Pháp ở Đông Dương đầu hàng Nhật. Phong trào đấu tranh cách mạng diễn ra khắp nơi. Kẻ thù điên cuồng đàn áp, thực hành sắc luật của Phủ Toàn quyền Đông Dương “bắt nhằm hơn bỏ sót”. Cuối năm 1940 có tới 13 cán bộ, đảng viên ở Diễn Phong bị bắt. Trong số những tên cuồng điên sục sạo bắt bớ những người yêu nước giác ngộ cách mạng có tên Trần Văn Huân, bang tá phủ phụ trách tổng Vạn Phần và Hoàng Trường. Nhân cơ hội cấp trên đang tin nhiệm, tên bang tá này đã chạy chọt đút lót để mong phụ trách thêm tổng Lý Trai. Lúc này, tổ chức xét thấy, người có thể lực

chống đối với bang tá Huân chỉ có thể là ông Đậu Dụ. Và lúc này, ông Đậu Dụ đã ra mặt cùng tranh cử chức vị này với bang tá Huân nhằm một phần hạn chế quyền lực và tội ác của tên tay sai này, mặt khác cũng để né tránh sự truy nã gắt gao của kẻ thù nhằm vào những người cộng sản. Và cuối cùng ông đã thắng cử, trở thành bang tá phủ phụ trách tổng Lý Trai. Đó là một quãng thời gian ngắn ngủi, và ông nhớ khi mình “sắm vai” phụ trách tổng Lý Trai, đã luôn cố gắng đứng về phía dân nghèo, yêu thương, bảo vệ họ...

Tiếng còi tàu xuống đến ga Sy làm dứt những suy nghĩ miên man của ông Dụ. Những bước chân nặng nề xuống đường quê, ông lại nhớ về vẻ mặt cậu con trai duy nhất của mình. Ông không thể trách con, ông biết. Ông ước như mình có thể gánh hết cho con bao nhiêu uất ức buồn đau đắng đặc mà nó và các chị em phải gánh chịu. Bước chân tập tễnh trên con đường gập ghềnh về nhà bữa nay như xa xôi thế với ông. Và ông nhớ về những nguồn cơn ấy...

Quãng giữa thập kỷ 50 thế kỷ XX, khắp nơi trên miền Bắc dấy lên phong trào đấu tố địa chủ, cường hào. Làng nhỏ Diến Phong cũng xôn xao chuyện đấu tố. Bữa ấy, ông Dụ đang ở sân nhà chặt củi thì thấy cô con gái thứ 2 của mình tên Đậu Thị Ba đi xem đấu tố địa chủ, phản động ở Cồn Chùa hốt hải chạy về: “Cha ơi, cha, có người đang bị đấu ở Cồn Chùa họ khai cha là phản động. Họ còn nói cha cũng đã làm bang tá phủ, có nợ máu với nhân dân”. Buông vội con dao trong tay, ông Dụ gọi vợ mình - bà Trương Thị Vỹ vào gian buồng trong và nói với: “Có lẽ tình hình không ổn, tui phải đi. Bà ở nhà nuôi lấy các con! Khi nào mọi việc xuôi xuôi, tui về”. Bà Vỹ chỉ kịp hiểu, tình thế nguy cấp, ông phải đi. Sắp vội tay nải cho chồng, bà dặn ông cố gắng trở về, còn bà ở nhà sẽ làm tròn bổn phận. Và thế là ông đi... Ông mất dấu từ đó ở làng nhỏ Đậu Vinh. Ông đã mất dấu từ đó trong cái gia đình mà sau khi ông đi bao nhiêu tai ương đã bủa vây lấy vợ con ông. Ông đi đâu, làm gì, không một ai biết cả. Để rồi vài năm sau, ông xuất hiện trước sân nhà thì lúc đó cậu con Đậu Dần đã lớn. Nó ngơ ngàng nhìn người cha bằng xương bằng thịt xuất hiện đang ôm lấy thân mình và dắt vào trong nhà. Nó chỉ biết, cha đã làm gì đó, khiến cho gia đình bị mất sạch đồ đạc, nhà cửa. Mấy mẹ con phải dắt díu nhau xuống ở gian nhà dưới. Cha đã làm gì đó, khiến người làng sợ hãi và nghi kỵ, rất dè chừng khi tiếp xúc cùng mẹ con nó. Cha đã khiến cho mẹ có hôm ôm lấy nó mà khóc: “Con ơi, đã có lần mẹ đi bắt cáy, mẹ định đi mãi xuống lòng sông Bùng, cho sông cuốn mẹ trôi đi. Mẹ chết đi chắc sẽ trôi đi hết muộn phiền, tui nhục. Nhưng nghĩ đến các con, mẹ lại gạt nước mắt mà về”... Và giờ đây, người đàn ông trong gia đình ấy đã trở về, lặng lẽ đi cày và bốc thuốc như bao nhiêu người làng. Chỉ có điều cái “án” địa chủ cường hào mãi mãi đóng dấu lên gương mặt và trong lý lịch của các con ông, không có cách nào xóa được. Nó thành nỗi trống hoác lì lợm bám sâu vào không khí gia đình, vào tâm hồn mỗi thành viên, trong từng đêm không ngủ của cậu con Đậu Công Dần...

Vậy nên dù có nhiều nỗ lực và giới giang không kém ai, Đậu Công Dần vẫn không được đi học đại học, không được vào bộ đội. Thậm chí không được trở thành đoàn viên như bất cứ người trẻ nào mong muốn. Ngay cả khi trở thành

một chàng trai tuấn tú có nhiều tài lẻ, chuyện tình yêu của Dần cũng trắc trở vì cùng một lý do. Đậu Công Dần đã có những đêm lủi thủi bước về từ một cuộc tụ tập bạn bè, hay sau một cuộc họp thanh niên mà chỉ những đoàn viên được ở lại. Cái câu họ nói “Tỉ họp xong các đoàn viên ở lại” đã trở nên quen thuộc nhưng sao mỗi lần nghe nó, Đậu Công Dần vẫn thấy ngậm ngùi mãi không thôi, buồn tận cùng cái nỗi buồn vốn đã chất chứa từ lâu trong tâm hồn.

Tuy nhiên cuối cùng, sau nhiều lần viết đơn xin vào bộ đội, anh đã được chấp thuận khi có đợt thiếu quân. Với bao nhiêu nỗ lực phấn đấu và quyết tâm dốc lòng cho cách mạng, Đậu Công Dần trở thành một người lính dũng cảm đầy nhiệt huyết, được đồng đội yêu quý. Anh từng chiến đấu trong các đơn vị Đoàn 22 QK4, Tiểu đoàn 40 chiến đấu ở Lào, đơn vị pháo C50 bảo vệ Hòn Ngự, Hòn Mất... Lúc nào tinh thần chiến đấu kiên cường cũng luôn thường trực trong anh, bởi khao khát bấy lâu được gia nhập quân đội giờ đã thành hiện thực, và anh luôn nghĩ, ngay cả khi trường hợp xấu nhất xảy ra là cái chết, thì sự hy sinh của mình biết đâu có thể xóa đi những định kiến của mọi người về một lý lịch xấu từng ám ảnh gia đình anh bao năm. 21 năm bền bỉ là cảm tình đảng, nhưng vẫn chưa được đứng vào hàng ngũ của Đảng. Nhiều cán bộ và đồng đội hiểu tình cảnh của Đậu Công Dần, ôm anh mà khóc... Ông Dụ hiểu lắm, cái ánh mắt cậu con khi nhìn mình. Có bao lần ánh mắt ấy muốn hỏi ông, muốn chất vấn ông: Vì sao ông lại có thể trở thành một kẻ phản bội nhân dân? Tại sao ông lại chọn con đường ấy? Ông hèn nhát, mưu lợi chăng? Để rồi cuối cùng cái câu hỏi ấy đã bật ra: “Huân chương á? Cha đã làm được gì? Cha có huân chương gì để mà xin?”

Ông Dụ hiểu, cái gánh nặng mình để lại cho gia đình này, đặc biệt cho con cái là quá lớn, không để gì mà xóa bỏ. Nhất là với cậu con tràn đầy nhiệt huyết, tình yêu và khát khao cống hiến, như ông ngày xưa. Ngắm đi ngắm lại thì sao mà nó giống ông đến vậy. Kháng khái, quyết đoán, dám dấn thân, dám hy sinh và có khả năng chịu đựng phi thường. Chỉ nghĩ vậy, ông có chút yên tâm một phần. Còn về phần mình, ông đã quyết chọn sự im lặng. Ông đã im lặng được bao năm nay. Sao không thể im lặng đến cuối đời? Hãy cứ để trong lòng thằng Dần mang một nỗi giận ấy, vì vết thương mà ông chẳng may gây ra quá lớn...

VĨ THANH

Chuyến tàu và người đàn ông bữa ấy lên và xuống ga Sy rồi sẽ chìm trôi, sẽ chẳng có điều gì đáng nói nếu như mãi về sau này, khi sự thật về ông - một người cha - được chính con mình tìm ra và làm hé lộ. Đó là một ngày Hè năm 2009. Lúc này, ông Đậu Dụ đã mất được 32 năm. Trước khi ông mất (tháng 9 âm lịch năm 1977) ông có nhờ cậu con trai chở đi một vòng quanh các nhà thờ họ tộc. Ông gửi lại đó chút tiền và nói với những người trong họ nhưng cũng có nét giận lẫy con trai: Nhờ các bác, các chú sau này thấp giúp tôi nén hương, chứ thằng Dần có lẽ sẽ chẳng thấp hương đâu. Cái ngày ông Dụ mất, trước lúc nhắm mắt, ông Dụ có nhờ con: Con ra mời ông Ký Bình vào đây cho cha! Ông Ký Bình, cũng là một người bị án “thành phần”, còn nặng hơn cả ông Dụ là bị “đày” ra sống trơ

trội giữa cánh đồng làng. Ông Dần gọi ông Ký Bình vào nhà mình, 2 người trò chuyện cả buổi. Sau khi ông Ký Bình về khoảng mấy tiếng sau, ông Dụ trút hơi thở cuối cùng. Ký ức về cha chỉ là thể trong lòng cậu con Đậu Công Dần.

Trở lại với ngày Hè năm 2009, khi ấy Đậu Công Dần đã chạm tuổi 60, đã tạo dựng được cơ nghiệp đáng kể bằng tài năng, nghị lực phi thường. Đậu Công Dần cùng một người bạn đến Bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh, thành phố Vinh để hỏi thông tin về cha của bạn nguyên là chiến sĩ cộng sản từng bị tù đầy tại nhà tù Buôn Mê Thuột. Trong buổi làm việc, ông Dần buột miệng hỏi chị Nguyễn Hương Lam, cán bộ Bảo tàng, xem liệu Bảo tàng có lưu trữ hồ sơ của những người hoạt động cách mạng những năm 30, 31 thế kỷ trước. Khi chị cán bộ bảo tàng hỏi lại ông tìm ai, ông trả lời:

- Tôi tìm cha tôi, ông tên Đậu Dụ, sinh năm 1908, quê Diễn Phong, Diễn Châu. Tôi không rõ ông có hoạt động gì, nhưng có lần nghe mẹ tôi nói: Cha bây đi rải truyền đơn, tham gia cách mạng. Có lần suýt bị Pháp bắn phải nhảy sông chạy về nhà bà ngoại mới thoát thân. Với lại tôi chợt nhớ cách đây chừng 3 năm, quãng năm 2006-2007, một người bạn cùng thời với cha tôi, ông Hoàng Huân, nguyên Trưởng Công an huyện Diễn Châu có nói trong một lần gặp mặt: Bây không biết mô, cha bây ngày xưa là cộng sản hoạt động bí mật mãi tới khi sức khỏe yếu mới xin nghỉ.

Và ngày hôm đó là một ngày định mệnh. Tưởng câu hỏi băng quơ sẽ chỉ là một sự việc bình thường trôi đi như ngàn vạn sự trôi đi khác, nhưng 4 giờ chiều ngày hôm đó, ông Dần nhận được cuộc điện thoại của cán bộ Bảo tàng, nói đã tìm ra hồ sơ của ông Đậu Dụ và cần xác nhận lại một vài thông tin khác. "Nếu đúng vậy thì cha anh là cộng sản nguy hiểm theo hồ sơ lưu trữ của mật thám Pháp ngày xưa", người của Bảo tàng nói.

Ông Dần như chết lặng trong một lúc lâu. Đây có lẽ là giây phút đáng nhớ nhất trong đời Đậu Công Dần, khi người đàn ông tóc đã hoa râm, đã trải qua bao sóng gió cam go, vượt qua nhiều chông gai thử thách, từng vào sinh ra tử nơi chiến trận, từng oan ức và đau khổ cùng cực, lại biến thành một đứa trẻ đang khóc. Ông không thể gọi tên cảm giác của mình lúc này. Chỉ biết mọi thứ vỡ òa: mọi băn khoăn nghi hoặc, mọi trách móc ám ức, mọi buồn tủi khổ đau. Nhưng lúc này, mừng rỡ, hổ thẹn và hối tiếc, tất cả cùng nhức nhối trong ông. Ông lại nhớ đến câu hỏi của mình vào một ngày xa lắc năm 1973, cái câu hỏi ngàn lần không nên có.

Từ hồ sơ của Bảo tàng và những người chép sử quê hương, ông Dần mới biết rằng cha ông Đậu Dụ (sinh năm 1908), tên hoạt động cách mạng là Đậu Giá được ghi trong hồ sơ mật thám Pháp. Cái tên ông được khép lại trong hồ sơ mật thám Pháp với dòng thông tin: 1943 khi ra ứng cử bang tá phủ - bị điều tra, tố giác là cán bộ tài chính của Đảng Cộng sản, bị truy lùng năm 1930-1931.

Là một cộng sản hoạt động bí mật, Đậu Dụ đã nín lặng suốt cuộc đời. Ngay cả người vợ thân yêu của ông, bà Trương Thị Vỹ, cũng không biết gì về công việc

của chồng mình, bà chỉ kịp vài ba lần nhắc lại chuyện của ông với con, về việc ông tham gia cách mạng, đi rải truyền đơn, có lần suýt bị Pháp bắn phải nhảy sông chạy trốn. Năm 1973, sau thời gian lâm bệnh nặng, bà Vỹ yếu đi rất nhiều. Nhưng trong những ngày cuối cùng của đời mình, dù chỉ còn chút hơi tàn, bà cố gắng nói hết ra với cậu con trai duy nhất, hẳn bà đã linh cảm được điều ấy:

- Bằng giá nào con cũng hãy tin, hãy đi theo cách mạng. Không được về.

Lời dặn của bà, cũng là niềm tin, niềm hy vọng lớn nhất và sau cùng, đã được cậu con trai thực hiện. Nhưng chính bà cũng đã một đời nín lặng, giữa bao nhiêu mũi tên dư luận, bao nhiêu ruộng rẫy dập vùi. Chính bà, đến lúc chết, vẫn không biết được sẽ có ngày chồng mình được minh oan, và niềm vui trở lại với gia đình dấu đã muộn màng nhưng vẫn vô cùng ý nghĩa.

Đến giờ ông Dần vẫn không hiểu cha mình đã vượt qua tất cả bằng cách nào, ngay cả khi vết thương nhói buốt nhất đã được khơi dậy bởi chính những người thân của ông. Chôn vùi câu chuyện của mình trong bóng tối, người chiến sỹ cách mạng kiên trung đã chấp nhận nó bị lãng quên cùng với thời gian, ngay cả khi ông chỉ còn là một nắm tro dưới đất. Những ngọn cỏ đã mọc lên, chúng không mấy may biết phía dưới nắm mỏ là một người đã từng quên mình cho cách mạng, đã sống dưới một cái tên khác, thậm chí đã sống dưới một bóng hình khác, một cuộc đời khác. Ông chấp nhận sự im lặng đơn độc của mình, vì một điều cao cả hơn. Và sự nín lặng của ông đã hòa với sự nín lặng của đất, sự nín lặng của thiên thu.

Giờ đây, sau một quãng thời gian dài, người con trai của ông nhận ra trong hồi tiếc, rằng chưa một lần ông hỏi cha mình đã làm gì, hỏi một cách nghiêm túc chứ không phải với giọng điệu mỉa mai như ông đã từng hỏi. Tại sao một câu hỏi đơn giản thế, “Cha đã làm gì?”, đã không được ông hỏi một cách đơn giản, thẳng thắn với cha? Tại sao ông lại hỏi câu đó trong một hoàn cảnh trở trêu như thế? Cha ông, Đậu Dụ, hay còn gọi là Đậu Giá, đã làm được gì ư? Ông ấy đã làm một người cộng sản, sống một cuộc đời cộng sản, và chết như một người cộng sản chân chính. Ông ấy phải đổi tên, phải giấu bản thân, phải làm một nốt lặng trong bản nhạc nhiều âm điệu, phải bí mật và che giấu suốt quãng đời dài, phải im lặng đến hơi thở cuối cùng, từng như một kẻ cường hào nơm nức nhân dân trong con mắt của người khác, phải nuốt từng miếng đòn oan nghiệt của thời cuộc và số phận, nhưng trọn cuộc đời ông, cuộc đời được vây bọc bởi hai từ nín lặng, đã xứng đáng hơn bao giờ hết với hai từ: chính trực. Thật kì lạ, sự che giấu lại đi đôi với sự chính trực, nhưng đó lại là điều bí ẩn khiến cho cuộc sống này có thể trở nên kì diệu. Giờ đây Đậu Công Dần có thể viết những dòng chữ ngay ngắn trên bản lý lịch mới của mình, không phải là một lý lịch viết bằng giấy trắng mực đen thành văn bản, mà là lý lịch của tâm hồn ông. Ông sẽ viết tên cha mình, tên một người cộng sản, với chút ngậm ngùi hồi tiếc nhưng cùng với đó là rất nhiều yêu thương và tự hào.



Minh họa: TẠ TÂM

Chị Quy

Y BAN

Chị Quy bê chậu nước nóng từ bếp lên cho anh Huy ngâm chân. Anh Huy thò hai bàn chân vào cái ang sành. Khoan khoái quá anh rên lên khe khẽ. Anh nhắm mắt để tận hưởng hết cái dư vị của sự khoan khoái. Cái sự khoan khoái này nó cũng có cung bậc. Nào có phải cung tần mĩ nữ, sơn hào hải vị gì đâu mà lại khoan khoái đến vậy. Chỉ là nước nóng với vài loại lá cây trong vườn, một nắm muối, lại đựng trong ang sành. Nước nguội dần. Anh Huy mở mắt ra. Chị Quy ngồi trên cái ghế đối diện với anh, mắt nhìn xuống đất, mặt bẽn lẽn. Dáng chị vẫn ngồi từ lúc anh cưới chị đến nay. Anh Huy nhấc chân lên. Chị Quy hứng lấy hai chân anh trên chiếc khăn bông dày. Anh Huy đỡ lấy chiếc khăn. Chị Quy bưng cái ang sành hắt nước ra sân.

Anh Huy vui mặt vào đồng chăn chiếu thơm mùi khói rạ. Mới chỉ có vài giây mà mắt anh đã díp lại như sắp đắm vào giấc ngủ say sưa. Bỗng nhiên có sự khác lạ khiến anh bừng tỉnh. Chị Quy rúc vào nách anh từ khi nào. Chị hít hà hơi anh. Chị ử hai tay vào lòng anh. Quá lạ với cái cách của chị Quy. Anh Huy cứ nằm im như ngủ vậy. Anh Huy cố thở đều đều. Chị Quy lấy hai tay đã được ủ nóng áp lên má anh. Chị thì thầm, anh ơi, anh không yêu em thì anh cố yêu con anh nhé. Anh hãy mang con ra thành phố. Anh đừng để nó khổ như em anh nhé. Anh cố yêu em một lần có được không anh? Anh hãy ôm em thật chặt vào, rồi thì anh sẽ muốn yêu em. Chị áp má vào mặt anh. Một lúc hơi ấm nồng nàn dự khị anh Huy. Anh Huy thấy máu mình chảy rần rật trong người.

Anh Huy thốn thức. Anh không dám cự mạnh. Anh nén tiếng thở dài, như bao lần chị Quy đã nén tiếng thở dài khi nằm cạnh anh là chồng khi xưa.

Chị Quy là con gái nhà nông hiền lành xinh xắn. Mười bảy tuổi đã được gả cho anh nhưng thực ra là để về chăm sóc u già ở quê cho gia đình anh. Gia đình anh Huy không phải như các gia đình khác. Bố anh lấy cả hai chị em làm vợ. U già là bà cả. Anh con u già. Hai bà sinh được cả thảy mười bảy người con. Bố anh là người đàn ông tài hoa. Mười bảy người con mà ông nuôi thành đạt cả, lại hiếu đễ, có trên có dưới. Mười bảy người con đều thoát ly ra phố làm ăn. Ở quê còn một u già. Đó là do bố anh. Ông tính toán như thần. Ông bảo bỏ quê ra phố hết là bứng cây bứng cả gốc, rồi có mà chết đói hết. Anh Huy là con cả. Anh phải có trách nhiệm với u già. Anh đã có công việc tốt ở phố. Anh không thể quay về quê được. Suy đi tính lại cách tốt nhất mà vẹn cả đôi đường là anh cưới cô vợ nhà quê. Vẹn là là trọn vẹn với gia đình mà thôi chứ với anh Huy thì lỡ dở cả. Anh đã có người yêu ở phố. Anh Huy vật vã, khổn khổ. Anh không muốn cưới chị Quy nhưng anh cũng không muốn là đứa con bất hiếu. Anh thành người lằm lúi. Anh mặc áo chú rể. Anh mang hoa đi rước dâu. Hai họ ăn uống linh đình. Anh Huy cũng say bí tỉ. Rồi anh khóc hu hu.

Đêm động phòng hoa chúc anh Huy say vật vã ngoài phản. Chị Quy cũng ngáy pho pho. Khi bước qua cửa nhà chồng chị Quy đã tay năm tay mười dọn dẹp. Đến khi xong việc thì đổ người xuống giường là chìm ngay vào giấc ngủ. Ngày hôm sau anh Huy lên phố ngay. Chị Quy đã chuyển đời con gái từ nhà mình về nhà chồng. Chị hiền lành và đơn giản đến mức không biết cả túi thân. Chị cứ hồn nhiên phục vụ nhà chồng. Đến năm 25 tuổi chị bị gia đình dè bủ là đủ đủ đực, chỉ ra hoa mà không kết được quả. U già thương chị nhưng nể con trai không dám nói ra. Bảy năm trời chị làm dâu mà vẫn là con gái. U già bảo chị, nó về thì chui vào giường với nó, lăn vào nó mà đòi con chứ. Chị Quy nào dám lăn vào chồng đòi con. Chị khép nép nằm vào một góc giường, thở khe khẽ.

Thêm hai năm nữa chị Quy vẫn là đủ đủ đực thì anh Huy mang thằng con trai lên chín tuổi về ra mắt gia đình. Gia đình anh vui sướng đón thằng bé và mẹ của nó. U già và chị Quy ôm nhau khóc. Chỉ có u già là hiểu được lòng chị Quy. Đại

gia đình ở thành phố phát triển được vậy vì có hậu phương vững chắc là chị Quy. Ở thành phố thời gạo châu củi quế thì đã có chị Quy cung cấp gạo, rau, cá và thịt. Bà con lối xóm nhìn vào nhà anh Huy mà phát thèm. Chưa đến kỳ đóng gạo chỉ có vác rá sang nhà anh Huy là có gạo cho vay. Chị Quy vừa chăm sóc u già, vừa cấy tằm sào ruộng, hai sao mầu. Lại còn nuôi lợn nái với tám ổ gà, hai ổ ngan. Chị Quy có nguy cơ trắng tay. U già thương chị quá nhất quyết phản đối việc anh Huy đòi bỏ chị. Đại gia đình anh Huy lại họp. Họ cân nhắc việc anh Huy bỏ vợ. Rõ ràng nếu anh Huy bỏ chị Quy thì đại gia đình sẽ thiệt hại nhiều. Thôi thì vật chất có thể bỏ qua còn u già ai chăm sóc. Thế là đại gia đình chấp nhận cho anh Huy lấy vợ hai. Nhưng đời nào mẹ thằng bé, một người đàn bà có học, đi làm nhà nước lại chấp nhận vậy. Anh Huy phải bỏ vợ.

Anh Huy về nói chuyện với u già và chị Quy. U già khóc, chị Quy khóc. Chị Quy nói với anh Huy xin làm con nuôi u già. Chị Quy không còn nhà để về nữa. Chị là phận gái đi lấy chồng là hết rồi. Bây giờ chồng bỏ biết đi đâu về đâu. U già bảo, nếu mày đuổi cái Quy đi tao đập đầu chết, thôi mày cũng khổ chứ có sướng gì đâu Huy ơi. Vì mẹ mà mày khổ. Mày đừng lấy cái khổ của mày làm khổ thêm người khác. Mày hãy chấp nhận cái khổ của mày đi. Mẹ chỉ xin mày, hôm nay con Quy nó còn là vợ mày, mày cho nó làm đàn bà đi. Mẹ lạy mày. Mai nó làm em mày rồi thì nó làm gái đồng trinh cả đời hả con ơi. U già khóc nức lên. Anh Huy cũng khóc. Anh thấm thía nỗi khổ của mình. Anh nghe lời u già. Đêm ấy anh cho chị Quy làm đàn bà. Sáng hôm sau chị Quy với anh Huy đưa nhau ra tòa.

Điều kỳ diệu nhất đã đến với chị Quy. Chị Quy được làm mẹ. Chị sinh con gái. Chị nuôi con, chăm sóc u già và cấy lúa, chăn nuôi để chuyển ra thành phố.

U già mất chị Quy buồn tưởng như không gương được. Anh Huy năng về trông coi phần hương hỏa. Anh Huy muốn bù đắp phần thiệt thòi cho chị Quy. Anh bàn với đại gia đình cắt một phần ba đất cho chị Quy để mẹ con chị Quy có phần của cải riêng. Đại gia đình đồng ý. Đến khi nói với chị Quy thì chị Quy không nhận. Chị chỉ xin với gia đình là đừng đuổi mẹ con chị đi. Anh Huy nhìn cái mặt chị Quy mà phát ghét. Anh ghét cái bộ mặt cam chịu. Anh ghét cái bộ mặt cứ cúi nhìn xuống. Anh ghét cái bộ mặt lúc nào cũng bẽn lén trước anh. Anh chỉ muốn đuổi đi cho rảnh.

Anh Huy nằm ngay đơ ra. Chị Quy tìm môi anh. Môi chị xoắn xuyết lấy môi anh. Rồi chị trườn xuống người anh. Chị mở các khuy áo của anh. Chị phủ những cái hôn lên khắp người anh. Những cái hôn nóng rực. Chỉ thế thôi rồi chị lấy tay anh áp lên người chị. Chị bảo anh:

- Anh ôm em đi. Anh ôm em chặt vào. Một lần thôi.

Anh Huy ôm chị Quy. Anh ôm thật chặt. Rất lâu. Bỗng anh cảm nhận được một cơ thể rắn chắc và đầy sức sống của chị. Chị Quy đã bốn mươi tuổi. Anh cũng đâu con trẻ nữa. Anh hôn chị. Trong cái hôn anh Huy thấy mùi thơm thoang

thoảng của lúa đang thì con gái. Cái mùi làm anh ngất ngậy. Cái hôn lướt xuống ngực, hai cái mây mây, thây nẩy, thơm nức mùi khoai nướng chiều Đông. Và cái mịn màng như cánh hoa gạo ngai ngái mùi đất phơi ải. Anh Huy ngất ngậy rống lên như chú bò đực no cỏ, phởn tình trong chiều chạng vạng. Anh Huy ngã mình xuống giường. Trước khi nhắm mình vào giấc ngủ còn chép miệng nuối tiếc, vật báu trong tay mà đến giờ mới biết.

Anh Huy ngủ một giấc dài cho đến sáng. Mở mắt rồi mà anh còn chưa biết mình đang ở đâu. Phải mất một phút để nhớ lại. Và vài phút để cựa quậy chân tay. Có lẽ tối qua anh nằm thế nào thì sáng ra anh vẫn nằm thế ấy. Anh quay người sang nhìn chị Quy. Chị Quy nằm quay mặt vào tường, chăn kéo đến cằm. Anh Huy muốn ôm lấy chị nhưng còn ngại. Thì bao năm anh có ôm chị đâu. Tối qua là chị chủ động ôm anh trước.

Anh Huy chui ra khỏi màn. Anh mặc áo ấm rồi mới bước ra sân. Trời còn chưa sáng rõ. Dưới bếp đã có ánh lửa. Anh vào bếp. Đứa con gái mười ba tuổi mà đã tần tảo như mẹ. Nó đang đun cám lợn. Anh Huy vào bếp kéo ít rạ rồi ngồi xuống. Anh Huy hỏi con:

- Sao con dậy sớm thế?
- Vâng, con quen rồi bố ạ.
- Máy giờ con đi học?
- Bảy giờ con mới đi.
- Con học có giỏi không?
- Con chỉ được học sinh tiên tiến thôi.
- Con cố gắng học đi rồi bố đưa ra thành phố.
- Thôi bố ạ, con ở với mẹ ở quê. Con ra thành phố thì ai ở với mẹ.
- Cái nồi gì con vùi dưới gio đấy?
- Cơm nếp bố ạ. Con nấu để tí nữa bố ăn.

Trời sáng bạch. Anh Huy bảo con dọn cơm ra rồi đánh thức mẹ dậy cùng ăn.

Con Thảo, tên con bé là Thảo, hơi lười bầu:

- Lạ nhỉ, hôm nay sao mẹ lại dậy muộn thế? Có bao giờ mẹ dậy muộn thế này đâu.

Con Thảo dọn cơm ra bàn, mặc quần áo đi học rồi ra giếng múc nước rửa mặt bưng vào cho bố. Xong rồi nó mới vào đánh thức mẹ dậy. Bỗng nó hét lên:

- Bố ơi lại đây, mẹ không động dậy bố ạ.

Anh Huy chạy vào. Anh hất cái chăn ra. Chị Quy nằm nghiêng quay mặt vào tường. Chị đã chết từ lúc nào? Từ lúc anh Huy yêu chị xong hay nửa đêm về sáng. Anh Huy không biết được là giờ nào?



Minh họa: TRẦN MINH CHÂU

Cài lại cúc áo

HỮU PHƯƠNG

Sao anh lại để yên, không chút phản ứng gì? Và hơn thế, tưởng như còn nhắm mắt lim dim ra chiều đồng tình nữa, mặc cho tôi tay run rẩy mở từng cúc áo ngực? Sao tôi lại lơ ngơ như một con ngố tìm đến đây, tiền sảnh trụ sở một công ty liên doanh nổi tiếng, choáng lộn với những mảng tường ốp đá đen, chữ mạ vàng sang trọng? Mà lại, sao vào phút ấy, anh lại từ phòng làm việc của mình trên tầng, vội vã đẩy cửa bước ra như để đón tôi? Cả cái ông bảo vệ già tóc hoa râm ngoài cổng, bộ đồ xanh rêu nẹp chỉ vàng nghiêm ngặt, cũng gật đầu cho tôi vào, như thể tôi là người quan trọng của công ty? Cái gì đã tạo nên một guồng quay ăn nhịp giữa các bánh răng của một cỗ máy vô hình? Tôi không biết, chỉ đi theo thứ cảm xúc mơ hồ và mạnh mẽ của người đàn

bà yêu chồng, nghiện nhịp tim chồng. Đúng hơn, nghiện được đặt tai lên tấm ngực trần vạm vỡ của chồng, thích thú lắng nghe nhịp đập thộn thịch, rồi rức, cuống quýt nói lời yêu của trái tim trai trẻ chàng lính thủy.

Khi hàng cúc áo ngực anh được mở ra phanh ra, mắt tôi hoa lên, người ngổn ngáy tức thở, suýt khuyu xuống. Không biết vì chuyện gì. Một tảng ngực trai tráng quen thuộc, trên đó, di chứng đường mổ đã thành sẹo nổi, chạy như tia chớp tím đỏ chia đôi tảng ngực? Hay những âm thanh tự lồng ngực ấy phát ra? Đã hơn năm nay tôi khao khát biết mấy, liền nhanh chóng áp tai mình lên đó, lắng nghe tiếng gõ rộn rục, cho đã cơn ghiền. Mắt tôi thốt nhiên lim dim. Đầu óc trở nên mơ màng. Trái tim thổn thức hờn tủi. Tâm hồn chìm đắm trong cơn say hư ảo...

Nhưng một bàn tay phụ nữ ở đâu tức thì thộp cổ, kéo giật phắt ra. Một tiếng nổ sét sáy ngay bên mang tai. Đây chị kia, làm cái gì thế? Tôi giật thột quay lại, bắt gặp đôi mắt rục lửa căm hờn, trên một gương mặt phụ nữ trẻ đẹp, trạc tuổi tôi, chưa đến ba mươi. Từ đôi môi son đỏ, tiếng thét tiếp tục rít lên tức tưởi, xé toạc không gian huyền hoặc. Đây là người đàn ông của tôi. Là chồng tôi. Chị hiểu không? Anh ta là của tôi, từ sáu, bảy năm trời nay. Giờ chúng tôi sắp cư... ười... ới!.. Híc híc!... Tiếng thét bỗng thành tiếng hờ yếu mềm. Thiệp mời đã gửi... Tiệc nhà hàng đã đặt...

Sau cơn sấm sét, là mưa. Mưa dầm dề. Vừa úp khuôn mặt ứng hồng vào tấm ngực trần đã được tôi cởi phanh, như thể không ai có quyền chạm vào đó. Nước mắt nước mũi giàn giụa khuôn mặt nhiều son phấn. Chị chàng vừa khóc vừa kể lể một mình. Tôi chôn chân đứng lặng bên cạnh, và đã nghe thủng câu chuyện tình của họ. Một chuyện tình đẹp, trắc trở, ngỡ đã kết thúc vô vọng. Nhưng ông trời thương, người đời thương, đã cho kết cục tuyệt vời. Thật may cho họ. Anh chị yêu nhau khi còn ngồi trên ghế trường đại học. Nhà anh nghèo, nhưng chị chẳng chấp nê, miễn được hạnh phúc bên anh. Chị bao cho anh tất cả, bao chi phí học hành, bao công việc sau khi anh tốt nghiệp. Cả hai cùng về làm trong tập đoàn nổi tiếng của bố chị. Sau một năm, bố chị đã đặt anh lên ghế trưởng phòng. Họ đang chuẩn bị cho đám cưới, thì dùng một cái, anh đau yếu. Cơn bệnh tự thuở nhỏ bao năm nhờ sức trẻ mà ngủ yên, nay bùng phát. Số phận thử thách tình yêu của họ chẳng? Con bệnh diễn ra thường xuyên, kịch phát mỗi ngày, có khi tưởng chết giữa chừng con đau. Bố chị là một đại gia có tiếng, ông chiều cô con gái độc nhất đến cùng. Ý chị là ý trời. Anh được đưa đi hết viện này sang viện khác, kể cả nước ngoài. Nhưng ở đâu các bác sĩ cũng kín đáo lắc đầu, bảo chỉ còn nước chờ đợi...

Sự đợi chờ khủng khiếp. Dài hơn cả thế kỷ. Anh xanh xao gầy mòn từng ngày. Bố chị đã tính bài lùi. Có lần ông rủ rì, hay thôi đi con ạ, trời đã không cho, mình nín cũng đứt dây. Chị khóc nức, bố ơi, đã chờ ba bảy cũng chờ. Lòng con không thể khác...

Thượng đế đã thấu hiểu lòng chị, thấu hiểu tình yêu trời biển của chị, đã xui anh gặp may. Một phép màu kỳ diệu bất ngờ đến với anh trong vô vọng đợi chờ. Và một ca phẫu thuật cũng dài ngang thế kỷ. Từ cõi chết, anh trở về trai tráng như bây giờ. Với một trái tim người khác trong ngực. Hai gia đình nội ngoại, mừng như cha chết sống lại, tập trung chuẩn bị cho đám cưới của họ...

Người đàn ông không lên tiếng, cũng không có phản ứng gì. Tôi chợt thấy thương anh ta, một tình thương lạ lùng, rất khó cất nghĩa. Anh vẫn đứng như trời trồng, mắt nhìn ra xa, tựa hồ không biết trước mặt có hai phụ nữ trẻ đẹp đang muốn giành giật mình. Hay anh không biết nên nghiêng về ai, ủng hộ tình yêu của ai? Rất có thể, trái tim anh thuộc người này, lý trí lại thuộc người kia?

Không để anh đứng đấy lâu, cô con gái vị đại gia tỏ rõ quyền sở hữu ngay tức thì, bằng cách kéo anh ta lách nhanh vào giữa hai cánh cửa kính dày trong suốt, lòi tuột anh ta lên tầng hai. Để mặc tôi, trang phụ nữ nhan sắc gái một con trẻ trung, chơ vơ trước tiền sảnh sang trọng của trụ sở tập đoàn họ...

Tôi nghĩ, mọi cái ngẫu nhiên trong cuộc đời, đều có sự sắp đặt nào đó của đấng cao xanh. Nếu không, làm sao giữa đông đúc người xe ở cái ngã tư đường phố còn lạ lẫm, tôi chạm mặt anh, người chồng lương lai? Lúc đó tôi như con gà mẹ, bất lực giữa đàn gà con vừa mọc đuôi tôm lạnh chanh lưỡi chuối, là học sinh lớp tôi về thực tập. Hôm ấy là giờ ngoại khóa môn Lịch sử địa phương, tôi đưa lớp đến thăm bến đò xưa và tượng người nữ anh hùng đặt ngay công viên cạnh đấy. Khởi nói, bọn trẻ chao chất như đàn chim ra ràn. Cái ngã tư chưa kịp lấp đèn xanh đỏ, người và xe cộ cứ hồn nhiên chạy, không hay biết có cô trò chúng tôi muốn về trường cho kịp giờ. Tôi chực khóc. Nếu nắm tay vài trẻ đi đầu xin đường, thì cả đàn rồng rắn phía sau ai quản? Nếu tôi đi sau, thì phía trước dồn lại như rắn mất đầu, rúm ró sợ hãi. Nếu tôi đi giữa, đầu và đuôi dồn tụ quanh mình, quần lấy chân không sao cất bước...

Trời phán xuống tức thì một vị cứu tinh. Anh ta từ đâu trên bến tàu, nhẹ chân lướt tới. Bộ đồ lính thủy hai màu xang trắng, cùng hai cánh én tung bay, sà xuống chỗ cô giáo trẻ đang nước mắt rưng rưng. Anh ta nắm tay hai đứa, dẫn lên đi đầu. Hẳn nhiên, tôi là người cuối cùng trong đàn trẻ lau hàu ồn ã như ong vỡ tổ ấy. Đoàn tàu rồng rắn lao nhao vào hần được sân trường, quay lại chưa kịp nói lời cảm ơn, thì anh đã từ xa mỉm cười gật đầu, vội vã vẫy tay.

Giá vẫn bộ đồ lính thủy ấy, đằng này áo trắng kẻ ô quần tím than, anh lạ hoắc. Tôi nghĩ anh nhầm địa chỉ, hay nhầm người. Khi tiếng trống bãi giờ, tôi bước vào văn phòng, đã thấy cô hiệu trưởng tiếp chuyện anh. Thoáng bóng tôi, sếp nữ nói, đây, cô Lâm đã vào đấy, tôi xin bàn giao...

Anh bật dậy, sốt sáy cười. Tôi lúng khựng. Bốn mắt nhìn nhau, nửa quen nửa lạ. Anh chờ em lâu chưa, có việc gì không anh? Tôi khẽ hỏi, nghĩ anh là phụ huynh

một học sinh trong lớp, đang có chuyện cần trình bày. Nhưng anh cười to, đã chờ em từ dạo cô trò vượt ngã tư người xe như nước chảy ấy...

À a, tôi suýt kêu lên, giấu khuôn mặt bên lên dư dật cảm xúc bất ngờ. Hai má nóng ran, chín ửng vì thẹn. Và vì sung sướng. Chợt nhớ, hôm Chủ nhật vừa rồi về nhà, bố kể, bác trưởng phòng giáo dục dẫn về thăm nhà hai sĩ quan hải quân, giới thiệu là bạn của con. Bố mẹ giết gà, làm cơm đãi khách. Được vài ly rượu, vị trung tá thuyền trưởng nhỏ nhẻ, thưa, cô giáo nhà ta đã có ai bỏ nhánh nè trước ngõ chưa? Bố cười, nó sinh viên mới ra trường, tôi mất với chuyên môn, đầu đã... Bác trưởng phòng khẽ cười, chăm chỉ chuyên môn là rất quý, nhưng yêu đương xây dựng được nữa, càng quý. Mẹ thì thỏn, được rứa thì phúc đức lắm, bác ạ. Vị thuyền trưởng tiếp lời, thưa hai bác, đây là Trung úy Huân, từ dạo gặp cô giáo nhà ta, đã đem thương ngày nhớ. Như chim trời cá nước, cả hai biệt tin nhau sau khi cô giáo hết thời gian thực tập ở đó. May có bác trưởng phòng đây chấp nối, biết nơi biết chốn, biết cửa biết nhà, giờ chúng tôi ghé thăm... Bác trưởng phòng cười khà khà, trở sang viên sĩ quan trẻ, nói, hai bác xem, Trung úy Huân điển trai đây... có làm được con rể nhà ta không?

Thì ra, sếp của anh và sếp lớn của tôi, đã lo toan, đi trước một bước.

Nhưng số phận lại chơi ú tim với tôi lần nữa. Bằng cách sau kỳ nghỉ hè vừa đến nhiệm sở, tôi bất ngờ có quyết định chuyển trường. Vừa chừa tở quyết định cho tôi, sếp nữ vừa tỏ ra vui vẻ khác thường. Tôi giận, nghĩ, hóa ra bấy lâu sếp nữ không vừa lòng, tìm cách đẩy tôi đi, lại còn cười vui khi tôi không còn ở đây nữa. Tôi nổi quạu, em có chi sai sót đâu, cả chuyên môn lẫn cuộc sống, sao chị nỡ...? Sếp nữ không lấy làm điều, vẫn hơn hơn tươi khuôn mặt khả ái, và vẫn giòn tan điệu cười khoa khoa khoa, nói, em xinh đẹp lại giỏi giang, chị trăm lần muốn giữ, nhưng không được...

Tôi ngùi ngùi lê bước ra đi, lòng nặng trĩu tủi buồn và rối rắm tơ vò. Không biết anh có hay chuyện này không? Cơ chi có cái áo lông ngỗng, để anh theo dấu...

Đó là một ngôi trường ven biển, không xa ngôi trường tôi về thực tập năm kia bao nhiêu. Đám học trò ở đâu cũng như nhau, hồn nhiên những gương mặt ngây thơ, háu hấu những đôi mắt đón chào cô giáo mới. Những cô cậu tuổi choai choai da ngăm ngăm nắng gió, kéo tôi vào thế giới mới của chúng. Tôi ngợp mắt với một bên điệp trùng cát vàng chen dương xanh ngút ngát, với bên kia bạt ngàn sóng trắng biển màu ngọc bích bao la. Từ trên một ngọn đồi cát cao, tầm mắt chợt gặp cửa sông đổ ra biển, tạo thành vịnh sâu vòng cung rộng lớn, lừng lững những hạm tàu ngạo nghễ...

Không có tiết lên lớp giờ này, tôi ngồi ở văn phòng buồn nhớ về ngôi trường cũ, chợt hốt lên lao ra sân khi nghe có khách ghé thăm. Ông hiệu trưởng già nhanh chân ra đón, vỗ vập như thể khách quen bao năm. Từ ngoài cổng sỏi chân đi vào, không ai khác, chính là anh. Tôi giật mình xấu hổ, vội cúi mặt lần theo hàng cây

dọc sân trường. Qua khỏi anh ta, tôi vùng chạy. Nghe tiếng ông hiệu trưởng già vắng ra, cô Lâm vừa ở đây mà. Ơ kìa... Cô ấy bỏ chạy kìa kìa...

Câu ấy càng khiến tôi bỏ chạy nhanh hơn. Thì ra, chuyện tôi chuyển về đây, cũng do sếp của anh và sếp trên cao của tôi sắp đặt. Chắc họ muốn thuận lợi cho người lính thủy. Nhưng tôi thấy mình như con ngốc, từ lâu bị xỏ mũi mà không hay biết...

Tôi cắm cổ chạy như bay giữa những rặng cát, xen giữa rừng dương ra phía biển. Tôi không biết vì sao mình bỏ chạy nữa. Mừng quá chăng? Hờn dỗi chăng? Hay quá hạnh phúc? Cứ nhắm ngọn đồi cát vắng vẻ cao nhất mấy cô trò trèo lên hôm kia mà bươn tới. Bám bố những bước chân cuống quýt cắm vào mái cát phăm phăm. Đổ anh đấy. Không ngoái lại, nhưng tôi mơ hồ có tiếng chân đuổi rất theo sau.

Anh chụp được tôi ở lưng chừng dốc. Hai bàn tay nắm chặt hai cổ chân trần con gái của tôi. Tôi quẫy đạp, khiến cát đầy trượt hai chúng tôi sấp vào nhau. Chiếc váy bị cuốn lên tận đùi, hình như làm anh choáng váng. Tôi liền xô anh ra, lao lên đỉnh đồi. Hồn hển ném vào anh một câu trách yêu, đồ đáng ghét, cứ tự ý làm, chẳng hỏi người ta lấy một lời. Rồi bật khóc hu hu, bố mẹ ơi, người ta đối xử với con gái rệu của bố mẹ thế này đây...

Tôi vẫn ôm mặt khóc, chán chê ề ời, cốt để gây khó cho đối phương. Tôi chờ một cái vuốt tóc, một lời nựng nịu thay xin lỗi. Nhưng khi mở mắt, tôi giật mình. Anh vẫn đứng cạnh kề, chân quỳ chân chống, khổ sở với hai bàn tay dư thừa. Mặt đực ra. Ngây ngốc. Hẳn không hiểu sự thể làm sao. Chạm đôi mắt nhòa lệ của tôi, anh vội đưa mắt nhìn ra biển khơi ngoài kia cầu cứu. Nhưng biển xanh mãi mốt lần những con sóng trắng lên mênh mông không bờ bến. Vẫn hai tay buông thõng, tuồng như anh cũng sắp khóc. Tôi chột mũi lòng. Mềm lòng. Miệng tự nhiên động đập, lí nhí rất khẽ, rằng sự thể đã thế này, chủ nhật tới em đưa anh về chơi nhà...

Đồi cát hoang vắng này, đã trở thành nơi hò hẹn của chúng tôi. Tôi mặc sức áp hai má nóng bừng vào tảng ngực trai trắng ấy, đếm nhịp tim thậm thịch nồng nàn của anh. Nhịp tim mạnh mẽ và cuồng nhiệt yêu đương bao nhiêu. Tôi đã nghiệm nhịp tim anh, tiếng tim anh, như người đời nghiệm á phiện. Mỗi lần tàu cập cảng, là anh bay về với tôi ngay. Chúng tôi ôm nhau lăn trên cát như trẻ con. Và tôi cuống quýt mở cúc áo ngực anh, ngót ngát áp mặt, tận hưởng nhịp đập trái tim bộn bề hạnh phúc. Đêm tân hôn thì khỏi nói, trong căn phòng màu trắng tỏa ánh đèn dịu xanh của chốn địa đàng, tôi uống không biết chán từng ngụm nhịp như trống trận của trái tim anh. Tôi sành dư ba tiếng con tim trai trắng ấy. Tôi rành rẽ âm thanh ấy hơn bất kỳ thứ gì trên đời. Như người nhạc sĩ tài hoa, nhận biết âm thanh như hơi gió của tiếng đàn từ rất xa. Hẳn thế mà sau hơn năm mất hút, giờ tôi mơ hồ nghe tiếng...

Nhưng Huân đã kịp rải lông ngỗng. Ấy là nhịp tim, là tiếng tim của anh khe vang đầu đó trong gió xa xôi. Đã bao lần tôi đi theo vết lông ngỗng của anh, lẫn lộn

giữa điệp trùng phố xá rộn rập âm thanh. Có khi nghe rõ, có khi không. Nhịp tim như hơi thở, như hơi gió, thoảng mỏng...

Đã mấy lần tôi đến trước cánh cổng bề thế sang trọng, của ngôi nhà chọc trời. Cửa trước kính trắng, tường đen chữ vàng bóng lộn. Tôi ngơ ngợp như con diên, vội quay lui khi thấy bóng mấy bảo vệ bước đến. Tôi chưa chuẩn bị được câu trả lời, khi nếu chẳng may họ hỏi lý do. Và lần sau đó tôi mạnh dạn dần bước, xưng là đi nộp đơn xin việc làm. Người bảo vệ bị tôi qua mặt, cũng là lúc người đàn ông ấy bước ra, như chờ đón tôi trước tiền sảnh...

Có thể cô con gái cưng ngài Tổng Giám đốc tập đoàn đã ra lệnh cho cánh bảo vệ, cấm tuyệt đối khi thấy tôi bén mảng đến. Người ta đuổi tôi như đuổi tà, như xua hủi. Tôi đành đứng xa xa, lắng được mất tiếng nhịp tim thốn thắc mơ hồ, trong mỗi sợi gió xanh...



Không thể nhầm được. Trăm lần không. Tiếng thầm thì ấy, chỉ tôi mới nghe được. Tiếng thầm thì có dư âm của thủy triều, nhịp thở lòng đất, và máy hạm tàu mỗi lần anh ra khơi? Nó đã hòa tan trong máu tôi, lặn sâu trong trí tôi, dung dưỡng tâm hồn tôi. Nó sôi lên trong huyết quản người đàn bà say chồng ngất ngư hoang dại, mỗi khi chúng tôi ở bên nhau. Và, chính nó cũng đánh quỵ tôi ngay trên bục giảng, khi nhận tin dữ...

Tôi chạy như ngày trốn anh băng qua bãi phi lao, lao lên đồi cát cao ngày nào. Như con diên, tôi rũ rượi đầu tóc xù xòa bị gió đánh tung, quăng chiếc xe máy ngoài cổng. Lao như cơn lốc vào phòng cấp cứu. Nhưng người ta đã kịp đưa anh vào phòng mổ. Tôi rũ xuồng như người không xương, trước cánh cửa im lìm. Một người đàn ông phờ phạc, vẻ lo lắng cúi đến nâng tôi dậy. Anh dè dặt hỏi, chị là vợ Thượng úy Huân, phải không? Không chờ trả lời, nhìn đôi mắt ngây dại của tôi, anh nói, chính tôi vừa gọi cho chị. Tôi tìm trong danh bạ điện thoại của anh, có từ "*Lâm vợ*", thì bấm máy...

Anh ta kể, chiếc taxi chở Huân đi trên đường cái, thì gặp ngã ba có con đường nhỏ vào làng, một thằng bé mãi mê với quả bóng nhựa. Bất ngờ, quả bóng tình nghịch lăn ra giữa đường, nửa chậm nửa nhanh, như thể chờ thằng bé. Bị kích thích, thằng bé đuổi theo trái bóng. Không thể khác, chiếc taxi bẻ ngoặt tay lái tức khắc, tránh cầu thủ nhí ngay trước bánh xe. Đang tốc độ cao, nó lạng sang làn một chiếc xe tải sầm sập lao ngược lại. Tiếng va đập kinh hoàng. Chiếc taxi bẹp rúm. Người ta phá cửa, kéo được Huân ra. Anh ngồi hàng ghế sau, đầu va mạnh vào thành xe...

Tôi đã ngồi suốt buổi bên ngoài phòng mổ, tức thờ đợi chờ từng giây. Và ngồi hàng tuần bên anh trong phòng hồi sức sau mổ. Tiếng tim anh, nhịp đập tim anh, thầm thì với tôi. Trong căn phòng chỉ có hai người, ngày nào tôi cũng ngồi cạnh anh. Anh nói chuyện với tôi bằng nhịp đập con tim, thứ ngôn ngữ chỉ riêng

mình tôi biết. Tôi hiểu anh đang nói gì, và tôi ứa nước mắt thầm thì về những lần hẹn hò đôi cát đêm trăng. Tôi không quên nhắc đến con trai, nó đang thắc thỏm chờ anh về...

Vị bác sĩ già khẽ gật đầu ra chiều ưng ý, và động viên tôi không thôi nói chuyện với anh. Tôi đã say mê làm như ông yêu cầu, không biết thời gian trôi đi bao ngày tháng. Vừa nói chuyện với anh, mắt tôi không rời các màn hình trên tường, nơi hiển thị điện não đồ, điện tâm đồ. Nhưng một hôm, vị bác sĩ già vào buồng bệnh, thón thén nói như người có lỗi, con gái ạ, ta xin lỗi, chồng con có dấu hiệu... sắp chết não...

Tôi hực lên đau đớn, thưa bác sĩ, hãy cứu anh ấy, còn nước còn tát. Vị bác sĩ cũng rơm rớm nước mắt, con gái ạ, mưu sự tại nhân thành sự tại thiên! Mai con đưa con trai vào với bố chút, không kịp nữa đâu. Ông nhóm gót định bước ra, chợt quay lại nói rất khẽ, con gái ơi, có ý này ta xin nói thêm, chồng con là một chàng trai rất khỏe, rất yêu con. Và anh ấy muốn tiếp tục có mặt trên đời, để thấy sự trưởng thành của hai mẹ con con...

Là sao, thưa bác sĩ? Tôi cuống quýt hỏi. Có cách cứu được anh ấy phải không, bác sĩ? Bằng giá nào, con cũng xin vâng... Vị bác sĩ khẽ lắc đầu, chừng như tôi đã hiểu sai ý ông. Đứng lặng một lúc, cố tìm cách diễn đạt, đoạn ông rùng rãi nói, cứu sống cả con người không được, nhưng có thể cứu những bộ phận khỏe mạnh... Ông lại ngập ngừng một giây, ngắc ngứ một lúc, coi như bằng cách đó, anh ấy sống mãi với cuộc đời này, sống mãi bên vợ con...

Tôi đưa con trai vào với anh, nó sợ hãi quay người úp mặt vào mẹ. Nó không quen nhìn bố nó bất động dưới tấm ga trắng, mặt trùm máy thở oxy, dây chạc loằng ngoằng. Nó khóc meo máo khi tôi giải thích, và đưa bàn tay không cử động của anh cho nó cầm. Đây là phút biệt ly hệ trọng. Bởi tôi đang sắp xin ý kiến anh theo lời vị bác sĩ già.

Hai mẹ con tôi ngồi dịch sát vào anh, tay vẫn cầm tay anh. Thằng bé thôi khóc, nó nhìn chăm chăm vào mắt bố, đợi chờ giây khắc bố mở mắt nhìn nó. Tôi cũng vậy. Tôi chờ cho phút giây gập gờ cuối cùng, lặng thầm và lưu luyến, của hai bố con họ đi qua. Không biết thời gian bao lâu. Rất lâu. Mắt thằng bé ngấn nước, nhưng mắt tôi ráo hoảnh. Tôi khẽ khàng thưa với anh, tha thiết và chân thành, về những điều vị bác sĩ già đề nghị. Môi tôi mấp máy, theo những gì trái tim tôi cất lời. Đó là lời người vợ say chồng, ngày âm dương ly biệt.

Lúc sau, lạ thay, tôi thấy hình như tim anh đập gọi lên. Tôi nghe tiếng tim anh dằn dò rất rõ. Trên màn hình điện tim đồ cũng như đang dao động mạnh. Đôi môi anh lấp sau phễu nhựa trắng dẫn khí thở, động đậy như khẽ mỉm cười. Và anh dường như cố mở mắt, khẽ gật đầu đồng ý những điều tôi hỏi xin anh...

Mấy hôm sau, vị bác sĩ già điện cho tôi, thông báo là trừ bộ não, còn từ giác mạc đến nội tạng của anh rất tốt, rất khỏe. Rồi mấy tháng sau, ông hồ hởi nói trong

điện thoại, chỉ có anh là người duy nhất lúc này, các bộ phận nội tạng đều tương thích với những người anh hiến tặng. Và tài khoản ngân hàng của tôi báo những khoản lớn bất ngờ. Tôi hốt hoảng điện hỏi vị bác sĩ già, ông cho hay là những người được anh hiến tặng, hỗ trợ hai mẹ con con. Tôi giấy này, không, thưa bác sĩ, con không bán thi thể chồng. Và tôi òa khóc như mưa như gió. Chờ tôi khóc nỉ non chán chê trong điện thoại, vị bác sĩ già cất giọng thì thỏn của người sâu xa hiểu biết. Con hãy bình tĩnh lắng tiếng tim mình, chớ nghe miệng lưỡi người đời. Con dùng nó hoàn thiện cơ ngơi chồng con còn dang dở. Giờ bằng cách đó, anh cũng lo toan chu đáo cho hai mẹ con con...

Gác hai của ngôi nhà hai mẹ con tôi được hoàn thiện, đúng như bản vẽ lúc đầu của anh. Ở đây chưa có nước máy, nhưng anh đã kịp làm giá đặt máy bơm và lắp bình chứa nước trên cao. Tôi chỉ cần đứng trong hiên nhà, ấn tay vào công tắc điện, là nước từ giếng tuôn vào bể chứa. Từ đây, nước theo ống dẫn về các nơi cần đến, cả vòi hoa sen trong buồng tắm...

Những cơn mưa bão quăng quật, tôi nhìn qua lớp kính bị mưa ném dữ dội, thầm nói với anh ở nơi xa, là hai mẹ con được yên hàn, ấm áp. Tôi như vẫn thấy có anh bên cạnh, chỉ là anh đang trong chuyến canh biển dài ngày, ở đâu đó trên đảo Chữ Thập, đảo Vành Khăn, hay đảo Nam Yết...

Đôi khi anh tranh thủ về nhà chốc lát, rồi đi ngay. Hết tiết dạy về nhà, tôi nhận ra anh vừa ở đây, như thuở xưa được đôi ba ngày nghỉ. Tôi thấy cả hơi ẩm và dấu vết anh để lại, trên các luống rau tôi trồng theo cách của anh. Đám su hào đang thì ra củ, anh đã vun gốc. Vạt cà chua giao cành quả bói, anh đã làm giàn. Đất còn tươi, nước lạt buộc xoắn cũng còn tươi.

Có hôm dậy, tôi ấn công tắc mở nước, máy bơm không hoạt động. Tôi ì ạch kéo nước bằng gàu. Giếng sâu gàu nặng, kéo được gàu nước lên tôi thở hồng hộc. Mồ hôi đầm đìa, lo thất ruột vì không biết nhờ ai giúp. Nhưng trưa tôi về, đã thấy toòng teng ở công tắc điện, mảnh giấy nhỏ, ghi "Đã nối chỗ dây điện bị hở". Tôi thử ấn ngón tay, tức thì nước trào vọt lên. Tôi gào lên trong vui sướng, cảm ơn anh...

Quá bất ngờ. Tôi ngạc nhiên đến nhột nhạt cả người, khi biết anh còn đến lớp mẫu giáo thăm con trai. Tôi đến đón thằng bé, thấy nó điệu bộ oai oách trong đôi giày mới. Hỏi, nó bảo có một chú đến thăm con trong giờ ra chơi, tặng con đôi giày này, mẹ thấy đẹp không? Tôi gật đầu, nghĩ ai đó thấy cảnh mẹ góa con côi nên thương tình. Nhưng tuần sau, lại thấy thằng bé đội chiếc mũ lưỡi trai màu xanh mới cứng, mặt hếch lên ra dáng ta đây. Tôi chưa kịp hỏi, nó đã nhanh miệng tí tấu, chú ấy thật tốt, lại tặng con chiếc mũ này. Tôi thấy chần chừ trong người, biết đâu có kẻ làm thân quen mặt, rồi có lúc đánh cắp thằng bé? Tôi dặn con không ra khỏi lớp, không được nghe ai dụ dỗ. Nhưng tuần sau nữa, thằng bé lại được mặc chiếc áo mới. Chiếc áo dệt kim màu xanh rêu có những đường kẻ trắng, kiểu dáng thể thao, thằng bé mặc trông lớn hẳn. Vừa thấy tôi, các cô giáo đã xúm đến cầm tay, cười nói tua toe. Cô khá thân ghé sát tai tôi, nắc nủm nói,

rúa mà giấu như mèo giấu cú, à nha? Rồi rú lên cười khơ khơ. Cô khác nguyệt ngoáy đuôi mắt sắc, khiếp, đây biết tông, chuẩn men đứt đuôi!..



Tôi cuống quýt mở cửa, trong ánh đèn dịu xanh phòng ngủ. Huân đã về, tiếng tim anh gọi tôi rộn rục ngoài hiên. Anh vừa lách vào, tôi tức thì đu người lên cổ anh. Tay tôi líu ríu mở cúc áo anh, áp khuôn mặt nóng rẫy vào tàng ngực trai trắng. Ôi cái nhịp tim thộn thịch, rộn rười. Tôi lại lịm đi như người say á phiện. Huân bế xốc tôi lên, đặt nhẹ tòa thiên nhiên của mình vào tấm ga trắng nệm giường, ngây dại mùi thơm da thịt đàn bà nồn nã. Tôi như cỏ khát ngày hạ gặp mưa. Anh như cá gặp nước...

Ồ không. Không phải thế. Không phải như vậy. Tôi hai tay đẩy phắt anh ra. Huân thường nằm ngả dang tay dang chân, lử lả, đôi mắt lim dim, mặc cho tôi trườn lên người, áp đôi má rục rẫy lên tấm ngực trần, ngất ngư tiếng con tim anh thì thốn...

Không phải vậy. Tôi bản năng quờ tay đầu giường, bật công tắc điện. Ánh sáng chói lòa. Không phải Huân. Anh lóp ngóp, ngơ ngác. Vết mổ như tia chớp rạch đôi lồng ngực. Tôi bật dậy, cài lại cúc áo. Sức nhớ, hôm nay trên phố rộn rịt với đám cưới con gái vị chủ tịch tập đoàn nọ. Cánh báo chí địa phương được dịp bày tỏ lòng tận tụy, bằng cách post lên mạng ảnh các đoàn khách sang trọng, ảnh tứ thân phụ mẫu đề huề, ảnh đôi uyên ương tay trong tay hạnh phúc...

Người đàn ông đã tỉnh sau cú bị đẩy ngã. Anh lơ mơ nhớ lại, khuya khách khứa đã về hết. Anh bước đến khe đẩy cửa buồng, phòng tân hôn trịnh trướng phủ màu hồng dịu. Cô dâu đã trút bỏ bộ váy cưới thướt tha quét đất, chỉ khoác bộ đồ ngủ trắng mỏng như voan, khe cúi đầu đợi chờ. Cuộc đợi chờ như cả thế kỷ...

Nhưng anh đã đưa ngón tay trở đặt lên môi mình. Cô dâu hiểu là anh còn quên cái gì đó ở đâu đó, sẽ quay lại ngay. Còn anh, khép nhanh cửa buồng, lao ra đường cái, vẫy nhanh một chiếc taxi. Anh không lạ con đường này, con đường mấy lần anh lén bỏ việc cơ quan ra đi, trong nỗi thúc giục và chỉ vẽ của con tim...

Anh có vẻ vẫn chần chừ lưỡng lự. Lưu luyến không muốn rời khỏi đây. Nhưng tôi bật dậy, kéo anh đứng lên. Một cách dứt khoát. Và khi mặc lại áo quần cho anh, đưa tay cài những cúc áo ngực, tôi nhận ra bộ com lê chú rể trong ngày cưới. Một bông hoa trắng gắn kim tuyến đính trên túi áo. Tức thì, tôi quát khế vào vẻ lừng khừng của anh, không phải ở đây. Không phải căn phòng này. Không phải em. Phòng tân hôn ở trên phố. Và cô dâu đang đợi.

Tôi mạnh tay kéo anh ra sân, cốt để anh tỉnh lại, không nhằm lẫn ánh sáng dịu dàng phòng ngủ. Tôi sốt ruột. Lo sợ bị đổ bể. Vừa đẩy nhanh chiếc xe máy ra ngõ, vừa giục anh ngồi lên. Anh ngoan ngoãn một cách chậm chạp, như đứa trẻ quen vâng lời mẹ, cổ không nhìn mặt tôi.

Ra đến trục đường cái, mặt đường rải nhựa bóng loáng, tôi nới tay ga. Chiếc xe lao đi trong luồng ánh sáng vừa đủ của đèn xe máy. Tôi không nói gì. Anh cũng im thin thít. Tuồng như anh không thoả mái cho chuyển quay về này, còn tôi lòng như lửa đốt của người đang chữa cháy...

Con đường khuya, chợt lóa một luồng sáng hình loa kèn, hùng hổ từ xa lao tới. Luồng sáng vừa dữ dội, vừa giận hờn, và kẻ cả. Nó chiếm cả mặt đường, sáng quắc như ban ngày. Xộc thẳng vào chiếc xe máy tội nghiệp của tôi. Tôi giảm tay ga, khế nép vào mé đường. Nhưng luồng sáng không bỏ qua, không tha cho, quét thẳng trực diện vào mặt tôi. Đó là luồng sáng trắng từ hai đèn pha của một chiếc xe con đắt giá, lướt nhẹ êm không phát ra tiếng động...

Chiếc ô tô đứng khựng ngay trước mũi xe tôi, dắc thẳng như bắt quả tang. Từ hai phía xe, lao ra hai thanh niên xăm trổ, đứng khoanh tay đợi lệnh. Ghế trên, thò ra một đôi chân trần, cùng với thân hình con gái áo xống phòng ngủ mỏng tang. Tôi kịp hiểu sự thể. Và đưa anh bước lên giữa quãng sáng trắng giao nhau của hai đèn pha ô tô. Người con gái quắc đôi mắt còn dính mi giả, giọng rít lên, không kịp thở.

- Thì ra là... Nãy giờ các người ở đâu? Các người đã làm gì?

Tôi nhếch mép cười mỉa, hả hê chọc tức đối phương.

- Nếu chúng tôi đã làm gì, tôi còn dẫn anh ấy đi nữa sao?

Cô nàng đẩy anh vào ô tô, nhanh và dứt khoát, như đẩy một tên tội phạm. Hai vệ sĩ bặm trợn sấn đến, khoanh đôi tay như chảo bện, áp sát hai bên xe tôi, mắt lờ lờ chờ lệnh. Anh thét lên lạc cả giọng:

- Các người, không được động đến cô ấy.

Đáp trả anh là một tiếng cười gằn của cô dâu mót phút động phòng, cùng cái đánh lông nheo trợn trạo, ra lệnh rút lui. Tôi vẫn nghe được tiếng cườm cười lúng búng từ miệng người con gái ấy, không biết cô ta nói với ai.

- May, đã kịp bí mật gấn chíp điện thoại, khi nhớ ra anh được thay bởi trái tim một người đàn ông quá mực yêu vợ...

Và, ngay tắp lự, quãng sáng hình loa kèn khổng lồ, hùng hổ quay ngược lại, hướng vào thành phố...

Chiếc xe lướt đi không một âm thanh, không lời lịch sự.

Tôi đứng trơ một mình trong bóng đêm hoang vắng. Hụt hẫng và nuối tiếc. Sao tôi để mất anh, người đàn ông tha thiết với trái tim Huân trong ngực?

Những ngôi sao trên nền trời sâu thẳm khuya khoắt sà xuống, nhìn tôi cười giễu mỉa. Chợt cũng nhòe đi...

Rừng xanh thăm thẳm²

ĐỨC BAN

Tôi và Hân học xong Trường Văn hóa Nghệ thuật tỉnh, được Lâm trường Ngàn Mông tiếp nhận về phòng Tuyên truyền để chuẩn bị cho việc xây dựng đội văn nghệ. Thiếu thốn, vương bận đủ điều nhưng cơ quan, nông trường, nhà máy, xí nghiệp nào cũng phải có một đội văn nghệ, hàng năm tham gia hội diễn cấp ngành, hội diễn cấp tỉnh. Ngoài tôi và Hân, trong phòng còn Trần Giảng, hơn chúng tôi gần chục tuổi. Anh người miền biển, sỹ quan bộ đội thông tin, đảng viên kết nạp ở mặt trận phía Bắc, không học hành văn chương nghệ thuật gì vẫn giữ chức Trưởng phòng, sếp của chúng tôi.

Lâm trường đóng trên một ngọn đồi, ba phía rừng xanh, đằng trước là thung lũng Phiên Nâu, giáp với thị trấn miền núi Sơn Lĩnh. Quốc lộ N. từ miền xuôi lên, qua Sơn Lĩnh sang Lào, nối liền cái địa danh hành chính mờ nhạt, gợi sự xa xôi heo hút và xa lạ này với thiên hạ. Quốc lộ N. do thực dân Pháp xây dựng từ cuối thế kỷ 19 để phục vụ cho công cuộc khai thác thuộc địa trên đất Đông Dương đã lở lói, gập ghềnh, ô tô gầm cao mới đi nổi mà tốc độ tối đa cũng không vượt được 40 km/giờ.

Thị trấn nhỏ bé, hai dãy phố lô xô những ngôi nhà tựa lưng vào mái rừng, ngoảnh mặt ra đường. Nhà nào cũng nhô lên vài ba cái chóp nhọn sơn vàng chói, từ xa nhìn giống những mái chùa cổ Xiêm La. Nghe kể, khi mới có con đường độc đạo này, nơi đây chỉ có dăm chục gia đình làm nghề khai thác rừng. Mãi sau này, đầu những năm 60, dân Việt kiều ở Thái Lan về, đến đặng cải tạo công thương nghiệp cuối năm 1980 của thế kỷ trước, người Hoa di dân lên mà thành ra phố xá. Con gái thuộc hai giống người này thật đẹp. Cao ráo, da trắng, mũi cao, giọng nói trong khác xa con gái miền rừng mậ ú, tay chân ngắn chùn, chai sạn. Những



Minh họa: HẢI THỌ

cửa hiệu, quầy hàng tạp hóa mở cửa suốt ngày đêm, tạo nên sự nhộn nhịp và một thứ tinh thần khoáng đạt trong các mối quan hệ. Gần như không ai xa lạ với ai. Một chút nổi trội cũng thành sự kiện, lập tức được mọi người quan tâm. Hân có khuôn mặt khả ái, hát hay, chơi được vi-ô-lông lẫn ghi-ta. Thế nên, sau đêm ngày về lâm trường, đầu phố đến cuối phố đã thì thào về “người mới đến”. Người mới đến là Hân. Hết tám giờ hành chính, ai ở phòng nấy, lâm trường im lìm như một tu viện, mỗi Hân đi dọc phố, mặt hơi ngược lên trước những đôi mắt nhìn chăm chú, những nụ cười thân thiện. Hoạt bát, dẻo miệng, Hân quen thân nhanh mọi hạng người ở thị trấn miền núi. Những kẻ giàu có mời Hân đến nhà, người bình dân tay bắt, mặt mừng, bỏ cả việc nhà dẫn Hân lên tận đầu nguồn suối Ngàn Vân bắt cá mát, các cô gái thì xắn quần vượt qua thung lũng Phiên Nâu sang lâm trường nghe Hân đàn hát.

Mùa Thu năm ấy, mưa chìm rừng, chìm phố. Thung lũng Phiên Nâu ngập đầy nước. Hai dãy phố uốn oải nhìn ra đường N. đã thành suối, nước cuộn cuộn chảy. Con người mềm rũ trong tiếng côn trùng, tiếng mưa lúc sầm sập, lúc rả rích và tiếng gió ào ào, lê thê. Cầu Hà Na phía nam thị trấn bị nước cuốn mất một nhịp, ô tô không lên được, chúng tôi phải ăn ngô luộc với rau rừng. Bụng lép kẹp, sôi ồng ọc suốt đêm.

Hân bảo:

- Không có chi để vui vẻ, không có chi để mong đợi, đời mốc meo mất thôi.

Tôi nói động viên Hân mà cũng để an ủi chính mình:

- Bao nhiêu người quanh ta như ta đó thôi.

- Sao cứ phải như những người chung quanh. - Hân nói rất khê cứ như nói riêng cho mình nghe.

Đêm, Hân ngồi dựa lưng vào vách nhìn ra rừng và hát, giọng buồn thao thiết:

"Người ngồi đó trông mưa nguồn

Ôi yêu thương nghe đã buồn

Ngoài kia lá như vẫn xanh

Ngoài sông vắng nước dâng lên hồn muôn trùng..."⁽¹⁾

Tiếng hát vừa đủ cho Hân nghe, tôi nghe, đều đều, đôi chỗ hạ thấp run rẩy, ngậm ngùi, lạnh buốt. Nó làm tôi buồn lây.

Tôi nói:

- Thôi, ủy mị như đàn bà! Cứ thế làm sao mày qua được mùa mưa. Một mùa mưa, hai mùa mưa, ba mùa mưa và không biết bao nhiêu mùa mưa nữa mới được về xuôi.

Hân im lặng không nói gì. Hân uể oải ra khỏi nhà rồi lững thững đi xuống phố. Mãi khuya, chỉ còn nghe mỗi tiếng suối chảy róc rách trong cánh rừng vắng lẽ sau lâm trường Hân mới về, người sặc mùi rượu.

- "Tao uống với lão Thọ Việt Kiều" - Hân ngồi xuống cạnh tôi, nói - "Lão Thọ sang trọng, có cô con gái tên Ngọc Diệu đẹp chim sa, cá lặn. Rượu Tây, rượu ta, ngày ngất. Lão kể chuyện buôn bán, làm giàu mà như trong chuyện thần thoại. Nghe xong thì buồn, thì cảm cảnh cho thân phận mình...". Hân im bật đổ người xuống giường, hết lật nghiêng lại lật ngửa.

Tôi im lặng, kéo chăn trùm kín đầu.

Sau bữa ấy, cứ ngày Chủ nhật, thay vì vào rừng, lên suối Ngàn Văn hoặc cùng tôi ra chợ biên giới, Hân dậy lúc còn mờ sương, một mình xuống phố.

Tôi hỏi:

- Lại đến Thọ Việt kiều và cô Ngọc Diệu à?

Hân không trả lời mà ri ri hát:

*“Đời sẽ buồn như một chiều nao
Hôn nhau lần cuối, hôn nhau lần đầu
Đời sẽ buồn dài lâu
Ôi trái sầu rục rở”⁽²⁾*

Một hôm, ông Giảng tìm gặp tôi, hỏi dồn:

- Tư tưởng thằng Hân có vấn đề. Lâu nay cứ qua lại với lão Thọ Việt kiều. Để làm gì, hả?

Tôi nói:

- Nhà ấy có gái đẹp...

- “Có gì nữa?” - Rồi ông phẩy tay, hạ giọng - “Nhà ấy từng bị hồi cải tạo công thương nghiệp. Cậu nói với thằng Hân cẩn thận, cẩn thận, mình là cán bộ làm công tác tuyên truyền.”

Hân đã không nghe tôi. Hân say mê cô Diệu con gái lão Thọ Việt kiều. Cô Diệu mười bảy tuổi, dong dỏng cao, ngực tròn căng, khuôn mặt xinh đẹp, đôi môi mòng mọng, cặp mắt sáng sánh. Tình yêu và tiền bạc, cả hai thứ có sức quyến rũ mạnh nhất trần gian dễ ngấm vào tim gan, phèo phổi con người ta. Tôi nói với Hân, đừng có làm thân phận đũa mộc. Hân nhếch mép cười, nhìn lướt qua đầu tôi và nói, vì là mâm sơn nên tao quyết sẽ không làm đũa mộc. Tôi nắm tay Hân, chợt nghĩ, biết làm sao được, khi cuộc sống đã tẻ nhạt, nghèo khổ còn cô đơn, gần cái tuổi tam thập nhi lập mà vẫn hai bàn tay trắng.

Một tối không trăng sao, cô Ngọc Diệu đột ngột đến phòng chúng tôi. Bấy giờ Hân đang dạy đàn cho mấy cậu nhạc công của đội văn nghệ trên hội trường. Diệu nói, em sẽ chờ, rồi ngồi xuống cái ghế gỗ xộc xệch kê bên vách. Chúng tôi nói chuyện về rừng, về hàng hóa ngoài chợ biên giới, về những con dốc trên đường N.... Câu chuyện đứt đoạn, trể nải, dường như tâm trí cô Diệu để ở nơi khác, ở một việc khác. Chừng nửa giờ sau thì Hân xô cửa vào phòng và ngay lập tức Diệu đứng dậy chào tôi ra về. Họ cầm tay nhau biến mất vào con đường trong rừng sáng lẻ, chắc là để tránh con mắt của Trưởng phòng Giảng.

Nửa đêm, Hân về. Hân ghé tai tôi nói:

- Chờ cho Trần Giảng biết Diệu đến đây. Trần Giảng ghét ông Thọ như xúc đất đổ đi ấy.

Tôi nói:

- Ông ấy biết hết rồi.

- “Mẹ đời.” Hân chửi. Liền đó thờ dài và nói - “Đời nhạt phèo còn ghen ghét nhau mà chi”.

Tôi nói:

- Người mình nó thế.

Hân méo mó cười và nhắc lại:

- Người mình nó thế!

Đêm ấy Hân gần như không ngủ. Hân hết nằm lại ngồi dậy, soạn sửa cái gì đó lục cục dưới gầm giường. Gần sáng, Hân đến bên giường tôi, đặt bàn tay lên ngực tôi, bảo nhỏ:

- Ngủ đi, ngủ đi. Tao có việc riêng. Đừng hỏi. Cứ ngủ ngon. Giọng hân run run, bàn tay hân run run khiến tôi có linh cảm về một sự gì đó chẳng lành.

Tôi vừa nhồm dậy thì Hân đã lẹ làng ra khỏi cửa, mất hút vào bóng đêm.

Suốt ngày hôm ấy mưa xối xả. Nước trên rừng Trường Sơn đổ xuống ào ào khắp nơi. Trưa, Hân không về, tối cũng không thấy tăm hơi đâu. Cả lâm trường ồn ã. Có người lo sợ Hân lạc rừng, Hân chết trôi. Hân có thể vào rừng mà rừng thì ngút ngàn, thăm thẳm. Mỗi lối đi qua thung lũng Phiên Nâu thì nước ngập mênh mông.

Trần Giảng lạnh lùng nói:

- Hân đang rúc trong ống quần con gái người Hoa, hoặc là ôm chân lão Thọ Việt kiều để ngửi mùi thuốc phiện. Mẹ nó!

Chẳng biết anh ta chửi ai, lão Thọ hay là Hân.

Hết ngày thứ hai vẫn không thấy bóng Hân. Tôi trần trọc mãi mới chớp mắt được. Sáng ra, thấy trời cao và nhẹ nhõm. Mưa giăng giăng như rắc bụi phấn trắng. Bốn phía chung quanh rừng xanh mướt mát. Nước đã rút khỏi thung lũng Phiên Nâu. Tôi vội vàng xuống phố. Đường N. lờ lỏi, vắng người và xe cộ qua lại. Và dĩ nhiên không thấy bóng dáng các cô gái tóc buông đứng sau quầy hàng nhoén miệng cười với khách. Tôi gõ cửa nhà lão Thọ. Một gã đàn ông to cao, mặt nổi cục dữ tợn mở cánh cổng sắt. Tôi nói muốn gặp lão Thọ để hỏi tin tức người tên là Hân. Gã đàn ông, bấy giờ tôi đoán là người giúp việc lão Thọ nói, ông chủ còn ngủ và gã không biết con người tôi đang tìm là thằng đ... nào.

Hân chưa chết, vì chẳng có lý do gì để hân tìm tới cái chết. Hân là kẻ ham chơi, ham hưởng thụ. Có lẽ đúng như Trần Giảng nói, Hân đang đi với cô Ngọc Diệu hay ở với đàn bà đẹp đâu đấy trong phố núi. Tôi nghĩ, trong lòng vội bớt cảm giác hoang mang.

Trên đường về tôi rẽ vào chợ biên giới. Người đến chợ đã khá đông, cứ như chưa hề có trận lũ rừng vừa qua, cứ như mọi sự của thiên nhiên, trời đất với họ cũng như mọi chuyện của cuộc sống diễn ra thường ngày, đơn giản, nhẹ nhàng. Đang đi tôi bỗng thấy gã đàn ông lúc nãy từ đâu ra chắn ngang đường. Gã bỏ hai bàn tay trong túi áo, một cái áo khoác sang trọng nhưng ngăn ngụt so với khổ người gã.

- “Ông chủ bảo ta đưa cái này cho mày.” - Gã dúm vào tay tôi một mảnh giấy rồi bỏ đi, bước chân êm ru chỉ có ở những người miền núi chuyên đi săn thú rừng.

Tôi vội vàng mở tờ giấy và nhận ra ngay nét chữ của Hân. Hân viết:

“Tao đi Thái Lan. Ngọc Diệu chờ tao bên ấy. Hãy biết thế. Khi mày đọc thư thì tao đã qua rừng Trường Sơn, vượt sông Mê Kông rồi. Hân.”

Hãy biết thế. Ai rồi cũng có bước ngoặt của đời mình. Đây là bước ngoặt của Hân? Hãy biết thế! Tôi ngơ ngẩn cười và lúng thững về lâm trường.

Tin Hân theo gái trốn sang Thái Lan buôn lậu bay về lâm trường trước tôi. Trần Giảng nổi giận sai người viết báo cáo gửi Giám đốc lâm trường. Báo cáo còn đề nghị đưa sự việc Hân vượt biên sang đồn Công an, Hải quan, Bộ đội Biên phòng. Chuyện hóa ra trầm trọng. Hân đi, nhóm nhạc công của đội văn nghệ tan theo. Cơ giận dữ không lý giải nổi của Trưởng phòng Trần Giảng đổ cả lên đầu tôi. Ông bảo tôi đồng lõa, tôi bao che cho Hân, tôi được lợi ích gì đây của lão nhà giàu Việt kiều. Mấy ngày sau tôi nhận quyết định thôi việc hưởng bảy mươi lăm phần trăm lương để đi tìm việc ở cơ quan khác. Lần đầu tiên trong đời tôi nhận ra sự vô lý của kẻ có quyền nó thành ra có lý thế nào. Tôi không mở được miệng để thanh minh, để tranh cãi mà đành ngậm ngùi xếp áo quần vào cái túi vải nhàu nhĩ rồi lúi thủi về xuôi mang theo những câu hỏi về các mối quan hệ mới được thiết lập mà chột ra mờ mịt như sương mù giăng trên mái rừng.

Về thành phố, nhờ bè bạn tôi được nhận vào Sở Văn hóa, Thông tin. Rồi lấy vợ, sinh con, lập vườn, dựng nhà.

Mấy năm sau tôi có dịp lên thị trấn Sơn Lĩnh theo đoàn kiểm tra dịch vụ văn hóa của Thanh tra Sở. Phố huyện đã đổi khác, sầm uất và nhộn nhịp. Ngoài hai dãy phố ngoảnh mặt ra đường N., thị xã có thêm nhiều con đường rải nhựa, hai bên nhà cửa đủ kiểu dáng kiến trúc Tây, Tàu. Biển hiệu xanh đỏ, tím vàng nghênh ngang trên ô văng nhà, trên cánh cổng và cả trên cột điện cao thế. Rừng như bị đẩy ra xa hơn nhưng đứng ở chỗ nào trong thị trấn vẫn thấy nó thâm thẳm.

Tôi gặp Trần Giảng, bấy giờ làm bảo vệ chợ biên giới. Vẫn chưa có vợ, Giảng ở một mình trong ngôi nhà nhỏ ngay lối rẽ vào thung lũng Phiên Nâu. Lão Thọ Việt kiều chi tiền làm ngôi nhà ấy để bù đắp thiệt thòi cho Trần Giảng bị buộc nghỉ hưu trước tuổi vì dính tới vụ chuyển ba bộ xương hổ cho lão từ Lào về bị bộ đội Biên phòng bắt trong rừng Khe Ne.

Giảng tiếp chuyện tôi dè dặt. Và ngượng ngùng, lúng túng. Tôi gợi chuyện về Hân và Ngọc Diệu thì mặt Giảng nhả lại trong một bức bối nào đấy. Lâu sau, ông ta nói:

- Xưa ấy, cái lần Hân bỏ trốn đi Thái Lan ấy, mãi mấy năm sau mới mò về. Về mà không thèm nhắc chân đến cổng lâm trường. Lão Thọ chết, cô Diệu thành bà chủ. Rồi thì Hân thành ông chủ. Đám cưới của họ báo chí từ Nam ra Bắc đưa tin,

in ảnh. Mấy trăm xe ô tô loại sang kéo dài dọc đường N. chưa kể mô tô. Ca sỹ đã được phong Nhân dân, Ưu tú từ Hà Nội về, từ Sài Gòn ra phục vụ hát hò. Người ta tính chi phí cho đám cưới ấy nhiều bằng tiền thu thuế của thị trấn này hàng chục năm. - Ông Giảng thở dài, rồi nói tiếp, giọng lộ vẻ giễu cợt cay đắng - Làm thuê vác hàng chui nhủi trong rừng bỗng ra ông chủ... Nhón nháo à...

Ông ta im bặt, cặp mắt nhìn xuống hai bàn chân trần cáu bẩn của mình.

Tôi ngoảnh về phía rừng. Mới nửa buổi sáng, rừng thăm thẳm xanh. Tôi gợi ý muốn gặp vợ chồng Hân.

Trần Giảng lắc lắc đầu, nói:

- Không vào được nhà ấy đâu. Kín cổng cao tường. Chó và vệ sỹ, nhiều lắm. Mà gặp làm chi?

- Để thấy mặt nhau. Chẳng phải đã có một thời ở cùng phòng.

- Một thời. Vẫn biết thế. Nhưng... chẳng để làm chi!- Trần Giảng lại im bặt, mặt nhăn nhó một cách khổ sở rồi phẩy phẩy tay, nói, giọng líu ríu - Tôi phải về chợ. Khách buôn chuyển thường đến sớm.

Rồi bỏ mặc tôi đứng lại một mình giữa đường, ông ta đi về phía chợ biên giới. Nhìn tấm lưng hơi gù của ông với bước chân ngắn, thập thững, tôi mơ hồ thấy một nỗi thương cảm xót xa. Ngẫm lại cuộc đời đủ nắc lên voi, xuống chó, ông ta mới cay đắng nhận ra “chẳng để làm chi” sao?

Tôi không dứt được ý muốn gặp Hân. Loanh quanh qua mấy lối rẽ, theo người chỉ đường tôi đến trước cổng một ngôi biệt thự ba tầng chung quanh tường cao và cây cổ thụ. Một anh thanh niên đầu tóc ghé đầu ra giữa cánh cổng mở hé. Anh ta có khuôn mặt hao hao gã đàn ông tôi gặp hồi đi ngóng tin tức Hân gần chục năm trước.

Ngắc ngắc đầu, anh ta nói:

- Đi xa rồi. Không ai ở nhà. - Xong, đóng cửa liền.

Tôi nhìn vào nhà Hân qua ô trống giữa cánh cửa sắt. Chẳng thấy gì, chẳng nghe gì ngoài một khoảng không sâm sẫm và một lặng im đến rợn người. Đành vậy. Tôi tự nhủ và quay lại Phòng Văn hóa thị trấn Sơn Lĩnh để kịp chuyển xe về thành phố.

ĐOẠN KẾT

Ngôi biệt thự nằm ngoài rìa rừng, cạnh một ngọn núi đá hình tháp, cách đường Quốc lộ N. sang Lào chừng ba trăm mét. Ngôi biệt thự to lớn, có năm chóp nhọn sơn vàng, cao, thấp khác nhau, chung quanh là tường vây và cây cổ thụ.

Trong nhà, đâu cũng thấy thú nhồi bông, từ sư tử, hổ báo đến chồn, sóc, đầu hươu, đầu bò... gắn vào tường, hoặc nằm, đứng, ngồi trên tủ, bàn, giường, sập phản làm bằng gỗ cẩm lai, đỉnh hương, trắc, gụ, ngọc am... Một chiếc đàn ghi-ta dựng nghiêng trong góc nhà, dây đứt buông lòng thông xuống nền đá cẩm thạch.

Giữa nhà kê một bộ sa lông chạm trổ cầu kỳ. Mặt bàn bệ bốn ấu chén, chai lọ đĩa đựng hoa quả, bánh kẹo, thuốc lá, phin cà phê. Cạnh đấy, sát tường, màn hình tivi đang phát những hình sex của một bộ phim nước ngoài không lời.

Người đàn ông nửa nằm nửa ngồi trên ghế sofa. Anh ta trạc bốn mươi tuổi, thân hình to béo, ngón tay mập ú, da trắng bột như đã lâu lắm không gặp nắng. Khuôn mặt người đàn ông lộ rõ vẻ chán nản và sự lười nhác thì hiện lên trong đôi mắt lơ đãng, nơi mái tóc rối, hoe vàng. Người đàn ông thở dài, ngơ ngẩn cười rồi lại thở dài.

Người đàn ông biết tối nay vợ về. Vợ anh ta xinh đẹp, sắc sảo và dĩ nhiên giàu có. Hai mươi năm buôn bán, mười lăm năm đầu anh vừa là chồng, vừa là vệ sỹ, vừa là cứu vãn. Bố vợ và vợ dạy cho anh các mối hàng, cách nhận biết hướng đi trong rừng xanh thăm thẳm vào những đêm không trăng sao, những lần mưa gió, cách đi cất suối để trốn lính biên phòng... Thành thạo lắm. Vậy mà lại bị ngã xuống hẻm núi đá, gãy chân, vẹo cột sống thành khắp khiếm, quần quanh từ trong nhà ra sân, từ sân vào nhà. Buôn có bạn, bán có phường, vợ người đàn ông có thêm những người bạn làm ăn khác. Buôn và chơi, vui và buồn, đủ kiểu dáng. Nghĩ ngợi, tính toán, đối mặt với những người chung quanh là chuyện thường ngày; thậm chí như là định mệnh. Chung quanh người vợ là những kẻ nắm quyền lực, là bạn buôn, anh em kết nghĩa, người tình thật, người tình chớp nhoáng. Trăm mối quan hệ, mối nào cũng vì lợi ích...

Từ bao giờ, hình như là sau lần bị tai nạn, người đàn ông thu mình lại. Anh ta không thích bạn bè của vợ, những người khách lạ đến nhà ăn nhậu. Trước họ, anh trở nên thừa thãi, bất lực, vô tích sự. Trước họ anh ngơ ngác đến tội nghiệp. Nghề kiếm tiền dạy họ đủ thứ khôn ngoan, lọc lõi, lối sống tự do, phóng đảng mà vẫn hồn nhiên. Họ nhìn cuộc đời, nhìn mọi khổ đau, sợ hãi với những cặp mắt ráo hoảnh, đứng đưng. Ngôn ngữ trong đối thoại của họ sặc mùi tiền bạc, đặc mùi vị da thịt.

Người đàn ông nhìn quanh. Căn phòng trống trải, vắng lặng lạ lùng.

Người đàn ông nhìn ra rừng. Rừng thăm thẳm xanh.

Hết buổi sáng sang chiều.

Người đàn ông lại nhìn ra rừng.

Mãi khi sương mù từ trong rừng lan ra giăng giăng trên cây lộc vừng trước cổng, một đoàn xe ô tô, trong đó có chiếc màu đỏ chở vợ người đàn ông mới về. Năm người giúp việc từ góc gác nào đó trong khu nhà ủa ra. Một thanh niên

thường xuất hiện trên màn hình ti vi mở cửa xe bước ra. Anh ta hơi cúi đầu đưa tay nâng tay vợ người đàn ông để chị ta đặt chân xuống mặt sân lát đá cẩm thạch.

- Nào vào nhà đi. - Khoát tay, người đàn bà nói, trong chiều miền rừng yên tĩnh, giọng cô ta nghe lạnh lói - Chuyển đồ đạc vào và chuẩn bị cơm nước cho mười hai người ăn. À, mười ba.

Anh thanh niên nháy nháy mắt, ghé tai người đàn bà:

- Người thứ mười ba là ai đây?

- Đồ đếu. - Người đàn bà nói và nhếch môi cười.

Trong nhà, người đàn ông vội vã bấm điều khiển tắt ti vi, rồi khập khiễng, vẹo vọ dọc hành lang vào phòng ngủ.

Một giờ cho dọn dẹp. Bữa tiệc được dọn ra. Phòng khách sáng trưng. Tiếng cốc thủy tinh chạm nhau tách tách.Ồn ào lên. Rượu, bia khiến những khuôn mặt đỏ bừng. Và mắt người đàn bà sáng sủa, đẹp một cách man dại, khiêu khích.

Bỗng có tiếng hỏi:

- Anh Hân? Anh Hân đâu nhỉ?

Không ai trả lời. Người đàn bà chột sững người. Một chút. Tay vẫn cầm ly bia, chị ra khỏi phòng, đi dọc hành lang thông thoáng gió thổi. Gió từ rừng ra. Người đàn bà đẩy cửa phòng ngủ của hai vợ chồng. Mùi thuốc Tây từ đâu phả vào mặt chị.

Ly bia rời khỏi tay, rơi xuống nền nhà lát đá, vỡ vụn những âm thanh khô lạnh.

(1). Ca từ trong ca khúc *Mưa hồng* của Trịnh Công Sơn

(2). Ca từ trong ca khúc *Như một vết thương* của Trịnh Công Sơn

Hai chiếc áo sơ mi trong bữa cơm tất niên

HỮU VI

Bà Tâm đã sáu mươi tuổi, tóc bạc phơ. Da mặt, da trán nhăn nheo rồi. Bà ở cùng chồng cũng gọi là Tâm, sắp bước sang tuổi sáu lăm. Ông bà có đứa con gái thứ hai đã lấy chồng. Cô út thì sắp cưới. Cậu con trai cả ba mươi tuổi, chỉ ở vậy.

Nơi ông bà Tâm ở gọi là bản Hon trên triền núi Pu Quai. Trong bản có hơn bốn chục nóc nhà và người ta sống với nhau thật vui vẻ. Khi một ai đó ra suối xúc được con tôm, con cá cũng đem chia cho hàng xóm hưởng cùng. Nhà nào đó đám cưới hay dựng nhà mới cả bản cùng đến chung sức, chung vui. Cuộc sống vậy có cần gì phải suy nghĩ!

Con gái, con trai ông bà Tâm đều ở xa hết thảy. Nghe đâu chỗ chúng nó làm tận Bình Dương, đi hai ngày, một đêm mới tới. Tuổi già, không có bọn trẻ bên cạnh, ông bà buồn nhưng cũng may mà các con đều hiếu thuận. Thằng cả sắm cho cha mẹ cái máy xát lúa. Từ bữa đó, bà Tâm không còn phải thức khuya dậy sớm cùm cum giã gạo nữa. Ông Tâm có thêm việc “giã gạo thuê” cho dân làng. Hai cô con gái chung nhau mua về cái ti vi màn hình rộng để hai người già có cái xem ngày mai mưa hay nắng, xem phim công an bắt cướp, chống tham ô, buôn lậu. Đời sống thế cũng nói là vui rồi. Ai nấy mừng cho ông bà Tâm có con cái ăn nên làm ra.

Cô con gái út còn sắm cho cha mẹ cái điện thoại di động để tiện bề chuyện trò khi nhớ đến nhau. Cái cục nhựa bé xíu thỉnh thoảng lại réo lên khiến bà Tâm giật hết

cả mình mẩy, phần vì chuông kêu to quá, một phần mừng vì được nói chuyện với các con.

Nhưng rồi một hôm bà Tâm khóc sướt mướt khi nghe con gái út gọi điện về thông báo sắp lấy chồng tận trong miền Nam. Bà ra sức khuyên can mà không được, cuối cùng bảo:

“Tao có hai đứa, ai cũng lấy chồng xa coi như tao không có con gái.”

“Rồi anh cả sẽ lấy con dâu về cho mẹ.” - Cô con út an ủi.

“Con dâu bằng con đẻ sao được!”

Bà Tâm bỏ cái máy điện thoại xuống, ngó quơ, ngó quắt lên mòm núi. Bóng núi nhật nhòa trên nền trời đêm mờ sương. Tiếng con cú rúc từng hồi nghe buồn tận ruột gan.

Thấy bà không chịu đi ngủ, ông Tâm gắt:

“Buồn gì mà lắm vậy!”

“Ông có sinh ra chúng nó đâu mà biết thương!” - Bà lão sụt sịt.

Thực tình thì ông Tâm cũng chẳng vui về gì. Suốt đêm ông ngồi cạnh bếp lửa rít thuốc lào. Gà gáy sáng mới gục đầu trên tay thiếp đi. Ông Tâm choàng tỉnh dậy khi nghe tiếng bà vợ thổi bếp phù phù. Con gái lấy chồng xa, ông lão cũng lấy làm buồn bã chớ có thoải mái chi đâu.

Sáng ra, ông Tâm lẳng lặng lên rừng đặt bẫy, còn bà đi nương. Không ai nói câu nào. Chiều về, ông ném phịch con sóc xuống bên bếp lửa chẳng buồn mổ thịt rồi lẳng lặng rót rượu ngồi uống. Bà Tâm vừa thui con thú trên ngọn lửa vừa nhẹ nhàng:

“Để tôi khuyên con nó. Ông đừng nổi nóng nhé!”

Sau bữa cơm tối, bà vợ lấy cuốn sổ ghi số điện thoại của con rồi bấm máy. Đầu dây bên kia nói con chưa tan ca. “Trời đất ơi!... Ti vi đã phát chương trình thời sự buổi tối mà vẫn chưa nghỉ làm à?” Cô con gái đã vội gác máy không kịp nghe mẹ cần nhần.

Vài hôm sau, ông bà Tâm nhận được quà thăng cả gửi cho bố cái áo măng tô, mẹ cái áo dạ. Ông Tâm đi nhận quà từ bưu điện về, bà Tâm thùng thăng nói: “Ôi dào, tôi chỉ ước nó cưới vợ để có con dâu. Nhà này vô phúc, không được sống gần con. Những thứ này tôi có cần chi.” Ông Tâm gấp phần quà của mình cất vào ngăn tủ. Mùa rét đã về nhưng ông lão nghĩ mình chưa cần dùng đến một cái áo mới.

Phải mấy ngày sau, cô con út mới gọi điện về thuyết phục cha mẹ cho con lấy chồng trong này đi. Ở đây kinh tế khá hơn ngoài mình. Con cũng có điều kiện để đỡ đần cha mẹ. Bây giờ muốn về nhà nhanh thôi. Ngồi lên máy bay vài một cái rồi đi ba giờ ô tô nữa là có mặt ở nhà.



Minh họa: TRỌNG HIỆP

“Thế mà năm rồi ăn tết mi cũng không về. Có hai người già ở với nhau buồn lắm con ơi.” - Bà lão ra chiều thiếu nảo.

“Con phải cố làm để nhà mình đỡ vất vả hơn mẹ à.” - Giọng đứa con ngắt quãng trong tiếng gió núi thổi thông thoáng lạnh buốt.

Thấy con gái nói có lý nên ông bà Tâm đành ậm ừ đồng ý dù bụng dạ chẳng bằng lòng. Đành chấp nhận chứ con gái cũng vất vả đã nhiều năm. Giờ cha mẹ chiều lòng con vậy.

“Nhưng con phải dẫn thằng đó về cho tao xem mặt đã rồi hẵng cưới” - Bà lão nài nỉ.

“Mẹ ơi. Cũng gần cuối năm rồi, bọn con không ai được nghỉ. Cưới xong cuối năm con về ăn tết.”

Ông Tâm nghe vậy liền cảm phát chiếc điện thoại trên tay vợ ném xuống sàn nhà. Lão rút con dao đi rừng chặt một nhát lên cây cột nơi căn bếp, răng nghiêng kèn kẹt:

“Nếu nó lấy chồng trong kia thì đừng có về gặp tôi nữa.”

Bà Tâm sụt sùi khóc suốt đêm. Ông cũng thở dài thông thượt, trần trọc đếm từng tiếng gáy con gà.

Bà Tâm bán đi đôi lợn lấy lộ phí vào miền Nam ăn cưới con gái. Ông Tâm ở lại chăm gà lợn đợi bà. Dù không nói ra nhưng ông lão sợ sẽ bật khóc khi chia tay con gái. Bà Tâm bảo nhất quyết phải đi dự đám cưới con gái, lấy cái áo con rể về nhà để lên bàn báo cáo với tổ tiên. Có cái áo cúng ma nhà nó mới thành rể nhà này.

Thế là bà Tâm lần đầu tiên đi xa chỉ có một mình. Đêm trước khi mẹ lên đường cô con gái gọi điện căn dặn: “Mẹ phải cẩn thận đó nha. Đi đường bây giờ kẻ cắp nhiều hơn người hiền.” Sáng ra, ông Tâm đưa vợ xuống tận bến xe huyện mới chịu quay về. Lúc hai người già lóc cóc bước trên dốc núi, bà lão nói như buột miệng:

“Chẳng biết mặt mũi thằng rể thế nào. Người Cà Mau kia đấy. Xa lắm ông à.”

“Ừ. Tôi cũng chưa đi đến đó.” - Ông lão đáp không mấy bận tâm. Còn bà thì đang nghĩ đến đứa con rể chưa một lần gặp gỡ chuyện trò. Con bé nhà mình nhỏ người. Nó cần một người đàn ông cao lớn nâng đỡ. Bà lão nghĩ có lẽ đứa con rể phải cao như thằng cả. Cũng vâm vấp, nhưng chắc gì đã cục mịch, khù khờ thế?!

Nhà xe cho bà Tâm ngồi hàng ghế giữa vì những hàng đầu người ta đã đặt chỗ trước. Cậu phụ xe cứ phân trần mãi: “Bác thông cảm nhé. Bác sẽ không phải mệt nhiều đâu. Xuống thành phố, sang xe khác đi vào miền Nam bác sẽ cảm thấy thoải mái ngay. Xe có giường nằm mà.”

“Ừ, trăm sự nhờ các chú nhá. Tôi có biết đường xá đâu.” Nói rồi bà Tâm tựa lưng vào ghế lơ mơ ngủ trong những cú xóc đập dềnh như ru vông.

Cậu phụ xe gọi báo cho bà Tâm đã đến bến xe tỉnh. Bà mở mắt ra định đi xuống xe thì phát hiện chiếc túi đựng đồ bên mình đã không còn. Bà lục tìm khắp ghế trên, ghế dưới đều không thấy đâu. Chắc có kẻ gian lợi dụng khi bà ngủ quên đã cuồn đi cái túi. Trong túi có giấy tờ tùy thân và chiếc vòng bạc bà để dành cho con gái làm của hồi môn. Cả số tiền hơn ba triệu bán đôi lợn thế là đi tong rồi. Cậu phụ xe tỏ ra thông cảm khuyên bà nên quay về và hứa sẽ đưa về tận nhà. Còn nếu bà muốn đi xe khác về nhà thì nhà xe sẽ hỗ trợ tiền. Có lẽ khách xuống dọc đường đã lấy cắp đồ của bà. Rõ khổ. Vậy là bà Tâm đành chùi nước mắt chờ chiếc xe quay về.

Người phụ xe đã giữ đúng lời hứa đưa bà Tâm về tận nhà nhưng bà không vui lên tí nào. Bà cứ làm thỉnh trước câu hỏi của ông Tâm sao lại quay về rồi từ biệt cậu phụ xe. “Tôi cần phải ngủ một giấc.” - Bà nói vậy rồi chui vào buồng tối. Ông Tâm thì chẳng hiểu chuyện ra làm sao cứ trơ mắt nhìn vợ chui tọt lên giường trùm chăn ngủ.

Bà Tâm ngã bệnh. Cái điện thoại đã mất tong nên chẳng biết làm sao để gọi cho các con yên lòng là bà đã trở về. Con sốt đầu tiên kéo đến vào nửa đêm. Ông Tâm thấy vợ không dậy sớm thổi xôi như thường lệ nên ghé qua buồng sờ vào trán

thấy nóng bừng. Lão hoảng hốt vớ chiếc khăn cáu bẩn để đầu giường nhúng vào chậu nước lạnh rồi đem vắt lên trán vợ. Buổi sáng hôm ấy người ta thấy ông lão không xách dao lên rừng mà xuống khe múc đầy một ống bương nước, vốn dĩ là việc thường ngày của bà Tâm. Ông cứ thế lặng lẽ làm việc, tâm tư thì nghĩ: “Giá mà có một đứa con gái ở cùng thì mình nào đến nỗi khổ sở vậy”. Rồi ông nghĩ đến những nhà khác trong cộng đồng. Từ bao đời nay con cái lớn lên luôn dựng vợ gả chồng gần cha mẹ. Chọn đất làm nhà ai cũng chuẩn bị cho các con một phần để về sau có chỗ ở gần cha mẹ. Ông Tâm để cho cả một vạt đồi rộng rãi. Nó chưa về lấy vợ, làm nhà, ông trồng lên đó một vườn mơ. Đã cuối Đông, hoa nở trắng cả một khoảng đồi.

Bà Tâm phải nhập viện. Sau ba ngày nằm liệt giường mà không thuyên giảm, người ta cáng bà bằng vồng chạy xồng xộc trên dốc núi rồi thuê xe chở đến bệnh viện. Đó là lần đầu tiên suốt hơn sáu chục năm làm người, ông Tâm biết đến một ngôi nhà tường gạch trắng xóa gọi là bệnh viện. Lần đầu tiên ông cần đến cái mảnh giấy con con có ghi tên họ của vợ mình gọi là thẻ bảo hiểm. Bao năm qua, nhờ trời đất thương tình mà cả vợ lẫn chồng luôn khỏe mạnh. Vậy mà lần này ông phải đi chăm vợ ngã bệnh. Mấy ả y tá thì tối ngày gất gỏng vì ông lão lóng ngóng quá. Bà vợ lúc tỉnh lúc mê. Miệng lảm nhảm khi gọi tên chồng con, khi nhắc đến một con suối xa xôi nào đó mà ông Tâm cũng chẳng hề biết đến. Một lần bà lão gọi con rể, cái đứa mà cả ông và bà đều chưa biết tên.

Phải chi như ở nhà, mấy ả y tá chỉ đáng tuổi con cháu của mình này hẵn đã ăn mấy bạt tai. Có lần ông Tâm trừng mắt nhìn ả y tá quát tháo bảo phải để cái xô đúng chỗ. Nhưng rồi ông chỉ lặng thinh. Giá mà có đứa con gái nào ở cùng lúc này thì hay biết mấy. Minh đã chẳng phải khổ sở đến vậy. Nằm viện được hai hôm thì bà Tâm ngồi dậy được. Bà tính gọi điện thoại cho con gái nhưng hiềm nỗi cuốn sổ ghi số cũng đã mất tong.

Thằng cả đường đột về. Nghe đâu mấy anh em ra bến xe chờ cả buổi rồi hỏi thăm khắp các xe chạy tuyến Nghệ An - Sài Gòn nhưng không ai biết bà Tâm. Cái điện thoại thì đã bị mất cắp, không liên lạc được nữa. Cả đàn con cuống cuống vì không cách gì tìm ra bà Tâm và chẳng ai lưu số điện thoại của người nào ở bản Hon để hỏi han. Có người khuyên mấy đứa đăng tìm trên mạng xã hội nhưng vô hiệu. Ở núi Pù Quai, mạng xã hội vẫn là điều gì đó xa lạ vì phần lớn những người ở lại nhà đều đã lớn tuổi. Đám cưới thành ra mất vui vì ai nấy đều như có lửa đốt trong bụng. Xong tiệc cưới, anh cả tức tốc lên tàu bay về. Đến nơi mới hay chuyện bà Tâm bị mất cắp. Giờ thì đang nằm viện. Nó không vào nhà mà vác cả ba lô kèn càng đến thăm mẹ.

Ông Tâm đang bón cháo cho bà lão thì thằng con xuất hiện như từ dưới đất chui lên khiến cả hai người đều ngạc nhiên hết nỗi. Trong khi ông chưa biết nói làm sao thì bà đã chống tay ngồi dậy.

“Thế là về à?” - Bà Tâm lắp bắp.

Thằng con ngồi xuống cầm lấy hai bàn tay mẹ.

“Út nhà mình vậy là có chồng rồi. Xong cưới nó thì con về để tìm mẹ.”

“Tao chưa đi lạc được đâu.” - Bà lão nước mắt vòng quanh. Trong bụng mừng thầm vì thằng con vừa về. Bà chỉ muốn leo ngay khỏi cái giường đưa nó về nhà mổ gà làm lễ gọi vía. Người đây rồi, cũng phải gọi hồn vía nó về theo. Với bà Tâm, cậu con trai vẫn còn là trẻ dại, cần mẹ săn sóc.

Cả chỉ tính ở lại vài ngày rồi trở vào miền Nam. Nhưng bà Tâm ốm gần tháng mới khỏi hẳn. Đã sắp hết năm nên nó xin nghỉ hẳn việc ở nhà cùng cha mẹ. Nó dành phần tiền ki cốp trong mấy năm làm công nhân sửa lại cái nhà cho cha mẹ có chỗ tinh tươm hơn để đón tết. Dù dăm ba hôm, hai cô con gái lại gọi về chuyện trò nhưng bà Tâm vẫn chẳng thể vui hơn. Bà bảo muốn được gặp mặt con rể. Lỡ có mệnh hệ gì thì ân hận lắm. Cô út và chàng rể gọi qua máy anh cả, bà nhìn thấy cô con gái và con rể đang ríu rít bên nhau vui vẻ, trong lòng cũng nguôi ngoai phần nào. Mắt bà lão đã kém. Qua cái màn hình nhỏ xíu kia thấy chàng rể lúc mờ, khi tỏ. Bà vẫn muốn nó về với bà bằng da, bằng thịt. Càng gần tết, bà lão càng mong tin hai con gái. Nhất là đứa út mới đám cưới. Bà muốn nó dẫn chồng về ăn tết.

Hai lăm tháng Chạp, bà Tâm theo cả xuống chợ huyện sắm sửa đón tết. Bà chỉ mua ít mắm muối và một bộ đồ trẻ em để gửi con gái út khi ra tết trở vào Nam sinh con. Bà mân mê chiếc áo mới và nghĩ dù là cháu ngoại của bà có là gái hay trai cũng vẫn mặc được. Bà cũng đã dệt xong chiếc chăn thêu hình chim công để cháu đắp.

Cô con út gọi báo tin tết này không về được. Nhà nội nó ở tận đất mũi Cà Mau cũng muốn đón con dâu về ăn tết. Nó đã theo chồng, đành phải chiều ý nhà chồng. Qua cái màn hình điện thoại nhỏ xíu, nom mặt đứa út cứ buồn thiu khiến bà Tâm phải kim lòng. Thằng cả tắt máy, bà ôm mặt khóc hu hu. Vậy là bao dự định cho ngày sum vầy coi như tan theo mây gió. Bà lão chẳng tha thiết gì chuẩn bị tết nhất nữa.

Thằng cả về đỡ dần việc nhà, bà Tâm có thì giờ ngơi tay. Rảnh việc, bà thường xuống khỏi cầu thang, ra ngồi ở khoảng sân trước nhà ngó lên vườn mơ. Những bông hoa cuối cùng sắp tàn. Cây cảnh bắt đầu nhú lộc. Sáng ra, vườn mơ động đầy sương mai. Sương trắng, hoa trắng cùng phô sắc khiến sườn núi như vừa trải qua một cơn mưa rào. Non trưa, sương núi tan, khu vườn chỉ còn lại những cái hoa nhỏ xíu sắp tàn. Bà chợt nghĩ về cuộc đời con người cũng như cái cây, buồn vui như mùa hoa nở hoa tàn, mùa trái xanh, trái chín.

Trên nẻo vắng nào đó nơi xóm núi thấp thoáng bóng người già cầm theo những chiếc áo và nén hương trên tay đi làm lễ gọi vía. Tiếng khẩn gọi lúc bổng, lúc trầm run rẩy như ngọn gió mùa Đông. Tiếng khẩn gọi vía khiến bà Tâm thêm nhớ về đứa con gái út. Nó nhỏ nhất nhà. Ngày bé nhút nhát. Lớn lên, chưa kịp đi học trường huyện đã phải vào miền Nam kiếm việc đỡ dần cha mẹ, mãi dăm bảy

năm mới lấy chồng. Nó thiệt thòi nhất trong ba anh em. Bà Tâm mong ngóng nó và cả thằng con rể còn chưa biết mặt.

Sáng Ba mươi tết, ông Tâm và Cả mổ con lợn bà mẹ nuôi chuẩn bị tết từ nửa năm trước. Hai cha con hí húi mãi tận trưa mới xong. Khi mâm cơm tất niên dọn ra thì nhà có khách. May, cô bạn thuở học trò của anh con cả đến thăm, trên tay có một bọc quà. Hai ông bà già còn chưa hết ngạc nhiên thì cô gái đã nói: “Quà của bé út gửi cháu đưa về cho ông bà”. Bà Tâm vội bảo Cả mở coi.

Quà gói trong cái hộp giấy sơ sài. Cả cầm con dao nhọn rạch bóc lớp băng dính. Trong hộp chỉ vụn vụn hai cái áo sơ mi. Một của nam, một của nữ. Bà Tâm nhìn hai chiếc áo và hiểu ra điều gì đó. Con gái gửi áo của chồng nó về để ông bà Tâm cúng trên bàn thờ tổ tiên. Có cái áo này, ma nhà sẽ nhận mặt con rể.

Bữa cơm tất niên thế mà vui hẳn. Bà lão liên tục cười nói, gấp thức ăn cho cô gái. Bà nhắc cô chiều tối nay nhớ trở lại nhé. Lúc đó bà sẽ làm lễ cúng để tổ tiên nhận mặt con rể.

“Có cái áo này coi như vợ chồng nó về ăn tết cùng nhà mình rồi. Thôi thì vía về trước, người về sau vậy.” - Bà lão nói dường như chỉ để mỗi mình nghe.

May nhìn bà Tâm, lại nhìn sang ả, thấy nước mắt nó chực trào ra. Sự bối rối bắt đầu xâm lấn tâm trí người con trai và lan sang cô gái. Tối hôm qua, anh con cả tìm đến nhà thăm cô bạn lâu ngày xa cách. Cả tâm sự chuyện mẹ mong nhớ em gái, em rể rồi trách cứ chúng nó sao quá đối vô tâm. May ra chiều suy nghĩ rồi bảo anh cả hãy để lại cái áo sơ mi. Thế là thành ra chuyện như vậy.

“Nếu tối nay mà mẹ cậu đem áo của chúng ta cúng tổ tiên thì sao nhỉ?” - May thì thầm về đầy lo lắng. “Nước này thì mình không tính đến.” - Cô bạn gái nói thêm, gò má chột đỏ gay, đỏ gắt.

VĂN CÔNG HÙNG

Thảo phím giao thừa

Giao thừa ủ giữa lo toan
vùi trong náo nức những loan phượng rờn
hoa tràn phố lữ ngập đồng
con mưa gột những nâu sồng phù du
quê nhà lặng phía sa mù
phố xanh đỏ phố phấp phù nông sâu

nghe đồn phía ấy dương nhàu
giao thừa trời lại đổ ào ào mưa
chết thôi điềm gở tự xưa
bây giờ hiển hiện biển trưa thành chiều

tivi phát những mỹ miều
ngoài đường em hái bao điều vu vơ
lá xanh đến độ sững sờ
ơ kìa tết cũng giả vờ như ai...

THẠCH QUỲ

Những dấu vết xa xăm

Dấu chân ta trên núi
Núi xóa dấu chân ta
Dấu chân ta bên biển
Biển xóa dấu chân ta
Gương mặt soi trong nước
Nước xóa gương mặt ta.

Giữa trời đất mệnh mang
Dấu vết ta bị xóa
Núi vẫn là núi đá
Biển vẫn là biển thôi.

Chỉ còn giữa tình người
Dấu xưa và vết cũ
Chỉ còn giữa tình yêu
Bóng hình ta mãi đó.

Mai ngày trong năm mộ
Người biết người nơi đâu
Những linh hồn bất tử
Biết có tìm đến nhau...?

TÙNG BÁCH

Khoảng lặng

Lại tết đến nữa rồi cha ạ
Bếp nhà mình lại sùng sục bánh chưng sôi
Con, cháu, chất quây quần đông đủ cả
Chiếc đòn kê, trống vắng chỗ cha ngồi!

LÊ QUỐC HÁN

Đóa vô thường

Người ơi trong cõi ta bà
muôn năm chẳng nữa chỉ là khói sương
Tặng nhau một đóa vô thường
mai sau gảy khúc đoạn trường. Chẳng nao.

Ta về ngủ dưới trăng sao
cùng con sáo sậu bay vào giấc mơ
Sông tình vô bến vô bờ
non cao nhân nghĩa mây mờ quấn quanh.

Cách xa với vợ. Thôi đành
câu thơ làm lái chòng chênh sóng đưa
Nghìn năm tới, vạn năm xưa
nắng mưa tiếp nối nắng mưa. Dãi dằng...

Cầu mong trời sớm sang rằm
trở về quê mẹ cùng nằm đếm sao.

TRẦN QUANG QUÝ

Họa mi hát

Trước khung cửa sổ tình mơ họa mi hát
tiếng hát dất mùa Xuân rì rầm búp xanh
những đài hoa bừng thức
giọt sương tình lọc mình
cuồng thời gian nâng cả mùa Xuân lên cao.

Bầu trời trong veo tiếng chim hát
trong đến nỗi làm ta ngượng đục
trong đến nỗi ta thấy mắt em
đang nhìn thấu ta
như thể ta đang mọc cánh
bay về miền trời em.

Này họa mi, có phải họa mi là chính em?
buổi sáng thật dịu dàng, tinh khiết
em vụt hiện lúc ta hoang vắng nhất
mượn họa mi hát lời tươi xanh,
ngữ điệu ánh sáng
khóa mắt ta hiu quạnh.

VÂN ANH

Nhớ cụ Nguyễn Du

Ngày Xuân - Ngưng Bích trông trên
Chiều hôm cửa bể lênh đênh phận Kiều
Nhớ ai... duềnh ngọn thủy triều
Phải chăng lành ít dữ nhiều... mai xa?
"Buồn trông" lưu lạc kiếp hoa
Thuyền duyên vô định... Đâu là bến yên?
Chữ "đồng" tạc vẫn còn nguyên
Trà mi rã cánh giữa miền đa đoan.
Kiếp này nợ đấng sinh thành
Tu bao kiếp nữa vẹn toàn hiếu nhân?
Thương Kiều hay Cụ thương thân
Phong trần... lại phong trần... chẳng vui?
Vu oan buộc tội bao người
Xảo nguyên mưu cũ, mới tươi bây giờ.
Sở Khanh lột xác nhơn nhơ
Bấy tình cài đặt bất ngờ... Chốn yêu.
Quan tham ra giá, dễ chiều
Còn quan xử kiện cho Kiều... Trớ trêu!
Trong tay luật pháp như điều
Tội cao, tội thấp ghét yêu... Tùy người!
"Trăm năm trong cõi"... khóc cười
Lương tâm đem bán, đắp bồi quyền danh.
Ngày Xuân... nhớ Cụ mơ lành
Gươm thiêng Từ Hải tung hoành nghĩa nhân.
Phiên tòa mở giữa lòng dân
Quan tham tận diệt, giả chân rõ ràng.
Hai lăm thập kỷ thăng trầm
Xin dâng lên Cụ... tri âm đôi lời!

NGUYỄN VĂN HÙNG

Thơ Kiều thuộc tuổi chín mười

(*Thân tặng nhà thơ Vũ An^[1]*)

Mến Kiều thuở mới chiến tranh,
Chín mười thi thuộc, Kiều thành ân nhân.

Hôm đi bà giục mấy lần,
Tình yêu Cụ Nguyễn đâu cần phải thi.

Bạn mừng, dù muộn, thôi thì,
Chén trà, câu chuyện hôm về Nghi Xuân.

Cái thời mình sống phân thân,
Núi Hồng đứng đó mà chân đi vòng.

Cái thời mình sống tỉnh không,
Câu thơ cũng tỉnh, rượu nồng phai mau...

Ba trăm năm nữa. Mai sau,
Thơ Kiều ai thuộc lâu lâu nữa chẳng?

1 Tháng 9/2020, tại TP Hà Tĩnh, Ban tổ chức cuộc thi Bạn đọc *Truyện Kiều* đã trao tặng "Bằng tôn vinh" cho nhà thơ Vũ An, gần tuổi 90, quê Nghệ An, người đoạt giải cuộc thi, nhân Kỷ niệm 200 năm mất Đại Thi hào Nguyễn Du (1820-2020).

NGUYỄN THÚY QUỲNH

Buổi chiều cuối cùng

Sách đã gọn gàng trên kệ
Sàn nhà sạch bong
Chậu cảnh cuối cùng đã tưới xong
Người khách cuối cùng
rời đi sau một lời chúc đẹp
Cầu dao đã dập
Cả tòa nhà cơ quan lặng phắc

Chỉ còn ta với ấm trà vừa pha.

Pha trà đãi khách
Khách chưa kịp chờ trà ngấm đã vội đi
Ngoài kia nườm nượp chợ đông
Trăm nghìn âm thanh theo tết về
Người rẽ lao xao tìm lối.

Ta làm chi với ấm trà bé nhỏ
Đang lặng lẽ tỏa hương?

Thanh khiết còn một chút này
Tĩnh lặng còn một chút này
Năm cũ chiều nay chưa qua
Năm mới ngày mai chưa tới.

Ta một mình trong nhịp nhạo chiều
luẩn quẩn nghĩ về việc
làm sao mang theo, làm sao để lại.

Trà một mình thơm.

HỒ PHI PHỤC

Nguyễn Trọng Tạo

Anh như Sao Lạc giữa ban ngày
(THỤY KHUÊ)

Vì Sao Lạc cô đơn
Buồn chán bay cùng trời
Thế giới không còn trắng
Quân cờ bỏ túi.

Vì Sao Lạc lấp lánh giữa đời
Đồng dao cho người lớn
Âm thầm lạnh ngắt cháy đỏ
Lạc vào Nhạc Họa
lạc vào Thơ Ca
lạc vào Lòng Người.

Lạc vào Cõi Đi bắt tử
Ngàn năm Rong Chơi.

HỒ MẬU THANH

Hình như có một chút mình

Cổ nhân đi mãi thành đường
Theo sau ta vẫn xanh ương chưa muối
Tải đạo thơ thả lên trời
Phai đạo thơ phú ai người viếng thăm?

Thơ tắc ty, thơ bình dân...
Ba mê bảy tỉnh mới thành chân tu
Tài tình cũng chỉ kiếp phu
Ngẫm ra cơm áo kẻ thù khách thơ.

Nghề gì mà lắm ắt ơ
Khen chê gió thoảng, buồn dơ sóng triều
Ngắn dài cũng bởi chữ yêu
Đa đoan chỉ để đa chiều buồn tênh.

Đủ đầy đi với xông xênh
Khốn khổ bắt thành bạn với thơ văn
Đến kỳ xếp loại thảo dân
Thì ra trong đó có phần nhà thơ.

Khi vui nâng chén cuộc cờ
Khi buồn chai cạn bờ vơ một mình...

DƯƠNG TIẾN NGỌC

Đêm Ba mươi

Lại gặp đêm Ba mươi tết
Bao người thân đến hẹn chẳng hay tin
Thấp nén hương cuộn vòng tiễn biệt
Năm cũ sau lưng, ngớ ngẩn quay tìm.

Ta lặng ngấm bóng mình trên vách
Ngọn nến sang canh, đùa cột dáng hình
Vợ bếp núc, con ồn ào phố xá
Cháu hồn nhiên trong màu áo mới tinh.

Cành đào nở đang vào độ thắm
Lại một năm ư? Câu hỏi bao người.
Đêm Ba mươi
Rồi sau Ba mươi nữa
Đào có còn trong lọ sứ nhà tôi?
Chẳng dám nói điều gì to tát
Đời người ta ai cũng thể thôi mà!
Cũ không qua làm sao mới đến
Kia!
Cánh đào nhè nhẹ tay ta.

TRẦN THU HÀ

Rồi một ngày

1- Thật hay

Điều tưởng như quan trọng nhất lại là tôi tệ nhất

Này anh

Đôi vai em đã trĩu xuống vì phải gánh những cặn bã rác thải, buồn nôn khi phải chứng kiến họ đang mắt xa chăm sóc những bộ mặt thật, những cuộc vui tàn canh, nhưng họ quên chăm sóc trái tim mình đang thiếu máu. Những ánh mắt hành lạc, không che nổi sự uơnh hèn đang bốc mùi trong vũ hội hóa trang.

2- Trên con đường hiền triết, những tiết tấu khổ sai lần mò ánh sáng, những trò chơi trái mùa lạc một nhịp sau cánh cửa nghĩa địa vẫn vỗ ngực hô vang. Bóng ma là ta, xác ướp là ta, người hùng cũng là ta...!

3- Con sâu đo đo bóng mình còn giấu mặt mấy nghìn năm vẫn ngủ vùi trong chiếc chổi cùn ném ở góc sân thể kỉ,

Đêm đêm nó bò ra đo bóng mình, bằng sự chiêm nghiệm của chính nó. Những tiết tấu khổ sai lần mò ánh sáng. Động từ đếm... Chạy... Nhảy... rất tỉnh táo, bắt đầu từ một đến trăm ngàn cuộc chơi.

4- Trước sân

Hàng dâm bụi lười hoa nhỏ máu

Giữa vòng xuyên vụn vụn dấu chân bước đều bước đều, xoay vòng xoay vòng về đâu?

Có tiếng quấy đuôi từ bể nước, những con cá vàng thiếu oxy cố ngoi lên, ngáp ngáp thở bằng mắt.

Ô hay

Những điều tưởng như đơn giản nhất lại là điều quan trọng nhất.

5- Rồi một ngày

Cần phải mở gói thầu bảo hiểm linh hồn cho chiếc vé khứ hồi làm một cuộc du ngoạn đầy biến động.

NGÔ ĐỨC HÀNH

Tết xưa ở quê nghèo

Tết đuổi sau lưng
bông đồng tiền nở chùm sương muối
cha thắp đèn gánh
mẹ bện rành rành
con nghĩ về một manh áo mới.

Làng ta đồ đưa
chiếu hoa vắt vai bàn chân khuya bước vội
bác ra xứ Thanh
chú leo ngang ngược
Giếng Hai rộng dài cánh đồng khoai lạc.

Bói cá lim dim soi bóng nước trong
cua đồng thu mình bờ thửa
lúa chết chưa trở đồng
chân trần hà, rổ.

Cha chạm vai ngày
mẹ rối tóc đêm
đom đóm chẳng châm đèn màu xanh
trang sách bóng đèn mơ ước.

Tết nhe răng cười không gương lược
bà ngồi lẫn thẩn đồng xu
bao tượng ngang hông làm bằng miếng
dù
trôi tuột ngón tay bà đếm.

Con ngắm bông dong riêng
gió bắc thổi khô mặt tàu lá chuối
tết cho bố bước chân rong ruổi
khăn mẹ vắt đầu lệch cả đôi vai.

Đêm thở hơi dài
ngày đến trường không ngần
nụ đào nhú lông mày thẹn thẹn
quê còn nghèo hoa nở đóa vô duyên.

Tết đuổi lưng
mẹ cạo gió xúc dầu lo lắng
em ngủ rồi hai đầu gió cuốn
ngày cuối năm giẫm lên cả bóng mình!

PHAN BÌNH

Nụ Xuân

Mưa rơi rơi hạt trong ngần
Đất trời ướp nụ trở mầm tháng năm
Luân hồi gột rửa thanh tân
Nghe trong bắc biếc nụ Xuân chớm thì.

XUÂN GIANG

Về với mẹ

Lang thang phố,
Lang thang làng,
Lang thang chợ,
Gặp chiều mộng mị,
Lang thang...

Ly rượu mơ màng,
Những cánh tay dang
Thiên đàng
Trước mặt.

Nhặt quả đất
Vuông, tròn, to, nhỏ
Mân mê hạt cát
Thiên hà.

Phố thị nguy nga,
Tòa ngang dãy dọc,
Cao ốc chọc trời,
Tóc người dựng đứng.

Cây đời đời sự sống,
Bạc, vàng, hư không
Tội nhân giành, tranh
Vã mồ hôi hột.

Tiếng hoan ca bất chợt,
Tiếng la ó triền miên
Chen chúc
Nơi hầm trú ẩn.

Về với Mẹ thôi,
Nơi đã ra đi
Đang mong ngóng người về,
Yêu thương ngập tràn
Vạn kiếp.

BÙI VIỆT PHƯƠNG

Ngày cuối năm

Cỏ dại héo khô đã cắm chặt bình
Thảo nguyên lại rộng không ngày giáp tết,
Mưa thật chậm, thật lâu, buồn thắm mệt
Tiếng còi tàu mộng du đêm sương...

Nỗi nhớ cuối cùng, anh đã vẽ xong
Màu đã khoác lên mình ngày thật mới,
Thêm một chiếc đỉnh trên tường,
Thêm một người không tới
Anh cứ ngồi lặng lẽ, chỉ mùa Xuân.

Chỉ mùa Xuân, tiếng chim ấy trong ngần
Ngõ vắng nhà ai, tiếng ly vừa chạm khê
Chỉ mùa Xuân, có một người lặng lẽ
Rót cho mình rượu cũ của ngày xưa.

TRẦN THẮNG

Tĩnh lặng mong manh

Giang sơn loạn lạc mất tên
Thời nào dân cũng dựng lên anh hùng
Khói hương bùng nổ ảo lầy lừng
Hồn thiêng một cõi kết ngưng chốn này

Yên tĩnh chìm rỗng xác mây
Mái đền xơ bóng rỗng bay giữa trời
Ngựa, gươm bạc giấc bụi đời
Văn bia thảo nét ngậm lời mẹ ru.

Thánh nhân khuất đỉnh sa mù
Đất ôm xương trắng hời ru công thành
Ngàn năm chợt thoáng mong manh
Một ngày giặc già cỏ xanh ngút trời.

NGUYỄN HOA

Chùm thơ hai câu

Hoàng hôn tràn tím mắt người
Phả hương lúa ngậy đất trời vào đêm!...

Ôm bó lúa vàng đầy tay
Mồ hôi chảy nhòa qua mắt!

Em giờ vẫn độ non tươi
Như ngày Xuân trước - miệng cười tròn trắng!

Con mèo già
Ngồi thu chân nhìn ngọn cau cao tiếc nuôi.

Mưa Xuân hạt ngọc bay rơi
Thấm nhuần trời đất hoa người nở hương.

Ai cũng có cửa sổ lòng mình
Mở òa ra vũ trụ.

Khi tay anh nắm chặt tay em
Những thứ một sẽ thành vô số!

Ngõ ai rào gai lấp lối
Lòng tôi cửa mở gió lùa.

ĐINH HẠ

Vọng tết

Anh gấp mùa thơm dâng tiên tổ
Chiều tắt niên hương khói gọi về
Đặc sản quê trưng đầy mâm cỗ
Hỏi phố phường có vọng tết quê?

Anh đếm tết tí tách bếp lửa
Vọng hoa niên pháo chuột tết dùng
Ai xông đất? Mệnh Kim, mệnh Thổ
Mà bây giờ vẫn mãi người đứng...

Anh ngồi bó gối non lộc biếc
Vị giận thương nao vọng sau hồi
Chẳng thể trách, lòng thêm luyến tiếc
Mùa nhân duyên chạm ngõ cuộc vui.

Anh gói tết vào trong xưa cũ
Chưng cất mùa thành chén rượu tân niên
Câu khai bút chấp chới lời ẩn dụ
Như "đào hoa y cựu" rụng bên thềm...

TÚ QUYÊN

Đi chợ cuối năm

Tôi về phiên chợ cuối năm
Dem rao bán gánh thặng trâm nổi trôi
Tìm mua đầy giỏ nụ cười
Cành đào hé những đóa môi dịu dàng.

Cuối năm về với chợ làng
Bán đi trâm nổi ngổn ngang lòng mình
Những cơ cầu cuộc mưu sinh
Để mua thanh thản cho mình diện Xuân

Gặp bà bên gánh rau cần
Mớ xanh bó chặt gian truân tháng ngày
Đất bùn non mướt trên tay
Tôi vào mua lại những ngày nắng mưa.

Chợ làng chẳng họp đến trưa
Chỉ lưng chừng buổi là vừa tàn phiên.

Lân la tôi kiếm chút duyên
Ghé hàng trầu thắm mua liền năm coi
Thật thà cô bán hỏi tôi
Anh như không phải là người làng ta?

Tôi nhìn sang phía gốc đa
Tuổi thơ những buổi phụ bà bán rau
Nhìn em tôi khe gặt đầu
Hình như em mới làm dâu làng này?

Chợ tàn tôi xách nặng tay
Đổ xanh, gạo nếp, đủ đầy lá dong
Cả con gà trống mào hồng
Hương thơm, vàng mã, chuối, bông, quất, cam...

Bước nhanh qua cổng chợ làng
Mẹ cha đang đợi tôi mang Tết về.

ĐẶNG PHI KHANH

Xuân

Chuồn chuồn bầu ngược cành xoan
Gió lay sắc tím vương làn tóc mây
Chiều nghiêng ôm khóm tre gầy
Mầm Xuân tách vỏ, mưa ngây mắt đào...

NGUYỄN NGỌC CƯỜNG

Nếu

Nếu giả sử
mùa Thu không còn gió
thì hàng cây
đâu tiếc nuôi màu xanh
Nếu em thiếu chút dung nhan trời phú
lấy lý do gì
dan díu cuộc đời anh.

ĐÀM CHU VĂN

Mới

Mối độ Xuân về ta lại mới
Reo ngược ngày xa thuở chín, mười
Nao nức hừng lên, hồn sột soạt
Trong tà áo mới cánh nâu tươi.

ĐÀO MINH SƠN

Giá như

Giá như hôm ấy bỏ đi
Đừng nhìn em khóc có khi chẳng buồn
Giá mà sau trận mưa tuôn
Anh cứ lơ đãng giữ khuôn học trò
Giá như hôm ấy đừng lo
Đường trơn, trời tối, qua đò, nắm tay
Giá mà hôm ấy ngất ngây
Em đừng sợ cái bóng cây giống người
Bây giờ dở khóc dở cười
Em ở đâu để tìm tôi phách phờ
Ăn lơ ngơ, ngủ lơ mơ
Nửa đêm tỉnh dậy chợt thơ với mình.

PHAN QUỐC BÌNH

Bất chợt Xuân

Vượt qua làn gió Đông cuối cùng rừng cây
rũ lá
bất chợt nhận ra âm thanh nguyên thủy
đại ngàn giam giữ trong tôi
bất chợt sáng lên những năm tháng xa xôi dẫn dụ mùi hương lặng lẽ
theo mùa Xuân trở về.

ĐẬU PHI NAM

Viết trong ngày giỗ mẹ

(Kính dâng lên mẹ)

Một thời gian dài con đọc sách
Hơn ba mươi năm đọc báo Văn nghệ
Không biết hao bao nhiêu là rượu
Rượu nhắm cùng thơ
Thơ chan tình người
Tàn canh:
Vợ thương đãi cuội hầm canh
Có cô con gái rượu hay đọc bài của bố
Sửa lỗi chính tả khen - chê
Sáng nay 27/11
Mẹ ơi!
Gốc đào trước ngõ lác đác đơm khuy.

NGUYỄN VIỆT LỢI

Qua núi Pù-Ông

Nắng vừa đủ để đam mê
Trời buông xuống những lê thê gió mùa.

Pù-Ông vàng vạc sao Rua
Vực sông tĩnh lặng mái chùa sương giăng.

Chợt chiều, neo một bóng trăng
Còn ta với những mùa măng chưa già.

Nước khe, rượu trú là ngà
Bóng trăng trôi giữa mùa hoa đại ngàn.

PHAN THÚC ĐỊNH

Hương tết

Én chao bên cửa thì thầm
Nắng còn ở giá với Đông chưa về
Trời như gái vụng bộn bề
Biếng lười trẻ nải xỏ xề bụng mây.
Gió đưa mưa bụi lay rây
Chập lừng lững cuốn cuồng quay phận đời
Chật và chặt vật ngược xuôi
Nụ mầm tách vỏ mỉm cười băng khuâng!
Sông nằm lắng đáy mà trong
Bãi bờ thấp thoáng tria trồng mùa sau
Chợ phiên rộn rã đổi trao
Bên đường lũ khách đưa nhau tìm về.
Chập còn nửa tỉnh nửa mê
Ngoài hiên Xuân đã kéo về đầy song
Bồng dung lòng thốn thức lòng
Quê sâu trong mắt tết đầm trong tim!

TRƯƠNG QUANG THỨ

Cầu duyên

Hẹn hò được dịp tháng Giêng
Ta cùng đi lễ cầu duyên đền Cờn
Chọn ngày giờ tốt lên đường
Lòng thành mong thánh thần thương độ trì.

Người đông chen nghẽn lối đi
Khói hương mờ mịt bốn bề mông lung
Mãi mê khấn vái lòng vòng
Trở ra ta lợi ngược dòng... lạc nhau.

Vận may còn ở đâu đâu
Niềm tin trước mắt bắt đầu lung lay
Khói tan mắt vẫn còn cay
Trách mình để tuột tình này cõi thiêng!...

Bao giờ lại đến tháng Giêng
Chúng mình đi lễ cầu duyên đền Cờn...

CẨM THẠCH

Lớp học tình thương nơi biên cương

Nụ cười vui trong ánh mắt tuổi già
Những bàn tay quen cầm dao, cầm cuốc
Cả một đời hết rẫy lại nương, nuôi con, khó nhọc
Đến hôm nay mới viết nổi tên mình...

TRẦN HUYỀN NGHIỆM

Cây đa đỉnh núi

Cây đa đỉnh núi Giang
Suốt gốc đến cành
Một màu xanh biêng biếc
Mây trắng trôi đi
Đa nguyên hình lưỡi mác
Đêm trăng lên từ vòm lá thắm thì...

Năm Ba mươi gươm giáo sáng dòng Lam
Thiên lịch sử là máu người xứ Nghệ
Cờ búa liềm trên tháp đa ngạo nghễ
Đỏ rực lên trong bom đạn quân thù.

Bao tầng lá ru che người bán củi
Vắt vèo cành xanh ta thổi sáo cùng chim
Cao vút cây rừng Trường Sơn đánh Mỹ
Thấp sáng tâm hồn đa lưỡi mác trong tim.

Giờ ai nở chặt cành nung vôi
Ta đau như không còn tay nữa
Vôi trắng xóa nắng mưa
Xuân chợt về những mầm đa ứa nhựa
Nhớ xanh...

VÕ VÂN

Xuân chớm

Lặng thầm nhấp một ngụm Xuân
Nhâm nhi bao nỗi trầm luân đã từng
Sương treo giọt phía rừng rưng
Nụ mai e ấp thẹn thùng - non tơ.

Gió Xuân thoảng chút ơ hờ
Hương Xuân mấy độ ngẩn ngơ phong trần
Nhặt từ sương gió phù vân
Mang mang... nhịp đất - trời vẫn vũ xoay.

PHẠM THU HẰNG

Mùa anh ngang em là những ngày giông gió

Cơn bão qua rồi còn lại xác xơ em
Cơn bão tan rồi vụn vỡ bình yên.

Em dẹt li ti lên ngày nắng
Tay gom về mỏng mảnh vọng chùa xa
Chờ một ngày nắng trở vàng hoa.

TRƯƠNG ANH TÚ

Lời ru mùa Xuân

Rồi một ngày như thế
Ta hóa thành giọt sương
Trong veo trên ngọn cỏ
Nghe đời qua vô thường.

Rồi một ngày như thế
Ta hóa thành dòng sông
Mơ về nơi biển rộng
Ngàn con sóng trong lòng.

Rồi một ngày như thế
Ta hóa thành cánh chim
Nghiêng trời xanh mây trắng
Ta hóa những con đường.

Rồi một ngày như thế
Ta trôi vào mắt em
Cánh đồng trắng im tiếng
Nghe đời trôi ưu phiền.

VÂN KHÁNH

Phố

Úp mặt vào xưa cũ
Của rong rêu bám đầy ký ức em
Anh làm sao biết thời gian đã trôi qua buồn vui như thế nào
Mùa qua nhau vội vội
Phố mọc nổi niềm cảm thức
Hàng sấu tựa vào nhau thăm thĩ chuyện đời
Biết thương em về qua phố.
Anh hát lời ca thơ phố
Tang tình một đóa cô đơn
Làm sao em biết...

Phố trầm ngâm hàng quán đêm đêm đỏ mắt
Ta rời nhau từ độ phố buồn
Chứng tích tình yêu phố còn nhớ không
Nơi bậc thềm dấu son đọng lại.

Ban mai buông xanh mặt hồ
Phố hát.

PHỐ MƯA BAY

Hồn Xuân

Mực thơm nghiên bút ngày xưa
Giấy điều năm cũ vẫn chưa phai màu
Câu văn lộng với mai đào
Tâm hòa cùng ý quyện vào ngày Xuân.

Trăm năm dâu bể bao lần
Đôi câu đối đỏ vẫn hằn nếp quê
Bút nghiên gieo phúc bỏ đề
Ông đồ theo chữ đi về hư không.

Cuối năm ngọn gió băng khuâng
Đôi tà áo lụa tằm ngần làm duyên
Đào Xuân xin chữ thật hiền
Cầu mong hạnh phúc tân niên an hòa.

Bút xưa nay lại nở hoa
Có hồn Xuân vẫn thật thà dâu dây
Có đôi câu đối sum vầy
Có ngày xưa với ngày này cùng nhau...

NGUYỄN ĐĂNG VIỆT

Kiều...

"Trăm năm trong cõi người ta..."
(NGUYỄN DU)

Nẻo đời chìm nổi vàng thau
Cây còn lớp lớp lá đau rụng rời

Duyên tình xa xót bờ môi
Mỏng manh phận bạc, lạc lời ní non.

Kiều ơi! Gác tía, lầu son
Nửa buồn, nửa tủi, mắt còn cuộc chơi.

Bèo mây bước dạt, bước trôi
Thiện căn neo giữa dòng đời ngược xuôi.

Mười lăm năm kiếp luân hồi
Tiền Đường sóng gió, trụt trời cứ bơi.

Ngậm ngùi rót chén đầy vơi
Mở lòng với đất, với trời cù quay.

Đoạn trường... đứt nối, đắng cay
Chữ tâm Ngàn Hồng, mà say nhân tình.

HUY LINH

Ngày xưa

Cho con về lại ngày xưa
ve sầu quên áo giữa trưa bóng tròn
mẹ ngồi sàng sảy nước non
nhặt lên hạt thóc đã tròn hình què.

Sáo diều rót xuống triền đê
con trâu uống phải rồi mê mãi nhìn
cha ngồi dạy đức hiếu sinh
hàng cau cũng thể lặng thinh nói cười.

Đêm Hè vắng tiếng trống vơi
xóm Đoài chắc lại vui chơi hội làng
sen thơm áo yếm rộn ràng
một bầy đom đóm hoa đăng lập lòe.

Ngày rằm ông bận áo the
cơn nồm xào xạc ngọn tre từ đường
nắng thơm ngũ sắc trầm hương
con nghe nguồn cội hiền lương vọng về.

Đời người ấy tựa cơn mê
xin làm chiếc lá bồ đề gió đưa
nhà trên thơm tiếng mõ chùa
bà như cây lúa cạn mùa trĩu bông
kệ kinh đầm thắm nâu sồng
nhân gian còn lại sắc không nhiệm màu!

LÃNG HỒNG QUANG

Rượu giao thừa

Lâng lâng trời sắp sang canh
Nâng ly chạm giữa giọt lành hạt sương...
Chén này nâng với quê hương
Nhớ từng bậc đá con đường dốc trơn.
Chén này với bạn thân thương
Những ngày khói lửa chiến trường bên nhau
Bao người còn lạnh tận đâu
Nghĩa trang ngang dọc mấy lâu chưa về.
Chén này chạm với lời thề
Dấu ngàn năm nữa không hề đổi thay.
Bạn thơ chạm với ly này
Hẹn rằng góp chút hương bay với đời
Đã dây với nghiệp... là chơi
Không sang cũng thể là người nét văn.
Rót đầy chén nữa chúc Xuân
Gia phong một bức thiện nhân trong ngoài
Xanh trong cho cả ngày mai...

HỒ KHẢI HOÀN

Một nửa

Đất bán đi một nửa
Một nửa xây nhà lầu
Người gánh thóc ngày ấy
Bây giờ đã về đâu?

Bạn gái tôi bỏ chồng
Tay bế con ẵm ngửa
Đi tìm người tình xưa...
Lâu rồi... không biết nữa?

Nhà bên người viễn xứ
Nụ cười cũng lạnh môi
Chiếc cầu tre hò hẹn
Chuyện tình... xa lắm rồi.

Đường thôn thành ngõ phố
Ngõ phố chật lối quen
Mất nai buồn... ngõ ngác
Quán trọ ai buồn rèm.

Ao hồ lấp một nửa
Một nửa dựng nhà lầu
Đêm trăng... còn tắm cá
Đợi em về giăng câu?!

Tuổi trẻ vào Xuân

Nhạc & lời: **VĂN THẾ**

Sống động trẻ trung

Tuổi trẻ vào xuân sức sống đang trào dâng, rạo rực niềm
vui vang khúc ca mùa xuân. Nắng hồng bùng lên cánh hoa đào khoe
sắc, đôi lứa tình yêu đắm thắm thoảng gió chiều. Mùa
xuân bao con thuyền xuân buông mái chèo trên sông Lam. Mùa
xuân trai gái làng quê vui với màu xanh khoai lúa. Mùa
xuân anh ra Biển khơi quăng lưới thuyền về đầy khoang, hò
dó mùa tôm cá. Mùa xuân người chiến sỹ đứng canh nơi Hải
đảo màu xanh trên Biển cương. Đẹp sao nắng xuân dâng
tràn, "Tuổi trẻ vào" cương cùng hát. Mùa xuân yêu thương...

Khăn Piêu xuống núi

Thơ: **CẨM THẠCH** - Nhạc: **VŨ TIẾN VINH**

Tự do - mệnh mang

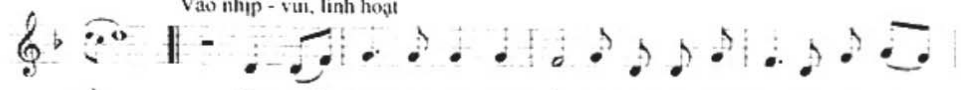


Ơ sương đêm chưa tan mà tiếng ai thăm gọi gọi em xuống núi, cùng nhau mở



hội mừng đón xuân. Tiếng cồng tiếng chiêng bên chum rượu cần cùng nhau múa hát vui đón xuân

Vào nhịp - vui, linh hoạt



về Mặt trời lên sương tan dần, ta mở hội tung còn rộn vang xóm



núi. Ai đưa tay ai thăm gọi má trái còn ngáp ngừng ngáp ngừng rơi. Chum rượu



cần uống đây rồi vui, nhạc cồng chiêng cho anh say lời em nói. Bếp lửa hồng để ai mong



đội, bước nhá sân chín bậc tình yêu. Đón xuân về ơi bạn làng ơi, cùng khàn



Piêu em xuống núi, như muôn ngàn hoa nở nở vội khắp núi rừng, tô thắm cả đất



trời đất trời biên cương. Đón xuân rừng, tô thắm cả đất trời đất trời quê hương. Pí noong



ơi ơi pí noong ơi, Pí noong ơi ơi pí noong ơi, pí noong ơi ơi pí noong ơi



Chợ quê - Ảnh: TRUNG HÀ

Chợ quê và tết

BÌNH NGUYỄN

Giáp tết, trời cứ mưa dầm dề, thế nhưng hàng hóa vẫn cứ tuần về chật chội. Chợ Phúồng cũng tấp nập hơn trong những ngày cuối năm. Người bán, kẻ mua cứ đông dần lên, giá cũng leo thang theo cơn sốt của cả nước, ai bảo chợ quê không bị ảnh hưởng bởi nền kinh tế thị trường? Ai bảo cộng đồng làng xã vẫn còn tự cung, tự cấp. Chủ yếu là hàng hóa ở Vinh tràn lên, cái chợ Phúồng bé nhỏ này thế mà bỗng chốc cứ phình to dần lên. Bến đò cũng lặn lội nối giữa hai bờ, thông thương giữa Cồn và Phúồng.

Quê tôi ở mãi Thanh Tùng, cái mảnh đất mà ai cũng phải thốt lên: “chó ăn đá gà ăn sỏi”. Lúa mỗi năm một vụ, hoa màu lẻ tẻ vài nơi, thế nên cái mùa giáp hạt vẫn khiến bao gia đình lay lắt. Thanh niên vừa hết học đã vội vã “Nam tiến” để mưu sinh, đồng ruộng vì thế cũng già đi trông thấy.

Cuối năm, nhà nhà đều chật chiu cho phiên chợ cuối, như để hòa vào sự ồn ào một chút, như để thoát đi cái bình lặng, hẩm hiu của “con trâu đi trước cái cày theo sau”. Con đường từ Thanh Tùng nổi ra chợ cứ như thách đố nhau vậy, chưa mưa đã bê bết bùn lầy, chưa nắng đã ngập ngội bụi bặm. Thế nhưng, đến phiên chợ cuối, đường cứ tấp nập hẳn lên, người qua lại rộn rịp cứ như làm hợp tác ngày xưa. Xưa, xe đạp là sang lắm; giờ, còi xe máy cứ inh ỏi; xóm làng cứ như nổi cả lên.

Lúc nhỏ, cứ trông chờ những ngày giáp tết để được đi chợ. Tưởng như tất cả những gì tinh hoa của xóm làng đều bày biện ở phiên chợ cuối năm. Dù mưa nhưng người đi chợ tết vẫn như nê. Hàng hóa cứ tràn cả xuống lòng đường. Ké dầm bó chè xanh, người vài quả bưởi; cứ thế, chợ trở thành một nét ồn ào giữa làng quê vốn quanh năm tĩnh lặng.

Trẻ nhỏ cứ lân la những viên kẹo xanh đỏ, người già vây lấy câu đối nho nhã, thanh niên thì ủa vào hàng tranh ảnh và hoa giấy, ai cũng tìm cho mình một thứ gì đó mới.

Áo mới, đi chợ tết ai cũng khoác lên mình, cứ như để khẳng định rằng: tâm hồn đang hứng khởi, đang trào dâng những cảm xúc mới mẻ trong những giờ khắc chuyển năm.

Chợ tết ở quê cũng có đào, có mận đầy. Những cành hoa được chặt vội từ vườn nhà, không tia tốt cầu kì như hoa ở thành phố nhưng đó cũng là hương vị truyền thống. Dầu không bán được cành hoa nào nhưng cô bé vẫn tươi vui mang trên tay cành mận đầy hãnh diện; dầu chẳng mấy người mua nhưng chị hàng hoa vẫn đơn dạ: “Tết mới hoa tươi, người người mua đơ...oi!”.

Ồn ào nhưng không lộn xộn, chật chội nhưng không chen lấn xô đẩy, người ta đi chợ cứ như trẩy hội, như để ngắm nhìn nhau, để chứng kiến quê mình đổi mới thế nào qua phiên chợ cuối. Đi chơi chợ chứ không phải mua bán, mà người quê thuần nông làm gì có nhiều tiền để sắm sanh chứ, chỉ gắng mua cho con một bộ quần áo mới, mua cho cha mẹ một vài bánh gói và đem cho mọi người một vài nụ cười, niềm vui.

Chợ quê ngày tết năm ấy, có cậu bé lân la theo tay mẹ, bước chân mò mẫm, ngập ngừng. Thứ gì nó cũng thích, nào chong chóng quay tít, nào tranh màu rực rỡ, nào bánh kẹo thơm phức... nhưng nó chỉ biết ngắm nhìn. Đơn giản vì mẹ nó cũng không có tiền để chiều những sở thích. Được đi chợ tết đã là một niềm vui mới mẻ rồi. Nhưng không vì thế mà cậu bé buồn rầu, nó vừa nhặt được một nhánh hoa giấy và mỉm cười...

Mái đình tha hương

HỒ HUY

Đã nhiều lần tôi ngược mắt lên, đã nhiều lần tôi chùng chân xuống và biết bao lần trong giấc chiêm bao vụng dại những mái đình ầu thơ lại vi vút hiện về. Cuộc sống của người tha hương là vậy, cho dù bạn đi đến đâu, là cùng trời cuối đất hay góc bể chân đời, phồn hoa đô hội hay lấm lem cực nhọc thì cây đa bến nước sân đình luôn là những ám ảnh vượt mọi ngóc ngách ngõ hẻm hang cùng của không gian và thời gian.

Có một ngày trên xứ người xa lạ, không phải thôn Đoài, cũng chẳng phải thôn Đông, hoàng hôn tím sẫm buông xuống buổi chiều của gã đàn ông bươn chải, bắt gặp một mái đình cong vút lơ lửng những tường gạch điêu tàn, đó là khi quê hương đang lặn lội tìm về trong những ẩn ức yêu thương. Cảm giác đó khiến cho biết bao nhiêu người phải nổi da gà, cảm giác đó đã chạm đến yêu thương sâu thẳm của mỗi con người tha hương.

Chỉ một mái đình cong vút trong tâm tưởng cũng khiến người ta ấm lòng, như được trở về với mẹ, như được trở về với cha, như được trở về quê hương xứ sở. Dầu có nghèo xơ nghèo xác, dầu có bùn lầy đầm cặn chuôm sâu thì nơi ấy vẫn là nhà. Quê hương như một tiếng nấc nghẹn ngào ám ảnh người ta vào những buổi chiều buông tà khời trắng. Giấu làm sao được những cảm xúc, che đậy làm gì những cảm xúc, hãy cứ để nó bung ra, hãy cứ để nó nức nở mà gọi tên ngày tháng.

Ai bảo thời gian là phũ phàng? Tôi nói thời gian là ngang trái. Bởi thời gian chính là kẻ khổ tâm nhất khi phải chứng kiến lớp người này tới lớp người kia sinh ra lớn lên để rồi cứ biến biệt cá nước chim trời. Than ôi những mái đình rêu phong, găm vào mình bao mưa bao nắng, xoa vào mình bao nhức nhối trần ai. Để làm gì? Để trơ trơ mốc mác, để xói mòn ưu tư, để phiền muộn những tháng ngày heo hút.

Ai bảo thời gian là phú phàng? Người ta đi và đi. Ai bảo không có những mái đình tha hương. Ngôi đình làng có thể được xem là những lối đi về của mỗi người, đặc biệt trong những dịp hội làng, hay mỗi khi làng có việc. Trong khuôn viên của ngôi đình thường có cây đa cổ thụ, bóng râm mát, hồ sen và một khoảng sân vắng gọi chim về làm tổ.

Lúc đầu, đình chỉ có chức năng như ngôi nhà lớn của cộng đồng, là nơi hội họp, nộp sưu thuế và nơi nghỉ cho khách lỡ đường. Về sau, triều đình phong kiến mới sắc phong cho những vị có công với nước làm Thành hoàng làng (sống làm tướng, thác làm thần). Vì vậy đình kiêm chức năng nữa là thờ vị Thành hoàng - người có công khẩn đất, lập làng. Ngoài Thành hoàng làng, tùy theo thực tế của làng, mỗi ngôi đình làng có thể thờ các vị thần, thánh khác do mỗi làng tôn thờ, hoặc việc thờ cúng các vị thần theo sắc phong của nhà vua, tất cả đều được rước vào đình thành một tập thể siêu thần, thành một sức mạnh vô hình, tạo niềm tin, niềm hy vọng của làng xã Việt Nam.

Theo các nhà nghiên cứu văn hóa, trong đời sống người dân Việt Nam khi xưa, đình làng khi khởi dựng được phục vụ nhiều mục đích, từ thờ tự, tế lễ, là nhà hội đồng chung, là nơi xử kiện, nộp sưu thuế, nơi nghỉ cho khách lỡ độ đường, đình làng cũng là nơi vui chơi, nơi sinh hoạt ca hát, có đình làng còn là lớp học... Đình làng còn được coi như biểu tượng của quyền lực làng xã, nó có chức năng như một ngôi nhà lớn của cộng đồng.

Chỉ bấy nhiêu đó thôi mà đình làng có một sức sống bền bỉ, tôi có thể quên mùa Thu, tôi có thể quên mùa Hạ và ai nữa có thể quên mùa Xuân, nhưng đình làng cảm cảm như cái rét nằng Bân, chẳng ai nỡ lòng quên mùa Đông tàn trên những tán lá đa sân đình cũ càng rêu mốc. Chẳng ai nỡ lòng quên cái nắng cái gió khô rang những đêm Hè. Một đêm Hè nghe lời hát ru sân đình. Có không? Có chứ, những lời hát ru muôn thừa đã nhập đồng nhập bóng nơi này.

Sân đình như một nỗi bi ai từ ngàn kiếp đã chẳng mong một gánh tương phùng. Người ta gió, người ta mây, người ta xuôi những bước dài tha hương, còn mái đình trăm năm hay ngàn năm vẫn vô thủy vô chung mà trầm tịch, mà lặng câm, mà dang rộng cong vút những mái xưa chái cũ dưới vòm trời này, dưới gầm trời này, dưới những thác lũ cuộc đời này...

Chiều hôm ấy, chiều hôm nay, chiều hôm kia, đã rất lâu rồi những buổi chiều tôi gặp. Mái đình ưu tư ở đâu và ở đâu, cất những mái vòm cong vút mà cuốn tôi vào lòng. Đó là khi tôi tha hương, đó là khi tôi cơ nhỡ, đó là khi tôi không thể nói lên lời. Ai biết và ai biết. Chỉ có tôi với một mái đình. Để tôi nhớ, để tôi đếm, để tôi nghĩ... đời tôi đã có bao nhiêu mái đình tha hương...

Làng cũ, tết xưa

VÕ VĂN HẢI

Tết xưa ở quê tôi rập rình từ trung tuần tháng giáp Chạp. Ngày Rằm tháng 11 âm - là lễ đại diện, diễn ra tại đình làng. Trước đó cả tuần, nhà nhà lo sắm sanh lễ vật, mâm cỗ hoa hương để từ mờ sáng, nhà nhà đội mâm ra đình dâng cúng; chúc sắc trong làng tất bật sắp xếp vệ sinh, tu bổ cảnh quan trong ngoài đình. Cặp voi ngựa gỗ tuyệt mỹ được tắm rửa cẩn thận bằng nước thánh, khoác yên cương, “xiêm y”, vòng lọng, đưa từ tả hữu vu ra trước sân đình. Kiệu rước, đồ tế lễ sơn son thếp vàng cùng những dàn binh khí đủ loại, sáng loáng, được đem từ hậu đình ra hai bên tiền đình. Cờ xí, cờ lễ hội cắm dày quanh sân đình, cắm dọc bốn lối vào đình làng đến cả cây số. Tất cả sẵn sàng cho hành lễ.

Đình Mỗ làng tôi là một ngôi đình lớn, được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa Quốc gia. Thành ngữ “Đích đình đình như đình Chợ Mỗ” được lưu truyền trong cả huyện, cho đến tận bây giờ - là cách nói bóng uơ dùng khi mô tả một vật thể khổng lồ. Đình tọa lạc ở phía Bắc xóm Chợ Mỗ, mặt tiền hướng Đông; mang tên đình Mỗ bởi trước cửa sổ mé hữu có treo một chiếc mõ gỗ hình con cá rồng ruột dài cỡ mét rưỡi, khắc trở tinh tế, tiếng mõ rất to và âm. Sân đình lát gạch, kế tiếp là sân chợ rộng cỡ nửa hecta, mép phía Đông sân chợ là ao làng có hình lũy nước, liền kề là cánh đồng lúa mênh mông chạy ngút mắt tới chân trời. Mép phía Bắc sân chợ, gần ao làng là ngôi đền Mỗ cổ xưa, trong khuôn viên chỉ vài trăm thước vuông, tường đá bốn phía kín mít cao quá đầu người. Hai bức tường bên cửa đền có phù điêu chính diện một cặp rồng hay nghê gì đó, ở thức cách điệu, ghép bằng các mảnh sứ trắng tím; linh vật phô móng vuốt, nhe nanh, mắt trợn trừng lồi ra, nom rất đáng sợ. Cửa đền cùng hướng với đình làng nhưng chỉ mở vào dịp lễ, tế, tết, còn thì đóng im ỉm, huyền bí linh thiêng.

Xóm Chợ Mỗ chính là xóm Đông Hậu, bởi nằm ở nằm ở phía Đông làng Đức, xã Hậu Thành; qua nhiều đời, dân trong xã chỉ gọi tên nôm là xóm Chợ, bởi xóm có chợ. Chợ Mỗ nằm kề phía Nam khuôn viên đình làng, lớn nhất nhì huyện. Xóm Chợ nổi lên xinh đẹp như một ốc đảo trên biển lúa, biệt lập nhô ra khỏi làng Đức cỡ nửa cây số, được bao bọc bởi lũy tre xanh tốt, nổi bật bởi vườn cau ở mé Đông

Nam; vườn cau đồ sộ nằm trong quần thể khu vườn cây ăn quả lâu đời có hào nước bao quanh với nhiều cảnh trí nên thơ, mà thửa ầu thơ chúng tôi thường gọi là vườn cổ tích. Cao vút vượt khỏi lũy tre làng, tán cau ken khít, xanh thẫm đậu trên một rừng thân cây trắng đục. Xóm Chợ nổi lên bởi cây đa cổ thụ nhiều trăm năm tuổi, bởi hàng cây gạo lụ khụ cao ngất ngưỡng ở mé bên kia ao làng, và “dầu nhần” của xóm là quần thể đình- đền to lớn, uy nghiêm.

Một con sông tự nhiên, rộng cỡ vài chục thước, khởi nguồn từ mạn rừng núi phía Tây Bắc của làng, nước trong xanh lơ mờ chảy, sau khi uốn lượn chữ chi trong xã thì mềm mại ôm lấy vòng ngoài lưng xóm Chợ, qua bầu Cầu rồi đổ xuống đồng Quan - vựa lúa của làng. Muốn vào xóm, bốn phía đều phải đi qua cầu. Trừ cầu Cửa Chợ ở phía Đông bằng gỗ, các cầu khác là cầu đá, cầu phía Tây có tên là cầu Bầu Cầu, cầu phía Bắc có tên Cầu Đất được làm từ những phiến đá vôi lớn, chạm trở tinh vi, lưng cầu hình cung. Ngày lễ đại diện, đám rước kiệu cùng voi ngựa gõ diễu hành qua cầu Bầu Cầu, qua Nhà Thánh, qua các đền đài khác trong xã rồi qua cầu Đất trở về đình Mõ.

Cầu đá phía Nam xóm Chợ cách xóm cỡ vài trăm thước, được bắc qua kênh đào sổ năm, trên đường Cái Quan. Đường này xuyên qua mặt tiền của xóm, đi phía sau vườn Cổ tích, qua sân chợ trước Đình, ra cầu Cửa Chợ chạy qua Lăng Thành xuống làng Yên Mã - nơi có tư dinh cụ nghệ Trần Đình Phong. Người ta làm đường để rước cụ nghệ vinh quy, đi qua lối này, nên có tên đường Cái Quan.

Đứng ở đường Cái Quan, về phía Đông Bắc, có thể nhìn thấy rõ núi Lưỡi Hái, tức Hòn Rồng, xanh thẫm nhô lên từ biển Quỳnh Lưu; về phía Tây Nam, thấy rõ Rú Gám; phía Tây Bắc, thấy rõ núi Mông Gà, động Huyệt, hòn Sường trong câu ca “*Cao nhất là động mông Gà, thứ hai động Huyệt/ Hòn Gám, thứ ba Hòn Sường*”. Trong trùng điệp núi đồi hùng vĩ nên thơ phía Tây Bắc, động Mông Gà, tên chữ là Kê Quan Sơn, động Huyệt tức động Đình San - là đề tài cho nhiều danh nhân thi sĩ đề vịnh. Trạng nguyên Hồ Tông Thốc có “*Du Động Đình họa Nhị Khê Phi Khanh vận*” (Du chơi Động Đình họa thơ Nguyễn Phi Khanh - Nhị Khê): “... *Hạnh năng nhật nhật tần lai phóng/ Hưu quải Động Đình tự khánh huyền*” (... “Mong người lui tới năng thăm hỏi/ Chớ ngại Động Đình tựa khánh treo”). Hoàng giáp Bùi Dương Lịch có “*Vịnh Kê Quan*”: “*Long quận tây đầu thượng/ Kê Quan đệ nhất phong.../ Thử châu đa kiệt khí/ Ngôi lồi vọng sơn dung*” (Long Trì quận cũ mé tây/ Núi cao đệ nhất là đây Mông Gà... Châu này hào khí ngất ngây/ Xa trông dáng núi vút mây ngang trời).

Đồng xanh thẳng cánh cò tươi tốt và núi rừng mênh mông hùng vĩ đã cho làng Đức quê tôi sự no ấm yên vui, đọng vào ca dao tục ngữ, hò vè: “*Gỗ Kê Mõ, ló Kê cuôi*”; “*Chợ Đình, chợ Mõ, chợ Bèo/ Nàng đi ta quẩy gánh theo cùng nàng*”,...

Nhớ về quần thể xóm quê, tôi cứ nghe văng vẳng giai điệu “*Làng tôi*” của Chung Quân, như chính ông đã sáng tác nó ở chốn này: “*Làng tôi có cây đa xanh ngất tầng cao, có con sông lơ lửng lượn quanh. Làng tôi bao mái tranh san sát kề nhau, bóng tre ru bên mấy hàng cau, đồng quê mơ màng...*”.

Lễ đại diện trước Tết âm một tháng rưỡi, đêm trước, sau lễ tế yết, có nhiều trò vui; thường là hát dặm, hát đối; biểu diễn tuồng chèo tại sân khấu được dựng mé trái sân đất đình làng, tựa lưng vào tường đền cánh hữu; đèn măng - xông sáng rực, ở xa vài cây số vẫn nom thấy quảng sáng hắt lên trời. Ở sân đình, tôi còn nhớ mãi một lần được xem đốt pháo hoa - là điều mà, thừa ấy, ở trong mơ cũng không thể thấy. Một người dân xóm Chợ gốc Diễn Châu làm nghề thợ mộc tài hoa là ông Phó Thanh đã chế tạo ra cây pháo bông kỳ diệu này. Dàn pháo được đặt mé trái sân đình, sau phát hoả là muôn hoa, muôn màu từng bùng nổ rộ; bông xoáy tít phun ra hàng loạt quảng đuôi sao chổi, lung linh, loá mắt, ngỡ ngàng; loạt bông xoè nở tại chỗ - rở ràng, loạt bông vụt lên cao vượt qua mái đình, tíu tíu chớp nổ tỏa sáng, khoe màu; lớp này bùng tỏa trong lòng lớp khác, phô bày kiểu cách, phun sắc khoe màu. Cả giàn pháo đột nhiên trở thành một cây hoa lớn muôn màu muôn vẻ, vuu - vuu, xì - bực, tạch - ùng rợn rã âm thanh, sáng rực lung linh đình đền, lung linh soi sáng rõ ràng từng khuôn mặt người dân làng Đức thân thương trong không gian trời đêm huyền ảo linh thiêng.

Ngày lễ đại diện, trời se se lạnh, gió nhẹ nhàng lay vẩy dàn cờ lễ và kim tuyến vòng lộng. Từ sáng tinh mơ, mâm cỗ được bày la liệt từ trong ra ngoài, có khi còn lan ra cả thêm và sân đình; dân làng Đức cho rằng, nhà nào có mâm cỗ sớm và chu tất thì sẽ được thánh thần phù hộ. Chợ ngừng họp, dân cả xã ăn vận nghiêm chỉnh đẹp đẽ, tụ tập về đông nghịt, đứng đầy đặc quanh sân gạch, trên sân đất trước đình, kiểu như dự mít tinh sau này, nhưng không ồn ào; trật tự, mọi gương mặt đều thành kính hướng về sân đình - nơi đang biểu diễn múa lân, múa long, đấu võ. Tiếp đến, nghi thức tế lễ được thực hiện một cách long trọng ở gian giữa tiền đình. Dàn tế lễ trong lễ phục từ đầu đến chân, khăn xếp, mũ áo, hia hài rất màu đen, tím hoặc đỏ sẫm có hoa văn vàng kim tuyến. Các cụ phụ lão thực hiện nghi thức hầu hết có hình thức đẹp đẽ: mặt mày phương phi, phúc hậu, để râu dài. Họ bái lạy, khấn cầu bằng âm Hán Việt. Vị chủ tế đứng trên một chiếc đôn phủ gấm điều cao chừng nửa mét; giọng êm ả vang trong đình như vọng từ cõi tâm linh xa xôi về. Thao tác bái lạy, di chuyển dâng hương hoa rượu nước... của đoàn phụ tế thuần thực điệu nghệ và trang nghiêm trong tiếng trống châu điểm xuyết. Khói hương trầm thơm ngát nhẹ nhàng lan tỏa khắp trong ngoài đình làng. Dân chúng tụ tập đông nghịt trước sân đình, sân chợ; trật tự, trang nghiêm, thành kính trong suốt buổi lễ. Không khí linh thiêng, cầu khẩn, tưởng nhớ, đội ơn bao trùm.

Tiếp đến là lễ rước kiệu. Kiệu rước làm từ gỗ quý, thành kiệu hình song long và bài vị trên kiệu đều sơn son thếp vàng; ô lọng trên kiệu bằng gấm điều thêu tứ quý màu vàng, xanh, hồng, tía. Mười tám trai làng tuần tú trong y phục đỏ, cân đai vàng làm phu kiệu. Dẫn đầu đám rước là đội múa long, lân. Cờ xí rợp trời chuyển động theo đoàn người kéo dài cả cây số. Dàn trống dẫn nhịp hành khúc - dân quê tôi gọi là nhịp trống rước - khoan thai, hùng dũng hòa quyện thanh âm với tiếng xập - xoe độc đáo (xập - xoe là một nhạc cụ trông giống như hai cái vung bằng đồng thau, đường kính cỡ ba mươi đến bốn mươi phân, có quai ôm vào mu bàn tay nhạc công, hai nửa nhạc cụ được vỗ vào nhau ở mỗi nhịp "cắc" của trống, nhạc công điều luyện có thể miết âm, bung, tõe hoặc chặn âm).

Đám rước qua bầu Cầu, diễu qua Nhà Thánh, qua đình Ngoài, đình Trung, đền Cả ở chân rú Tháp, qua đền Thượng rồi qua cầu Đất trở về đình Mõ. Phục vị. Các cụ giải thích rằng, đây là lệ viếng thăm của chính tự coi các chi tự.

Sau lễ đại diện, sân khấu được giữ nguyên đến sát Ba mươi Tết cho các đêm biểu diễn tuồng, chèo, hát ví giặm. Dân xóm chợ có hẳn một đội tuồng với trang phục, đạo cụ đầy đủ, dàn đào kép thiện nghệ, đến mức, câu “Tuồng xóm Chợ” trở thành thành ngữ. Góp diễn trong dịp này, nhiều khi có đội văn công tỉnh hoặc Quốc gia, đôi khi có đoàn chiếu bóng lưu động số mười từ Tỉnh về. Đêm đêm, đèn măng - xông lại rực sáng, dân tứ xứ lại nô nức kéo về Xóm Chợ.

Chợ Mõ nằm cạnh đình, sân chợ - không lều chợ - ở trước sân đình. Ngôi chợ ngày thường đã động vào thi ca dân gian: “... Mỗi tháng chín phiên chợ (sau này là 15 phiên)/ Nỏ thiếu giống gì đâu/ Tơ lụa nhiều Tàu/ Ngồi dăng ra ba dẫy/ Cau trù (trầu) bông vãi/ Ngồi lải rải chan chan/ Đông Tháp phường Dân (Diễn Châu)/ Chỉ kim gương lược.../ Ngô khoai đậu ló (lúa)/ Vô số hằng hà / Tở mở bùng ra /Biết bao nhiêu mà kể/ Kể thì dài dẽ/ Người đầu đội vai mang/ Vô bốn cổng thẳng hàng / ù ù như gió thổi.../ Bút giấy đã chán/ Vàng mực ngoại trăm ngàn / Rượu đặt để chan chan/ Đa đa nhi ích thiện (Càng nhiều càng tốt) / Chợ đông như ong kiến/ Hộp từ sáng đến chiều.../ Gái lắm kẻ hần hoai/ Trai nhiều người lịch sự...”; và sáu phiên chợ trước Tết bùng nổ sự phồn vinh náo nhiệt của xứ Kẻ Mõ.Ấn tượng đọng mãi trong tôi ngoài các đồ chơi tò he là dây hàng văn hóa trước sân đình. Người ta bày la liệt tranh tết dân gian, hoành phi, câu đối... trên dây sạp hàng cao độ nửa thước, trên giá treo, trên các bức tường cạnh sân Đình - rực rỡ cả một khoảng chợ. Nhiều ông đồ râu ba chòm trắng dài, áo tứ thân khăn xếp đen, nghiền mực Tàu sẵn sàng trên thư án, ngồi nghiêm trang vẩy bút lông cho chữ, dân xin chữ xúm xít chờ.

Chợ Mõ họp vào ngày lễ Âm lịch, nhưng sáng 30 tết nào cũng có phá lệ nhóm họp, thường tan chợ giữa giờ Tý; là phiên chợ hầu như chỉ có người làng, dân chúng đến để trao đổi sắm sửa bổ trợ cho một cái tết hoàn chỉnh. Những người con làm ăn học hành xa xứ về muộn vẫn có dịp dạo ngắm chợ lần cuối.

Chiều 30 tết, không khí như lắng đọng; ba chục cây nêu đứng trang nghiêm trước cổng mỗi nhà dân xóm Chợ khe khẽ lay động lá.

Lễ cúng rước ông bà tổ tiên về thờ phụng trong dịp tết xảy ra từ Thân đến giờ Dậu. Bữa cơm tất niên ẩm cúng hội tụ thành viên gia đình trước bàn thờ gia tiên ngan ngát khói hương trầm, người ta chỉ ôn lại những niềm vui, những thành tựu trong năm. Ánh sáng khiêm tốn từ những ngọn nến, từ đèn Hoa Kỳ đốt bằng dầu hỏa; phản quang từ bàn thờ sơn son thếp vàng cùng đôi câu đối đỏ thắm hòa quyện với sắc hồng trên những khuôn mặt mãn nguyện nghênh Xuân.

Giờ Tuất, cả gia đình tụ họp quanh bếp lửa đun nồi bánh chưng bánh tết ở góc sân nhà, Củi khô lớn cỡ bắp tay bắp chân, được chuẩn bị chu đáo trong năm, bắt lửa cháy rừng rực như đuốc, tiếng nổ lửa lép lép hòa lẫn tiếng lục đục của nồi bánh chưng sôi. Mọi người trông bánh chưng, tâm sự, chờ giao thừa.

Giữa giờ Tý, pháo nổ ran khắp thôn làng, tiếng pháo thăng thiên, pháo hoa vọt lên trời, lóa sáng. Màn đêm tĩnh mịch bỗng bùng ra, ốc đảo xóm Chợ biến thành một hoa đăng trên biển lúa.

Sang mồng Một, quãng giờ Thìn, dân làng mới qua nhà nhau thăm hỏi chúc mừng năm Mới, là phong tục tránh xui phòng xa cho xóm giềng. Cuộc vui chơi du Xuân thăm hỏi vượt biên giới xóm thôn diễn ra âm cúng, vui vẻ cho đến hết mồng Sáu tết.

Mồng Bảy là hội vật Cù Lộ sôi động nhất của làng và của cả tứ xứ lân bang. “Cù” tức là “cầu”, - tiếng quê tôi dùng gọi quả cầu. Hội diễn ra tại sân vận động Đồng Đu, rộng cỡ vài hecta, ở giữa làng; gọi là Đồng Đu vì đã từ bao đời, ở góc sân này có cụm đu dài, đu tiên cho dân làng chơi Xuân. Chơi đu và mọi trò chơi ngày tết đều ngừng lại trong ngày mồng Bảy; dân làng và dân tứ chiếng đổ về chen chúc vây chặt bốn phía sân vận động để xem vật cù hoặc trở thành cầu thủ ứng thí.

Hai cây tre thẳng tắp cao to cỡ mười lăm thước được trồng ở quãng giữa sân vận động, cách nhau cỡ một trăm thước. Trên đỉnh cột có gắn phểu tre giống như cái bu nhốt gà, nên được gọi là “bu”, miệng phểu rộng cỡ ba gang tay, chống ngược lên trời - đó là khung thành của mỗi phe. Nhiều khi người ta chỉ dựng duy nhất một phểu, không phân phe đội, cầu thủ tranh nhau quả cù, cầu thủ nào ném lọt cù vào phểu là người chiến thắng. Linh thường lựa tơ khăn áo, linh thường sự tán thưởng kính nể cả năm của khán giả. Sắc thái đặc mẫn trên khuôn mặt người chiến thắng hiện lên ngay, sau khi quả cầu lọt vào bu. Quả cầu duy nhất dùng trong trận đấu có hình quả bí ngô, chiều dài khoảng hai mươi phân, rộng cỡ mười hai phân; lõi cầu là một hòn bi thép đường kính cỡ sáu phân, được bọc bằng sợi mây và ngoài cùng là lớp vải tơ tằm. Số lượng cù thủ không giới hạn, đều ở trần, nếu có phân đội thì chỉ phân biệt đối thủ qua màu xanh đỏ của quần lót.

Vào trận, các cù thủ vận hết công lực, cướp giật, chạy về phía bu để ném cù vào, phía sau là cả một rừng người bám sát gào thét đuổi, cướp. Họ ngáng, chèn, lao vào nhau, vật, đè đối phương trên sân cỏ, giành bằng được quả cù. Nhiều khi người ôm cù nằm dưới, phía trên là hàng chục chiếc lưng bóng nhảy mồm hôi dè lên, mấy tầng người. Cuộc chiến có màu sắc hoang dã, không đổ máu nhưng rịn nhiều máu. Nhiều tấm lưng hiện rõ những vết cào rịn máu do móng tay đối phương.

Đến nay, sau gần nửa thế kỷ, dân làng tôi còn nhớ một siêu cù thủ. Ông có tên là Thân Dương, nhà ở ngay mé sân vận động; lúc đó ông chừng 50 tuổi, người chắc lẳn, sắc da nâu đen, rất nhanh nhẹn, khỏe mạnh. Đặc biệt ông có một bầu búi là... mồ hôi dầu. Mồ hôi của ông rất nhiều và trơn như dầu mỡ. Khi ông ôm được cù, đối thủ lao vào ôm lấy ông để giằng lại cầu thì chẳng khác nào vỗ chụp vào một con lươn. Thanh niên trai tráng cũng đành chịu. Ông là người nhiều năm quán quân.

Rồi cuộc sống đói khổ, rồi chiến tranh phá hoại miền Bắc của Mỹ. “Cơm còn chưa đủ”, “chơi hoa nổi gĩ”! Sân vận động Đồng Đu vắng teo. Có người sáng kiến dựng Trường cấp I lên đó.

Rồi phong trào cách mệnh phản phong. Tất cả cá đình chùa miếu mạo quê tôi bị san phẳng. Đình Mỗ linh thiêng chỉ còn tồn lại phần tiền đình, nhưng hậu đình và nhà tả hữu vu chứa hai cặp voi ngựa tuyệt mỹ nối liền hai đình đã bị san phẳng.

Rồi trào lưu “Mạ vào sân, dân vào rú...”, xóm Chợ giống như tình cảnh một câu thơ của Nguyễn Trọng Tạo: “Làng tôi có một lần như thế/ Cây đa già ngã xuống sau lưng”. Đình Mỗ phải ngậm ngùi đứng lại một mình cô quạnh bao nhiêu năm trời giữa làng hoang đồng vắng.

Năm bảy mươi, tám mươi của thế kỷ trước, kênh Vách Bắc được tạo lập sau hàng chục năm dân công, người ta nói là để chặn lụt cho vùng dưới ở phía bắc huyện lúa. Đó là một kênh tiêu phụ nằm dọc sông cái nối từ bara Đô Lương xuống vùng Diễn - Yên - Quỳnh. Và thế là vùng trên bị ngập lụt. Đình Mỗ ngậm mình đến ngực trong nước. Hai cặp voi ngựa bằng gỗ, nổi trên mặt nước, trôi mất!

Xã tôi có tên là Hậu Thành, tên gốc là Làng Đức. Nhân hậu, có trước có sau, lấy Đức làm trọng - là tính cách người dân quê tôi. Người dân không thể cam tâm đứng nhìn đình Mỗ - biểu tượng thiêng liêng, thân thương của quê hương, bàn thờ của xứ sở - trong tình cảnh đau lòng ấy. Bằng tâm sức của dân, đình Mỗ đã được chuyển dời nguyên vẹn lên chân Rú Tháp, một đồi rừng nguyên sinh hiểm hoi giữa lòng quê nhà. Không hàng rào, cái Đức của dân làng tôi đã bảo vệ cho khu rừng thiêng này. Dân làng cũng đã cố gắng lùng tìm di tích hậu đình, nhưng cuối cùng, chỉ tìm được bộ khung của một chi tự, nhỏ hơn, may mắn còn sót lại, đem dựng thành hậu đình. Còn hai cặp voi ngựa độc đáo thì... đành chịu!

Lễ đại diện hàng năm được phục hồi. Bàn thờ xứ sở lại lên hương khói. Lòng dân được an ủi. Con cháu xa quê về đón tết có chỗ cúi đầu.

Sau nhiều chục năm, kể từ khi đình Mỗ được “cứu”, bằng Di tích Lịch sử Quốc gia về tới cổng đình.

“Hỏi một con người rằng anh ta là ai, anh ta chỉ cần chìa chứng minh thư ra là đủ. Hỏi một Quốc gia, Người là ai? Quốc gia đó phải chìa ra những danh lam thắng cảnh, những đặc sản, những vĩ nhân của mình” (Raxum Gamzatốp). Hỏi đến Làng Đức Hậu Thành quê tôi, đã có Rú Tháp và đình Mỗ để “chìa ra”, thật may mắn, vì quê tôi không có quan nghệ, quan trạng. “Vĩ nhân” thời “cử rồi mới thi” cũng có, đến quan tỉnh quan Trung ương, nhưng để “chìa ra” thì cứ thấy sao sao ấy - kho khó được thính giả gật đầu.

Ngoài đình Mỗ được cứu sinh, tất cả đã đi vào quá vãng. Mỗi dịp tết đến Xuân về, giai điệu “Làng tôi” của Chung Quân lại vọng lên khúc kết day dứt trong tôi: *“Nhưng than ôi, có một chiều Thu lá Thu rơi... Quê tôi, chìm chân trời mờ sương. Quê tôi là bao niềm thân thương. Là bao nhớ thương se buồn. Là bao vấn vương trong lòng. Tình cố hương”.*

Và chắc chắn rằng trong lòng mỗi người dân Làng Đức quê tôi - lại dâng trào nỗi nhớ thương luyến tiếc tết xưa làng cũ. Làm sao về được ngày xưa?

Tết không order

ĐẶNG KHẮC THẮNG

Năm ngoái, còn hơn tháng nữa mới đến tết âm lịch. Vậy mà mẹ chồng tôi đã điện thoại nhắc Hồng ạ, về sớm nhé. Rồi nhắc chuẩn bị lễ nhà thờ họ, lễ cúng tất niên, giao thừa, bánh chưng, giò chả... Thôi thì đủ chuyện. Nhờ có suy tính trước nên tôi động viên mẹ yên tâm. Con biết rồi. Bây giờ tết nhẹ nhàng thôi. Dịch vụ ship chu đáo tận nhà, cần chi cũng có, muốn khi nào cũng được. Tôi chưa dứt lời, mẹ chồng đã phân bua chà chà, không được đâu con ơi, không được đâu. Tết nhất chuyện thờ cúng linh thiêng lắm. Hồi trước ba mày gói nôi bánh chưng mà tay chân rửa bằng rượu, nếp, lá, nhân phải sàng đi lọc lại mấy lần. Nay mua của nhà hàng không sạch sẽ, ông bà không thụ lộc đâu. Nghĩ lại đi con, nhớ nhé, nhớ nhé.

Giữa lúc bế tắc với mẹ thì cô Tím em chồng từ quê điện ra. Tôi trút lời tâm sự. Nó cười hơ hơ trong máy rồi nói mẹ thì từ bao lâu chả vậy. Chị để em xoay vụ này cho. Không hiểu Tím nói gì với mẹ mà ít hôm sau bà hờn dỗi gọi tôi Hồng ạ, nhà ta đâu cả cũng con, đâu út cũng con. Thôi thì tết nhất làm thế nào tùy con, chuyện làm ăn, ốm đau sức khỏe và vận sự nhà ta năm tới trông cả vào bề trên chấp lễ, đấng để nước chảy ngược Hồng nhé. Tôi vâng dạ rồi rít và dặn sau ngày 25 dịch vụ họ ship hàng, ai đưa món gì thì con điện trước. Ba mẹ cứ nhận và bảo quản, hôm vợ chồng con về tính tiếp.

Ít bữa, bà lại điện Hồng ạ, họ cho cháu đào rồi nhé, to lắm, 4 người khiêng, kê vào phòng khách nhìn cũng đẹp. Rồi lại báo có người đưa 2 chai rượu Tây, 2 chai rượu sữa, vàng mã trầu cau trà thuốc đủ cả. Bà còn hỏi cái công ty Ship là công ty từ thiện à con? Sao chỉ thấy họ đưa hàng rồi về, không đòi tiền chi cả. Mà con tận Hà Nội sao lại mua được mọi thứ ở quê, hay hè, hay hè.

Chiều 29 tết, vợ chồng tôi mới phi xe về tới nhà. Tôi chỉ kịp nhắc ông chồng chuyển lễ đến nhà thờ họ rồi xin phép mẹ chồng lẫn ra giường ngủ. Trời Đông se lạnh, cảnh quê yên tĩnh, cả đồng mệt nhọc bức bối mang từ Hà Nội về bỗng tan chảy hết.

Sáng ngày cuối năm, vợ chồng tôi về lễ bố mẹ vợ. Vài lần người ship hàng ấn chuông cổng nữa là tết đã vào nhà tinh tươm. Khói trầm ngào ngạt và ấm cúng. Cây đào lộc biếc, nụ tròn căng và hoa chúm chím. Trên bàn thờ nến hương vàng mã sang trọng, rượu trà trầu cau và ngũ quả tinh khiết, xôi gà bánh chưng no đủ dâng lễ ông bà. Ba tôi phần khởi trực chỉ một câu *con Hồng con Thắm chủ trương tết order hóa ra lại hay, khỏe cái thân xác*. Tôi tiếp lời thời đại trí tuệ thông minh mà ba. Ông Thủ tướng Phúc vẫn luôn nói về công nghiệp 4.0 đấy.

Mẹ chồng dầm dể bệnh loạn chữ. Chấm có chưa ăn ai lại còn chấm không. Order với o đốt thêm nhắc người. Ăn chơi nhàn rồi thể này không chừng qua Xuân ông bà lại đi chương trình giảm béo cho coi.

Nói xong bà kéo ghế ngồi bên cửa sổ. Mắt bà ngược xa xăm lên bầu trời tháng Chạp. Hình như mẹ chồng tôi đang nhớ về những cái tết xưa cũ rất tất bật của bà, những cái tết không order.

Vua Minh Mệnh ngự giá Nghệ An thi ân cho dân năm 1821

NGUYỄN HUY KHUYẾN

■ Năm 1821, vua Minh Mệnh xuất giá Bắc tuần để nhận thụ phong của nhà Thanh. Trong chuyến đi này, nhà vua có nghỉ ngơi ở một số hành cung tại Nghệ An. Nhân dịp này, nhà vua cũng đã quan tâm, ban ân huệ, thi hành nhiều chính sách để yên dân.

Theo chính sử của triều Nguyễn sách *Đại Nam thực lục* ghi chép thì ngày Nhâm Thân đoàn xa giá đến trú chân ở hành cung Suối Sa ở Nghệ An, bỗng gặp bão, mưa to như trút. Đêm, vua dậy thấy thị thần đều ướt át rét mướt, tự mình rót rượu và lấy thuốc viên đem cho. Lại sai sở tại lấy củi than cấp cho các quân đốt sưởi chống rét. Thưởng bạc tiền cho quan quân trực đêm theo bậc khác nhau. Khi đến các hành cung, nhìn cảnh tường dậu bị đổ, vì không muốn hao tổn sức dân và tiền bạc nên nhà vua không cho sửa sang kiên cố gây tổn kém. Chính sử chép rằng: Các hành cung ở Nghệ An nhà cửa tường dậu xiêu đổ nhiều. Vua dụ trấn thần rằng: “Hành cung là nơi tạm nghỉ, cứ để như cũ, không làm lại. Ngày hồi loan sẽ che lợp sơ sài cho tạm xong việc, không cần tô điểm làm gì”.

Khi ở hành cung Nghệ An, vua thấy các hành cung Nghệ An làm to rộng quá, nên quở rằng: “Trấn thần các người chưa thể tắt được lòng trầm, đến nỗi dân ta lại thêm một phen tổn phí như thế”. Lập tức hạ lệnh thưởng cho nhân dân 6.000 quan tiền. Lại dụ quan lại sở tại rằng: “Hạt các người mấy năm nay nhiều trộm cướp, lại gặp nạn bão, xa giá đi qua đã thấu rõ tình trạng đau khổ của dân. Phàm chính sách yêu nuôi không gì không làm. Các người là quan lại, phải công bằng giữ phép dẹp trộm cướp để yên dân, thì mới không phụ ý trầm thương yêu nhân dân”. Dân gian nghe ngự giá đi qua, đón dâng sớ tấu, ngày kể hàng trăm.

Ngày Giáp Tuất, đến hành cung Thạch Khê, triệu kỳ lão sở tại đến hỏi về việc làm ruộng. Đáp rằng: gần đây bị hạn hán, nay lại bị gió bão, sợ dân gian khó tránh khỏi mất mùa đói kém. Vua yên ủi rằng: “Trẫm sắp tha tô thuế để dân được hồi lại. Các kỳ lão nên khuyên răn con em cố sức làm ăn, chăm nghề cấy bừa, sống yên nơi đồng ruộng, đừng nên vin cơ mất mùa đói kém rủ nhau trộm cướp mà tự hãm mình vào pháp luật”.

Ngày Bính Tý, ngự giá đến hành cung Nghệ An. Bởi vì Nghệ An năm nay gặp bão lũ thiên tai, người đói khổ, vì thế nhà vua muốn miễn thuế cho dân nên ban dụ rằng: “Hạt các người bỗng gặp nạn bão, tuy lúa ruộng nhà cửa không hại lắm, nhưng trẫm nghĩ rằng trời đã vì dân mà đặt ra vua, thì kẻ làm vua phải coi dân như con, để lòng thương nuôi như cha hiền đối với con trẻ, chưa rét đã lo cho mặc, chưa đói đã lo cho ăn, há lại đợi khóc oe oe đòi bú mới cho ăn ư? Trẫm từ khi lên ngôi, không ngày nào không lo cho dân cư đông đúc được mùa. Hạt người đất xấu dân nghèo, thường bị mất mùa. Nay cảnh ấy đã mục kích, nếu lại theo lệ thường mà chờ đến nơi xem xét thì tình dân mắc nạn đương mong mỏi đẩy, gặp phải quan lại tham nhũng tòng trung sinh tệ, thì há lại chẳng thêm nỗi phiền nhiễu cho làng xóm phải cung ứng hay sao! Vậy tha cho thóc thuế về vụ Đông”.

Không những chỉ quan sát dân tình hay chỉ nghe báo cáo của quan lại địa phương, vua lại sai Hàn lâm viện Thừa chỉ là Hoàng Quýnh đi xem xét dân tình. Quýnh về nói: trong dân gian, thuế vụ Đông đã có nhiều người nộp trước từ vụ Hạ rồi. Nay nhất thiết tha thuế thì của ấy trên chẳng vào được kho, dưới chẳng hề đến dân, mà chỉ là một dịp đầy túi cho bọn quan lại tham nhũng thôi. Vua nói: “Nếu quả như lời người nói thì kẻ chăm lo việc công, cung phụng bề trên, lại không được thăm ơn gì!”. Lập tức truyền dụ: Phàm ai đã nộp thuế rồi thì lưu trữ vào thuế chính cung năm sau.

Sau khi Bắc tuần hồi loan, vua đã xuống chiếu bá cáo cho trong ngoài được biết về chuyện Bắc tuần. Sách *Đại Nam thực lục* cho biết: *Trẫm nối nghiệp lớn nơi phúc xưa, nhận trách nhiệm khó khăn trọng đại do tổ tiên giao cho bản thân ta, vẫn nghĩ sao nối được chí, noi được việc là hiếu. Cho nên trẫm đã tuân theo điển cũ, có việc bang giao phải đi Bắc tuần, đã tuyên dụ cho thần dân đều biết. Đến ngày 19 tháng 12 thì lễ lớn đã xong. Giờ Thìn ngày 20 trẫm hồi loan và giờ Mão ngày Nguyên đán thì đến kinh. Lần này sứ nhà Thanh đem mệnh sang đây, mọi việc nhất thiết theo quốc lễ của ta, từ trước đến sau lúc nào cũng hòa nhã khiêm tốn. Vì thế lễ lớn chóng xong, trẫm đã tỏ được lòng đại hiếu. Lại, chuyến đi này, trẫm cùng các quan binh hộ giá lớn nhỏ đều được mạnh khỏe, thực là nhờ trời và tổ tiên phù hộ cùng nhờ ơn uy của Hoàng khảo ta để lại mà được như thế”.*

Có thể nói vua Minh Mệnh khi nghỉ ngơi ở Nghệ An đã hết sức quan tâm đến đời sống của dân. Từ việc hỏi han dân tình, miễn thuế cho dân gặp hạn thiên tai, an ủi dân chúng, ban thưởng cho dân đều thể hiện sự gần dân của vua Minh Mệnh.



Trịnh Văn Ngẩn hào hoa và nghiệt ngã

MINH TRÍ

■ Ở thành phố Vinh thời thuộc Pháp có một doanh nhân không chỉ giàu có vào bậc nhất nhì, mà còn nổi tiếng là người hào hoa, sang trọng, dám chơi nhất trong số những nhà giàu. Xung quanh ông còn có rất nhiều giai thoại. Nhưng, số phận của con người hào hoa bậc nhất thành Vinh một thời đó cũng thật nghiệt ngã. Người đó là Trịnh Văn Ngẩn.

Hào hoa...

Ngày đó, con đường từ trước cửa chợ Vinh chạy xuống phía Bến Thủy gọi là đường Auvergne (rue Auvergne). Ngay phía trái chợ Vinh, có hai cửa hiệu lớn nhất và nổi tiếng không chỉ ở Vinh, đó là hiệu Ký Hai và hiệu Ký Phượng. Hiệu Ký Hai, ở số 2 và 4, nổi tiếng với gần như chỉ một mặt hàng duy nhất, đó là thuốc



Chân dung bà Đặng Thị Phiệt,
mẹ ông Trịnh Văn Ngẩn



Cụ Trịnh Văn Phượng
và con trai Trịnh Văn Ngẩn khi còn nhỏ

lào. Hiệu Ký Phượng bên cạnh là hiệu tạp hóa, với nhiều loại hàng hóa, “như lúa gạo, bông vải sợi, kim khí, nông cụ, thực phẩm, mây tre đan, chiếu cói, đồ mộc dân dụng, thậm chí cả thuốc phiện... Hiệu buôn của ông được cho là lớn nhất ở khu vực chợ Vinh, đồng thời nổi tiếng cả Trung Kỳ”^[1]. Chủ nhân của hiệu Ký Phượng là ông Trịnh Văn Phượng và bà Đặng Thị Phiệt. Sách Địa chỉ Đông Dương năm 1933-1934 (INDOCHINE ADRESSES 1933-1934) ghi “Trinh Van Phuong, Marchand en destail, 8 Auvergne” (Trịnh Văn Phượng, thương nhân bán lẻ, số 8, phố Auvergne). Ông bà là người giàu có, lại chăm lo việc công quả, được chính quyền ban tặng tước Hàn lâm, nên thường được gọi là ông bà Hàn Phượng. Từ trước Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, ông bà Hàn Phượng đã nổi tiếng là người giàu có, hiệu buôn Ký Phượng đã nức tiếng gần xa.

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình như thế, Trịnh Văn Ngẩn đã sớm nổi tiếng là chàng trai cao lớn, vạm vỡ và rất hào hoa. Ông đam mê nhiều môn thể thao như đấu kiếm, quyền Anh, quần vợt... Riêng để theo đuổi môn quyền Anh, ông đã phẫu thuật gỡ bỏ xương mũi. Ông còn là một cua - rơ nghiệp dư thuộc loại “có số có má” của thành Vinh. Chính ông Phú Nguyên (Hiệu vàng Phú Nguyên) kể ông và ông Ngẩn từng vào Huế tham gia cuộc đua xe trên sân lòng chảo, để hưởng ứng và cổ vũ cuộc đua Đông Dương lần thứ nhất, năm 1942. Giai thoại về sự hào hoa và độ ăn chơi của Trịnh Văn Ngẩn cho đến nay vẫn tiếp tục được lưu truyền ở Vinh. Thậm chí có một số “mệnh đề” gần như đã thành thành ngữ: “Giàu như Ngẩn”, “Mượt như Ngẩn”, “Chơi như Ngẩn”, “như xā Ngẩn”... Người ta nói ông có hàng chục chiếc xe hơi; vua Bảo Đại có xe gì Trịnh Ngẩn có xe đó; sáng đi xe màu này, chiều đi xe màu khác; đi khánh thành nông trường Nam Đàn xe ông Ngẩn chỉ đi sau xe Bảo Đại nửa bánh; vào Huế đua xe đạp, ông Ngẩn đi

xe Citroen đời mới, đến nỗi Bảo Đại phải mời vào cung để hỏi là ai... Cho đến nay dân Vinh vẫn lưu truyền giai thoại về chiếc “lầu bắt tay” của ông Ngẩn. Chuyện rằng lần đó vua Bảo Đại ra Vinh, giới nhà giàu đánh cuộc nhau ai bắt tay được với vua sẽ được nhận thưởng 10 vạn đồng Đông Dương. Không ai dám nhận lời đánh cuộc, ngoài Trịnh Văn Ngẩn. Nhận lời xong, ông cho dựng ở bến phà Bến Thủy một chiếc lầu bằng gỗ rất đẹp. Khi vua vừa bước chân từ phà lên, liền được các quan chức mời vào chiếc lầu đó để nghỉ và đợi xe. Trịnh Văn Ngẩn đứng trong số các quan chức, thân hào và các nhà công thương đón vua. Trong lúc mọi người khấn đóng, áo dài đang cung cúc, khoanh tay cúi đầu chào nhà vua theo lệ, thì ông Ngẩn com lê cà vạt, sang trọng, hào hoa đang hoàng tiến đến bắt tay vua. Là người theo Tây học, vua Bảo Đại cũng vui vẻ bắt tay mà không hề câu nệ gì. Lần ấy ông Ngẩn thắng cuộc. Giai thoại còn nói ông đã cùng vợ ra nước ngoài phẫu thuật thẩm mỹ cho... giống nhau. Trên thực tế, năm 1942, Trịnh Văn Ngẩn và vợ sang Anh. Trong lúc vợ sửa sang sắc đẹp thì ông tranh thủ đi học thêm quyền Anh. Trong chuyến đi này ông gặp, quen và chơi thân với ông Bảy, một doanh nhân trạc tuổi ông ở Sài Gòn.

Không biết những giai thoại về ông đúng được mấy phần, nhưng chắc chắn rằng gia đình ông là một gia đình giàu có và ông là một người hào hoa, phong nhã, biết chơi theo đúng thời thượng. Một số cụ già trên dưới 90 tuổi ở Vinh vẫn còn nhớ ngôi nhà mái bằng “không giống ai” của ông, nằm gần như một mình, đối diện với Khách sạn Xanh hiện nay trên đường Mai Hắc Đế. Người con gái của ông (con người vợ thứ hai) hiện đang lưu giữ được “bộ sưu tập” gồm 15 chiếc bật lửa cổ của ông, tài sản duy nhất mà ông đang còn giữ lại được từ thời vàng son.

Nhưng, nếu chỉ như thế thì cuộc đời Trịnh Văn Ngẩn cũng chỉ là một quý tử kiểu “công tử Bạc Liêu”, nổi tiếng bởi ăn chơi, phá phách. Trịnh Văn Ngẩn không như thế. Ông đúng là mẫu người chơi ra chơi, làm ra làm. Được kế thừa một sản nghiệp lớn của gia đình, nhưng chính ông mới là người làm cho sản nghiệp ấy phát triển rực rỡ. Sách “Lịch sử phường Hồng Sơn” viết: “Ký Phượng: Trước buôn hàng lâm thổ sản (cả thuốc phiện). Một thời nhờ ảnh hưởng của hiệu Ký Hai nên cũng có buôn thuốc lã. Ký Phượng sau giàu có lên rất nhanh chóng nhờ có con là Trịnh Văn Ngẩn, người có tài kinh doanh. Ký Phượng là hiệu buôn người Việt nổi tiếng ở Vinh. Về sau Ký Phượng buôn cả sợi và dầu hỏa”^[2].

Không chỉ giàu sang và giao thiệp rộng, ông và gia đình còn tham gia nhiều hoạt động xã hội, từ thiện. Các cụ Trịnh Văn Phượng, Đặng Thị Phiệt bố mẹ ông Trịnh Văn Ngẩn là người có công lớn trong trùng tu tôn tạo chùa Diệc hồi những năm 1940. Khi đó chùa Diệc nằm trên mảnh đất hơn 9 héc ta, nhưng cơ ngơi còn đơn sơ. Gia đình ông bà Hàn Phượng đã bỏ tiền xây lại cổng chùa và tu bổ nội thất. Gia đình ông bà còn giúp đỡ cho gia đình bà Tứ có ruộng làm và trông coi chùa. Thời đó có tin đồn ông bà Hàn Phượng giấu vàng trong chùa, nên có một số

người đến phá chùa để tìm vàng. Bà Tứ đã xả thân để ngăn cản họ, bảo vệ chùa. Những năm đói sau này, hàng ngày bà Hàn Phượng đều mở cổng chùa để phát chẩn gạo, thức ăn cho người đói. Ngay xung quanh giai thoại “lầu bắt tay”, cũng có người nói Trịnh Văn Ngẩn làm như vậy chính là để mẹ mình, bà Hàn Phượng xin vua cho mở rộng diện tích chùa và nghĩa trang Tập Phúc lên 100 mẫu. Trong các danh sách ủng hộ nạn nhân bão lụt, hoặc ủng hộ binh sỹ trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai mà báo chí đương thời đăng tải, cái tên Trịnh Văn Ngẩn thường xuất hiện với số tiền ủng hộ luôn đứng nhất nhì thành phố.

...và nghiệt ngã

Trịnh Văn Ngẩn lấy vợ khá sớm. Vợ ông là một cô thợ may ở chợ Liễu, đẹp người đẹp nết. Bà đã sinh cho ông hai người con. Cách mạng Tháng Tám rồi chiến tranh bùng nổ, như các nhà công thương khác ở Vinh, sau khi tự tay phá tan ngôi nhà và cơ nghiệp của mình trong tiêu thổ kháng chiến năm 1947, ông Ngẩn đưa vợ con di cư về quê, xã Xuân Hòa, Nam Đàn.

Còn mình, máu phiêu lưu và làm ăn của ông đã không để ông ngồi yên. Ông sang Lào mua đất, mở trang trại rộng hàng chục hecta trồng cây anh túc để lấy thuốc phiện. Tại đây ông đã gặp một trang nhan sắc quê Hà Tĩnh. Đó là bà Trương Thị Huệ. Họ sống với nhau và sinh được một người con gái, đặt tên là Trịnh Thị Minh Hoàn. Về sau, những năm cải tạo công thương nghiệp trong nước, bà Huệ sợ liên lụy nên đổi con sang họ Thái, Thái Thị Minh Hoàn. Hoàn cũng có tên Lào là Nakhon Khamsing.

Hòa bình lập lại, cũng như bao người khác, Trịnh Văn Ngẩn hăm hở đưa gia đình trở lại Vinh, mà không hề hay rằng số phận nghiệt ngã đang chờ mình phía trước. Đầu tiên, Trịnh Minh Châu, người con trai đầu và duy nhất của ông tòng quân đã hy sinh trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Rồi người vợ đầu đẹp người, đẹp nết cũng qua đời. Bà Huệ cùng với con gái ở bên Lào thì không để gì về với ông được. Tuổi mới ngoài bốn mươi, ông đành kết hôn với người vợ thứ ba, cũng là một người tài sắc. Người vợ này cũng nhanh chóng sinh cho ông hai người con gái, một sinh năm 1957 và một sinh năm 1959.

Tiêu thổ kháng chiến và những năm chiến tranh, lưu lạc đã gần như làm tiêu tán cơ nghiệp của Trịnh Văn Ngẩn, nhưng cuộc cải tạo công thương nghiệp năm 1959 mới thực sự là một khúc quanh nghiệt ngã nhất. Không chỉ trắng tay, mà quan trọng hơn, ông hầu như không còn có cơ hội nào để thi thố tài năng kinh doanh, để gầy dựng lại cơ nghiệp bị mất. Từ một nhà tư sản, một ông chủ, ông trở thành một người làm công ăn lương trong xí nghiệp mộc. Nhưng, đáng cay hơn cả là trước tình cảnh như vậy, năm 1962 người vợ trẻ cũng dứt áo ra đi, để lại cho ông hai đứa con thơ và hai bàn tay trắng. Từ đây bắt đầu một chặng đời cơ cực của một người đàn ông “gà trống nuôi con”. Không ai có thể hình dung được nhà tư sản giàu có, hào hoa bậc nhất thành Vinh năm nào trong hình hài



Chân dung bà Trương Thị Huệ,
người vợ ông Ngẩn ở Lào (năm 72 tuổi)



Trinh Thị Minh Hoàn (bên phải),
con gái ông Ngẩn trong một lần về Vinh, thăm chùa Diệc

người “thợ đục” (đục việc gì làm việc đó) những năm khốn khó. Ngoài thợ mộc, ông làm đủ nghề để sống, mà vẫn không đủ sống. Thời gian đầu khi ra chợ Vinh làm thuê, hầu như không ai dám thuê ông làm. Mọi người vẫn kính cẩn gọi ông là “cậu”. Nhiều người mời ông ăn, nhưng ông từ chối, ông nói rằng có thuê ông làm ông mới ăn, vì ông cần tiền để nuôi hai đứa con nữa. Thế rồi, gánh nước, bổ củi, kéo xe ba gác, bốc vác... Tất tần tật, việc chi ông cũng làm, miễn là có tiền nuôi con, nuôi thân. Có người nói, lúc túng quẫn nhất ông đã tháo cả răng vàng ra bán để có tiền nuôi con.

Chưa hết, những năm nghèo đói nhưng thanh bình cũng sớm chấm dứt, chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ một lần nữa lại biến thành Vinh thành chiến địa. Cha con ông lại gồng gánh nhau, theo xí nghiệp đi sơ tán khi thì Nam Đàn, khi thì Nghĩa Đàn. Một người dân Vinh kể lại: “Hồi bé tôi được nghe rất nhiều giai thoại nói về ông và tôi cũng rất muốn được gặp ông để được xem con người thực của ông như thế nào. Và rồi cơ hội đã tới. Năm 1968, tôi cùng xí nghiệp Việt Cường sơ tán lên Nghĩa Đàn, được một người bạn cho biết ông Trịnh Văn Ngẩn đang đi cưa gỗ thuê ở ngay đầu dốc Lụi. Biết tin, tôi tranh thủ đến gặp ông. Khi tôi đến thì ông đang cời trần, ngồi xẽ một cây gỗ lớn đường kính khoảng 50 phân. Ông có thân hình vạm vỡ săn chắc, ngực nở, vai rộng, khuôn mặt to đầy đặn, môi dày, mũi rộng, ánh mắt tinh nhanh, nét mặt chăm chú tập trung công việc. Tôi chào ông, ông liếc mắt nhưng không trả lời, chỉ chăm chú vào lưỡi cưa và khúc gỗ. Tôi định bắt chuyện với ông, nhưng thấy ông bận nên thôi. Nhưng sau đó tôi không được gặp lại ông nữa, vì công việc xẽ gỗ thuê nay đây mai đó,

không ở cố định". Trong thời gian này ông còn đi đào giếng và làm thuê nhiều việc khác nữa.

Khoảng năm 1969, khi chiến tranh phá hoại tạm ngưng, như nhiều gia đình khác ông Ngẩn cũng đưa hai con về Vinh. Ông Lê Mạnh Hải, con trai cụ Phú Nguyên kể: "Một hôm tôi thấy bố tôi cùng một người tầm tuổi như ông về nhà. Ông nói với tôi đây là ông Ngẩn. Khi đó, ông Ngẩn một tay xách chiếc hộp gỗ đựng đồ thợ mộc, tay kia cầm một cái cưa tay, trên vai còn khoác thêm một chiếc cưa rọc. Chắc ông đi sửa đồ đạc trong thị xã. Bố tôi bảo tôi rang lạc, rồi lấy rượu đựng trong cái bóng bò giấu dưới gầm bàn ra. Hai người bạn, hai nhà tư sản giàu có, hai cua rơ hào hoa thuở nào cùng thù tạc bằng mấy chén rượu lậu và lạc rang. Cuối buổi bố tôi rút mấy đồng bạc đưa cho ông Ngẩn. Dù sao bố tôi cũng may mắn hơn, vì luôn có gia đình, vợ con đồng cam cộng khổ trong những năm tháng khó khăn".

An ủi cuối đời

Năm 1975, đất nước thống nhất, nhưng những khó khăn, gian khổ của thời bao cấp cũng không kém những thời kỳ trước đó. Lúc này, ông Ngẩn là công nhân của Xí nghiệp mộc Vạn Thành. Có dạo cả nước rộ lên mốt dùng tủ ly gỗ lát hoa. Gỗ hiếm và đắt, nên người ta phải tìm cách xẻ tấm ván thật mỏng, cõ chỉ trên dưới một li. Không nhiều người thợ có thể làm được việc đó. Trong Xí nghiệp mộc Vạn Thành ông Ngẩn là một trong vài người thợ có thể xẻ được những tấm ván gỗ lát hoa mỏng tang như thế. Trong xóm ông chan hòa, vui vẻ, giúp đỡ mọi người. Rất nhiều người hàng xóm đến nay vẫn còn nhắc chuyện ông mua gạo số cho cả mấy gia đình.

Đất nước thống nhất, ông Ngẩn có điều kiện để kết nối lại với những người bạn cũ vì chiến tranh, chia cắt mà thất lạc nhau. Năm 1976, ông đã vào Sài Gòn gặp lại ông Bảy, người bạn cũ ông đã từng quen thân trong chuyến đi Anh năm 1942. Lúc này ông Bảy đang là chủ một xưởng gỗ. Cũng tại đây, ông vô cùng hạnh phúc gặp được đứa con gái duy nhất của ông với bà Huệ ở Lào. Lúc này, cô Hoàn, con gái ông đã là bác sỹ, định cư và làm việc ở Pháp. Đây cũng là lần đầu tiên cô gặp cha, sau hai mươi tám năm sống ở trên đời.

Năm 1980, theo lời mời của ông Bảy, Trịnh Văn Ngẩn cùng hai con gái chuyển vào Sài Gòn sinh sống. Ông Bảy cho bạn mình một căn nhà nhỏ gần xưởng gỗ. Mặc dù đã lớn, nhưng hai cô con gái cũng chưa đỡ đần được cho ông, ông vẫn phải làm việc để duy trì cuộc sống gia đình và nuôi hai con ăn học. Cô Hoàn ở Pháp trong giai đoạn này cũng đã bắt đầu có điều kiện để giúp đỡ ông phần nào. Mấy năm sau, biết ông là bố liệt sỹ chống Pháp lại đang gặp khó khăn, chính quyền sở tại đã cấp cho ông một căn hộ. Từ đó cuộc sống của ông cũng đỡ vất vả hơn.

Trưa ngày 14 tháng 12 năm 1987, như thường lệ sau khi ăn cơm, ông tắm sạch sẽ, chải đầu cẩn thận và lên giường nằm ngủ. Không ai ngờ đó cũng là giấc ngủ ngàn thu... Ông ra đi ở tuổi bảy mươi, ngay trong căn hộ mà chính quyền cấp cho ông, người cha của một liệt sỹ Điện Biên Phủ.

Thế nhưng, sau năm 1980 ở thành phố quê nhà hầu như không ai biết ông đi đâu, làm gì...

Và, giai thoại về ông, về một con người hào hoa nhưng có số phận vô cùng nghiệt ngã thì vẫn còn tiếp tục.

-
1. Nguyễn Văn Phụng, *Tư sản người Việt ở Trung Kỳ từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930*, Luận án tiến sĩ Lịch sử, Hà Nội 2015.
 2. Chu Trọng Huyền, *Lịch sử phường Hồng Sơn*, NXB Nghệ An, 1993.



Minh họa: HỮU TUẤN

Ông Bụt đã đến

VÕ THU HƯƠNG

Quán cà phê, chanh đá vỉa hè sơ sài nằm dựa lưng vào bức tường cầu kì của căn nhà ba lầu màu hồng nhạt rất đẹp. Gọi là quán cho oai, thực chất chỉ là xe đẩy cũ kĩ và vài cái ghế súp sấp hết khả năng sử dụng. Nhà không có hàng rào, chỉ có mấy chậu hoa đặt trên bậc thềm. Vô tình khiến sự đối nghịch giữa căn nhà và quán cà phê càng thêm rõ.

My thích mấy chậu hoa ấy lắm. Nhất là độ này trời đã ấm áp sang Xuân, những nụ hoa bé xinh đã nở bông tươi thắm. Mỗi sáng dọn đồ ra quán giúp mẹ, cô nhỏ vẫn ghé ngang những chậu hoa. Ngoài việc xem có sâu hay rệp không, còn có việc không kém phần quan trọng là hôm nay có mấy bông hoa sẽ nở. Đó là bông hoa màu gì. Cô nhỏ vẫn thường thăm thò với lú hoa, lú lá, bạo gan bắt những con sâu xanh dấm quấy rầy ở đó. Đôi khi, cô nhỏ còn nói với mẹ rằng, có tiếng hoa lá cảm ơn mình vì đã bắt sâu chăm sóc chúng. Mẹ cô nhỏ mãi pha mấy li cà phê cho khách hàng, nghe tai này bỏ qua tai kia. Bà “ờ ờ” vậy thôi, không để ý.

Hơn một tuần nay, điều khiến My háo hức mỗi sáng là xem nhành nụ hoa lan đã lớn đến đâu. Những cái nụ từ xanh thắm, đang chuyển sang màu xanh nhạt. Hôm qua, có nụ còn trắng trắng, tím tím ngay trên đầu tựa như chúng được đội những cái mũ rất điệu. Sáng nay chúng đã bung xòe rung rinh trong nắng sớm, mời gọi lũ bướm dập dìu xung quanh. My đã sướng người khi thấy cảnh tượng đấy.

Cô nhỏ sà tới khóm lan, đưa tay nâng nâng cành hoa. Cô bé cứ mân mê mãi những cánh hoa mịn tựa nhung, cái cành hoa gầy guộc dịu dàng vươn trong nắng ấm. Bỗng bất thành linh, chỉ trong một tích tắc sơ ý, cành hoa gãy gục xuống. Trống ngực My đập dồn khi nghe tiếng mẹ giận dữ:

- Trời ơi, My! Sao con ngắt hoa?
- Mẹ ơi, hoa đẹp quá! Con không ngắt, tự cành hoa gãy mà...
- Chết tôi, chết tôi rồi...

Mẹ lao nhanh lại giằng mạnh cành hoa còn dính nhựa trên tay My. Ngay lập tức, cô bé tràn nước mắt, òa khóc. Cô bé đứng sững nhìn mẹ. Thực tình, làm sao một đứa bé 6 tuổi có thể hiểu chuyện này nghiêm trọng đến mức nào? Chỉ là một cành hoa mà nó thích quá mức, mân mê say đắm quá mà sơ ý làm gãy. Nhưng người đàn bà lam lũ - là mẹ nó thì ngay lập tức nhìn ra vấn đề. Bà là người buôn bán nhờ ở vỉa hè trước nhà người ta. Quán cà phê vỉa hè này là kiếm kế sinh nhai nuôi mẹ con. Người ta thương, đồng ý giúp đỡ không tính toán thiệt hơn. Ông nhạc sĩ chủ nhà là người yêu hoa, và con nhỏ nó lại làm gãy mất cành hoa đẹp nhất, quý nhất vừa trở bông. Bà không biết làm gì hơn, ngồi thụp xuống rên rĩ: "Trời ơi, chết tôi rồi"...

Con bé sẽ phải xin lỗi ông chủ nhà. Chắc chắn rồi. Có thể ông sẽ bắt đền. Thì cũng phải chịu. Nhưng bà không chắc toàn bộ hàng quán của bà có thể đổi lại giá trị cành hoa ấy.

My đứng trước nhà ông nhạc sĩ. Nó lăm bằm cả chục lần câu xin lỗi, mắt vẫn nhòa nước mắt. Cành hoa tội nghiệp trong tay nó. Nó thoáng nghĩ trong đầu, giá có một phép màu để cành hoa được gắn liền lại. Con bé chuyển qua thì thầm: "Ông Bụt ơi, cứu con".

Cho tới khi nắng lên cao, ông nhạc sĩ vẫn chưa dậy. Bà mẹ tội nghiệp dọn quán, nhắc con nhỏ chiều nay sẽ quay lại gặp để xin lỗi ông chủ nhà.

Chiều tới, con My bật cười khanh khách khi nhìn thấy chậu lan đã được dời lên gác một. Hai nhánh hoa tím biếc còn đẹp hơn cả nhánh hoa hôm qua buông thõng xuống dưới, gọi mời lũ bướm trắng bướm vàng:

- Mẹ ơi, quả là ông Bụt đã nghe lời con. Ông Bụt đã cứu con...

Tiếng dương cầm vẫn thanh tao cất lên trên gác nhỏ. Có một ông nhạc sĩ già đang viết nhạc, giai điệu tươi vui về nụ cười mùa Xuân trong veo của cô bé ngoài kia. Trưa nay ông đã chuyển chậu lan lên gác và mua một gốc lan nhỏ hơn đặt khuất bên cạnh. Nhìn từ dưới lên, dĩ nhiên không thể phân biệt được những nhánh lan kia lại từ một gốc lan khác. Ông làm điều ấy vì sáng nay, khi vừa thức giấc, đứng gần khe cửa đã nghe cô bé trò chuyện cùng những bông hoa. Lời trò chuyện ngọt ngào hơn gấp nhiều lần những giai điệu ông viết đã thức dậy bao cảm hứng sáng tạo từ lâu lắm đã ngủ quên trong ông. Ông cũng nhìn thấy vẻ âu lo sợ sệt, những giọt nước mắt pha lê rơi xuống khi cô bé vô tình làm gãy một nhánh hoa, và nghe lời thì thầm...

HẢI MY

Mây tạo hình

Là ngựa, mà không phải ngựa
Là trâu, mà chẳng phải trâu
Là thỏ, mà không phải thỏ
Là mèo, nào phải mèo đâu!

Thì ra là anh chàng Gió
Ú tim cùng lão Mặt trời
Trở tài hô mây hoán vũ
Vui buồn chốc lát thế thôi!

TRÚC LÊ

Chú em lính đảo Trường Sa

Chú em là bộ đội
Lính canh đảo Trường Sa
Nơi có cây phong ba
Thích đương đầu sóng gió.

Biển nhiều san hô đỏ
Nơi quả bàng biết vương
Nơi đồng bào đồng chí
Dành trọn niềm yêu thương.

Hôm rồi chú gọi điện
Bảo có thể tết này
Được về quê ăn tết
Em đếm lịch từng ngày!

TRẦN VĂN LỢI

Niềm vui ngày Xuân của Nghé

Cuối năm Nghé chạy ra đồng
Dõi theo bánh xích, bánh lồng bon bon
Mấy cây màu đỏ như son
Bữa không biết mệt, lại còn cười vang:
- Từ khi chúng tớ về làng
Đỡ phần khó nhọc họ hàng Nghé đây!
- Cảm ơn các bạn mấy cây
Mang niềm vui đến đúng ngày Xuân sang!...

VÕ DƯƠNG

Gọi mùa Xuân sang

NGUYỄN TRỌNG TUẤT

Vũ trụ

Trái đất biết quay
Mặt trời đổi hướng
Đêm ngủ gốc cây
Sáng ra biển sớm.
Mặt trăng biết lượn
Giữa tầng mây cao
Những đêm cuối tháng
Lặn vào đáy ao.
Muôn triệu ngôi sao
Thờ cùng trời đất
Nháy hoài mí mắt
Cho người chiêm bao.

Mẹ ơi ông nắng
Trốn đi đâu rồi?
Hay ông đang ngủ
Nên mưa cứ rơi.
Mẹ bảo với bố
Nuôi thêm đàn gà
Tinh mơ nó gáy
Gọi mặt trời ra.
Đồng đang ngập nước
Mưa thì vẫn rơi
Mất mẹ buồn quá
Chốc chốc nhìn trời.
Bé cầm bút vẽ
Thật nhiều nắng vàng
Nắng bay theo gió
Gọi mùa Xuân sang.



Nhà văn Nguyễn Trọng Oánh

Một nhà văn xứ Nghệ sâu sắc, bản lĩnh, khiêm nhường

T.Q

■ Nhà văn Nguyễn Trọng Oánh sinh năm 1929 tại huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, mất năm 1993 tại Hà Nội. Tác phẩm chính: *Thơm hương bốn mùa* (tập thơ, 1961), *Ngày đẹp nhất* (tập thơ, 1974), *Lời người cầm súng* (tập thơ 1977), *Nhật ký đảo Côn Cỏ* (tập ký, 1964), *Nhật ký chiến dịch* (tập ký, 1977), *Đất trắng* (tiểu thuyết, 1979 - 1984), *Con tốt sang sông* (truyện ngắn, 1989).

Nguyễn Trọng Oánh là nhà văn xứ Nghệ, chất phác, thành thật, tế nhị, khiêm nhường, có vẻ hơi rụt rè, quê mùa, nhưng suy nghĩ rất sâu sắc. Mùa Hè năm 1950, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Pháp đang đi vào giai đoạn quyết liệt, cả nước đang chuẩn bị cho cuộc tổng phản công, Nguyễn Trọng Oánh gia nhập quân đội, là chiến sĩ thuộc sư đoàn chủ lực 304. Nguyễn Trọng Oánh vốn là người thông minh, biết chữ Hán, lại biết đọc và

nói tiếng Pháp thành thạo, nên được cấp trên phân công viết tin, làm báo ở trung đoàn, sau lên sư đoàn. Nhờ thế, Nguyễn Trọng Oánh có điều kiện thâm nhập thực tế chiến đấu của các chiến sĩ và bắt đầu cầm bút viết văn từ đó. Tuy vậy, mãi đến năm hòa bình lập lại, 1954, Nguyễn Trọng Oánh mới được điều về trại viết văn quân đội để viết về những tấm gương anh hùng do Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam phát động. Từ đó Nguyễn Trọng Oánh mới thành cây bút chuyên nghiệp và tên tuổi nhà văn mới được mọi người biết đến. Nhưng bạn đọc cũng chỉ biết đến Nguyễn Trọng Oánh như một người làm thơ chứ không phải là những trang truyện ký nhà văn viết ở trong trại sáng tác. Thơ Nguyễn Trọng Oánh chân chất, giản dị, thấm đẫm chất ca dao tục ngữ dân gian xứ Nghệ và mang âm hưởng của thơ Đường cổ kính.

*Xôn xao sóng giục con đò
Đã nghe âm ầm câu hò Nghệ An
“Quê ta ngọt mía Nam Đàn
Ngon khoai chợ Rộ, thơm cam Xã Đoài”*

Năm 1961, Nguyễn Trọng Oánh gom những bài thơ lẻ tẻ in thành tập thơ lấy tên là “Thơm hương bốn mùa”. Từ đó bạn đọc chú ý tới Nguyễn Trọng Oánh với tư cách là một nhà thơ.

Tuy nhiên, sự nghiệp văn chương nổi bật hơn của Nguyễn Trọng Oánh lại chính là văn xuôi, ký sự, truyện ngắn, tiểu thuyết. Những năm chiến tranh chống Mĩ ác liệt, Nguyễn Trọng Oánh vào Khu 4, ra đảo Cồn Cỏ, đến những nơi nguy hiểm nhất, gian khổ nhất để cùng ăn, cùng ở, cùng trực tiếp cầm súng chiến đấu với các chiến sĩ trên các mặt trận và để viết văn, viết báo. Đây là thời kỳ Nguyễn Trọng Oánh cho xuất bản tập ký sự “Nhật ký đảo Cồn Cỏ” rất nổi tiếng. Bẵng đi một thời gian, độc giả không thấy tên Nguyễn Trọng Oánh xuất hiện trên báo chí miền Bắc. Sau đó mọi người mới biết, Nguyễn Trọng Oánh đã vượt Trường Sơn, vào Tây Nguyên rồi tiến về đồng bằng Nam Bộ, theo gót chân các chiến sĩ quân giải phóng, nhà văn đã đi khắp các chiến trường miền Nam. Từ đây, các tập thơ “Ngày đẹp nhất”, “Lời người cầm súng”... của tác giả Nguyễn Thành Văn từ miền Nam gửi ra Bắc lại gây chấn động dư luận văn học một thời. Tác giả Nguyễn Thành Văn của miền Nam, không ai khác, chính là nhà văn Nguyễn Trọng Oánh, khi vào Nam, nhà văn đã lấy tên con gái của mình làm bút danh để ký tên dưới các tác phẩm.

Sau giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, trên cơ sở của những vốn sống từng trải trong chiến tranh, Nguyễn Trọng Oánh viết tiểu thuyết “Đất trắng”. Cuốn sách này như là sự tiếp nối và nâng cao tầm văn chương của những trang văn mà nhà văn đã viết trước đó. Phải nói rằng, đây là cuốn sách bộc lộ tính cách trung thực, thẳng thắn, dũng cảm, mang khí chất người Nghệ Tĩnh, lâu nay vẫn ẩn chứa trong tâm thức của nhà văn Nguyễn Trọng Oánh, nay đã được bộc lộ và bùng phát. Cuốn sách này viết về sự khốc liệt của chiến tranh, về sự hy sinh, mất mát,

đau thương của cả 2 phía do chiến tranh gây ra. Hồi đó, những cuốn sách viết về chiến tranh mà đề cập đến những vấn đề chết chóc, mất mát là những cuốn sách thuộc dạng bị cấm kị. Trước tất cả những điều đó, nhà văn Nguyễn Trọng Oánh đã không e ngại, không né tránh, vẫn tự tin ở chính mình và vẫn viết “Đất trắng” ngay khi ông đang giữ Quyền Tổng Biên tập Tạp chí Văn nghệ Quân đội. Có thể nói, tiểu thuyết “Đất trắng” của Nguyễn Trọng Oánh như là một sự mở đường, mở ra một hướng mới, một trận địa mới cho sự phát triển của văn học nghệ thuật. Về việc này, nhà văn Nguyễn Trọng Oánh đã từng tâm sự với bạn đọc: “Tôi rất tâm đắc với ý kiến của Êrenbua. Êrenbua nói rằng, chiến tranh là thử thách lớn với mỗi dân tộc, mỗi con người. Trong những năm chiến tranh, tôi đã thấy rõ, lòng dũng cảm vô song của các chiến sĩ, nhưng cũng thấy rõ, sự hèn nhát, phản bội của một số người, kể cả các cấp chỉ huy. Nói như ta vẫn thường nói, chiến tranh là cuộc thử lửa để thấy rõ vàng, thau. Tôi đã cố gắng để làm cho cuốn sách của tôi đạt được sự trung thực như hiện thực vốn có”. Chính vì nghĩ suy như vậy mà trong tiểu thuyết “Đất trắng”, nhà văn Nguyễn Trọng Oánh đã không e ngại ngay cả khi viết về sự hèn nhát, sự đầu hàng giặc của một cán bộ cấp cao trong quân đội. Với tình hình và quan niệm về văn học của ta ngày đó, phải là một nhà văn dũng cảm, đầy bản lĩnh, mới dám viết trong tác phẩm của mình những chi tiết, những nhân vật, những con người với những thói hư tật xấu như vậy.

Trong cuộc sống thường ngày, Nguyễn Trọng Oánh là người nắm quyền Tổng Biên tập Tạp chí Văn nghệ Quân đội, người có chức vị cao nhất ở cơ quan này nhưng ông luôn là người luôn tự nép mình ở sau người khác, chân thực nhún nhường, coi trọng lẽ phải, đề cao tính trung thực thẳng thắn trong mọi người, mọi việc. Năm 1980, Nguyễn Trọng Oánh in xong tiểu thuyết “Đất trắng” cũng là năm nhà văn Thanh Quế từ khu 5 được điều quân ra Bắc, đến làm việc ở Tạp chí Văn nghệ Quân đội, dưới quyền điều hành của Tổng Biên tập Nguyễn Trọng Oánh. Nhà văn Thanh Quế kể lại rằng, ngày đầu gặp nhau, nhà văn Nguyễn Trọng Oánh hỏi nhà văn Thanh Quế:

- Anh từ khu 5 ra, tôi muốn hỏi anh, quyển “Đất trắng” của tôi, ở khu 5, nhìn chung, dư luận đánh giá thế nào?

Thanh Quế trả lời:

- Dư luận khu 5 thì tôi không biết nhưng riêng tôi thì có đọc quyển “Đất trắng” một lần, đọc lướt thôi! Tôi thấy anh đặt vấn đề thì bạo nhưng nhiều chỗ anh kể việc chứ không phải dựng chuyện. Ví dụ, Trung đoàn 16 đứng ở chỗ đó, anh không vẽ ra cho rõ là nó đứng ở vị trí ra sao, liên hệ với xung quanh thế nào, thành ra rất khó hình dung. Với lại, văn anh viết mộc mạc, thô thô thế nào ấy, tôi không thú lắm!

Nghe vậy, Nguyễn Trọng Oánh gật gật đầu, tỏ ý đồng tình và rất thành tâm suy nghĩ. Thời gian ấy, cuốn “Đất trắng” đang được nhiều người ca ngợi, trên báo Văn nghệ có số báo đăng 2, 3 bài liên, ca ngợi cuốn sách. Vậy mà Thanh Quế, người làm

việc dưới quyền Nguyễn Trọng Oánh, chê sách của Nguyễn Trọng Oánh mà nhà văn Nguyễn Trọng Oánh vẫn thành thực suy nghĩ, tiếp thu ý kiến, không hề giận dữ gì hết. Thậm chí, Nguyễn Trọng Oánh còn nói với nhà thơ Nguyễn Đức Mậu rằng, “Thanh Quế là người thật thà, nghĩ sao nói vậy, không uốn lười để lấy lòng cấp trên. Mình làm Tổng Biên tập, nó là biên tập viên dưới quyền mà cứ nghĩ sao nói vậy, không cần nề nả, không sợ trù dập, vậy là người tốt đấy”!

Lại một lần khác, trong cuộc họp, nhà văn Nguyễn Trọng Oánh điều khiển cuộc họp, nói điều gì đó mà nhà văn Nguyễn Khải không đồng ý. Nguyễn Khải sừng cồ lên bảo: “Ông im đi! Ông không cãi nổi tôi đâu”! Nguyễn Trọng Oánh đang giữ chức cao nhất Tạp chí, đang chủ trì hội nghị, nhưng vẫn nhân nhượng Nguyễn Khải, im lặng, không nói tiếp về vấn đề đó nữa. Chờ hôm sau, Nguyễn Khải bình tĩnh lại, Nguyễn Trọng Oánh mới gặp Nguyễn Khải để bàn tiếp về việc hôm trước đang bỏ dở...

Nói chung, trong cuộc sống thường ngày, Nguyễn Trọng Oánh luôn dè dặt, nhún nhường, không chấp vật, luôn nép mình, chịu thua thiệt trước người khác nhưng trong văn chương, trong các vấn đề cần sự dũng cảm, kiên quyết để phát biểu về một quan điểm, một chính kiến thuộc phạm trù văn học nghệ thuật thì nhà văn Nguyễn Trọng Oánh luôn gương mẫu, sẵn sàng đi đầu, dám chịu trách nhiệm, không rút rè, né tránh.

Người ta bảo, nhà văn Nguyễn Trọng Oánh có số khổ, đã được định sẵn ở trong số tử vi. Chẳng biết điều đó có đúng không, nhưng vào những năm cuối đời, nhà văn Nguyễn Trọng Oánh được Nhà nước và quân đội cấp cho một căn nhà 2 tầng, khá khang trang, tuy ở rất xa trung tâm thành phố, nhưng như thế là tốt lắm rồi. Suốt một đời vô cùng cực nhọc, vất vả, lúc này nhà văn Nguyễn Trọng Oánh mới có điều kiện để đoàn tụ gia đình, vợ chồng, con cái. Nhưng ai ngờ, ngay chính lúc ấy, số phận ngặt nghèo, khó khăn, vất vả lại tiếp tục đeo bám, không chịu buông tha cho nhà văn. Về nhà mới, vợ nhà văn bỗng dưng bị bệnh nan y, toàn thân bại liệt, phải nằm một chỗ. Sau khi vợ ngã bệnh, đến lượt chính nhà văn Nguyễn Trọng Oánh cũng bị bại liệt. Và cũng phải nằm một chỗ. Thế là 2 vợ chồng, mỗi người mỗi giường, chỉ có đứa con là còn đi lại được ở trong nhà để “săn sóc” hai ông bà. Nhưng đứa con của nhà văn cũng là người bị tàn tật bẩm sinh.

Nhà văn Thanh Quế bảo rằng “Tôi hay tin vào lẽ công bằng của cuộc sống. Con người ta có lúc sướng, lúc khổ nhưng không hiểu sao, nhà văn Nguyễn Trọng Oánh suốt cả một đời văn, đời lính, chưa bao giờ có lấy một giây phút được sung sướng, thanh thoi. Phải hy vọng vào đời con, đời cháu của nhà văn mới được hưởng những giây phút hạnh phúc, sung sướng chăng”?

Nhà văn Nguyễn Trọng Oánh là người đã đưa toàn tâm, toàn ý, toàn lực của đời mình để phục vụ quân đội, phục vụ sự nghiệp sáng tạo văn học nghệ thuật. Hy vọng các tác phẩm của ông, cũng như những phẩm chất cao quý, tốt đẹp của con người ông sẽ sống mãi với thời gian, với bạn đọc yêu quý văn chương của chúng ta...

Nguyễn Tài Đại người sáng tác nhiều câu đối mừng Xuân đón tết

ĐÀO TAM TÍNH

Nguyễn Tài Đại (1921-2005), sinh tại Thanh Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, trú tại xã Hưng Lộc, Tp. Vinh. Năm 1944, tốt nghiệp Tiểu học Vinh. Tháng 4 - 1945, tham gia cách mạng, thủ lĩnh Thanh niên Phan Anh xã Trí Hồng (nay là xã Thanh Văn). Đã trải các chức vụ: Chủ nhiệm Việt Minh huyện Thanh Chương, Ủy viên Thư ký UBHC huyện, Bí thư Văn phòng Bộ Tổng tư lệnh QĐND ở Việt Bắc, Bí thư Văn phòng Tỉnh ủy Nghệ An, Trưởng ty Giáo dục Nghệ An - Nghệ Tĩnh (1960 - 1980), là Ủy viên Tỉnh ủy hai khóa, nghỉ hưu năm 1980. Mất năm 2005 tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh. Nguyễn Tài Đại có tài làm thơ và câu đối. Ông được suy tôn nhà *câu đối* và có lẽ là người sáng tác nhiều câu đối mừng Xuân, đón tết nhất ở Nghệ An và cả nước.

CÂU ĐỐI

1. *Đại Huệ trắng lòng, hồn mộng nước;
Nhà Rồng sóng vỗ nghĩa tình Xuân.*
2. *Chín chục xuân thu, Võ tướng càng nguyên màu áo Giáp;
Một đời thanh bạch, Văn phong bút thép tỏa non sông.*

(Mừng Đại tướng Võ Nguyên Giáp thọ 90)

3. Lý luận gắn thực hành, khoa học ngành ngành Xuân thẩm nhĩ;
Tiếp thu và sáng tạo, nhân tài lớp lớp tết đơm hoa.
(Đăng báo Khoa học)
4. Tiễn biệt kỷ hai mươi, đảng viên trong sáng, dân tộc anh hùng, nước mạnh dân giàu
xây chế độ;
Đón chào Xuân đổi mới, xã hội văn minh, tinh hoa hội tụ, mưa hòa gió thuận dựng
giang sơn.
(Đăng báo Lao động)
5. Bản sắc dân tộc đậm đà, truyền thống Tiên Rồng xuân chế độ;
Tụ khí giang sơn bền vững, tinh hoa Âu Lạc tết văn minh.
(Đăng Tạp chí Văn hóa)
6. Hướng tới văn minh, truyền thống Tiên Rồng muôn thuở tết;
Tiến lên hiện đại, tinh hoa Đảng Bác bốn mùa Xuân.
7. Đất nước vào Xuân, tung cánh nhân văn ngời bút thép;
Rồng mây gặp hội, tầm cao trí tuệ rộn làng văn.
(Đăng báo Văn nghệ)
8. Ngọt ngào hương Xuân, nét bút nên thơ, câu có thép;
Dạt dào men tết, vườn văn mở lộc, nụ đơm hoa.
9. Vui tết cổ truyền, mừng nước, mừng dân, Xuân khởi sắc;
Đón xuân hiện đại, ơn Người, ơn Đảng, tết canh tân.
10. Nước mạnh, dân giàu, đường mới đi lên xuân hiện đại;
Tình cao, nghĩa nặng, ơn sâu ghi tạc Đảng quang vinh.
11. Uống nước nhớ nguồn, núi thắm non cao ghi nghĩa Đảng;
Trồng cây vui tết, rễ bền gốc vững tạc ơn Người.
12. Vui Xuân biết mấy cho vừa, có nhỏ ăn nhỏ, có to ăn to, to nhỏ nhỏ to ba bữa tết;
Đón tết bao nhiêu cho đủ, muốn say cứ say, muốn tỉnh cứ tỉnh, tỉnh say say tỉnh bốn
mùa Xuân.
13. Chỉ tiêu vượt mức, đường lớn đi lên, thể mạnh ba vùng ran pháo tết;
Chất lượng nâng cao, cờ đầu vươn tới, vàng hồng hai tốt rộn hoa Xuân.
14. Vui tết canh tân, thể nước bốn nghìn năm đứng dậy;
Vào Xuân lịch sử, công Người muôn vạn thuở ghi công.
15. Mở hội mừng Xuân, muôn vẻ non sông, muôn vẻ tết;
Trồng cây vui tết, bốn mùa đất nước, bốn mùa Xuân.

16. *Chí khí Tiên Rồng hồng vạn tết;
Tinh hoa Âu Lạc sáng muôn Xuân.*
17. *Xuân hây còn dài, chấp chới cành đào chào ngõ hạnh;
Gà vừa gáy sáng, xập xòe cánh én liệng trời mây.*
18. *Nét bút nhân văn tràn nhựa tết;
Câu văn đạo lí thấm tình Xuân.*
19. *Tết đến làng văn, điệu hát đồ đưa, câu ví dặm, dậy sóng Lam Giang ngời bút thép;
Xuân về hội báo, câu chuyện tâm tình, nụ cười thể thái, trắng lòng Đại Huệ lộng hồn thơ.*
20. *Nét đẹp nhân văn, đẹp nét, đẹp người, càng đẹp tết;
Đất giàu truyền thống, giàu tình, giàu nghĩa, lại giàu Xuân.*
21. *Kế nghiệp vua Hùng, trí tuệ đời đời Xuân đất nước;
Vươn vai Thánh Gióng, người tài lớp lớp tết non sông.*
22. *Bản sắc dân tộc đậm đà, truyền thống Tiên Rồng xuân hiện đại;
Chí khí giang sơn bền vững, tinh hoa Âu Lạc tết văn minh.*
23. Vào tết năm Canh Tuất (1970), Ty Giáo dục phân phối tiêu chuẩn tết cho Trường ty gồm có 2 gói trà, 2 gói thuốc lá Tam Đảo, 2 cân thịt lợn, ông Nguyễn Tài Đại ứng khẩu ngay đôi câu đối tết:
*Trà hương hai gói, thuốc lá hai bao, thịt lợn hai cân, ừ cũng tết!
Thuộc được một bông, hoa đào một lọ, rượu mùi một chén, úi chà Xuân!*
24. Tết Đinh Sửu (1997), ông có câu đối đánh quan tham nhưn:
*Xóm thợ vui Xuân, nhà dưới nhà trên bùng điện sáng;
Quan tham đón tết, cửa sau cửa trước rộn phong bì.*
25. Tết Mậu Dần (1998), lại đánh tiếp quan tham và bọn gian lậu:
*Đón tết Mậu Dần, quan nhưn, quan tham, ăn như hổ càng vênh mặt hổ;
Tiễn năm Đinh Sửu, thẳng gian, thẳng lậu, béo hơn trâu quen thói đầu trâu.*

Thơ tình

QUỲNH THƠ

Vợ tôi tên cúng cơm là Chanh. Sở dĩ tôi ngọt hóa được nàng chịu lấy tôi làm chồng, trăm sự nhờ nàng Thơ. Hồi đang چرا cảm, tôi tới tập gửi tặng nàng vô số thơ tình mà dẫu có cẩn thận ghi chép cũng không nhớ nổi số lượng là ba hay năm con số.

Toàn là thơ lục bát đậm đà bản sắc dân tộc dễ nghe dễ thuộc, chứ không trực trặc, bí hiểm như thơ hậu hiện đại “nhất nhất” hiện nay.

Thơ tôi đã nâng Chanh lên tầm vĩ mô.

Chẳng hạn bài sau đây:

Em là mây trắng trên trời (tả nước da như trứng gà bóc của nàng)

Mắt em: biển biếc xa vời, mệnh mệnh

Mắt em có núi, có đồng

Có hang, có động ai trông cũng thèm (nói về gò má cao với cái mũi nhòn nhọn, cái miệng rộng khắp khảnh hàm răng hơi mất trật tự).

Không hiểu vì mê thơ hay yêu tác giả mà nàng phăng teo thành cha giám đốc trách nhiệm vô hạn, ngấp nghé vào năm nay để về nấu cơm, giặt áo cho thi sĩ làm thơ.

Có vợ rồi, hồn thơ của tôi trở nên lai láng, rộng mở, cứ tuôn ồ ạt ngày đêm bài, có hôm lên đến chục bài. Rồi bất ngờ thơ tôi được lên báo tỉnh, chứ không chỉ nằm ở bản tin phường xã. Tôi có cậu bạn thân vừa được tuyển vào báo tỉnh, phụ trách trang văn hóa văn nghệ. Thế là mỗi lần gặp hân trong quán nhậu, thơ con cóc của tôi cứ nhảy lên mặt báo đều đều đến nỗi mấy nhà thơ lớn cũng đâm ghen. Rồi vợ tôi cũng bắt đầu nghi ngờ về những bài thơ tình tặng các cô bạn gái NT, MT, ST, XR... đăng công khai trên báo. Thế là máu Hoạn Thư trong nàng trỗi dậy, ngày một ác liệt đến mức nàng tuyên bố: Chia tay thôi. Anh nuôi lấy thằng Hoàn, còn con Mít ở với tôi!

Đúng là thơ đã phá nát gia đình. Làm thế nào để cứu vãn tình thế nguy cấp này. Tôi chỉ biết làm thơ và cũng chỉ thơ mới may ra cứu vãn được tối hậu thư của nàng.

Ngày trang văn nghệ đầu mùa cưới năm ấy, thằng bạn ruột của tôi đã cho lên báo Xuân bài thơ tình tặng vợ có ghi rõ tên tuổi cụ thể Hồng Thị Mộng Chanh của tác giả Xin Thua (bạn đọc chắc cũng rõ là của ai).

Xin chép ra đây để mọi người tham khảo:

*Em là dịch vụ của anh
Ngày ba bữa có cơm canh ngọt ngào
Đẹp thay gò má cao cao
Đẹp từ cái mũi, đẹp vào nếp nhăn
Lại còn khuyết một cái răng
Nếu thi hoa hậu chắc rằng thắng to.*

Bài thơ đã có tác dụng hơn cả mong đợi.

Nàng đã tha lỗi cho tôi với một điều kiện: từ nay về sau trước khi gửi thơ đăng báo phải đưa nàng duyệt trước ông tổng biên tập báo tỉnh. Tất nhiên là tôi vui vẻ chấp nhận. Từ đó Nàng Thơ và Nàng Chanh đã đem lại hạnh phúc cho nhà thơ Xin Thua.

Những tia sáng màu hồng

(Ấn tượng đọc *Hùng Đông*,
tiểu thuyết của Nguyễn Thế Kỷ, Nxb Văn học, 2020)

BÙI VIỆT THẮNG

Sau Chuyện tình Khau Vai (2019), *Hùng Đông* (nộp lưu chiếu tháng 12-2020) là cuốn tiểu thuyết thứ hai của nhà văn Nguyễn Thế Kỷ. Tôi dùng tên chương 11 trong tiểu thuyết *Hùng Đông* làm nhan đề bài viết “Những tia sáng màu hồng” - ánh phản một chủ nghĩa lạc quan cách mạng cao cả của một thế hệ kim cương suốt đời tận hiến cho sự nghiệp chung với tinh thần “dĩ công vi thượng”. Chiến sỹ cách mạng tiền bối Phan Đăng Lưu là một hình tượng văn học điển hình, biểu trưng cho vẻ đẹp tâm hồn, khí phách của người chiến sỹ cách mạng. Tiểu thuyết viết về một thời đại bi hùng bão táp của cách mạng Việt Nam. Viết về nhân vật lịch sử Phan Đăng Lưu (1902-1941), một nhà hoạt động cách mạng tiền bối của Đảng (Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng, 1938) là một đóng góp của nhà văn Nguyễn Thế Kỷ, góp vào kho tàng văn chương viết về các bậc kiệt xuất của Đảng từ Lãnh tụ Hồ Chí Minh đến các học trò xuất sắc của Người trong sự nghiệp cách mạng chung của dân tộc thời kỳ hiện đại.

Dòng văn chương về đề tài truyền thống (lịch sử, cách mạng, chiến tranh) có xu hướng được kéo gần lại, xét về mặt thời gian, đó là những biến cố của thời hiện đại (thế kỷ XX). Vì sao? câu hỏi có thể được đặt ra trong trường hợp này. Có thể có câu trả lời như sau: Hiện chúng ta đang đứng trước những vấn đề rất nhạy cảm của chủ quyền lãnh thổ, những vấn đề về các thang giá trị văn hóa, đạo đức đang có nguy cơ xuống cấp, tinh thần đoàn kết giảm sút nơi này, lúc khác khiến cho phân tán lực lượng, suy giảm sức mạnh cộng đồng. Vì thế chúng ta cần tìm những câu trả lời cho hiện tại từ quá khứ gần. Đó là động hướng tinh thần “ôn cố tri tân” cần thiết và cấp bách hiện nay.

Hùng Đông viết về phong trào cách mạng Việt Nam những năm trước thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1930) và sau đó khoảng 10 năm đến cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (1940). Trên cái nền rộng (toàn cảnh) ấy, nhà văn không chạy theo sự kiện, biến cố (vì nếu làm như thế thì không thể bao quát hết lịch sử), mà hướng tới con người cụ thể với tư cách một nhân vật văn học - người chiến sỹ cộng sản Phan Đăng Lưu. Ai đó nói chí lý “Không phải là nhà viết sử, chính nhà văn mới là người chép lại lịch sử cuộc đời”. *Hùng Đông* của nhà văn Nguyễn Thế Kỷ phù hợp với lối cấu trúc tiểu thuyết hiện đại: đi từ “cấu trúc lịch sử - xã hội” đến “cấu trúc lịch sử - tâm hồn” (từ chương 1 “Bình minh bầm tím” có bức thư viết bằng tiếng Pháp của Phan Đăng Lưu gửi con trai trước lúc lên pháp trường, đến chương 11 “Những tia sáng màu hồng” với những giây phút cuối cùng trên pháp trường).

Phan Đăng Lưu là nhân vật chính trong tiểu thuyết. Viết *Hùng Đông*, nhà văn Nguyễn Thế Kỷ, theo tôi, phải giải quyết mối tương quan giữa nhân vật “tập thể” và “cá thể” theo yêu cầu điển hình hóa (*con người này như Heghen đã nhấn mạnh*). Phan Đăng Lưu không thể thoát ly ra khỏi gia đình (bố mẹ, vợ con), bạn bè, đồng nghiệp, đồng chí, quê hương, làng xóm. Tất nhiên. Nhưng đây là nhân vật văn học Phan Đăng Lưu, nên phải có cá tính, số phận như một điển hình nghệ thuật. Nhân vật này đã đi suốt tác phẩm từ trang đầu đến trang cuối. Trong nhân vật này riêng, chung hài hòa, bện chặt, tương hỗ,... Con người xã hội của nhân vật Phan Đăng Lưu rất rõ. Thoạt đầu là con người công chức, học hành bài bản, làm công ăn lương. Vào thời kỳ những năm 20 của thế kỷ XX, tốt nghiệp trường Nông nghiệp thực hành, trở thành kỹ sư canh nông, trước đó đã học ở Trường Quốc học Huế, học hành đến nơi đến chốn, đỗ đạt như thế, là chuyện hiếm thời ấy. Anh bước vào cuộc đời hoạt động cách mạng kể từ khi gặp gỡ thầy giáo Trần Văn Tăng (một chiến sỹ cách mạng hoạt động bí mật). Bước chân của Phan Đăng Lưu từ “Đời cách mạng, từ khi tôi đã hiểu/ Dấn thân vô là phải chịu tù đầy/ Là gươm kẻ tận cổ, súng kẻ tai/ Là thân sống chỉ coi còn một nửa” (Tố Hữu - *Trăng troi*), đã in dấu từ Bắc chí Nam, sang tận Trung Quốc,... Phan Đăng Lưu là con người chí lớn, gan bền, cao vọng lập thân, lập nghiệp vì nghĩa lớn - đất nước độc lập, tự do; nhân dân no ấm, thái bình. Tác giả đã khéo léo đặt nhân vật Phan Đăng Lưu trong mối quan hệ rộng và sâu với nhiều nhân vật khác thuộc nhiều khuynh hướng chính trị và mục đích dấn thân khác nhau như Phan Bội Châu, Ngô Đình Diệm,... cũng như các đồng chí cùng chung chí hướng của mình như Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Tôn Quang Phiệt, Hải Triều, Nguyễn Chí Diểu, Lê Duẩn... Mỗi nhân vật xuất hiện ít hay nhiều, có vị trí xã hội khác nhau nhưng đều như những thỏi nam châm cực mạnh hút nhau tạo thành một “từ trường” đặc biệt.

Nhưng nếu thiếu cái riêng, cái cá thể hóa, thì tiểu thuyết *Hùng Đông* chỉ có thể dừng lại tư liệu - lịch sử, khó bề nhập vào địa hạt văn chương. Người đọc lúc đó sẽ tìm hiểu nhân vật Phan Đăng Lưu qua hồ sơ lưu trữ lịch sử quốc gia. Tôi thích cách tác giả cá thể hóa nhân vật qua chuyện riêng tư, đời thường, qua thế giới nội tâm phong phú của một con người kết hợp trong mình các phẩm tính của một trí thức

- chiến sỹ cộng sản - một nhân cách có căn cốt văn hóa trong ứng xử với gia đình, vợ con, bạn bè, với tự nhiên. Phan Đăng Lưu giỏi ngoại ngữ nên có điều kiện đi ra thế giới qua sách vở, chữ nghĩa. Con người này vừa hướng ngoại vừa hướng nội. Tôi thích cách tác giả tả gia cảnh của Phan Đăng Lưu trước và sau khi lấy vợ. Chị Danh, người vợ yêu quý của Phan Đăng Lưu là người phụ nữ truyền thống, tam tòng tứ đức, công dung ngôn hạnh. Chị là mẹ của hai con, là vợ của người chồng ở chốn tranh đấu sa trường nhiều hơn trong gia đình riêng của mình. Phan Đăng Lưu làm sao có thể yên lòng với hậu phương của mình nếu không có một người vợ hiền thực, dâu thảo trong nhà như chị Danh. Bao nhiêu gian khổ của nhà chồng và gia đình riêng chị dành chuyển gán hết sang đôi vai bé nhỏ của mình. Kể cả cái đơn ly hôn giả mạo (đánh lừa bọn giặc) mà chồng nghĩ ra để bảo toàn cho vợ con khi anh phải dấn thêm một bước vào chốn hiểm nguy trên đường tranh đấu, cũng chỉ mình chị chịu đau đớn. Người ta nói, đằng sau một người đàn ông thành đạt có bóng dáng một người phụ nữ là hoàn toàn đúng trong mọi trường hợp.

Đặc trưng nghệ thuật của truyện (truyện ngắn, truyện dài) là kể (tự sự). Nhưng có một văn mạch, tạm gọi là “tự sự trữ tình”, trong đó kể và gợi liên kết hữu cơ, chất văn xuôi và chất thơ kết dính. Mở đầu thời hiện đại là Hoàng Ngọc Phách, Thạch Lam, Đỗ Tồn, Thanh Tịnh,... trước 1945. Sau này là Nguyễn Thành Long, Anh Đức, Nguyễn Quang Sáng, Nguyễn Bản, Đỗ Chu, Trần Thùy Mai, Huỳnh Thạch Thảo, Đỗ Bích Thúy, Nguyễn Quang Thiều, Như Bình,... Tôi nghĩ, nhà văn Nguyễn Thế Kỷ đứng vào văn mạch này một cách tự giác (hoặc không tự giác). Đặc điểm của văn mạch “tự sự trữ tình” là không trọng cốt truyện (tình tiết/chi tiết) mà hướng đến “tìm vào nội tâm”, chú ý tới mối liên hệ của con người với tự nhiên, dung chứa những trữ tình ngoại đề gợi liên tưởng thú vị. Đọc *Hừng Đông* của nhà văn Nguyễn Thế Kỷ, tôi thích những đoạn trữ tình ngoại đề, kiểu như: “Phan Đăng Lưu trở về quê nhà Yên Thành vào giữa mùa Hè. Cánh đồng đã gặt xong, lúa phơi vàng trên những mảnh sân, con ngõ. Gió phơn Tây Nam mà người dân quê anh gọi là gió Lào, thổi rất những bờ tre, mái rạ. Dẫu vậy, Lưu cảm nhận trong đó có hương vị quá đỗi thân thuộc của thân cây lúa mới bị cắt bông, mùi chua chua của bùn đất và tiếng ve râm ran. Những thứ ấy, là cả một gia tài quý giá cho một người vừa thoát ra khỏi chốn lao tù cùng cực. Những ngày bị giam, kỳ lạ thay, thứ mà anh nhớ nhất lại là những ngọn khói. Bếp ở quê anh chủ yếu đun bằng rơm rạ (....). Phan Đăng Lưu nhớ gương mặt đỏ rực, bụi tro hòa lẫn những giọt mồ hôi của mẹ, khi đứng bên bếp lửa, tay cầm chiếc đĩa cà còn dính mấy hạt gạo ướt. Trong bếp đã có mùi thơm thơm của cơm bẻ nôi, của cá kho tương với khế lẫn mùi của một ít hạt thóc lép cháy cùng với rơm, rạ” (tr.186). Trước lúc từ giã người thân, đồng chí, anh còn kịp nhận ra: “Phan Đăng Lưu cảm thấy trong gió sớm có mùi những bông lúa đang chín, thơm ngọt ngào. Anh nhớ những bữa cơm mới. Bữa cơm đầu tiên của một vụ gặt mẹ anh luôn cẩn trọng chuẩn bị như một thứ nghi lễ, thể hiện lòng biết ơn trời đất, tổ tiên đã cho con cháu sức khỏe cũng như mùa màng bội thu” (tr.286).

Những đoạn trữ tình ngoại đề này khác nào những bóng cây râm mát, nơi ta dừng nghỉ, trên con đường dài giữa một ngày nóng bức.



Độc sách

Đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng và lý luận, thực tiễn nghệ thuật

BÙI NHƯ HẢI

Nếu tính từ năm 1995 - cái mốc đánh dấu tác phẩm tiểu luận - phê bình văn học đầu tay *Văn chương và Tác giả* ra đời cho đến nay vừa tròn 25 năm, PGS.TS Nguyễn Ngọc Thiện đã xuất bản được 9 tác phẩm in riêng và 37 tác phẩm chủ biên. Tác phẩm thứ 9 vừa mới trình làng, đó là *Đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng và Lý luận, thực tiễn nghệ thuật*. Cuốn

chuyên khảo này dày 360 trang in, do Nhà xuất bản Hội Nhà văn ấn hành năm 2020. Vốn dĩ là một nhà lý luận, phê bình văn học có bề dày nghề nghiệp, nên hướng nghiên cứu trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật nào Nguyễn Ngọc Thiện cũng gặt hái được những thành công nhất định, được bạn đọc, giới nghiên cứu và đồng nghiệp ghi nhận, nhất là hướng nghiên cứu về đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng được Nguyễn Ngọc Thiện theo đuổi, dành nhiều tâm huyết, trí lực nhất trong 43 năm nay. Cũng đã có khá nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu về đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng, nhưng Nguyễn Ngọc Thiện lại có hướng đi riêng, đó là đi sâu vào quá trình hình thành và phát triển đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng; đồng thời, làm rõ sự nhất quán của đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng trên nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng văn hóa, văn nghệ Hồ Chí Minh, đáp ứng kịp thời sự nghiệp cách mạng ở từng giai đoạn và hiện nay.

Cuốn chuyên khảo được chia thành hai phần chính. Phần thứ nhất: *Đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam - sự nhất quán và phát triển*. Phần này thoát thai từ một đề tài nghiên cứu khoa học cấp Ban Đảng do Hội đồng Lý luận, Phê bình Văn học - Nghệ thuật Trung ương chủ trì. Phần này với 180 trang, đi sâu khảo sát đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng từ *Đề cương văn hóa Việt Nam* năm 1943 đến nay. Những vấn đề Nguyễn Ngọc Thiện đặt ra, luận bàn trong chuyên luận đều được lập luận và minh chứng cụ thể, rõ ràng. Phần thứ hai: *Tiểu luận và phê bình*. Phần này có tổng số 160 trang, tập hợp 17 bài tiểu luận, phê bình tiêu biểu được công bố ở các hội thảo, đăng tạp chí, báo,... Cả hai phần này không có sự tách rời nhau, mà có sự thống nhất, bổ trợ và minh họa cho nhau; đồng thời làm sáng rõ những giá trị có tính phổ quát về đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng trong suốt quá trình hình thành và phát triển, nhất là trong thời kỳ Đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay.

Phần I: *Đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam - sự nhất quán và phát triển* là một chuyên luận, có cấu trúc chặt chẽ, logic. Với một lối tư duy mạch lạc, Nguyễn Ngọc Thiện đã chứng minh những giá trị to lớn cả về mặt lý luận và thực tiễn; về những định hướng, chỉ đạo của Đảng trong sự nghiệp hình thành và phát triển đường lối văn hóa, văn nghệ; về sự đúng đắn, khoa học cũng như thành tựu của đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng; về sự kết hợp chặt chẽ giữa tư tưởng lý luận và thực tiễn đời sống văn hóa, văn nghệ... Lần đầu tiên, tác giả đã nêu ra định nghĩa về đường lối văn hóa, văn nghệ Việt Nam một cách chính xác. Đó là, đường lối văn hóa, văn nghệ là “một bộ phận hợp thành hữu cơ của đường lối cách mạng nói chung, do Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra, từ khi thành lập (3/2/1930), giữ vai trò lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ cách mạng đề ra trong từng giai đoạn lịch sử” (tr.28). Tác giả tiếp tục phân tích cơ sở khoa học và cơ sở thực tiễn của đường lối văn hóa, văn nghệ,... Những vấn đề này được tác giả luận bàn dựa trên nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và được vận dụng một cách sáng tạo, phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam qua từng

thời kỳ. Dựa trên cơ sở đó, tác giả tiếp tục chỉ ra nền tảng khoa học, ý nghĩa lịch sử, quan điểm cơ bản của *Đề cương văn hóa Việt Nam* (1943) - tác phẩm mở đầu đã trở thành kinh điển, tuyên ngôn, kim chỉ nam của Đảng trong việc định hướng, chỉ đạo đường lối phát triển văn hóa, văn nghệ của dân tộc. Qua thực tiễn cho thấy, văn kiện đầu tiên này được bổ sung, hoàn thiện dần, trở thành một nguồn lực mạnh mẽ trong việc phát huy, tập hợp sức mạnh của đội ngũ văn nghệ sĩ trong công cuộc đấu tranh, bảo vệ và xây dựng đất nước. Tác giả cũng đề cao sự đóng góp to lớn của các nhà lãnh đạo cao cấp xuất sắc của Đảng, đồng thời là các nhà văn hóa, văn nghệ xuất sắc như Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Tố Hữu,... Đặc biệt là những ý kiến chỉ đạo, định hướng mang tính chiến lược, cụ thể nhằm soi sáng thực tiễn văn hóa, văn nghệ của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Các ý kiến của Người đã “chỉ rõ mối quan hệ gắn bó chặt chẽ giữa văn hóa, văn nghệ với chính trị của giai cấp lãnh đạo cách mạng; vai trò văn nghệ là vũ khí sắc bén; phẩm chất chiến sĩ của văn nghệ sĩ trên trường đấu tranh của mặt trận văn nghệ với các lực lượng thù địch; con đường để tác phẩm văn nghệ đến với công chúng, được công chúng hiểu và yêu thích” (tr.48 - 49). Những ý kiến đúng đắn ấy của Người đã trở thành “tài sản” quý giá của dân tộc, đặc biệt là thế hệ hôm nay và mai sau trong việc học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tiếp nối sự đóng góp to lớn ấy là các học trò của Người, trong đó Trường Chinh - nguyên Tổng Bí thư Đảng Lao động Việt Nam là một học trò xuất sắc. Với trí tuệ mẫn tiệp, kiến thức sâu rộng trong mọi lĩnh vực, đồng thời lại sâu sát thực tiễn của đời sống cách mạng, sinh hoạt học thuật và văn chương nước nhà, ông đã có những ý kiến, chỉ đạo về văn hóa, văn nghệ phù hợp với hoàn cảnh, tình hình thực tế của đất nước lúc bấy giờ. Đặc biệt, ông đã soạn thảo văn kiện lý luận văn hóa, văn nghệ *Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa Việt Nam* và trình bày tại Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ 2 họp tại Việt Bắc tháng 7 năm 1948 với tầm nhìn, tư duy sâu sắc, tâm huyết, nhạy bén với tiền đồ văn hóa, văn nghệ dân tộc. Tác giả kết luận: Công trình *Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa Việt Nam* chính là “sự tiếp nối, hoàn chỉnh sáng tạo trên tầm cao mới chiến lược phát triển nền văn hóa dân chủ mới được sơ khởi từ văn kiện đầu tiên *Đề cương về văn hóa Việt Nam* (1943)” (tr.55 - 56).

Ngoài những ưu điểm, thành tựu to lớn đó, Nguyễn Ngọc Thiện cũng đã thẳng thắn, mạnh dạn nêu ra một số hạn chế khó tránh khỏi như vấn đề tầm nhìn, nhận thức, phương pháp lãnh đạo văn hóa, văn nghệ: “...Tuy nhiên, trong quá trình đó, trên tinh thần phê bình và tự phê bình, Đảng đã nhận ra những hạn chế, khuyết điểm và thiếu sót trong việc vạch ra đường lối, chỉ đạo thực hiện đường lối, qua từng giai đoạn cách mạng, để tìm cách khắc phục đưa cách mạng tư tưởng và văn hóa đáp ứng với những yêu cầu và thực tiễn đặt ra ngày một cao, đòi hỏi không ngừng tiến lên” (tr.123 - 124). Tác giả đã nêu 4 hạn chế, thiếu sót của đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng từ *Đề cương về văn hóa Việt Nam* năm 1943 đến nay. Thứ nhất là, mặc dù Đảng ta đã xác định những nhiệm vụ,

mục tiêu được đặt ra trong văn kiện đầu tiên *Đề cương về văn hóa Việt Nam* (1943) chính là nền tảng vững chắc của cách mạng tư tưởng và văn hóa của nước ta, có ý nghĩa lâu dài cho sự tiếp tục phát triển và hoàn thiện Đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng trong những giai đoạn kế tiếp. Nhưng trong quá trình vận dụng vào thực tiễn vẫn không tránh khỏi một số thiếu sót, hạn chế nhất định như: “Về sự bao quát, tầm nhìn, về phạm vi khái niệm văn hóa, *Đề cương* đã không đặt cho mình nhiệm vụ đưa ra một định nghĩa đầy đủ về văn hóa, mà xuất phát từ thực tiễn cách mạng, *Đề cương* chỉ mới đặt vấn đề văn hóa theo nghĩa thiết thực nhất mà người ta thường hiểu, xem văn hóa là sự phản ánh toàn bộ đời sống xã hội vào ý thức của con người, tập trung thể hiện trên các mặt: tư tưởng, học thuật và nghệ thuật - tức là những phương diện của văn hóa tinh thần” (tr.124). Thứ hai là, trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp 1946 - 1954, Đảng ta chủ yếu “tập trung vào việc triển khai vận dụng những quan điểm, nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa mới, dân tộc dân chủ nhân dân theo các phương châm: dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hóa mà *Đề cương* đã nêu ra” nhưng lại “ít ra nghị quyết về công tác văn hóa, văn nghệ, chậm đề ra những chính sách cụ thể đối với văn nghệ sĩ. Những văn kiện của Đảng về lý luận văn nghệ còn quá ít và không đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới, nhất là những khi cách mạng chuyển sang giai đoạn mới” (tr.267). Chính vì thế, trong hơn 10 năm trước và sau Cách mạng tháng 8/1945 nền văn hóa, văn nghệ của nước ta chưa thật sự có những tác phẩm đỉnh cao, xứng đáng với tầm vóc to lớn của sự nghiệp giải phóng dân tộc, với toàn thể nhân dân anh dũng được cả thế giới ngưỡng mộ, cảm phục. Theo tác giả phần chuyên luận, thì những nhược điểm trên xuất phát từ những nguyên nhân chủ quan và khách quan: “Đó là những nhược điểm của một nền văn hóa, văn nghệ trẻ tuổi, xây dựng trong một hoàn cảnh đầy khó khăn, thiếu thốn, buổi đầu còn bị phong tỏa,... Song nhược điểm ấy phần chủ yếu cũng do khuyết điểm của chúng ta gây ra - của trình độ non yếu của đội ngũ cán bộ văn hóa, văn nghệ các cấp, từ những nguồn gốc khác nhau chưa quán triệt đầy đủ, sâu sắc những tư tưởng, quan điểm và nhiệm vụ mà đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng đã chỉ đạo, để vượt qua những quan niệm cũ, nhận đường với nhận thức mới của chủ nghĩa Mác - Lênin” (tr.128-129). Thứ ba là, trong hơn 20 năm dài tập trung chống Mỹ cứu nước, Đảng ta cũng đã định hướng rõ nét việc xây dựng văn hóa, văn nghệ trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong đấu tranh chống xâm lược, bẻ lái tay sai để giành độc lập, thống nhất nước nhà. Nhưng trong thời kỳ này Đảng ta chưa ra nghị quyết có tầm chiến lược, có ý nghĩa cương lĩnh, định hướng nhằm nối tiếp, nhất quán văn kiện đầu tiên *Đề cương văn hóa Việt Nam* để tiếp tục phát triển văn hóa, văn nghệ trong giai đoạn mới; những văn kiện của Đảng về văn hóa, văn nghệ còn quá ít, dẫn đến không đáp ứng được yêu cầu mới; thiếu nhạy bén trong việc sớm nhận ra những nguy cơ ảnh hưởng của tư tưởng tư sản, của chủ nghĩa xét lại trong văn học nghệ thuật, của cơ chế quản lý quan liêu, bao cấp,... Thứ tư là, sau 1975, đặc biệt là sau 1986, đường lối đổi mới của Đảng đã

thổi luồng gió mới vào đời sống văn hóa, văn nghệ, thế nhưng, vẫn không tránh khỏi một số thiếu sót trong vấn đề lãnh đạo và quản lý văn hóa, văn học nghệ thuật; vấn đề sáng tác và phê bình; vấn đề cơ chế quản lý, tổ chức, các chế độ, chính sách đối với văn hóa, văn học nghệ thuật; vấn đề cán bộ lãnh đạo, quản lý sự nghiệp văn hóa, văn nghệ thuộc các cấp ủy đảng, cơ quan nhà nước, trong hệ thống chính trị,... Việc nhận rõ khuyết điểm, thiếu sót như vậy nhằm tìm cách khắc phục qua từng thời kỳ lịch sử thực hiện đường lối văn hóa, văn nghệ. Từ đó, đảm bảo một cách chắc chắn để “đường lối ngày càng hoàn thiện, phát huy cao nhất hiệu quả của nó trong tiến trình đi vào thực tiễn để đổi mới và sáng tạo không ngừng, nhằm khai tâm con người, khai trí xã hội, khai sáng đất nước, nuôi dưỡng nguồn lực tinh thần và vật chất để Việt Nam trở thành một quốc gia giàu mạnh cường thịnh với nền văn hóa cao đẹp nhất trong lịch sử” (tr.139).

Sau khi nêu bật, phân tích những thành tựu, ưu điểm cũng như hạn chế, thiếu sót về đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng, Nguyễn Ngọc Thiện đã rút ra được 4 bài học xác đáng có ý nghĩa cả lý luận lẫn thực tiễn, đảm bảo hiệu quả đối với việc thực thi đường lối đó. Một là, luôn luôn kiên trì, vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, văn nghệ vào hoàn cảnh thực tế của Việt Nam. Hai là, đề cao, tôn trọng quan điểm quần chúng, quan điểm nhân dân. Ba là, nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý sự nghiệp văn hóa, văn nghệ của Đảng và Nhà nước; thực hiện có hiệu quả các chế độ, chính sách, thể chế hóa các quan điểm, đường lối, định hướng của Đảng về văn hóa, văn nghệ. Bốn là, coi trọng công tác, nghiên cứu đề xuất lý luận, tổng kết thực tiễn để phát triển, bổ sung, hoàn thiện lý luận,... Tác giả cũng đã đưa ra các kiến nghị: Kiên trì và nhất quán lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm cơ sở nền tảng định hướng chiến lược; quán triệt quan điểm “văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội; xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ theo đường lối của Đảng, đảm bảo quyền văn hóa của nhân dân,...

Phần thứ hai: *Tiểu luận và phê bình* như trên đã nói, là sự cụ thể hóa, đi sâu vào thực tiễn đời sống văn hóa, văn nghệ ở nước ta. Những vấn đề đặt ra trong các bài viết này được Nguyễn Ngọc Thiện luận bàn, trao đổi một cách thẳng thắn, trên tinh thần đối thoại, dân chủ, đầy trách nhiệm. Mở đầu là bài tiểu luận *Văn hóa, nghệ thuật cần “vào sâu trong tâm lý quốc dân”, “soi đường cho quốc dân đi”*, tác giả tập trung luận bàn về tư tưởng văn nghệ Hồ Chí Minh, khẳng định ý nghĩa to lớn về mặt lý luận và thực tiễn của tư tưởng văn nghệ Hồ Chí Minh. *Tính chuyên nghiệp của phê bình văn học nghệ thuật và nhà phê bình chuyên nghiệp* là một bài viết sâu sắc, có tính thời sự trong việc luận bàn về tính chuyên nghiệp của phê bình văn học, nghệ thuật ở nước ta. Bài viết *Về đội ngũ hoạt động lý luận phê bình VHNT hiện nay ở các Hội văn học nghệ thuật*, tác giả đã nêu ra thực trạng của đội ngũ lý luận, phê bình VHNT hiện nay, từ đó đưa ra một số giải pháp, những kiến nghị thiết thực, phù hợp để đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nghiên cứu, lý

luận, phê bình VHNT. Ở bài viết *Đội ngũ văn nghệ sĩ Việt Nam và các yêu cầu, thách thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, tác giả tiếp tục dành sự quan tâm đến đội ngũ văn nghệ sĩ trước những yêu cầu và thách thức của công cuộc Đổi mới.

Nguyễn Ngọc Thiện cũng có những ý kiến hay, thiết thực về những vấn đề quản lý và nâng cao chất lượng của báo chí văn nghệ như *Tạp chí Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam - cầu nối và bạn đồng hành giữa văn nghệ sĩ với công chúng; Quản lý báo, tạp chí chuyên ngành trong Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam - thực trạng và giải pháp; Tuyên truyền, lý luận, phê bình văn học nghệ thuật trên Tạp chí Diễn đàn văn nghệ Việt Nam những năm gần đây,...*

Góp thêm sự phong phú, đa dạng cho phần II, Nguyễn Ngọc Thiện đã dành sự quan tâm, tấm chân tình của mình đối với những người thầy, đồng nghiệp và bạn bè qua những bài viết như: *Kỷ niệm về GS.VS. Hoàng Trinh - người Thầy, người Anh, nhà nghiên cứu lý luận, phê bình văn học hàn lâm; Đồng chí Lê Khả Phiêu với Tạp chí Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam; Cuốn sách quý, gắn bó với một vùng biên viễn phía Đông Bắc; Tư tưởng và phong cách nhà văn - những vấn đề lý luận và thực tiễn của GS.TS. Trần Đăng Suyền; Một danh họa bậc thầy, lão thực,...*

Cuốn chuyên khảo này chính là sự tổng kết 43 năm nghiên cứu về đường lối văn học, nghệ thuật của Đảng; đồng thời, nó cũng thể hiện sự chiêm nghiệm về cuộc đời, về con người, về một số khía cạnh của văn hóa, văn nghệ và báo chí văn nghệ,... của một nhà nghiên cứu, phê bình từng trải, giàu nội lực ở cái tuổi xưa nay hiếm - ngoài thất thập. Cuốn sách có giá trị to lớn trong việc tổng kết cả về mặt lý thuyết lẫn thực tiễn trong việc triển khai, thực hiện đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng ta trong một giai đoạn lịch sử. Đây là cuốn sách thứ 7 nghiên cứu về đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng được công bố mới nhất, rất bổ ích cho bạn đọc, nhất là những người quan tâm đến văn hóa, văn nghệ nước nhà.

Suy nghĩ về việc tiếp thu triết học phương Tây ở Việt Nam

INRASARA

1. Ở Việt Nam, về tư tưởng và triết học vài thập niên qua, tên tuổi được nhắc đến nhiều nhất chắc chắn là Trần Đức Thảo. Nhắc, và ca tụng. Một ca tụng đầy huyền thoại. Các bài viết chủ yếu nhấn về giai thoại quanh nhân vật này. Cả bài viết mới đăng của Thái Vũ, cũng vậy. Ông coi “Trần Đức Thảo - nhà triết học lỗi lạc của Việt Nam và thế giới (...) đã có một cuộc tranh luận sôi nổi về triết học Mác với Jean-Paul Sartre - nhà triết học hiện sinh, cũng là nhà văn Pháp nổi tiếng”.

Vụ “tranh luận” không ít người cho rằng triết gia mang dòng máu Việt đã “thắng”, chứ nó diễn ra ở diễn đàn nào, cụ thể nội dung ra sao thì chưa thấy văn bản nào ghi cả⁽¹⁾. Riêng danh vị được gán cho ông là “nhà triết học lỗi lạc của Việt Nam và thế giới” thì hơi quá. Bởi chính nhà văn này trong bài viết, đã dẫn ý kiến Daniel J. Herman: “Trần Đức Thảo, nhà Mác-xít và nhà hiện tượng học đặc sắc”⁽²⁾. Khác xa!

2. Về Trần Đức Thảo, trên *Talawas* ngày 3-3-2007, Thái Vũ có “Những chuyển lữ hành của triết gia Trần Đức Thảo” cũng tập trung về phần đời. Đặng Phùng Quân chuyên sâu hơn qua hai kì “Đọc lại Trần Đức Thảo” (*Talawas*, 24-4-2004) cho rằng, “do hoàn cảnh khắc nghiệt của chiến tranh, ông đã trở thành người lạc hậu trong sinh hoạt tư tưởng sau này”.

Bùi Văn Nam Sơn cũng có cái nhìn tương tự: “Không ai dám phủ nhận chất lượng triết học của bản thân Trần Đức Thảo, nhưng đáng tiếc, có thể nói Trần Đức Thảo là tù nhân của bản thân”⁽³⁾. Chỗ khác, anh cụ thể hơn: “... nếu hiển nhiên Trần Đức Thảo chưa phải là người xây dựng trường phái thì “chắc chắn ông có tầm vóc ít nhất ngang bằng với các triết gia bản lề giữa chủ nghĩa Marx và hiện tượng học như György Lukács, Maurice Merleau-Ponty, Lucien Goldmann, Enzo Paci, Ludwig Landgrebe, Eugen Fink...”⁽⁴⁾

Alexandre Feron trong một bài viết công phu về triết gia Việt Nam, càng cụ thể hơn nữa: “Trong lãnh vực triết học, thất bại chủ yếu nằm ở chỗ sinh thời ông không có người đối thoại (do đó mà các nghiên cứu thường lặp đi lặp lại) và ở chỗ hầu như công trình của ông không được đọc và nghiên cứu”⁽⁵⁾

Đúng sai, hay dở hậu xét, đáng chú ý, cả ba là các cây bút trong nghề uy tín.

Một công trình hoàn chỉnh về chính triết học Trần Đức Thảo, để người Việt Nam và thế giới nhận diện rõ hơn tư tưởng ông, là điều ta đang thiếu, thiếu lớn⁽⁶⁾. Độc giả Việt Nam cần là cần điều đó, chứ không phải những giai thoại.

3. Về việc phổ cập triết học Tây phương cho độc giả Việt Nam, trước 1954 tình trạng còn đìu hiu. Nếu thời ấy, những người yêu mến triết học tìm đọc trực tiếp những gì mình yêu thích bằng tiếng Pháp, thì sau đó - ở miền Nam, tình hình đã rất khác. Các trào lưu triết học với không ít triết gia được giới thiệu: Socrates, Descartes, Kant, Bergson, Sopenhauer, Heidegger, Nietzsche, Sartre... nhiều tác phẩm triết học căn bản và lớn được chuyển dịch: *Zarathoustra đã nói như thế*, *Hữu thể và Thời gian*, *Chủ nghĩa hiện sinh là một nhân bản thuyết*,... qua những tên tuổi quen thuộc: Nguyễn Văn Trung, Trần Thái Đình, Lê Tôn Nghiêm, Lê Thành Trị, Phạm Công Thiện, Bùi Giáng, Trần Công Tiến, Thụ Nhân... Tự trung tất cả hầy còn tản mác, thiếu tập trung, dù từ năm cuối trung học, học sinh miền Nam đã được tiếp cận triết học Tây phương qua một chương trình khá căn bản.

Trong khi đó ở miền Bắc, chủ đạo và bao trùm vẫn là triết học Mác-Lênin. Phần còn lại đều bị đẩy về phía triết học duy tâm đáng bị phê phán. Tình trạng kéo dài qua hơn thập kỉ sau khi đất nước thống nhất, để phải đến thời Đổi mới, các tác phẩm triết học Tây phương qua bản Việt ngữ mới rón rén xuất hiện trở lại. Dù lác đác, nhưng có còn hơn không.

Cho đến khi xuất hiện “hiện tượng” Bùi Văn Nam Sơn vào đầu thế kỉ XXI.

4. Bùi Văn Nam Sơn là “một người uyên bác, biết thành thạo nhiều thứ tiếng: Hy Lạp, Đức, Anh, Pháp, Hoa; một bộ óc khổng lồ về tri thức triết học.” - như *chungta.com* cho biết. Học triết học ở Đại học Văn khoa Sài Gòn, sau đó sang Đức học tại một đại học lớn với các triết gia hàng đầu. Về nước, anh dịch, chú giải,

hoặc giới thiệu, hiệu đính các tác phẩm triết học và khoa học xã hội. Có thể kể: *Phê phán lý tính thuần túy* (2004), *Phê phán năng lực phán đoán*, *Phê phán lý tính thực hành* (2007) của I. Kant, *Hiện tượng học Tinh thần* (2006), *Khoa học Logic* (2008) của G.W.F. Hegel, v.v.... Đây là các tác phẩm triết học nền tảng quan trọng, được làm rất công phu bởi bàn tay của một dịch giả và là người hiểu biết triết học bậc thầy, điều mà trước đây hiếm có tác giả ở Việt Nam làm được.

Năm 2016, Bùi Văn Nam Sơn cho ra mắt: *Chat với John Locke*, *Chat với Hannah* và *Ý niệm hiện tượng học* (E. Husserl). Rồi hàng loạt ấn phẩm *Trò chuyện triết học* do nhà xuất bản Tri thức và Công ty Sách Thời đại ấn hành. “Chat” là tán gẫu, là “tán” về triết học. Ngoài giảng đường, trên vỉa hè, trong cuộc lai rai, hay bất kì đâu có thể. Để bàn về triết học. Không thực tế và độc đáo sao?

Chưa tác giả Việt nào viết về triết học vừa sâu, vừa đơn giản, dễ hiểu và hấp dẫn thế. Lê Tôn Nghiêm hay Trần Đức Thảo thì hàn lâm quá; Phạm Công Thiện tài hoa, lời cuốn nhưng đọc rồi... ít ai hiểu ông nói gì! Còn Bùi Giáng thì ôi thôi, chỉ có kẻ nhập cuộc chơi với ngôn ngữ ông mới chịu được ông. Bùi Văn Nam Sơn thì khác, hàn lâm rất mực, mà vẫn gần gũi kì lạ. Có đọc hàng trăm thuật ngữ triết học của Heidegger mà anh dịch lại sau bốn thập niên các tác giả khác đã dịch, mới biết anh hàn lâm và kĩ lưỡng cỡ nào.

5. Điều Bùi Văn Nam Sơn quan tâm trước hết là “Khai minh” (*Sapere aude!* (Latin: “Hãy dám biết!”) - hiểu theo nghĩa của Kant. Đó “là việc con người đi ra khỏi sự không trưởng thành” tự thân, hay do chính mình chuốc lấy. Việt Nam chưa có triết học, chúng ta còn chưa nhận rõ sự thiếu khuyết ấy, và càng không chuẩn bị để vượt qua tình trạng “chưa trưởng thành” kia. Do đó chúng ta cần bắt đầu, ở đây và ngay bây giờ. Và phải biết bắt đầu: Học từ nền tảng, không đi đường vòng, càng không nóng vội đi tắt đón đầu.

Trong buổi trao đổi với Nguyễn Hữu Liêm - Giáo sư Triết học tại San Jose City College, California, người đã in vài tác phẩm triết học, trong đó có tác phẩm khá đồ sộ: *Thời tính, hữu thể và ý chí - Một luận đề Siêu hình học*⁽⁷⁾, tôi hỏi:

- Nếu dạy triết học ở đại học Việt Nam, anh bắt đầu từ đâu?

- Từ tư duy phản biện (*critical thinking*)! - anh nói.

Câu hỏi đặt ra, là: Khi chúng ta còn chưa có hiểu biết căn bản, thì làm sao ta có ngón nào đó để mà phản biện? Cần phải học là vậy. Tuy nhiên đại học chúng ta đến hôm nay vẫn chưa chuẩn bị cho sinh viên kiến thức triết học cơ bản đó. Làm gì? Và làm thế nào?

Bùi Văn Nam Sơn đã khá rành mạch:

“Ngày nay, triết học không còn là đặc sản của những “thiên tài” cô độc hay của những triết gia chuyên nghiệp. Triết học sẽ dần dần trở thành món ăn tinh thần

quen thuộc cho mọi người (tất nhiên người ta vẫn có thể sống mà không cần triết học cũng như có thể hô hấp và tiêu hóa mà không cần biết đến môn sinh lý học!). Nó gắn liền với sự phát triển của khoa học và với lối sống hiện đại, tức với lối sống có suy nghĩ và có cái nhìn toàn diện. Lý thuyết khoa học là sự trừu tượng cấp một; triết học là sự trừu tượng cấp hai, thể thời. Càng có năng lực tư duy trừu tượng, càng dễ tự định hướng trong mớ bòng bong của cuộc đời muôn mặt”.

Tôi cho đó là một hiện tượng hiếm trong cuộc chữ nghĩa Việt Nam hôm nay.

Với nhà nghiên cứu triết học họ Bùi, triết học không đâu xa mà ở ngay cạnh mỗi người chúng ta; triết học không [được quyền cho phép mình] đứng cao hay thấp hơn con người.

⁽¹⁾ “Sự kiện Trần Đức Thảo kết thúc cuộc tranh luận với nhà hiện sinh Jean-Paul Sartre trên thế thắng đã đi vào huyền thoại trong nhiều thế hệ trí thức Việt Nam.”, *Tiền phong Chủ nhật*, 8-4-2006.

⁽²⁾ “Giữa đám sinh linh, thầy trở thành ảo ảnh”, hồi ức của nhà văn Thái Vũ về Giáo sư Trần Đức Thảo, *Vanviet.info*, 4-7-2019.

⁽³⁾ Bùi Văn Nam Sơn. “Cuộc đời vui quá không buồn được”, *Cát Khuê*, Đại học Sư phạm Hà Nội, 4.4.2013

⁽⁴⁾ Theo *Sài Gòn tiếp thị*, *Chungta.com* đăng lại, 18-11-2010

⁽⁵⁾ Alexandre Feron, “Trần Đức Thảo là ai? Cuộc đời và sự nghiệp một triết gia Việt Nam”, bản dịch của Nguyễn Ngọc Giao <https://www.diendan.org/phe-binh-nghien-cuu/tran-duc-thao-la-ai-cuoc-doi-va-su-nghiep-mot-triet-gia-viet-nam>

⁽⁶⁾ Ngay cả cuốn sách công phu: *Trần Đức Thảo, Di cáo, khảo luận, kỷ niệm* dày gần 1.700 trang do Nguyễn Trung Kiên thực hiện, cũng không đáp ứng yêu cầu.

⁽⁷⁾ Giấy Vụn in 2014, sau đó Nxb Đà Nẵng tái bản năm 2018.

Kate Chopin



LỜI GIỚI THIỆU: Kate Chopin (1850 - 1904), tên thật là Katherine O'Flaherty, là nữ văn sỹ Mỹ nổi tiếng với những sáng tác tiên phong khai thác vấn đề nữ quyền. Lớn lên trong môi trường đa văn hóa, được giáo dục bài bản, đặc biệt được tiếp xúc và học hỏi nhiều từ những người phụ nữ quanh mình, bà sớm có ý thức về vai trò của phụ nữ trong gia đình cũng như xã hội. Thế nhưng, người phụ nữ cá tính, luôn nổi bật và quyến rũ người khác bằng sự thông minh, duyên dáng ấy lại sớm gặp phải bất hạnh. Bố mất trong một tai nạn khi bà mới 5 tuổi. 19 tuổi, bà kết hôn với Oscar Chopin và chỉ 12 năm sau người chồng qua đời. 32 tuổi, một mình nuôi 6 người con và cáng đáng bao công việc, chỗ dựa tinh thần lúc này của bà là mẹ. Tuy nhiên, 3 năm sau, mẹ bà cũng ra đi. Để vượt qua những buồn đau, cô đơn, bà đã tìm đến với văn chương. Năm 1889, truyện ngắn đầu tiên của bà được đăng tải. Năm 1890, bà xuất bản tiểu thuyết đầu tay *At Fault* nhưng không nhận được nhiều sự chú ý. Những năm sau đó bà liên tiếp cho ra đời nhiều truyện ngắn nhưng chỉ đến năm 1899, khi tiểu thuyết *The Awakening* ra đời, bà mới nhận được sự chú ý rộng rãi.

The Awakening khi đó đã phải hứng chịu nhiều lời chỉ trích từ giới phê bình, đơn giản vì trong sáng tác của mình, Kate đã không ngại đề cập đến vấn đề về tình dục, về những góc khuất trong câu chuyện hôn nhân gia đình, về nữ quyền... Thậm chí, nhiều người còn đánh giá nó là thô tục, bệnh hoạn, bẩn thỉu, tầm thường,... Một số học giả có viết tiểu thuyết này bị cấm tại thư viện quê nhà của bà ở St.Louis song thông tin này chưa được kiểm chứng.

Những sáng tác của Kate Chopin dần chìm vào quên lãng sau khi bà qua đời vào năm 1904. Tuy nhiên, 5 năm sau, một số truyện ngắn của bà xuất hiện trong một tuyển tập, nhiều truyện được tái bản liên tiếp, từ đó, mọi người dần tìm đọc lại các tác phẩm của bà. Sau năm 1969, khi Per Seyersted¹ xuất bản cuốn chuyên khảo về tiểu sử cùng những tác phẩm hoàn chỉnh của bà thì Kate Chopin được thế giới biết đến. Bà thu hút sự chú ý của các học giả, sinh viên; các tác phẩm của bà được dịch ra nhiều thứ tiếng như: Pháp, Đức, Ý, Nhật, Trung Quốc, Hàn Quốc, Ả rập, Bồ Đào Nha, Thổ Nhĩ Kỳ, Việt Nam,...

Trong sự nghiệp của mình, Kate Chopin để lại 2 tiểu thuyết cùng gần trăm truyện ngắn và cả một số bài thơ, kịch, phê bình văn học. Là người phụ nữ thông minh, cá tính, nhạy cảm lại trải qua nhiều biến cố trong cuộc đời nên các trang viết của bà luôn thấm đẫm những giằng xé nội tâm phức tạp và mãnh liệt. Đặc biệt, với những tác phẩm của mình, bà là người tiên phong khai thác những khát vọng của người phụ nữ lúc bấy giờ. Đó là khát khao được bộc lộ tình cảm, được làm chủ cuộc đời, được nói lên tiếng nói của mình.

Truyện ngắn *Người phụ nữ đáng kính* (A Respectable Woman) được bà viết năm 1894 và đăng lần đầu tiên trên Vogue vào ngày 15/02/1894. Tác phẩm được in lại trong tập truyện *A Night in Acadie* vào năm 1897.



Người phụ nữ đáng kính

Bà Baroda khá sốc khi biết rằng chồng bà đang mong đợi một người bạn thân tên là Gouvernail đến ở chơi tại đồn điền của vợ chồng bà trong suốt một hai tuần.

Họ đã thông dong vui chơi thoải mái trong cả mùa Đông; phần lớn thời gian họ cũng đã trải qua tại New Orleans với nhiều trò tiêu khiển nhẹ nhàng. Giờ đây, trong lúc bà mong chờ một khoảng thời gian thanh thoi, không bị quấy rầy bên cạnh chồng thì ông Gaston, chồng bà, báo tin ông bạn Gouvernail sẽ tới ở lại một đôi tuần.

Đó là người bà từng nghe nhắc tới khá nhiều, nhưng chưa lần nào gặp mặt. Ông ta từng là bạn thời sinh viên đại học của chồng bà; giờ là một ký giả, không phải là một người nổi danh trong xã hội hay “một người tiêu biểu của thị trấn”. Có lẽ đó là một trong các lý do khiến bà chưa biết tới ông nhưng trong tâm trí bà đã vô tình mường tượng ra một hình ảnh về ông. Bà hình dung hẳn ông ta cao cao, hơi mảnh khảnh và hơi thô; mắt đeo kính, tay rút túi quần; và bà không thích ông ta. Thực tế là Gouvernail hơi gầy nhưng ông không cao lắm và cũng không đến nổi lồi thoi; ông cũng không hề mang kính hay xỏ tay túi quần. Và bà cảm mến ông ta ngay khi ông xuất hiện lần đầu trước mặt bà.

Nhưng tại sao bà thích ông ta, bà không thể nào giải thích nổi dù bà đã âm thầm cố gắng làm điều đó. Bà không thể khám phá ra ở ông ta những đặc điểm nổi bật hoặc đầy hứa hẹn nào mà chồng bà không có. Ngược lại, ông khá trầm lặng và hay tỏ vẻ chấp nhận trước sự háo hức trò chuyện của bà để ông cảm thấy tự



Minh họa: TRÙNG HIỆP

nhiên như mình đang ở nhà mặc dù chồng bà đã tỏ ra hiếu khách và hơi lăm lờ. Ông ta giữ phong thái rất lịch thiệp đối với bà như thể bà là người phụ nữ chín chu nhất chiều theo mọi yêu cầu của ông; nhưng thực tế là ông không trực tiếp thỉnh cầu bà chấp thuận hoặc tỏ vẻ quý trọng ông.

Sau khi ở hẳn tại đồn điền, dường như ông chỉ ưa ngồi trên thành lan can dưới bóng râm của mấy cây cột trụ to lớn ở thành phố cổ Corinth tỏa bóng sang; ông thành thói hút xì gà và chăm chú lắng nghe kinh nghiệm của ông Gaston trong việc trồng mía và sản xuất đường.

“Mình không ngờ nghề đó thịnh đến thế”, ông thốt lên với sự hài lòng sâu sắc, trong khi làn không khí dịu dàng tràn qua cánh đồng mía nhẹ nhàng mơn trớn lên người ông, tạo ra một cảm giác thật ấm áp và êm ái. Ông cũng tỏ vẻ thích thú khi mấy chú chó Alaska rón rén đến gần ông, cọ mình vào chân ông một cách thân tình. Ông không quan tâm đến việc đi câu cá và không tỏ ra hăng hái khi chồng bà mời ông cùng ra đồng bắt chim.

Tính cách của ông Gouvernail khiến bà Baroda hơi bối rối nhưng bà thực bụng ái mộ ông. Ông quả là một người khá lịch thiệp, điềm đạm và đáng yêu. Sau vài ngày, khi bà không thể hiểu rõ ông nhiều hơn lúc ban đầu, lòng bà cảm thấy bồn khoăn và hơi ám ức. Trong tâm trạng đó, bà có phần né tránh, cố để chồng và bạn tha hồ ở bên nhau. Sau đó, nhận thấy ông Gouvernail chẳng phản ứng gì đối với thái độ của mình, bà bèn tìm cách gặp ông, cùng ông tản bộ đến nhà máy và đi

dọc triển sông. Bà kiên trì tìm cách thâm nhập vào lớp sương mù mờ ảo mà ông đã vô tình tự tạo ra quanh ông.

“Ông bạn anh lúc nào đi vậy?” Một hôm bà hỏi chồng mình. “Em thấy dường như ông làm em hơi ngại thế nào ấy.”

“Chưa được một tuần mà em. Anh không hiểu bạn anh gây rắc rối gì cho em.”

“Chả rắc rối gì cả. Em sẽ thích ông ấy hơn dẫu ông ấy gây rắc rối gì cho em; nếu ông ấy bình thường như những người khác thì em sẽ lên chương trình làm thứ gì đó để ông ấy cảm thấy thoải mái, dễ chịu hơn.”

Ông Gaston nhẹ nhàng ôm lấy khuôn mặt xinh xắn của vợ trong hai lòng bàn tay rồi nhìn âu yếm và khẽ cười vào đôi mắt đầy bối rối của bà. Họ đã cùng nhau đi vệ sinh trong phòng thay đồ của bà.

“Bà xā có vẻ ngạc nhiên lắm hả?”, ông nói với vợ. “Ngay cả anh cũng không thể nào đoán cho ra lúc nào thì em hành động thế nào. Phụ nữ thật khó hiểu.” Ông hôn vợ rồi quay lại thất cà-vạt trước gương.

“Thì em đó chứ ài”, chồng bà tiếp tục, “em có vẻ hơi nghiêm trang với thằng cha Gouvernail đáng thương và gây chấn động tâm lý hẳn, đó là điều cuối cùng hẳn mong đợi hoặc mong muốn đó, em ạ”.

“Chấn động tâm lý!” bà hừng hực phấn nộ. “Làm thế nào anh có thể nói một điều phi lý như vậy được? Chấn động thật à! Nhưng anh biết đó, anh đã nhận xét rằng anh ấy rất thông minh cơ mà.”

“Hẳn đúng là thông minh lanh lợi. Nhưng thằng cha tội nghiệp đó đang xuống dốc vì làm việc quá sức. Đó là lý do tại sao anh bắt hẳn tới nghỉ tại đây.”

“Anh từng nói anh ấy là người giàu ý tưởng”, bà đáp lại, chẳng chút nhún nhường. “Ít ra thì em cũng mong anh ấy được vui vẻ thôi. Em dự định lên thành phố vào buổi sáng để diện áo dài mùa xuân. Anh hãy cho em biết khi nào anh Gouvernail chính thức ra về; em sẽ ở nhà đi Octavie”.

Đêm đó bà bước ra ngồi một mình trên băng ghế dài dưới tán cây sồi tươi tốt nằm bên cạnh lối đi lát sỏi.

Chưa bao giờ bà thấy suy nghĩ hoặc dự định của mình trở nên rối rắm đến vậy. Bà không thể thu thập được gì từ những suy nghĩ mông lung ấy ngoại trừ cảm giác cần phải rời khỏi nhà vào buổi sáng.

Bà Baroda nghe thấy tiếng bước chân lạo xạo trên sỏi nhưng trong bóng tối chỉ có thể nhận ra một điểm đỏ chột sáng lên của một điều gì đang đến gần. Bà biết đó là ông Gouvernail, vì chồng bà xưa nay không hút thuốc. Bà hy vọng ông không nhận ra bà nhưng chiếc váy trắng tinh của bà đã vô tình tiết lộ sự có mặt của bà. Ông vút điều xì gà và ngồi xuống băng ghế bên cạnh bà, không may mắn e ngại bà có thể phản đối sự hiện diện của ông hay không.

“Chồng chị bảo tôi mang cái này ra cho chị, chị Baroda ạ”, ông ấy vừa nói vừa đưa cho bà một chiếc khăn voan trắng, chiếc khăn mà bà thỉnh thoảng hay quần lên đầu, phủ tới vai. Bà nhận chiếc khăn từ tay ông với lời cảm ơn nhỏ nhẹ và để nó nằm trong lòng bà.

Ông nhìn quanh, quan sát mông lung về ảnh hưởng bất lợi của không khí ban đêm vào mùa đó. Rồi ông nhìn vào bóng tối, thì thầm, nửa với chính mình:

“Đêm của những luồng gió Nam - đêm của mấy ngôi sao lớn! Vẫn tha hồ thoải mái gật gù trong đêm...”

Bà không đáp trả gì về những lời tán dương bóng đêm, những lời tán dương không phải gửi tới bà.

Ông Gouvernail không phải là người thiếu tự tin vì ông chẳng có chi ngại ngùng. Ông đang có một khoảng thời gian thanh thoi nhưng đôi lúc đầy tâm trạng chẳng qua là do thái độ quá nghiêm túc của ông. Ngồi xuống bên cạnh bà Baroda, thói quen kiệm lời của ông dần dần tan biến.

Ông nói chuyện một cách thoải mái và thân mật bằng một giọng trầm, ngập ngừng đôi chút nhưng không gây khó chịu cho người nghe. Ông nói về những ngày học đại học xa xưa khi ông và ông Gaston đã cư xử rất thân tình với nhau; nói về những ngày tháng đầy hoài bão và những dự định lớn lao gần như mù quáng. Giờ đây, ít nhất còn lại với ông một triết lý hài lòng với thực tại - ông chỉ mong muốn tồn tại, và đôi khi, phớt qua trong cuộc sống chân thành của mình một làn gió thoảng, khe khẽ như ông đang thở giây phút này.

Tâm trí bà chỉ mơ hồ nắm bắt những gì ông nói. Sự hiện hữu về cơ thể của bà mới là điều đang nổi trội. Bà không nghĩ đến những lời ông thốt ra, mà chỉ hấp lấy giọng nói trầm trầm của ông. Bà muốn vươn tay trong bóng tối và chạm vào người ông bằng những đầu ngón tay nhạy cảm trên mặt hoặc trên môi. Bà muốn xấp lại gần ông và thì thầm vào má ông như bà có thể đã làm nếu bà không phải là một người phụ nữ đáng kính.

Sự thôi thúc đưa bà đến gần ông càng mạnh thì thực tế bà càng cố rời xa ông. Ngay khi bà có thể làm như vậy mà không có vẻ bề ngoài số sàng quá mức, bà lập tức đứng dậy và để ông ngồi đó một mình.

Trước khi bà bước vô nhà, ông Gouvernail đã châm thêm một điếu xì gà và lặng lẽ kết thúc đầu chấm than cho đến tận khuya.

Bà Baroda đã bị cảm dỗ rất dữ dội vào đêm đó để có thể nói với chồng - thực chất cũng là bạn của bà - về điều điên rồ đã chiếm đoạt tâm trí bà. Nhưng bà không bị khuất phục trước sự cám dỗ đó. Bên cạnh việc bà là một người phụ nữ đáng kính, bà còn là một người rất nhạy cảm; và bà biết có một số trận chiến trong cuộc đời mà người ta phải tự chiến đấu một mình.

Khi ông Gaston thức dậy vào buổi sáng, vợ ông đã rời đi. Bà đã nhanh chóng bắt chuyến tàu sáng sớm để lên phố. Bà không trở lại cho đến khi ông Gouvernail từ biệt mái nhà vợ chồng bà.

Trong mấy ngày kể đó, có một vài cuộc trò chuyện về việc mời ông ấy trở lại trong mùa Hè sau. Ông Gaston rất muốn bạn mình quay trở lại nhưng mong muốn này đã vấp phải sự phản đối kịch liệt của vợ ông.

Tuy nhiên, hoàn toàn từ bản thân, vào cuối năm ấy, bà đã gợi ý chồng bà mời ông Gouvernail đến thăm hai vợ chồng một lần nữa. Chồng bà rất ngạc nhiên và vui mừng với ý kiến của bà.

“Bà xã! Anh rất vui khi biết rằng cuối cùng em đã vượt qua sự ghét bỏ đối với thằng bạn chí cốt của anh, thực sự hẳn không đáng phải bị như thế.”

“Ồ”, bà cười hớn hở và nói với ông, sau khi đặt một nụ hôn dài và dịu dàng lên môi ông, “Em đã vượt qua mọi thứ! Rồi anh sẽ thấy. Lần này em sẽ rất tốt với anh ấy”.

TRẦN NHƯ LUẬN dịch

1 Per Seyersted (1921- 2005) là Giáo sư Văn học Mỹ tại Viện Hoa Kỳ thuộc Đại học Oslo. Ông nổi tiếng quốc tế nhờ chuyên khảo về tiểu thuyết gia Kate Chopin.

Mỹ thuật

Tranh của họa sĩ NGUYỄN ĐÌNH TRUYỀN



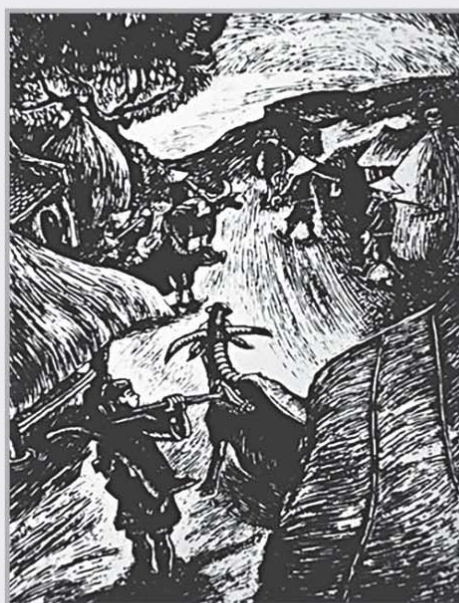
Buổi sáng (khắc gỗ)



Ra đồng 1 (khắc gỗ)



Được mùa (khắc gỗ)



Ra đồng 2 (khắc gỗ)



Chọi trâu (khắc gỗ)



Nhiếp Ảnh

MƯỜNG LỒNG

Trong sương

Có một Mường Lống được mệnh danh là “Sa Pa của xứ Nghệ” chìm trong sương mây miền biên viễn Kỳ Sơn. Nơi ấy, có những căn bếp quanh năm đỏ lửa, ấm áp nụ cười con trẻ người Mông. Có những vườn cải hoa vàng, những vườn mận hoa trắng rung rinh cùng bước chân người đàn bà Mông đi kín nước mỗi sớm. Có tiếng cối đá xay ngô, tiếng con gà trống (là con vật thiêng của đồng bào Mông) lục tục trên xà nhà với cái mào rực đỏ... Và vui lắm là bước chân xuống chợ, hay đi xem hội chợ bò, hội ném pao mỗi dịp Xuân về...





✿ XUÂN THỦY ✿ DUY SƠN
✿ HOÀNG NGUYỄN ✿ NGUYỄN THÀNH
✿ NGUYỄN ĐẠO ✿ LÊ MINH

Các em vẽ



Chú cú mèo - VIỆT LINH (4 tuổi)



Ngựa vằn và mèo khổng lồ - VIỆT LINH (4 tuổi)



Hoa mận mùa Xuân - TRƯỜNG HƯNG (14 tuổi)



Cúc mi - GIÁNG MY (8 tuổi)



Chào giáng sinh - Trường Hưng (14 tuổi)

CÔNG TY TNHH XÂY LẮP VÀ CÂY XANH

HUY HIỆP

TRỤ SỞ CHÍNH: Nhà số 2, ngõ 16, Phan Sỹ Thục, Phường Trường Thi, TP. Vinh, Nghệ An
Điện thoại: 0238. 3844165 * Fax: 0238. 3844165

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:

Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

Chăm sóc, duy tu, bảo dưỡng các công trình cây xanh, cây cảnh.



NHỮNG CƠ QUAN, CÔNG SỞ DO CÔNG TY ĐẢM NHẬN CHĂM SÓC, BẢO DƯỠNG CÂY XANH, CÂY CẢNH:

- Khu Di tích Kim Liên (Quê nội, quê ngoại Bác Hồ, Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, Khu mộ bà Hoàng Thị Loan).
- Khu Lưu niệm Phan Bội Châu.
- Đài Tưởng niệm Xô Viết Nghệ Tĩnh.
- Khu Lưu niệm Tổng Bí thư Lê Hồng Phong.
- Nhà Lưu niệm Nguyễn Thị Minh Khai.
- Bảo tàng Xô Viết Nghệ Tĩnh.
- Khu Di tích lịch sử Trường Bồn.



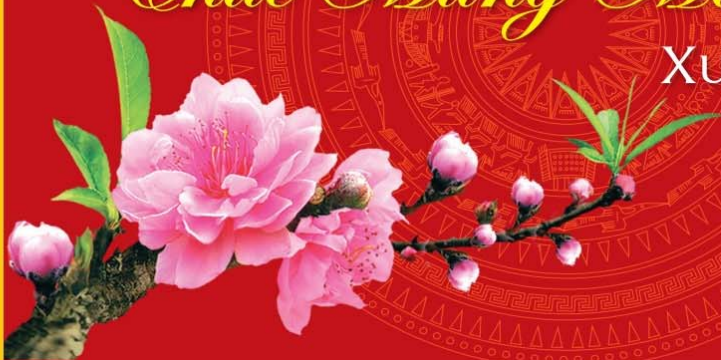
HUY HIỆP ĐỒNG HÀNH CÙNG SỰ BỀN VỮNG VÀ GIÁ TRỊ THẨM MỸ CỦA CÁC CÔNG TRÌNH
Kính chúc Quý khách Năm mới An khang - Thịnh vượng

Thực hiện: NGỌC MAI

KHU DI TÍCH KIM LIÊN
HUYỆN NAM ĐÀN - TỈNH NGHỆ AN

Chúc Mừng Năm Mới
Xuân Tân Sửu

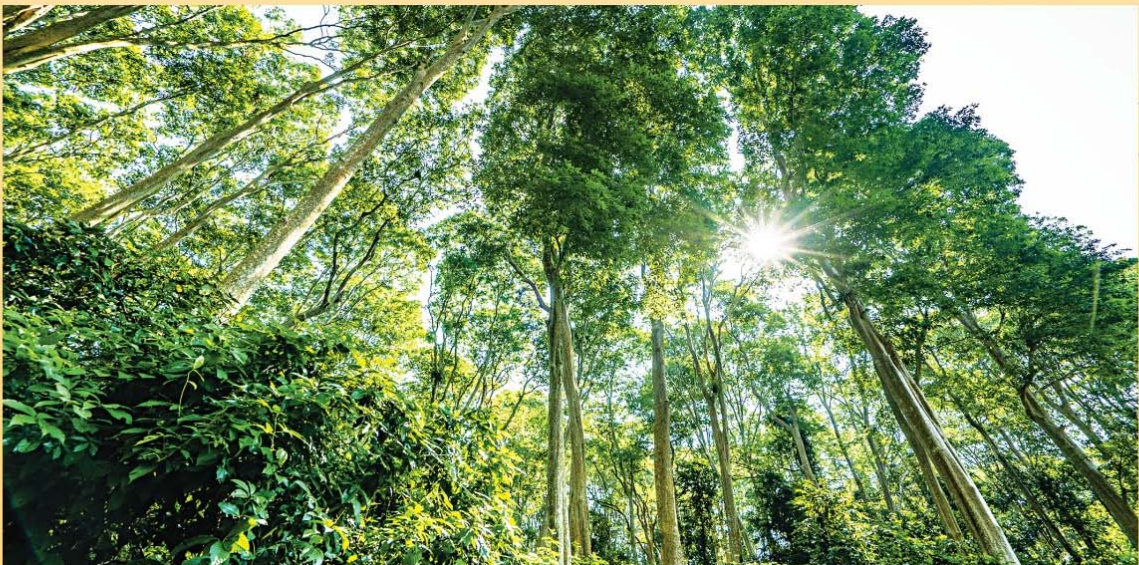
2021



Sới vật ngày Xuân - HỒ CHIẾN



Sông quê - HỒ LONG



Rừng sáng lẽ, Tương Dương - XUÂN LỘC



CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

MÔI TRƯỜNG HÀNG HẢI AN TOÀN, THỊNH VƯỢNG

Tên giao dịch quốc tế: PILOTCO VI

Ông NGUYỄN ĐỨC BẢO
Chủ tịch HĐQT



Ông ĐÀO MẠNH HÀ
Bí thư Chi bộ
Giám đốc Công ty

1. Trụ sở chính

Số 41, Đ. Đinh Công Trứ, P. Hưng Phúc, TP. Vinh, Nghệ An
ĐT: 02383.552305 - 02383.520309 * Fax: 02383.520311
Email: congtyhoatieukv6@gmail.com

2. Văn phòng đại diện công ty

Xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

3. Trạm Hoa tiêu Vũng Áng

Khu hành chính dịch vụ hậu cảng - Khu kinh tế Vũng Áng
Xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

4. Nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh:

Công ty có nhiệm vụ dẫn dắt các tàu biển ra, vào các cảng biển thuộc địa phận các tỉnh Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh - Quảng Bình - Quảng Trị theo quy định của pháp luật.



Tàu DIVINUS chở 170.000 tấn hàng
cấp cầu cảng Sơn Dương - Hà Tĩnh

Cụ thể, Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải khu vực VI được giao nhiệm vụ tổ chức cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải các tuyến dẫn tàu sau:

- Tuyến dẫn tàu Lệ Môn
- Tuyến dẫn tàu Nghi Sơn;
- Tuyến dẫn tàu Cửa Lò
- Tuyến dẫn tàu Cửa Hội, Bến Thủy;
- Tuyến dẫn tàu Vũng Áng;
- Tuyến dẫn tàu Sơn Dương;
- Tuyến dẫn tàu Hòn La;
- Tuyến dẫn tàu Quảng Bình;
- Tuyến dẫn tàu Cửa Việt

*Chúc Mừng
Năm Mới
Tân Sửu
2021*





Lễ hội đền Chín Gian - HỒ CHIẾN



Rộn rã sân trường - HỒ HẢI ĐĂNG



Năng mai - CHU TRỌNG TUẤN



Màu xanh cuộc sống - THANH YẾN



Điệu khèn ngày Xuân - XUÂN LỘC

Mỹ thuật



Hội Xuân (acrylic) - TRẦN MINH CHÂU



Biển bạc (acrylic) - PHAN NGỌC



Sen (xé dán giấy) - TRÀ GIANG



Sắc Xuân (acrylic) - PHAN NGỌC